

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

BÙI THỊ LOAN

**GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

BÙI THỊ LOAN

GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

Chuyên ngành: Giáo dục học

Mã số: 9.14.01.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS.TS PHAN THANH LONG**
- 2. TS NGUYỄN PHỤ THÔNG THÁI**

HÀ NỘI 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân tôi. Các kết quả nghiên cứu của luận án này là hoàn toàn trung thực và chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nào của các tác giả khác.

Tác giả luận án

Bùi Thị Loan

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình 4 năm hoàn thành luận án, bản thân tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ quý báu của các tập thể và cá nhân.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Lãnh đạo trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, Khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, các nhà khoa học, các thầy cô giáo đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận án này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban lãnh đạo trường Đại học Hùng Vương, Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục cùng các thầy cô giáo đồng nghiệp - nơi tôi đang công tác, đã luôn ủng hộ, chia sẻ công việc cũng như động viên tinh thần giúp tôi có động lực vượt qua khó khăn để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo - PGS.TS. Phan Thanh Long và TS. Nguyễn Phú Thông Thái đã chỉ bảo, tư vấn, định hướng cho tôi về học thuật, giúp tôi thể hiện ý tưởng nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện luận án.

Tôi xin cảm ơn sự hợp tác của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ tôi một cách nhiệt tình trong suốt quá trình khảo sát và thực nghiệm.

Lời sau cùng, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới những người thân yêu trong gia đình của mình và những người bạn đã luôn ở bên tôi, động viên, khích lệ tôi trong quá trình thực hiện và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để tôi hoàn thành luận án.

Xin trân trọng cảm ơn tất cả sự giúp đỡ nhiệt tình này!

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Tác giả luận án

Bùi Thị Loan

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG	9
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	9
1.1.1. Những nghiên cứu về phòng chống xâm hại tình dục.....	11
1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục	13
1.1.3. Những nghiên cứu về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục theo tiếp cận kỹ năng sống.....	15
1.1.4. Đánh giá chung kết quả đạt được của các hướng nghiên cứu và các vấn đề cần giải quyết tiếp theo	23
1.2. Lý luận về xâm hại tình dục và phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học	25
1.3. Lý luận về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống.....	37
1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống.....	51
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	54
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG.....	55
2.1. Khái quát về nghiên cứu thực trạng.....	55
2.1.1. Mục đích khảo sát	55
2.1.2. Nội dung khảo sát.....	55
2.1.3. Địa bàn khảo sát	55
2.1.4. Khách thể khảo sát	56
2.1.5. Thời gian khảo sát	57
2.1.6. Phương pháp và công cụ khảo sát	57
2.1.7. Tiêu chí và thang đánh giá kết quả khảo sát	59
2.2. Phân tích kết quả nghiên cứu khảo sát	60
2.2.1. Thực trạng phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH trên địa bàn khảo sát	60
2.2.2. Thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống trên địa bàn khảo sát.....	75
2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu.....	83

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	89
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KĨ NĂNG SỐNG	91
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	91
3.2. Đề xuất các biện pháp giáo dục phòng chống với xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống.....	92
3.2.1. Tổ chức truyền thông về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH.....	92
3.2.2. Thiết kế và tổ chức tích hợp nội dung phòng chống xâm hại tình dục	96
3.2.3. Tổ chức tư vấn học đường.....	100
3.2.4. Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm.....	100
3.2.5. Xây dựng tình huống giáo dục và tình huống thực tiễn t.....	107
3.2.6. Phối hợp Gia đình - Nhà trường – Xã hội nhằm xây dựng môi trường giáo dục tích cực trong phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS	114
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	120
CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	121
4.1. Mục đích thực nghiệm.....	121
4.2. Thời gian và địa điểm thực nghiệm.....	121
4.3. Đối tượng, nội dung và các bước tiến hành thực nghiệm	121
4.4. Xây dựng kế hoạch thực nghiệm.....	122
4.5. Thang đo và tiêu chí đánh giá trong phần thực nghiệm	124
4.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm.....	127
4.6.1. Thực nghiệm sư phạm vòng 1	128
4.6.2. Thực nghiệm sư phạm vòng 2.....	138
4.7. Phân tích kết quả trên những nghiên cứu về trường hợp điển hình.....	149
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	156
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	157
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN	162
TÀI LIỆU THAM KHẢO	165

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐC	: Đối chứng
GD	: Giáo dục
GV	: Giáo viên
HS	: Học sinh
KN	: Kỹ năng
MĐ	: Mức độ
TN	: Thực nghiệm
TC	: Tiêu chí
SL	: Số lượng
ĐTB	: Điểm trung bình
KNS	: Kỹ năng sống
STT	: Số thứ tự
SGK	: Sách giáo khoa
WHO	: Tổ chức Y tế thế giới
CBQL	: Cán bộ quản lý
GVCN	: Giáo viên chủ nhiệm
GDKN	: Giáo dục kỹ năng
HSTH	: Học sinh tiểu học
TVHĐ	: Tư vấn học đường
NGLL	: Ngoài giờ lên lớp
PHHS	: Phụ huynh học sinh
XHTD	: Xâm hại tình dục
UNFPA	: Quỹ dân số Liên hiệp quốc
DSGDTE	: Dân số giáo dục trẻ em
LĐTBXH	: Lao động Thương binh xã hội
UNESCO	: Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa quốc tế
UNICEF	: Quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng	Nội dung	Trang
Bảng 1.1.	Tiêu chí đánh giá giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống.....	50
Bảng 2.1.	Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về mức độ nhận thức phòng chống XHTD ở HSTH.....	60
Bảng 2.2.	Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về mức độ biểu hiện thái độ phòng chống XHTD ở HSTH.....	61
Bảng 2.3.	Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về kỹ năng phòng chống XHTD ở HSTH.....	64
Bảng 2.4.	Tự đánh giá về kỹ năng nhận diện thủ phạm xâm hại tình dục ở HSTH.....	65
Bảng 2.5.	Tự đánh giá của HSTH về KN ứng phó với XHTD.....	70
Bảng 2.6.	Sự khác biệt trong đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HSTH về nội dung GD phòng chống XHTD theo giới tính, khu vực và khối lớp.....	73
Bảng 2.7.	Đánh giá sự khác biệt về mức độ kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục tại các trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.....	75
Bảng 2.8.	Mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH	76
Bảng 2.9.	Đánh giá việc xác định thực hiện nhiệm vụ giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.....	77
Bảng 2.10	Đánh giá nội dung giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH	78
Bảng 2.11.	Đánh giá phương pháp giáo dục phòng chống XHTD.....	79
Bảng 2.12	Đánh giá hình thức giáo dục phòng chống XHTD.....	80
Bảng 2.13	Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH.....	84
Bảng 4.1.	Thời gian, địa điểm và đối tượng tham gia thực nghiệm.....	121
Bảng 4.2.	Thang đánh giá nhận diện xâm hại tình dục ở HSTH.....	124
Bảng 4.3.	Thang đánh giá ứng phó với xâm hại tình dục ở HSTH.....	126
Bảng 4.4.	Kết quả khảo sát đo đầu vào về ý thức PCXHTD của HS lớp 4 trường Tiểu học Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1.....	128

Bảng 4.5.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC trước thực nghiệm đợt 1.....	129
Bảng 4.6.	Kết quả khảo sát đo đầu vào về hành động PCXHTD của HS lớp 4 trường Tiểu học Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1.....	130
Bảng 4.7.	Kết quả kiểm định t-test khảo sát đo đầu vào về hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1.....	131
Bảng 4.8.	Kết quả khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1.....	133
Bảng 4.9.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở sau thực nghiệm đợt 1.....	134
Bảng 4.10.	Kết quả khảo sát đo đầu ra hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm đợt 1.....	135
Bảng 4.11.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 1.....	136
Bảng 4.12.	Kết quả khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HSTH tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2....	138
Bảng 4.13.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC trước thực nghiệm đợt 2.....	140
Bảng 4.14.	Kết quả khảo sát đo đầu vào về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2.....	141
Bảng 4.15.	Kết quả kiểm định t-test khảo sát đo đầu vào về hành động phòng chống XHTD của HSTH tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2.....	142

Bảng 4.16.	Kết quả khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC ở sau thực nghiệm đợt 2.....	143
Bảng 4.17.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC ở sau TN đợt 2.....	144
Bảng 4.18.	Kết quả khảo sát đo đầu ra hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm đợt 2.....	145
Bảng 4.19.	Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 2.....	147
Bảng 4.20.	Kết quả đánh giá về nội dung phòng chống XHTD của 3 trường hợp nghiên cứu điển hình.....	151

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ	Nội dung	Trang
Biểu đồ 4.1.	Biểu đồ so sánh mức độ ý thức phòng chống XHTD ở lớp ĐC và lớp TN trước thực nghiệm đợt 1.....	128
Biểu đồ 4.2.	So sánh mức độ hành động phòng chống XHTD ở lớp ĐC và lớp TN trước thực nghiệm đợt 1.....	131
Biểu đồ 4.3.	Biểu đồ so sánh mức độ ý thức phòng chống XHTD ở lớp ĐC và lớp TN sau thực nghiệm đợt 1.....	133
Biểu đồ 4.4.	So sánh mức độ hành động phòng chống XHTD ở lớp ĐC và lớp TN sau thực nghiệm đợt 1.....	136
Biểu đồ 4.5.	Biểu đồ so sánh mức độ ý thức phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 tại nhóm ĐC và TN trước TN đợt 2.....	139
Biểu đồ 4.6.	So sánh mức độ hành động phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 tại nhóm ĐC và TN trước TN đợt 2.....	141
Biểu đồ 4.7.	Biểu đồ so sánh mức độ ý thức phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 tại nhóm ĐC và TN sau TN đợt 2.....	144
Biểu đồ 4.8.	So sánh mức độ hành động phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 tại nhóm ĐC và TN sau TN đợt 2.....	146

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xâm hại tình dục trẻ em đã và đang trở thành vấn nạn của toàn cầu, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ và cộng đồng quốc tế. XHTD có thể xảy ra với bất cứ trẻ nào, vào bất kì tình huống nào, tại bất cứ nơi đâu trên toàn thế giới. Không chỉ riêng bé gái mà bé trai đều có thể bị XHTD. Theo thống kê của UNFPA: “9 tuổi là độ tuổi trung bình mà trẻ em bị XHTD trên toàn thế giới trong đó, cứ 4 bé gái có 1 bé bị XHTD, cứ 6 bé trai có 1 bé bị XHTD, trung bình cứ 8 tiếng lại có thêm một trẻ em bị XHTD và đặc biệt 93% đối tượng phạm tội là người thân quen với gia đình nạn nhân, 47% thủ phạm là người thân của nạn nhân” [Dẫn theo 83, tr15]. Khảo sát của tổ chức Y tế thế giới và Văn phòng Tội phạm chất kích thích của Liên Hiệp Quốc (WHO, UNOCD & UNDP, 2014) trên 133 quốc gia với 6.1 tỷ người có đến 25% những người trưởng thành, 20% phụ nữ trong mẫu khảo sát đã tiết lộ họ là nạn nhân của xâm hại và XHTD khi còn nhỏ.

Tại Việt Nam, giai đoạn từ năm 2011-2015 có 5300 vụ xâm hại tình dục trẻ em; giai đoạn từ năm 2015-2019, có 8.442 vụ xâm hại trẻ em được phát hiện, xử lý với 8.709 trẻ em bị xâm hại. Trong đó, có 6.432 trẻ bị xâm hại tình dục; 857 trẻ bị bạo lực; 106 trẻ bị mua bán, bắt cóc, chiếm đoạt; 1.314 trẻ bị xâm hại bằng các hình thức khác. Chỉ tính riêng năm 2020, cả nước phát hiện 1.945 vụ, xâm hại 2.008 trẻ em, trong đó xâm hại tình dục 1.349 vụ, 1.576 trẻ em bị xâm hại tình dục. Khoảng 97% số vụ được phát hiện những kẻ xâm hại tình dục có quen biết với nạn nhân. Đáng chú ý, những hành vi xâm hại trẻ em đã vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức, nhiều vụ XHTD cảnh báo về sự suy đồi đạo đức (hiếp dâm tập thể, thầy giáo XHTD nhiều HS,...); tình trạng loạn luân, cha đẻ XHTD con gái ruột, cha dượng hiếp dâm con cái riêng của vợ trong một thời gian dài... khiến dư luận phẫn nộ [8].

Hậu quả của XHTD luôn để lại cho trẻ thơ những tổn thương sâu sắc. Các chuyên gia nghiên cứu trong lĩnh vực này đều khẳng định: Tình trạng bị XHTD trẻ em trên thực tế luôn cao hơn nhiều so với các số liệu thống kê chính thức, bởi theo như một nghiên cứu tiến hành tại Mỹ bởi Broman - Fulks và các cộng sự: 73% trẻ em bị XHTD sẽ không nói với bất cứ ai về việc mình bị XHTD trong ít nhất 1 năm, 45 % trẻ sẽ không nói với ai trong 5 năm và một số trẻ khác không bao giờ tiết lộ chuyện này.

Chính vì vậy, số liệu được các cơ quan chức năng công bố chỉ là “*phần nổi của tảng băng chìm*” [83].

Đằng sau những con số đáng sợ là hàng vạn trẻ thơ chưa biết tới bao giờ mới tìm lại được nụ cười hồn nhiên, trong sáng, là hàng vạn phụ huynh đau khổ đau con đi qua những ngày tăm tối của đời con. Đã đến lúc tất cả chúng ta không chỉ thờ dài suông và thẳm mong “*con, em, cháu của mình luôn được an toàn*” khi đọc những tin tức khủng khiếp, đau lòng về XHTD trẻ em bởi sự an toàn không phải đạt được chỉ bằng niềm tin hay nguyện ước mà phải bằng những nỗ lực tích cực nhất, đúng đắn nhất trong phòng chống xâm hại. Chính vì vậy, Công ước quốc tế về chống buôn bán người và bóc lột tình dục 1949; Công ước của hội đồng Châu Âu về bảo vệ trẻ em chống lại bóc lột và XHTD đặc biệt là Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em 1989 đã khẳng định: “*Không một ai, kể cả cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh em, họ hàng, thầy cô giáo, hàng xóm hay người xa lạ với gia đình có thể lạm dụng và xâm hại trẻ em về tình dục. XHTD trẻ em là một tội ác, nếu cha mẹ hay người có trách nhiệm chăm sóc các em nhận thấy những điều đó mà không báo cho các nhà chức trách thì bị coi là kẻ đồng phạm*” [24]...(Trích điều 16)

Thực hiện quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025, GD phòng chống XHTD đã trở thành một phần nội dung GD giới tính trong nhà trường TH, giúp các em hình thành và phát triển KN bảo vệ bản thân một cách an toàn. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều trường TH hiện nay, nội dung này vẫn mang tính hình thức, chưa thống nhất về chương trình và các tiêu chí đánh giá. Ở một số trường, HS có nhận thức đúng về KN phòng chống XHTD nhưng chưa đủ năng lực thực hiện hành động một cách tích cực. Quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH chưa thực sự tạo ra cơ hội để các em trải nghiệm, rèn luyện những hành động tích cực cho nên dẫn tới thực trạng các em thiếu KN tự vệ, thiếu KN cần thiết để nhận diện và ứng phó hay tìm kiếm sự giúp đỡ trước hành vi XHTD mà trái lại, các em thường bị động, dễ rơi vào tình huống nguy hiểm. Mặt khác, cha mẹ, thầy cô cũng không thể bảo vệ an toàn cho HS 24/24h, rời xa vòng tay yêu thương của những người thân yêu thì mọi nguy cơ xâm hại đều có thể xảy ra. Chính vì thế, phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ XHTD và ứng phó tích cực với HSTH có ý nghĩa rất quan trọng.

Phòng chống XHTD cho HSTH có thể được giáo dục thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau: *Tiếp cận Xã hội học* (Tập trung nhiều vào điều kiện bảo vệ trẻ em), *Tiếp cận Tội phạm học* (Tập trung nhiều về mại dâm, lạm dụng hay quấy rối tình dục), *Tiếp cận Y học/Tâm lý học lâm sàng* (Tập trung sâu hơn vào sơ cứu tâm lý)... Song, *Tiếp cận Kỹ năng sống* được đánh giá là theo hướng tích cực và hiệu quả nhất trong môi trường giáo dục bởi cách tiếp cận này cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (Hiểu biết của HS về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD, cách tìm kiếm sự trợ giúp trước nguy cơ bị XHTD) theo xu hướng tích cực [11].

Đặc biệt, tiếp cận KNS trong GD phòng chống XHTD cho HSTH là xu thế tất yếu, phù hợp với định hướng đổi mới và yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; chú trọng thực hành, vận dụng giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống [13].

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi đã lựa chọn và nghiên cứu đề tài: ***“Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng, luận án đề xuất biện pháp GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS nhằm giúp HSTH ứng phó tích cực với XHTD từ đó, góp phần bảo vệ bản thân an toàn, lành mạnh.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình GD phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp GD phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

4. Giả thuyết khoa học

GD phòng chống XHTD cho HSTH là nhiệm vụ quan trọng góp phần bảo vệ bản thân các em một cách an toàn, lành mạnh song trong thực tế, GD phòng chống XHTD cho HS còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu thực hiện được quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS thì sẽ giúp các em có kiến thức

(hiểu biết về phòng chống XHTD) đến thái độ và hành vi phù hợp (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) qua đó nâng cao được chất lượng và hiệu quả của GD bảo vệ bản thân cho HSTH.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.2. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.3. Đề xuất biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.4. Tổ chức thực nghiệm một số biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận và cách tiếp cận nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận án, chúng tôi đã quán triệt các quan điểm, phương pháp luận và cách tiếp cận sau đây:

6.1.1. Quan điểm hệ thống - cấu trúc

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là một hệ thống toàn vẹn bao gồm các thành tố GD: Mục tiêu; nhiệm vụ, nguyên tắc; nội dung; phương pháp; con đường, kết quả GD và các thành tố này không tồn tại độc lập mà tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau.

6.1.2. Quan điểm tích hợp

Tích hợp GD phòng chống XHTD cho HSTH trong các môn học và các hoạt động trải nghiệm giúp nội dung GD tránh được sự trùng lặp đồng thời phát triển được tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới về phòng chống XHTD, phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng bảo vệ bản thân trước cuộc sống, môi trường tương lai.

6.1.3. Quan điểm hoạt động

Kỹ năng phòng chống XHTD ở HSTH được hình thành và phát triển thông qua hoạt động do đó quá trình GD phòng chống XHTD muốn đạt được hiệu quả cần tổ chức đa dạng các hoạt động (Trò chơi tìm tòi khám phá, hát múa, nặn, vẽ, đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch, sân khấu hóa tình huống...) nhằm tạo điều kiện để HSTH được trải nghiệm một cách tích cực, chủ động, sáng tạo theo khả năng của bản thân và phát huy khả năng thích ứng với cuộc sống xung quanh.

6.1.4. Tiếp cận kỹ năng sống

Phòng chống XHTD cho HSTH có thể được giáo dục thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau: *Tiếp cận Xã hội học* (Tập trung nhiều hơn vào yếu tố môi trường/điều kiện bảo vệ trẻ em như cha mẹ, người chăm sóc, người giám hộ...), *Tiếp cận Tội phạm học* (Tập trung nhiều vào mảng nội dung về mại dâm, lạm dụng hay quấy rối tình dục từ các cơ quan chức năng như: Bộ công an; tòa án nhân dân; cục cảnh sát hình sự...), *Tiếp cận Y học/Tâm lý học lâm sàng* (Tập trung sâu hơn vào sơ cứu tâm lý)... Luận án lựa chọn giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống bởi cách tiếp cận này tập trung thay đổi hành vi phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo hướng tích cực và hiệu quả nhất. Tiếp cận KNS cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (Hiểu biết của HS về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD, cách tìm kiếm sự trợ giúp trước nguy cơ bị XHTD) theo xu hướng tích cực [11].

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Trên cơ sở sưu tầm, đọc tài liệu, sách báo... luận án đã phân tích, tổng hợp, phân loại, khái quát hóa công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước liên quan đến GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Từ đó, rút ra các kết luận khoa học làm cơ sở để khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp và thiết kế các hoạt động GD phòng chống XHTD cho HSTH.

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.2.1. Phương pháp điều tra (bằng bảng hỏi)

Luận án thiết kế phiếu điều tra trưng cầu ý kiến của đội ngũ chuyên gia, giáo viên tiểu học, PHHS và học sinh tiểu học.

6.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị chu đáo tùy thuộc vào từng nhóm đối tượng được phỏng vấn mà chúng tôi thu thập những thông tin liên quan tới KN phòng chống XHTD hiện có ở HSTH.

6.2.2.3. Phương pháp chuyên gia

Gặp gỡ trực tiếp các cán bộ quản lý GD, đội ngũ GV, những chuyên gia có kinh nghiệm trong GD phòng chống XHTD cho HSTH.

6.2.2.4. Phương pháp quan sát

Chúng tôi tiến hành quan sát, theo dõi biểu hiện của HS trong những hoạt động trải nghiệm, trong hoạt động giảng dạy... về GD phòng chống XHTD.

6.2.2.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Tiến hành thực nghiệm theo dõi diễn biến, kết quả của nhóm TN và nhóm ĐC một cách khách quan theo từng giai đoạn đồng thời thực nghiệm trên 3 trường hợp HSTH cụ thể để đánh giá ý thức và hành động phòng chống XHTD ở các em.

6.2.2.6. Phương pháp nghiên cứu tài liệu, sản phẩm hoạt động

Luận án nghiên cứu; thu thập sản phẩm hoạt động của GV và HS nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp giải quyết hiệu quả quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

6.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng các công thức thống kê toán học với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để xử lý số liệu, làm cơ sở để đánh giá thực trạng và tổ chức thực nghiệm nhằm kiểm tra tính khả thi của các biện pháp giáo dục luận án đưa ra.

7. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Luận án không nghiên cứu quá trình GD sau khi HS bị XHTD mà chỉ tập trung nghiên cứu quá trình GD phòng ngừa, ngăn chặn XHTD và ứng phó một cách tích cực trước khi bị XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

- Địa bàn nghiên cứu: Luận án tiến hành nghiên cứu HS lớp 4, lớp 5 tại các trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong đó: Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị (Trường TH Phong Châu thị xã Phú Thọ; trường TH Tiên Cát thành phố Việt Trì); đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực nông thôn (Trường TH Tuy Lộc huyện Cẩm Khê; trường TH Xuân Huy huyện Lâm Thao); đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực miền núi (Trường TH Sơn Tình,; trường TH Tân Phú, huyện Tân Sơn).

- Thời gian nghiên cứu: Thời gian khảo sát thực tế (Học kì 2 năm học 2017 - 2018, học kì 1 năm học 2018-2019); thời gian thực nghiệm sư phạm được tiến hành tại một số trường tiểu học (Học kì 2 năm học 2018 - 2019, học kì 1 năm học 2019 – 2020).

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Phòng chống XHTD vừa là năng lực của cá nhân vừa là sản phẩm của quá trình GD được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, khoa học và hệ thống nhằm phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ XHTD đồng thời ứng phó một cách linh hoạt, tích cực trước khi bị XHTD từ đó bảo vệ cuộc sống của mỗi cá nhân một cách an toàn, lành mạnh.

8.2. GD phòng chống XHTD cho HSTH muốn đạt được hiệu quả cao và thiết thực cần có sự phối hợp của nhiều quan điểm và nhiều cách tiếp cận GD khác nhau nhưng luận án lựa chọn cách tiếp cận KNS bởi cách tiếp cận này cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (Hiểu biết về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) theo xu hướng tích cực và mang tính chất xây dựng.

8.3. Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ của quá trình GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong đó Nhà trường là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò chủ đạo đồng thời tích cực, chủ động kết hợp với gia đình, cộng đồng để giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống bằng nhiều biện pháp GD khác nhau: Thông qua tổ chức truyền thông; dạy học tích hợp; chủ đề chuyên biệt; tổ chức tư vấn học đường; hoạt động trải nghiệm; qua xử lý tình huống thực tiễn... nhằm hình thành và phát triển KN: Phòng ngừa nguy cơ XHTD, nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc; ứng phó với hành vi XHTD.

9. Những đóng góp mới của luận án

9.1. Luận án góp phần làm sáng tỏ lý luận về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Cụ thể: Xây dựng được khung lý luận cơ bản về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đặc biệt là xây dựng được bộ công cụ phân tích và đánh giá kỹ năng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm: Thang đánh giá KN nhận diện XHTD; KN kiểm soát cảm xúc; KN phòng ngừa XHTD; KN ứng phó với XHTD.

9.2. Luận án đã phát hiện những tồn tại và hạn chế trong quá trình GD phòng chống XHTD cho HS theo tiếp cận KNS tại một số trường TH (Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị; khu vực nông thôn, khu vực miền núi) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đồng thời phân tích, đánh giá và xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình GD này. Kết quả khảo sát cho thấy: Phải thay đổi cách GD phòng chống

XHTD cho HSTH sang hướng tiếp cận KNS để không chỉ GD kiến thức, thái độ mà quan trọng là GD hành vi, thói quen phòng chống XHTD cho bản thân nói riêng và GD kỹ năng tự bảo vệ nói chung.

9.3. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất 6 biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Luận án cũng đã tiến hành tổ chức 3/6 biện pháp trên ở HS lớp 4 và lớp 5 tại 4 trường tiểu học (Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị; khu vực nông thôn, khu vực miền núi). Kết quả đã khẳng định, các biện pháp đề xuất có tính hiệu quả, tính cần thiết và khả năng ứng dụng cao trong thực tiễn. Nhà trường TH có thể vận dụng các biện pháp này để thay đổi cách GD phòng chống XHTD cho HSTH nhằm cải thiện kết quả phòng chống XHTD cho HS nói riêng và kết quả GD kỹ năng tự bảo vệ nói chung.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết cho quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH, giáo viên tiểu học, PHHS, cán bộ cộng đồng. Bên cạnh đó, đây cũng là tài liệu học tập cho sinh viên ngành công tác xã hội, ngành tâm lý học lâm sàng, tâm lý học ứng dụng, ngành giáo dục tiểu học.

Kết quả của luận án góp phần giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh; giảm nguồn tài chính và chi phí xã hội cho việc phục hồi các tổn thương về mặt tâm lý cũng như thể chất cho nạn nhân bị XHTD từ đó, đảm bảo sự an toàn trong xã hội góp phần thực hiện an sinh xã hội.

10. Cấu trúc luận án

Cấu trúc luận án bao gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Nội dung, (3) Kết luận và khuyến nghị, (4) Danh mục công trình liên quan tới luận án, (5) Tài liệu tham khảo; (6) Phụ lục.

Phần nội dung của luận án bao gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống.

Chương 2: Thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống.

Chương 3: Biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống.

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về xâm hại tình dục trẻ em

XHTD trẻ em đã và đang trở thành vấn nạn của toàn cầu, luôn thu hút sự quan tâm của các khoa học đến từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Các nghiên cứu của Baker và Ducan (1985); Danya Glaser và Stephen Frosh (1993) [110]; Karin Heissler [120]; Finkelhor [137]; Child Welfare Information Gateway, 2009); Radda Bamen Save the Children Sweden... về XHTD trên khía cạnh và góc độ khác nhau song các định nghĩa này đều thống nhất ở một điểm chung: *XHTD bao gồm bất kì hành động nào từ phía người lớn tác động lên trẻ nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục của họ.*

Các nghiên cứu giải thích hành vi XHTD là *kết quả ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan* (Đại diện: Finkelhor [137]; Tony Ward và Richard J. Seigert, 2002) [133]; *ảnh hưởng của giới tính tới nguy cơ trẻ bị XHTD* (đại diện: Annie Cossins, 2000; David Finkelhor, 2009 [109]; Kimberly A.Tyler al, 2001; S.N.Madu, 2001; T.P.Ho, 1993...); *ảnh hưởng của yếu tố văn hóa và tôn giáo* (Đại diện: theo John Frederick, 2010, UNICEF, 2002; Kelvin Lalor và Rosaleen Meletvaney, 2010 [119]); *ảnh hưởng của yếu tố môi trường* (Đại diện: Kelvin Lalor và Rosaleen Meletvaney, 2010; Laura Murray và Gilbe Burnham, 2009) [113]; RaFH, 2006 – 2007 [98]...

Tổ chức Action Aid phân chia bạo hành tình dục trẻ em nữ thành 2 loại: Quấy rối tình dục và lạm dụng tình dục. Trong đó có những kiến giải sự khác nhau giữa hai khái niệm quấy rối tình dục và lạm dụng tình dục cũng như các biểu hiện, dấu hiệu nhận biết và các hậu quả nghiêm trọng quấy rối tình dục và lạm dụng tình dục đối với tâm lý, thể chất của trẻ [1].

Nghiên cứu của Allan Jonh Kemboi, 2003 thông qua khảo sát 5 trường tiểu học ở vùng Lorroki, vùng nông thôn nghèo khó của Châu Phi đã cho thấy: Hậu quả HS bị lạm dụng sẽ dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực đến học tập, suy giảm hứng thú và mức độ đọc viết của dân số trong vùng từ đó làm gia tăng số học sinh bỏ học.

Nghiên cứu của Lê Thị Lâm, Phạm Văn Tư đã khảo sát 394 khách thể là HS, sinh viên tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng và đại học trên địa

bàn thành phố Đà Nẵng về trải nghiệm của họ (bị/chứng kiến) liên quan tới quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Bất kể thời gian, địa điểm nào cũng có thể xảy ra quấy rối tình dục nơi công cộng, đặc biệt nguy cơ cao là buổi tối, nơi vắng vẻ, ít người qua lại. Đối tượng nào cũng có thể nằm trong nhóm thủ phạm gây nên hành vi quấy rối, đặc biệt là người lạ. Một số khuyến nghị được đề xuất nhằm góp phần giúp HS, sinh viên phòng ngừa với quấy rối tình dục [44; tr.700- 710].

“Một số cách tiếp cận nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ em qua các nghiên cứu nước ngoài” của tác giả Trần Thị Cẩm Nhung đã đóng góp vào việc xem xét vấn đề XHTD ở một số quốc gia trên thế giới và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết vấn đề trẻ em ở Việt Nam [57].

Phát hiện trong hầu hết các nghiên cứu cho thấy: Kẻ XHTD đều có mối quan hệ quen biết với trẻ bị xâm hại. Họ có thể là thành viên của gia đình (cha mẹ, ông, chú, bác, anh em họ hàng), bạn bè thân quen, có thể là hàng xóm.

Trong nghiên cứu của UNICEF đã khẳng định: 88.2% các vụ hiếp dâm, cưỡng bức tình dục không xác định được thủ phạm, chỉ có 9.2% xác định được thủ phạm là người họ hàng, 1.3% vụ xác định thủ phạm là cha, cha dượng hoặc bạn trai của mẹ. Tương tự, 87% vụ XHTD bằng hành vi sờ mó, đụng chạm vào các bộ phận kín của trẻ; 3.1% vụ xác định là người họ hàng [92];...

Báo cáo *“Tổng quan nghiên cứu về tình trạng xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam trong những năm gần đây”* của nhóm tác giả Nguyễn Phương Thảo, Trần Quý Long, Trần Mai Hương thực hiện năm 2008 đã đi sâu tìm hiểu một số nội dung cơ bản: Kinh nghiệm giải quyết vấn đề XHTD trẻ em của các nhà nghiên cứu nước ngoài và các tổ chức bảo vệ trẻ em trên toàn thế giới; tổng quan các nghiên cứu về tình trạng XHTD trẻ em ở nước ta trong những năm gần đây... [75]

Nhìn chung, XHTD trẻ em đã được các nhà khoa học nghiên cứu, tìm hiểu, đề cập trên các phương diện cơ bản, đặc trưng nhất về XHTD trẻ em. Đây sẽ là cơ sở cần thiết để luận án xây dựng khung cơ sở lý luận về XHTD cho HSTH. Tuy nhiên, điểm hạn chế của các công trình nghiên cứu là chưa có sự thống nhất về cách hiểu XHTD mà thường căn cứ vào các loại hình vi XHTD: Có nghiên cứu chỉ xem xét XHTD biểu hiện qua các hành vi vuốt ve, sờ mó vào bộ phận kín, sử dụng lời lẽ dâm đãng làm xúc phạm người khác, giao hợp; có nghiên cứu tính tới cả hành vi cho trẻ xem băng video,

sách báo, tranh ảnh hoặc các ấn phẩm kích dục, lấy trộm đồ lót, khiêu dâm qua giao tiếp (gọi điện, sử dụng ngôn ngữ quấy rối tình dục...) vì vậy, rất khó đưa ra số liệu đầy đủ, chính xác về thực trạng XHTD cũng như rất khó so sánh các kết quả nghiên cứu từ các cuộc điều tra khi hành vi xâm hại không cùng dựa trên một tiêu chí, một quan điểm đánh giá.

1.1.2. Những nghiên cứu về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

Chương trình “*Người bảo hộ của trẻ em*” của tổ chức Darkness to light của Mỹ; với mục tiêu là nâng cao nhận thức trong phòng chống XHTD trẻ em nhằm chia sẻ và hỗ trợ trong việc xử lý các trường hợp có nguy cơ XHTD [Dẫn theo 75].

Room to Read là một tổ chức phi chính phủ quốc tịch Mỹ và bắt đầu hoạt động dự án tại Việt Nam từ năm 2001 với 17 tỉnh thành trên cả nước trong đó có hoạt động tập huấn phòng chống bạo hành và xâm hại trẻ em.

Tổng cục Du lịch đã phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn thế giới (World Vision) và Cơ quan phát triển quốc tế Australia Aids mở lớp tập huấn về hoạt động du lịch an toàn cho trẻ em tại các điểm du lịch tại Bản Lác, Mai Châu (Hòa Bình), Tả Van, Sapa (Lào Cai), TP. Hải Phòng... Đây là các điểm du lịch thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế. Lượng khách du lịch ngày một tăng cũng kéo theo những nguy cơ vấp nạn du lịch tình dục trẻ em. Với thông điệp “*Cùng nhau chúng ta có thể ngăn chặn du lịch tình dục trẻ em*” và “*Việt Nam không có chỗ cho du lịch tình dục trẻ em*”, lớp tập huấn là hoạt động thiết thực, có ý nghĩa đối với cộng đồng dân cư và doanh nghiệp du lịch ở địa phương [1]; [2].

Bộ tài liệu tập huấn “*Tổ chức an toàn với trẻ em*” của tác giả Sinart King & Lynne Benson đã được thử nghiệm, chỉnh sửa với hơn 30 tổ chức làm việc với trẻ em tại Thái Lan, với đội ngũ tình nguyện viên đến từ 6 nước trong khu vực Sông Mê Kông và trong mẫu thu hẹp các tổ chức thành viên của ECPAT vùng Tây Phi và Châu Âu [68]. “*Tổ chức an toàn với trẻ em - Cẩm nang tập huấn*” của tổ chức cứu trợ trẻ em Anh (SCUK), ECPAT, UNICEF là một tư liệu đồ sộ gồm 317 trang xuất bản năm 2006. Một trong những nội dung được đề cập khá sâu sắc trong cuốn tư liệu này là các kiến thức cơ bản liên quan tới XHTD: Khái niệm, dấu hiệu, biểu hiện, đặc trưng... của các hình thức lạm dụng tình dục trẻ em, đặc biệt nhấn mạnh vào việc dạy trẻ không giữ bí mật, nên chia sẻ với người mà trẻ cho là tin cậy nhất về những tình huống có nguy cơ hoặc đã bị XHTD [77].

Hiệp ước chống lưu hành và buôn bán các văn hóa phẩm đồi trụy 1923 đã được 53 quốc gia ký kết thông qua ngày 31/12/1994; công ước quốc tế về chống buôn bán người và bóc lột tình dục 1949; công ước của hội đồng Châu Âu về bảo vệ trẻ em chống lại bóc lột và XHTD đặc biệt là công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em 1989, đã quy định rõ ràng: *“Bảo vệ trẻ em khỏi tất cả mọi hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị tổn thương hay lạm dụng, bị bỏ mặc hay sao nhãng việc chăm sóc, bị ngược đãi hoặc bóc lột gồm cả lạm dụng tình dục trẻ”* (Điều 19)...

Ở trong nước: Đảng, Nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp; Luật Bảo vệ, chăm sóc và GD trẻ em đặc biệt là Bộ luật hình sự Việt Nam quy định rõ ràng tội phạm về XHTD: Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112); tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114); tội giao cấu với trẻ em (Điều 115); tội dâm ô trẻ em (Điều 116); tội chứa mại dâm (Điều 254); tội môi giới mại dâm (Điều 225); tội mua bán người chưa thành niên (Điều 256) [4]...

Một số đề án cũng đã được triển khai như đề án *“Phòng ngừa tình trạng trẻ em bị xâm hại nhân phẩm, danh dự bị XHTD”* (Theo Quyết định số 1101/2000/QĐ/BLĐTBXH); *“Chương trình phòng ngừa và giải quyết trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm từ năm 2005 đến 2010”* của Ủy ban dân số gia đình và trẻ em thực hiện năm 2006... Hiện nay, ủy ban đã thành lập một tổng đài hỗ trợ tư vấn quốc gia và các trung tâm hỗ trợ ở 64 tỉnh thành bằng dịch vụ hỗ trợ qua điện thoại 18001567. Tại tổng đài quốc gia sẽ có 20 - 30 máy điện thoại với 50 - 60 nhân viên trực liên tục 24/24h, khi cần thiết sẽ kết nối với các địa phương và các cơ quan chức năng để hỗ trợ can thiệp.

Phòng chống XHTD trẻ em được nghiên cứu dưới hình thức *“Đánh giá chính sách, pháp luật của Việt Nam về phòng chống lạm dụng, xâm hại trẻ em”* [94] hay các *“Chế tài hình sự đối với tội xâm hại trẻ em và người chưa thành niên phạm tội”* từ đó cho thấy: Một trong những phương pháp bảo vệ trẻ em phòng chống hành vi XHTD được thể hiện rõ nét và hiệu quả nhất là bằng pháp luật hình sự [4]...

Bên cạnh các công trình nghiên cứu còn có các nhiều hội thảo khoa học được tổ chức như hội thảo *“Mại dâm - quan điểm và giải pháp”* [19]; hội thảo: *“Pháp luật và phòng chống tệ nạn mại dâm”*; hội thảo khoa học: *“Phòng chống XHTD - Từ lý luận đến thực tiễn”*; hội thảo khoa học quốc tế *“Vai trò của Tâm lý học đường trong việc đảm bảo sức khỏe tâm lý cho HS và gia đình”* và một số nghiên cứu của Lương Phan Cừ với *“Pháp luật với nỗ lực phòng chống lạm dụng tình dục trẻ em”*; Đỗ Năng

Khánh với “*Tệ nạn XHTD và pháp luật phòng chống XHTD*”; Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Linh Trang [97]... của Hoàng Anh Phước [59; tr.766 - 774].

“*Báo cáo rà soát đánh giá chính sách, pháp luật của Việt Nam về phòng chống lạm dụng, xâm hại trẻ em*” do Vụ pháp chế - Ủy ban DSGĐTE thực hiện năm 2006, đã cho thấy khung pháp luật chung về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tương đối toàn diện và tiến bộ, bao gồm nhiều quy định có tác dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bảo vệ trẻ em phòng tránh XHTD song khung pháp luật cũng chỉ mới tập trung vào một số hình thức XHTD có tính chất nghiêm trọng như: Hiếp dâm, cưỡng dâm, tội loạn luân, dâm ô... với trẻ em mà chưa chú ý đến một số hình thức xâm hại khác như sờ mó vào bộ phận sinh dục, ép trẻ xem băng hình khiêu dâm [94]...

Như vậy, có thể khẳng định: Việt Nam đã có một khung pháp luật chung về bảo vệ trẻ em khá toàn diện và tiến bộ song ranh giới để phân biệt các trường hợp xử lý hình sự và pháp luật đối với các tội trên đôi khi chưa rõ ràng, còn chung chung. Các văn bản pháp luật của Nhà nước mới chỉ dừng lại ở việc quy định tội phạm XHTD trẻ em, chưa có những quy định trong quá trình GD phòng chống XHTD trẻ em; chưa tạo ra hành lang pháp lý phù hợp.

1.1.3. Những nghiên cứu về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục

Hội thảo khoa học *Truyền thông, giáo dục phòng chống XHTD trẻ em*” khẳng định phòng chống XHTD phải là quá trình GD đồng bộ ở tất cả các khâu mục tiêu, ý nghĩa, nội dung, hình thức, phương pháp GD rõ ràng, hiệu quả trong đó nhấn mạnh vai trò của truyền thông trong công tác GD.

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu về tích hợp GD phòng chống XHTD trong nội dung GD giới tính, GD kỹ năng sống [10], [11], [41], [54]...

Tại các quốc gia như Mỹ, Anh, Úc, Thụy Điển, New Zealand, với trẻ trong độ tuổi 5-8 tuổi thì chương trình GD trong nhà trường sẽ tích hợp nội dung GD phòng chống XHTD hoặc sẽ có 1 môn học riêng về giới tính (Austrian Aids & World Vision, 2014 a, b, Goldman, 2013 [2], [3]; Sinart King & Lynne Benson, 2006 [68]; Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển, 2004) [70].... Các nghiên cứu chuyên sâu đã khẳng định rằng: *Trường học đóng vai trò rất quan trọng trong GD giới tính, an toàn cho trẻ* bởi thông thường cha mẹ thường có tâm lý e ngại hoặc không đủ hiểu biết để truyền đạt cho con. UNESCO (2009) biên soạn một chương trình hoàn chỉnh về giáo dục giới tính, an toàn tình dục cho trẻ với sự cố vấn của các chuyên gia và tham khảo kinh

nghiệm thực tiễn của trên 30 quốc gia trên thế giới. Đây được coi là một trong những thành tựu có ý nghĩa sâu sắc trong quá trình GD phòng chống XHTD trẻ em.

Tài liệu “*GD kỹ năng sống cho HS phổ thông*” của tác giả Nguyễn Thanh Bình đã trình bày một số chủ đề giáo dục KNS theo tiếp cận hình thành KNS chung như KN ứng phó với căng thẳng, cảm xúc; KN kiên định trước áp lực của bạn bè... theo tiếp cận các vấn đề xã hội như: Giáo dục KNS phòng tránh buôn bán trẻ em qua biên giới, tự bảo vệ mình khỏi tệ nạn buôn bán, đương đầu với thách thức [10]... Mặt khác, tài liệu cũng phân tích mục tiêu tiếp cận KNS trong GD giới tính và phòng chống tệ nạn ở trường học như KN tự nhận thức, KN kiên định, KN đặt mục tiêu [11; tr.238 - 250]...

Tài liệu tích hợp phòng chống XHTD trong nội dung GD kỹ năng sống của nhóm tác giả Lưu Thu Thủy tuy đã đề cập tới kỹ năng bảo vệ bản thân an toàn bao gồm cả phòng tránh bị XHTD song nội dung chưa đảm bảo tính chuyên sâu và toàn diện [89].

Tác giả Yoon Yeo Hong trong tác phẩm “*45 cách dạy trẻ tự bảo vệ mình*” (2011) đã giúp phụ huynh, giáo viên và trẻ em nhận thấy rằng thế giới bên ngoài luôn ẩn chứa những cam bẫy vì vậy, trẻ em cần chuẩn bị những kỹ năng cần thiết để ứng phó với những tình huống nguy hiểm. Tác giả đã giúp trẻ cách nhận biết các mối nguy hiểm, nâng cao cảnh giác và bảo vệ an toàn cho chính mình đồng thời hướng dẫn trẻ cách đối phó hoặc thoát khỏi nguy hiểm trong các tình huống như: Khi ở những nơi hoang vắng, khi chỉ có một mình, khi có người lạ dụ dỗ [36]...

Hướng thứ hai: Nghiên cứu về GD phòng chống XHTD trẻ em dành cho người trực tiếp chăm sóc trẻ, cán bộ cộng đồng và PHHS: [15]; [78]; [82];...

Báo cáo quốc gia: “*Phân tích kết quả kết nối can thiệp các ca trẻ em bị XHTD qua hoạt động của đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em*” thực hiện năm 2009 đã cho thấy bức tranh thực trạng trẻ em bị xâm hại thông qua can thiệp của Helpline từ 19/05/2004 - 10/2007, tư vấn kết nối can thiệp bảo vệ trẻ em, các dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cộng đồng và những khuyến nghị giải pháp cho Helpline và bộ Lao động thương binh xã hội cũng như khuyến nghị các hình thức hợp tác trong bảo vệ trẻ em. [15].

Báo cáo tổng kết: “*Xây dựng tài liệu cho phụ huynh và nhân viên xã hội hướng dẫn trẻ em phòng tránh xâm hại thể chất và tình dục*” của Nguyễn Hiệp Thương được thực hiện năm 2009, đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng về phòng tránh xâm hại thể chất và tình dục cho trẻ em... từ đó xây dựng tài liệu hướng dẫn phòng tránh xâm

hại thể chất và tình dục trong điều kiện thực tế hiện nay cho phụ huynh học sinh, nhân viên xã hội, giáo viên và trẻ em [82].

Nghiên cứu “*Bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em cho phụ huynh*”, tác giả Nguyễn Thị Tĩnh, Mai Quốc Khánh đã đề cập đến một số vấn đề lý thuyết liên quan đến bồi dưỡng kỹ năng của cha mẹ ngăn ngừa trẻ em khỏi bạo lực tình dục đồng thời phân tích các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình này.

Lâm Trinh với tác phẩm “*Cẩm nang cho con bạn*” đã chia sẻ cái nhìn sâu sắc, những giải pháp thiết thực giúp phụ huynh hướng dẫn con cái của mình biết tự bảo vệ trước nguy cơ bạo lực ngày càng tăng như: Làm thế nào để nhận biết những dấu hiệu nguy hiểm trong những hoạt động hàng ngày? Cha mẹ sẽ làm gì nếu con mình bị lạc nơi công cộng? Làm thế nào để nhận diện một kẻ lạm dụng tình dục [78]...

1.1.4. Những nghiên cứu về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

1.1.4.1. Nghiên cứu quốc tế về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

Qua một số chương trình GD phòng chống XHTD cho HSTH điển hình trên thế giới (Xem nội dung chi tiết tại phụ lục 13), luận án có một số nhận xét sau đây:

**** Nội dung GD phòng chống XHTD hiệu quả cho HSTH theo tiếp cận KNS***

Một số chương trình giáo dục hiệu quả: **Stay Safe Program** của MacIntyre and Carr (2000) dành cho độ tuổi 7 – 10; chương trình **Keeping me safe** của Weatheley et al (2012) dành cho độ tuổi 9 – 10; chương trình **Red Flag/ Green Flag People** của Chen, Fortsen and Tseng (2004) dành cho độ tuổi 6 – 13 đều có nội dung chính: (1) Phổ hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục; (2) Quyền bất khả xâm phạm về thân thể cá nhân; (3) Tình huống an toàn và không an toàn; (4) Nói không một cách nhất quán và tự tin; (5) Các dạng đụng chạm. Kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm quốc tế, luận án tiếp tục phát triển nội dung trên trong quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS tuy nhiên có sắp xếp một cách lô gíc phù hợp với hướng nghiên cứu như: Nội dung thứ nhất (Phổ hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục) là nội dung khái quát, cần thiết giới thiệu để học sinh hiểu được bản chất. Nội dung thứ 2, luận án không triển khai bởi với học sinh lớp 4 và 5 đã có được hiểu biết cơ bản về Quyền bất khả xâm phạm thân thể cá nhân thông qua các tiết học kỹ năng sống, kỹ năng phòng chống bắt cóc, phòng chống bạo lực... Nội dung thứ 3, 4, 5 luận án khát

quát và trình bày trong phần giáo dục kỹ năng phòng ngừa nguy cơ XHTD theo mạch triển khai phòng ngừa địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD; phòng ngừa đụng chạm không an toàn. Ngoài ra, luận án còn bổ sung nội dung giáo dục phòng ngừa thủ phạm XHTD và những thủ đoạn của chúng để từ đó giúp học sinh phân biệt được những hành vi yêu thương và hành vi xâm hại tình dục từ những người thân thiết. Mặt khác, trên cơ sở nội dung 5 của các chương trình giáo dục quốc tế, luận án triển khai theo hướng giáo dục HSTH nhận diện hành vi XHTD thông qua các cảnh báo nói, nhìn, ôm, chạm.

Kế thừa có sáng tạo từ nội dung chính chương trình ***Feel Thing Do*** của Vannan and Watson, dành cho độ tuổi 10-11: (1) Từ chối và nói không; (2) Tiết lộ bí mật với người lớn, luận án phát triển và xây dựng nội dung giáo dục ứng phó với XHTD thể hiện rõ qua kỹ năng tự ứng phó; kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng, kỹ năng kết hợp tự ứng phó và tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác. Đây là một trong những nội dung quan trọng giúp HS bảo vệ mình được an toàn trong tình huống nguy hiểm [134].

Như vậy, chương trình giáo dục hiệu quả ESPACE của He' bert; Lavoie; Pinche' and Poitras, 2001, dành cho độ tuổi 6-9; chương trình Feel Thing Do của Vannan and Watson, 2008 dành cho độ tuổi 10 - 11; Chương trình No Child Play của Krahe' and Knappert, 2009 dành cho độ tuổi 6-8; chương trình Keeping me safe của Weatheley et al (2012) dành cho độ tuổi 9 - 10; chương trình ESPACE của Daigneault; He' bert; McDuff and Frappier, 2012 dành cho độ tuổi 5 - 11 [115], [120], [134], [140]... là những cơ sở quan trọng để luận án xây dựng nội dung đánh giá phù hợp về mặt nhận thức; thái độ và hành vi GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS.

**Phương pháp GD phòng chống XHTD hiệu quả cho HSTH theo tiếp cận KNS*

Các PP giảng dạy quy trình hóa từ việc làm mẫu hành vi - yêu cầu tập luyện đóng vai - đưa ra phản hồi điều chỉnh - tiếp tục thực hành đóng vai - mở rộng các tình huống khái quát hóa kỹ năng phòng chống XHTD cho HSTH thông qua game, bài hát, phương tiện hỗ trợ trình chiếu; bài thu hoạch, tình huống mẫu... Điều này cho thấy, quá trình tổ chức chương trình GD phòng chống XHTD cho HSTH đã được thiết kế theo tiếp cận KNS và được thực hiện khoa học, hiệu quả. Đây là những kinh nghiệm bổ ích mà luận án đã kế thừa trong quá trình sử dụng đa dạng phương pháp GD phòng chống XHTD. Cụ thể: Luận án đã kế thừa một cách sáng tạo những kinh nghiệm tổ

chức PP trò chơi, đóng vai từ **Chương trình Keeping me safe** của Weatheley et al, 2012; PP sử dụng phim, video clip, chơi tương tác, sân khấu hóa từ **Chương trình No Child Play** của Krahe' and Knappert, 2009; PP huấn luyện gián tiếp qua các bài học tương tác với các clip từ **Chương trình Feel Thing Do** của Vannan and Watson, 2008; PP làm mẫu hành vi theo tình huống, PP thảo luận nhóm theo hướng dẫn, PP ôn luyện theo tình huống thực tế từ **Chương trình ESPACE** của He' bert; Lavoie; Pinche' and Poitras, 2001; **Chương trình ESPACE** của Daigneault; He' bert; McDuff and Frappier, 2012 [134], [140]... Luận án cũng đã sử dụng kết hợp cho HS múa và hát theo một số bài có nội dung tuyên truyền về xâm hại tình dục như bài “Stay Safe”, “Năm ngón tay xinh”, bài “Tự bảo vệ mình” đồng thời giáo dục thông qua những vần thơ: “Cơ thể không phải của chung; Không ai được phép lung tung chạm vào; Dù bị đe dọa thế nào; Dũng cảm la lớn, chạy ào thật nhanh”..., sử dụng đa dạng phương pháp giáo dục, hình thức trò chơi khác nhau. Trong đó, trò chơi múa rối kết hợp với tình huống có nguy cơ XHTD, thi tổ chức vẽ tranh về nhận diện tình huống không an toàn, nhận diện thủ phạm xâm hại qua đó để giáo dục kỹ năng ứng phó trước nguy hiểm... Đây được coi là điểm nhấn nhằm tạo hứng thú và kích thích HSTH hình thành kỹ năng phòng chống XHTD.

**Về công cụ đánh giá hiệu quả của chương trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH* đã sử dụng một số công cụ được kiểm định về độ hiệu lực bao gồm: Children's Knowledge of Abuse Questionnaire (Tutty, 1992); (2) Children' Safety and Knowledge Skills Questionnaire (Kraizer et al, 1989); (3) Personal Safety Questionnaire (Saslawsky & Wurtele, 1985); (4) “What If” Situations Test (Saslawsky & Wurtele, 1985)... trên cơ sở này, các nhà nghiên cứu quốc tế xây dựng câu hỏi, tình huống giáo dục phù hợp với hướng nghiên cứu của mình [115], [120]...

**Về chỉ báo đánh giá hiệu quả chương trình GD phòng chống XHTD cho HSTH*, kinh nghiệm trên thế giới cho thấy: Việc đánh giá hiệu quả thường được phản ánh trong các chỉ báo: (1) Trẻ có tiết lộ tình huống đối diện với nguy cơ bị XHTD với người tin tưởng hay không? (2) Kiến thức có liên quan tới nội dung phòng chống XHTD có tăng lên hay không? (Biểu hiện ở việc HS có nhận diện được tình huống nào là an toàn và tình huống nào là không an toàn; HS có biết cách chia sẻ những hiểu biết của mình với người khác...); (3) Thời gian duy trì những kiến thức, kỹ năng đã học được sau khi kết thúc chương trình tập huấn; (4) Năng lực tâm lý sau chương trình tập huấn; (5) Kỹ năng tự bảo vệ bản thân; (6) Cảm nhận tích cực về nội dung của chương

trình giáo dục. Các chỉ báo trên thực hiện trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc SMART. Thực chất nguyên tắc này là ghép 5 chữ cái đầu của 5 từ khác nhau, mỗi từ/ chữ cái đại diện cho một tiêu chí bao gồm: **Specific** (Cụ thể, rõ ràng và dễ hiểu); **Measurable** (Đo đếm được); **Achievable/ Attainable** (Có thể đạt được bằng chính khả năng của mình); **Realistic/ Relevant** (Thực tế, không viển vông); **Time bound/ Time based** (Thời hạn để đạt được mục tiêu đã vạch ra). Tiếp thu một cách sáng tạo những kinh nghiệm quốc tế trên, luận án đã sử dụng các chỉ báo 1,2,4,5 làm các tiêu chí, chỉ báo đánh giá quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS tuy nhiên luận án có sắp xếp lại cho phù hợp với hướng nghiên cứu như: Chỉ báo 1 trong luận án được phân tích và thể hiện ở *Kỹ năng tìm kiếm được sự trợ giúp từ những người tin tưởng trước nguy cơ bị XHTD*; chỉ báo 2 trong luận án được phân tích và thể hiện ở *Kỹ năng nhận diện XHTD thông qua các cảnh báo*; chỉ báo 4 trong luận án được phân tích và thể hiện ở *Kỹ năng kiểm soát cảm xúc trước hành vi XHTD*; chỉ báo 5 trong luận án được phân tích và thể hiện ở *Kỹ năng phó với XHTD*. Chỉ báo 3 và chỉ báo 6, luận án sử dụng để đánh giá hiệu quả của quá trình tác động sư phạm về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

** Thực nghiệm hiệu quả chương trình GD phòng chống XHTD cho HSTH*

Chương trình **ESPACE** (Canadian adaptation of Child Assault Prevention) của Herbert; Lavoie; Pinche' and Poitras (2001), Chương trình **No Child Play** của Krahe' and Knappert (2009); **Chương trình Stay Safe Program** của MacIntyre and Carr (2000) đều có chung khẳng định: So sánh nhóm chứng, nhóm đối chứng bằng đánh giá trước sau can thiệp. Nội dung đánh giá bao gồm: (1) Kiến thức thu được; (2) Duy trì kiến thức thu được; (3) Kỹ năng tự bảo vệ bản thân; (3) Cảm xúc tiêu cực về chương trình. Kết quả: Kiến thức của nhóm can thiệp trên tất cả phương diện từ nhận diện tình huống an toàn, không an toàn; tầm quan trọng của việc chia sẻ bí mật và các dạng động chạm tăng ở mức có ý nghĩa thống kê so với nhóm chứng. Hiệu quả duy trì từ 2 - 30 tuần sau khi tập huấn kết thúc. Tiếp thu kinh nghiệm giáo dục quốc tế, luận án khi tiến hành thực nghiệm hình thành kỹ năng nhận diện XHTD thông qua các cảnh báo ôm, chạm, nhìn, nói và kỹ năng ứng phó với hành vi XHTD cho HS lớp 4 và lớp 5 trong suốt một học kỳ của năm học. Luận án đã lựa chọn nhóm đối chứng, nhóm can thiệp trên cơ sở tương đương nhau về trình độ, điều kiện trong đó 01 nhóm sẽ được can thiệp bằng chương trình giáo dục theo tiếp cận kỹ năng sống và 01 nhóm sẽ không

được can thiệp. Mặt khác, để có độ tin cậy cao, luận án tiến hành nghiên cứu 3 trường hợp được can thiệp và so sánh kết quả trước và sau tác động ngay trên chính đối tượng được can thiệp đó.

Tác giả Rheing; A. Zajac (2012) đã tiến hành nghiên cứu chương trình GD phòng chống XHTD trẻ em qua hình thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: Hình thức đào tạo trực tuyến được đánh giá cao và phù hợp hơn. Tuy nhiên, ở Việt Nam do điều kiện kinh tế còn hạn chế, số đông gia đình ở nông thôn và miền núi còn chưa có điều kiện để đầu tư phương tiện kĩ thuật cho con em học trực tuyến hiệu quả cho nên kinh nghiệm này cần được khảo sát chuyên sâu hơn nhằm đảm bảo tính khả thi.

** Kết hợp các lực lượng giáo dục phòng chống XHTD hiệu quả cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống*

Với những chương trình giáo dục phòng chống XHTD có hiệu quả, luôn có phần giới thiệu nội dung giáo dục với cha mẹ của trẻ và có mạng lưới kết nối giữa học sinh, cha mẹ, nhà trường và các tổ chức bảo vệ trẻ em, các số điện thoại hỗ trợ khẩn cấp... Đây là một kinh nghiệm quốc tế quý báu mà luận án đã tiếp thu và được đề xuất ở biện pháp 6: Phối hợp Gia đình - Nhà trường - Xã hội nhằm xây dựng môi trường giáo dục tích cực trong phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Quá trình phối hợp của các lực lượng giáo dục được thể hiện rõ ở việc xóa bỏ, kiểm soát các tụ điểm vui chơi không lành mạnh ở quanh nhà trường, gia đình và nơi các em sinh sống tạo điều kiện cho HS rèn luyện các KNS, kĩ năng tự bảo vệ bản thân...

1.1.4.2. Nghiên cứu trong nước về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

Tiếp cận KNS đã và đang được tiến hành trên phạm vi rộng. Đối tượng được hưởng hết sức đa dạng, từ trẻ em đến người lớn và bước đầu đã thu được những kết quả tương đối khả quan.

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu về GD kĩ năng phòng chống XHTD cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống dưới dạng các tài liệu hướng dẫn, ấn phẩm xuất bản [31]; [67], [86]...

Hiện nay, tài liệu hướng dẫn GD phòng chống XHTD cho HSTH và các video ở trong nước, một phần đều được bắt nguồn từ nước ngoài, được các tổ chức phi chính phủ hoặc phi lợi nhuận, tài trợ phát hành những tài liệu miễn phí để tuyên truyền, giáo

dục và huấn luyện cho giáo viên, học sinh và trẻ về phòng tránh bị XHTD. Trong đó, có thể kể đến là Bộ tài liệu “*Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em*” dành cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ và “*Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em*” dành cho cán bộ cộng đồng do Dự án tuổi thơ - Chương trình phòng ngừa do AUSAID tài trợ và Tổ chức Tầm nhìn thế giới thực hiện đã đề xuất những giải pháp bảo vệ trẻ em trước những thủ đoạn phổ biến của kẻ bị XHTD [2]; [3].

“*Cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con*” của tác giả Phạm Thị Minh Thúy đã gửi gắm thông điệp: Mọi thành viên trong gia đình hãy luôn bên nhau trong hành trình phòng tránh XHTD. Nội dung của cẩm nang gồm 1/2 phần cơ bản dành riêng cho phụ huynh: Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất cho phụ huynh về XHTD; dạy trẻ cách phòng tránh XHTD, những việc cần làm khi thấy trẻ có dấu hiệu bị XHTD... [83]. Mặt khác, “*Cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con*” đã gửi gắm thông điệp: “*Trẻ em chính là người tự bảo vệ mình tốt nhất*”. Nội dung của cuốn cẩm nang dành 1/2 phần cơ bản cho trẻ em có tựa đề “*Những bảo bối của hiệp sĩ Tani - Trẻ em tự bảo vệ trẻ em*” của nhóm tác giả Trần Lê Thảo Nhi; Đào Trung Uyên giới thiệu những KN phòng chống XHTD với những câu thơ dễ thuộc, dễ nhớ kết hợp với tranh minh họa sinh động, phong phú và đẹp mắt phù hợp với đặc điểm tâm lý của HSTH. Ví dụ như: “*Đến chơi nhà khác một mình; Gặp nguy tình hình, bạn biết kêu ai? Bạn ơi nhớ lấy đừng sai; Cần ba, cần mẹ hoặc cả hai đi cùng!*” [83; tr.12]

Sách tranh trực quan, dễ hiểu “*30 ngày cùng con học hiểu về phòng chống xâm hại*” dành cho trẻ em từ 5 đến 15 tuổi đã được tác giả Hoàng Anh Tú trình bày rất sinh động và cụ thể các biểu hiện giúp trẻ nhận diện được XHTD qua các báo động âm, báo động nói, báo động chạm; báo động nhìn, báo động bắt cóc từ đó giúp trẻ lựa chọn cách quản lý cảm xúc và ứng phó tích cực với XHTD [86]... Đây là cơ sở quan trọng để luận án xây dựng các tiêu chí và chỉ báo cụ thể trong GD phòng chống XHTD cho HSTH.

Cẩm nang “*GD giới tính phòng tránh trẻ bị xâm hại*” của Nguyễn Lan Hải dạy trẻ về vấn đề nhạy cảm bằng công thức dễ nhớ nhất: “*Luật bàn tay*” - bài học GD giới tính đầu tiên cho trẻ và “*Nguyên tắc đồ lót*” giúp trẻ tránh bị xâm hại. Chỉ cần các em nhớ những nguyên tắc giao tiếp đơn giản theo vòng tròn giao tiếp và biết quý trọng thân thể của mình phòng tránh nguy cơ xâm hại [31; tr.35 -36]...

Bộ sách “*Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho học sinh tiểu học*” của tác giả Huỳnh Văn Sơn (Chủ biên) với mục tiêu giúp HSTH bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị XHTD đã tập hợp những câu chuyện ngắn gọn, những tình huống mà HSTH thường nguy cơ bị XHTD [67]...

Nhìn chung, các tài liệu ấn phẩm xuất bản về phòng chống XHTD cho HSTH mang tính giáo dục, tính thẩm mỹ, trực quan sinh động có thể nói là thích hợp với quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo cách tiếp cận KNS. Các phương pháp giáo dục được các tác giả Huỳnh Văn Sơn, Hoàng Anh Tú; Phạm Thị Thúy; Nguyễn Lan Hải... thể hiện đa dạng qua tình huống, qua trải nghiệm hàng ngày, qua mẫu chuyện, qua bài hát vần thơ dễ nhớ dễ thuộc [31]; [67], [86]... Đây sẽ là những tư liệu quan trọng để luận án xây dựng các tiêu chí và chỉ báo cụ thể trong GD phòng chống XHTD cho HSTH cũng như trong quá trình nghiên cứu và triển khai thực nghiệm tại các trường tiểu học. Bên cạnh đó, điểm hạn chế của các tài liệu cầm nang là chưa đi sâu nghiên cứu về mặt lí luận và thực tiễn nhằm phân tích những nguyên nhân tác động dẫn tới quá trình trẻ bị XHTD để từ đó đề xuất biện pháp GD tác động phù hợp.

Hướng thứ hai: Nghiên cứu về GD kỹ năng phòng chống XHTD cho học sinh tiểu học theo các chủ đề chuyên biệt [29], [34], [97]...

Nghiên cứu của các tác giả Lê Thị Phương Hoa, Nguyễn Phương Anh, Đỗ Minh Ngọc, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trịnh Thị Nguyệt; Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Linh Trang là cơ sở cần thiết để luận án tiến hành nghiên cứu quá trình GD phòng ngừa và ứng phó với XHTD cho HSTH. Tuy nhiên, các nghiên cứu này vẫn chủ yếu đề cao khâu nhận thức chưa thực sự tập trung vào việc thay đổi hành vi đặc biệt là những hành vi, thói quen không tốt ảnh hưởng tới quá trình hình thành kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với XHTD cho HSTH. Cụ thể:

Nghiên cứu “*Kỹ năng ứng phó với nguy cơ bị lạm dụng tình dục của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*” của nhóm tác giả Lê Thị Phương Hoa, Nguyễn Phương Anh, Đỗ Minh Ngọc được thực hiện trên 220 học sinh (HS) thuộc Trường tiểu La Hiên (thuộc một huyện miền núi tỉnh Thái Nguyên), tiểu học Đội Cấn (TP. Thái Nguyên) và Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng kỹ năng ứng phó của HSTH thể hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ, hành vi trong đó, đánh giá kỹ năng ứng phó của HSTH qua hệ thống câu hỏi tình huống, kết hợp với quan sát và đi đến kết luận: Nhận thức không đầy đủ

chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến kĩ năng ứng phó với tình huống nguy cơ bị lạm dụng tình dục của HSTH hạn chế. Từ đó, xác định một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kĩ năng ứng phó của các em và đề xuất ba biện pháp phù hợp rèn luyện kĩ năng ứng phó cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: (1) Tổ chức tuyên truyền trực tiếp cho HS tại nhà trường thông qua các giờ chào cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt sao và lồng ghép trong các giờ học kĩ năng sống (2) Phát huy vai trò của phụ huynh trong việc quan tâm, chăm sóc và theo dõi những bất thường ở trẻ (3) Tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đấu tranh phòng tránh lạm dụng tình dục trẻ em trong toàn xã hội [34]...

Nghiên cứu “*Kĩ năng phòng ngừa xâm hại tình dục của HSTH tại thành phố Đà Nẵng*” của tác giả Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trịnh Thị Nguyệt, đã tiến hành khảo sát 510 học sinh lớp 4 và lớp 5 tại 7 trường tiểu học tại thành phố Đà Nẵng nhằm khảo sát thực trạng kĩ năng phòng ngừa XHTD của trẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy 86.9% học sinh nhận diện được hành vi XHTD, 65.4% học sinh nhận diện được hậu quả của XHTD đối với trẻ em. Tuy nhiên, chỉ có 39,2% học sinh đưa ra được cách ứng phó phù hợp bên cạnh đó, đa số học sinh được trang bị các kiến thức liên quan đến giới tính, và kĩ năng phòng ngừa XHTD và chủ yếu các kiến thức này do phụ huynh trang bị cho trẻ. [29; 541 - 547].

Nghiên cứu “*Thực trạng kĩ năng phòng tránh xâm hại tình dục cho HSTH tại Thành phố Hồ Chí Minh*” của tác giả Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Linh Trang đã khảo sát trên 559 học sinh của trên 4 trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, mức độ nhận diện biểu hiện XHTD ở HSTH đạt mức độ cao song ở mức độ ứng xử qua các tình huống giả định đạt mức độ trung bình. Học sinh có sự nhận diện tốt các dụng cụ nhưng hạn chế ở việc nhận diện các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ XHTD [97; 599 - 609].

Nghiên cứu “*Giáo dục kĩ năng nhận diện nguy cơ bị xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*” của nhóm tác giả Nguyễn Thị Lâm, Nguyễn Thị Trâm Anh đề cập đến một số nội dung cơ bản của KN nhận diện nguy cơ bị XHTD ở HS khối lớp 4 và khối 5 tại thành phố Đà Nẵng. Nội dung giáo dục KN nhận diện được cụ thể hóa với hệ thống bài học có mục tiêu giúp học sinh sau khi học xong có thể nhận diện đối tượng, hoàn cảnh không gian, thời gian có thể xảy ra XHTD. Hình thành ở các em thái độ rèn luyện thường xuyên để nâng cao KN và áp dụng các tình huống, thời gian, địa điểm có nguy cơ xảy ra XHTD [43;556 - 564]. Phương pháp giảng dạy rèn KN nhận diện nguy

cơ bị XHTD cho HS được sử dụng linh hoạt: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm, thuyết trình, thực hành có thể tiến hành trong các giờ sinh hoạt lớp hoặc trong các giờ sinh hoạt ngoại khóa ở tại lớp hoặc ngoài giờ... Nhóm tác giả cũng nhấn mạnh quá trình đánh giá với phương pháp định tính bằng cách phiếu tự đánh giá nhanh dành cho HS sau mỗi buổi học. Cuối khóa có đánh giá của giáo viên nhưng dưới dạng định tính; về công cụ đánh giá: Có hệ thống tiêu chí đánh giá các KN riêng biệt dưới dạng bài trắc nghiệm cấu trúc [43;556 - 564]... Đây là kinh nghiệm cần thiết để luận án tiến hành nghiên cứu xây dựng các chỉ báo cụ thể của KN nhận diện XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS song nghiên cứu của nhóm tác giả sẽ toàn diện hơn nếu có so sánh sự khác biệt của quá trình rèn luyện kỹ năng ở HSTH vùng thành thị, khu vực nông thôn và miền núi.

Nghiên cứu “*Giáo dục cho học sinh tiểu học về xâm hại tình dục*” của nhóm tác giả Phó Đức Hòa, Trương Thị Hằng và Nguyễn Ngọc Linh đã tiến hành nghiên cứu trên 60 em học sinh lớp 3 và lớp 5, 5 giáo viên chủ nhiệm của 5 khối lớp, và 25 phụ huynh của trường tiểu học Phạm Tu, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy: GV cho rằng cần dạy từ khi trẻ học lớp 1 nhưng số phụ huynh cho rằng nên bắt đầu học từ lớp 4 (chiếm 65 %). Từ đó nhóm nghiên cứu đề xuất các giải pháp GD về phòng chống XHTD cho HSTH: (1) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục, (2) Xây dựng bộ tài liệu thống nhất trong giáo dục về phòng, chống xâm hại tình dục ở trẻ em cho các đối tượng liên quan; (3) Phối hợp các cơ quan chuyên trách tổ chức tập huấn giáo dục; (4) Tạo mối liên hệ gắn kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong cộng đồng về phòng chống xâm hại tình dục (5) Đồng bộ hóa chương trình giáo dục giới tính, có tính đến nội dung GD phòng chống XHTD trẻ em bắt buộc trong nhà trường tiểu học hiện nay. Đây là những kinh nghiệm để luận án khai thác và xây dựng hệ luận cứ khoa học cho quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS [124]...

1.1.5. Đánh giá chung kết quả đạt được của các hướng nghiên cứu và vấn đề cần giải quyết tiếp theo

1.1.5.1. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu vấn đề

Qua các công trình nghiên cứu và tài liệu về GD phòng chống XHTD cho HSTH cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các nghiên cứu trong nước và ngoài nước:

Phòng chống XHTD trẻ em đã được các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu, tìm hiểu, đề cập đến trên các phương diện cơ bản, đặc trưng nhất trong đó có cách tiếp cận kỹ năng sống. Những công trình nghiên cứu đó đã nhấn mạnh đến nội dung nhận diện các tình huống an toàn và không an toàn; các dạng đụng chạm, cách từ chối và nói không; tiết lộ bí mật với người lớn... và khẳng định vai trò của trường học là nơi GD phòng chống XHTD cho HSTH tốt nhất đồng thời nhà trường cũng là nơi tổ chức các lớp bồi dưỡng cho HS, cộng đồng, giáo viên với nhiều phương pháp giảng dạy tích cực, hiệu quả trên cơ sở có phối hợp đồng bộ các lực lượng giáo dục... Đây là kinh nghiệm bổ ích để luận án tiếp thu, phát triển và thiết kế xây dựng nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm phòng ngừa, nhận diện nguy cơ bị XHTD, kiểm soát cảm xúc, ứng phó với hành vi XHTD.

Về phương pháp nghiên cứu, các công trình quốc tế đã sử dụng các phương pháp khác nhau: Phương pháp định lượng thu thập thông tin từ bảng hỏi; phương pháp định tính (Phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp, phiếu phản hồi tự do viết những kinh nghiệm mà người viết đã trải qua có liên quan tới chủ đề nghiên cứu...). Đây là những kinh nghiệm có giá trị để luận án học tập và kế thừa trong quá trình nghiên cứu song đáng tiếc là hầu hết các công trình nghiên cứu chưa thể hiện được tính giáo dục trong sự khác biệt đặc trưng của các vùng miền.

Các công trình nghiên cứu trong nước về GD phòng chống XHTD cũng đã được tìm hiểu song chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ Điều tra học, Tội phạm học hay Xã hội học... Hướng nghiên cứu hầu hết thiên về mảng đề tài mại dâm, lạm dụng hay quấy rối tình dục trẻ em nhiều hơn. Các con số phản ánh thực trạng XHTD trẻ em vẫn chủ yếu là những số liệu viện dẫn từ các cơ quan chức năng có liên quan như: Bộ công an, tòa án nhân dân tối cao, cục cảnh sát hình sự... Một số công trình nghiên cứu khoa học cũng đã tập trung khai thác vào những nội dung, khía cạnh của giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH song nghiên cứu theo tiếp cận KNS còn thể hiện mờ nhạt.

Nhìn chung, cả trong nước và trên thế giới, còn hiếm những công trình nghiên cứu khoa học chuyên biệt về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS trên cơ sở đảm bảo tính giáo dục trong sự khác biệt đặc trưng của các vùng miền thành thị, nông thôn và miền núi. Do đó, nghiên cứu của luận án sẽ khắc phục khoảng trống trong lĩnh vực GD phòng chống XHTD ở HSTH đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình GD bảo vệ bản thân an toàn, lành mạnh.

1.1.5.2. Những vấn đề luận án cần giải quyết

Để quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đạt hiệu quả:

- Cần làm sáng tỏ về cơ sở lý luận và thực trạng quá trình GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS; xác định được yếu tố ảnh hưởng nhất tới quá trình hình thành KN phòng chống XHTD ở HSTH hiện nay từ đó, tập trung đề xuất biện pháp giải quyết hiệu quả, thiết thực và khả thi.

- Nghiên cứu về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS cần được tiến hành trên địa bàn khác nhau giữa khu vực thành thị, nông thôn, vùng núi từ đó có sự so sánh và lí giải nguyên nhân dẫn tới sự khác nhau về kết quả GD giữa các địa bàn đó và vai trò của môi trường gia đình, nhà trường, cộng đồng trong quá trình GD kĩ năng phòng chống XHTD.

- GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS phải dựa vào trải nghiệm; thay đổi hành vi thói quen xấu của HS và hình thành hành vi, KN tích cực như nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc; phòng ngừa nguy cơ XHTD; ứng phó chủ động với hành vi XHTD hoặc tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng. Đây được đánh giá là khâu then chốt ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn XHTD xâm nhập vào học đường từ đó, giúp các em HS có được cuộc sống lành mạnh và phát triển toàn diện.

1.2. Một số vấn đề lý luận về xâm hại tình dục và phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

1.2.1. Xâm hại tình dục trẻ em

1.2.1.1. Khái niệm xâm hại tình dục trẻ em

a. Khái niệm xâm hại trẻ em

Theo từ điển tiếng Việt “*Xâm hại*” là xâm phạm đến mức bị tổn hại [106]. Ngoài ra, trong từ điển tiếng Việt còn có từ đồng nghĩa với khái niệm “*Xâm hại*” đó là khái niệm “*Xâm phạm*”. “*Xâm phạm*” là động đến quyền lợi và chủ quyền của người khác.

Radda Bamen Save the Children Sweden: “*Xâm hại trẻ em là tất cả những hành vi gây thương tổn về thể xác hoặc tinh thần do những người có trách nhiệm với sự phát triển của trẻ gây nên một cách không ngẫu nhiên hoặc những hành động bạo lực, lạm dụng tình dục, tác động tâm lí đe dọa sự phát triển thể lực, tinh thần và tình cảm của trẻ em*” [63; tr.11].

Trong sổ tay hướng dẫn công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, nhóm tác giả đã khẳng định: Xâm hại bao gồm 2 loại là xâm hại về thân thể và xâm hại về tâm lí (Xâm hại về tinh thần) [64; 8].

Như vậy, có thể hiểu một cách ngắn gọn khái niệm như sau: *Xâm hại trẻ em là những hành vi hoặc thái độ làm tổn thương về cơ thể, tâm lí và xã hội của trẻ em.*

Biểu hiện của trẻ bị xâm hại:

Những tổn thương về mặt cơ thể rất đa dạng, từ tổn thương phần mềm (vết rách, bầm tím, vết bỏng) cho đến thương tích nặng nề trên cơ thể như vết sẹo hoặc vết đánh; vết bỏng hoặc vết trầy da; chấn thương.

Những tổn thương về mặt tâm lí bao gồm tất cả những hành vi mắng chửi, lăng nhục, gây rối loạn về nhận thức tâm lí và lòng tự trọng của trẻ...

Những tổn thương về mặt xã hội thể hiện phản ứng tiêu cực trong mối quan hệ ứng xử với mọi người xung quanh.

b. Khái niệm tình dục

Nói về khái niệm tình dục, có rất nhiều định nghĩa khác nhau:

Michel Bozon: *“Tình dục là thước đo giá trị của hôn nhân, những người khác giới có quyền đối với nhau về cơ thể của người kia”* [114]... Theo cách hiểu này, tình dục là một trong những cách thể hiện quyền lực của nam giới so với nữ giới.

F. Gary Kelly: *“Tình dục là sự gắn bó về thể xác của những người khác giới nhằm duy trì nòi giống thông qua tái sinh sản”* [135].

Lí thuyết trao đổi xã hội, đại diện: T.Scott Yabiku, Constance T.Gagner, Kristina Dzara, Susan Sprecher [118], [128], [132]... giúp lí giải những tương tác về tình dục. Đây là sự thỏa mãn về mặt cơ thể có liên quan tới nhiều yếu tố khác nữa như chất lượng, kì vọng và sự gắn kết về mặt cảm xúc...

Các nghiên cứu lịch đại cho rằng: Tình dục là thước đo đánh giá về sức khỏe thể chất, tâm lí của cá nhân trong một mối quan hệ [101], [102], [103]... Tình dục là sự giao hợp về mặt thể xác của nam và nữ ở tuổi trưởng thành - [114; tr.65-68]

Tóm lại, từ các định nghĩa khác nhau, luận án có thể hiểu một cách ngắn gọn: *Tình dục là hình thức thỏa mãn một dạng xúc cảm bản năng gắn liền với những rung động xác thịt.* Có nhiều hình thức biểu hiện đa dạng của rung động tình dục: Cử chỉ âu yếm, vuốt ve nhẹ nhàng đến kích thích mạnh mẽ... đồng thời có nhiều dạng biểu lộ: Tình dục đồng giới, tình dục khác giới, tình dục lưỡng giới...

c. Khái niệm xâm hại tình dục trẻ em

Bàn về XHTD có nhiều định nghĩa khác nhau được đưa ra:

XHTD được hiểu theo khía cạnh vi phạm các chuẩn mực, giá trị xã hội, là mọi hành vi lôi kéo trẻ vào các hoạt động liên quan đến tình dục mà trẻ không đủ khả năng (hoặc không hiểu) trong việc đưa ra quyết định đáp ứng nhu cầu tình dục: Đại diện như quan điểm của Danya Glaser và Stephen Frosh 1993 [110]; Baker và Duncan (1985) [Dẫn theo 75; tr.3];...

XHTD được hiểu theo khía cạnh đặc điểm tâm sinh lý của từng độ tuổi; sự liên hệ hoặc tương tác giữa trẻ em và người lớn tuổi hơn hoặc có hiểu biết hơn (người lạ, họ hàng hoặc người có quyền chăm sóc trẻ như cha mẹ hoặc người giám hộ) khi trẻ bị sử dụng như một vật thể nhằm thỏa mãn ham muốn tình dục của người lớn. Đại diện như quan điểm của Danya Glaser và Stephen Frosh [110]; Karin Heissler [120]; Finkelhor [137]...

XHTD được hiểu theo khía cạnh góc độ xã hội học, trên các khía cạnh bóc lột và lạm dụng tình dục trẻ em: Hiếp dâm, cưỡng dâm, dâm ô trẻ em [16; tr.72]; Danya Glaser and Stephen Frosh [110]...

Mặc dù có nhiều cách hiểu về XHTD song đều thống nhất ở một điểm chung: *XHTD là hành vi có chủ đích nhằm lôi kéo, dụ dỗ trẻ vào các hoạt động thỏa mãn nhu cầu tình dục mà các em chưa có hiểu biết đầy đủ, chưa có khả năng hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với những hành vi này.*

XHTD bao gồm: Sự đụng chạm, sờ mó, vuốt ve, hôn, quấy rối, hăm hiếp; sự phô bày các bộ phận sinh dục, các hành vi tình dục, trưng bày các phim ảnh, sách, khiêu dâm; sử dụng ngôn ngữ để kích thích tình dục hay sử dụng các từ ngữ hàm ý kích dục và đặc biệt là sự bóc lột và lạm dụng tình dục...

1.2.1.2. Những đối tượng trẻ em có nguy cơ xâm hại tình dục

Các kết quả nghiên cứu của Finkelhor, Laura Murray, Gilbe Burnham, Kelvin Lalor, Rosaleen Meletvaney, RaFH... cho rằng: Tỷ lệ các em gái thường có nguy cơ XHTD; các trẻ em nam thường có nguy cơ XHTD cao hơn trong môi trường cộng đồng như công viên, rạp hát, chợ... hoặc ở những nền văn hóa không chấp nhận tình dục. Trong đó, đáng chú ý nhất là quan điểm của John Frederick nhấn mạnh: Nhìn chung không chỉ các em bé gái mà các bé trai cũng có nguy cơ XHTD cao [139].

Độ tuổi: Mỗi nghiên cứu lại đưa ra một khoảng tuổi nhất định: Child Helpline cho rằng độ tuổi 15 - 18 bởi đây là lứa tuổi có sức hấp dẫn về giới tính đối với người

khác giới [53; tr.38]... song lại có nghiên cứu khẳng định: Trong độ tuổi từ 9 - 18 [1]; độ tuổi 18 - 25 tuổi (UNICEF, 2003) ... mới là tuổi bị XHTD nhiều nhất.

Nhìn chung, trẻ em ở mọi lứa tuổi, giới tính, hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc đều có thể có nguy cơ XHTD song những đứa trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (Trẻ kém phát triển trí tuệ, kém phát triển thể chất, trẻ bị thiểu năng, trẻ sống trong các ty nạn hoặc những nơi có xung đột chính trị bất ổn, trẻ em ở các dân tộc thiểu số...) thường có nguy cơ XHTD cao hơn.

Trẻ dễ bị XHTD nhất ở trong khoảng 9 - 18 tuổi trong đó, trẻ ở độ tuổi dậy thì thường có nguy cơ XHTD nhiều hơn bởi đây là lứa tuổi bắt đầu có những biểu hiện rõ rệt về tâm sinh lý giới tính với những nhận thức và hành vi ứng xử phức tạp.

Tỷ lệ các em gái thường có nguy cơ XHTD và là nạn nhân của việc XHTD cao hơn so với các em trai trong đó, khả năng bị XHTD ở các bé gái tăng lên theo độ tuổi còn các bé trai XHTD thường xảy ra ở giai đoạn dậy thì.

1.2.1.3. Dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại tình dục

“Phương pháp phát hiện các trường hợp xâm hại trẻ em” của Radda Bamen Save the Children Sweden đã khẳng định tầm quan trọng của việc phát hiện ra những trường hợp trẻ em bị xâm hại. Những dấu hiệu sau đây, có thể gợi ý tới việc trẻ đã bị XHTD [63]:

❖ **Biểu hiện bên ngoài:** Quần áo bị rách, nhàu nát, bẩn; có vết máu hoặc vết bẩn trên quần áo, cơ thể..

❖ **Dấu hiệu về thể chất:** Đau, sưng, ngứa, xước, bầm tím, chảy máu ở cơ quan sinh dục, hậu môn hoặc các vị trí khác nhau trên cơ thể; đau buốt khi đi tiểu hoặc đại tiện; mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục...

❖ **Biểu hiện hành vi:** Di chuyển khó khăn, ngồi khó khăn; có những hành vi sờ mó cơ quan sinh dục, thủ dâm, chăm chú hình thức bên ngoài quá mức; thích hoặc né tránh về chủ đề tình dục; xa lánh, ngại tiếp xúc với mọi người...

❖ **Biểu hiện về tinh thần:** Có ý nghĩ bất thường về tình dục (sợ hãi, thích thú... khi nhắc đến chủ đề tình dục); lo âu, trầm cảm không rõ nguyên nhân; phẫn khích quá mức khi nói về tình dục; thất thường, dễ vui, dễ nổi cáu; thích thú đặc biệt với những hình ảnh, chủ đề về tình dục...

Thông thường, ở những trẻ em bị XHTD thường ít có dấu vết bên ngoài cơ thể. Nhiều trường hợp không có bằng chứng của sự xâm hại. Vì vậy, việc khuyến khích trẻ

chủ động nói ra được vấn đề mình gặp phải là cách tốt nhất. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, khi một trẻ em bị XHTD bộc lộ với người lớn và nhận được sự giúp đỡ thì sẽ ít bị tổn thương và tình trạng bị xâm hại cũng không dài như trường hợp trẻ không nói ra và không nhận được bất cứ sự giúp đỡ nào...

1.2.1.4. Hậu quả của tệ nạn xâm hại tình dục trẻ em

Tác phẩm *“Lạm dụng tình dục trẻ em - Nỗi phần uất của cộng đồng”* của tác giả Ron O Grady đã khẳng định: *“Một trong những điều ô nhục mà nhân loại chúng ta đang phải chứng kiến là tệ nạn lạm dụng tình dục trẻ em”, “Hậu quả của tệ nạn này thật khủng khiếp. Những trẻ em bị lạm dụng tình dục, nếu không bỏ xác nơi đất khách quê người thì cũng trở thành kẻ tàn phế suốt đời cả về tâm lí, tình thần, không có cơ hội để trở thành người bình thường [62; tr.3]”*. Nạn nhân bị XHTD thường bị tổn thương nặng nề cả về các mặt thể chất, tâm lí và xã hội trong một thời gian tương đối dài, thậm chí có khi kéo dài đến hết cuộc đời. Cụ thể:

a) Tổn thương về mặt thể chất

XHTD không chỉ mang đến những vết sẹo trên cơ thể (Sưng tấy bộ phận sinh dục hay hậu môn, đau bụng, đau đầu, mất ngủ, mắc các bệnh lây qua đường tình dục...) mà trẻ còn phải gánh chịu những tổn thương trong đời sống tình dục sau này.

Đặc biệt là với các em nữ, XHTD có thể để lại hậu quả mang thai ngoài ý muốn (đối với các em ở tuổi dậy thì). Nhiều trường hợp trẻ em phải phá thai gây nên những tổn thương về sức khỏe thậm chí có khả năng dẫn tới vô sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe sinh sản và hạnh phúc gia đình của các em mai sau [125].

b, Tổn thương về tâm lí

XHTD để lại cho trẻ những hậu quả nặng nề về mặt tâm lí: Cảm giác tội lỗi; tuyệt vọng; lo lắng, sợ hãi; căng thẳng, hoảng loạn và trầm cảm; thường bị rối loạn giấc ngủ hay gặp ác mộng... Đặc biệt, khi bị chính người thân xâm hại, trẻ có thể trở nên đa nghi, nhạy cảm và luôn có cảm giác bất an. Trẻ nghi ngờ tất cả mọi người xung quanh kể cả chính bản thân. Để thoát khỏi cảm giác tội tệ, đôi khi trẻ có hành vi tự hủy hoại bản thân: Tự gây tai nạn, tự làm tổn thương, không ít em có suy nghĩ tìm đến cái chết do bị hoảng loạn tinh thần [86].

c, Tổn thương về mặt xã hội

XHTD để lại cho trẻ những tổn thương sâu sắc về mặt xã hội: Luôn sợ hãi, hoang loạn, sống tách biệt và cô lập với xã hội. Đối với cộng đồng: XHTD không chỉ phá hoại, xói mòn đạo đức xã hội mà còn phải chịu gánh nặng về vật chất và tinh thần đối với việc phục hồi sức khỏe và tâm lý của nạn nhân cùng với các chi phí điều tra, xử lý và đền bù do các vụ án XHTD gây nên [86]. Bên cạnh đó, XHTD còn ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển lâu bền của đất nước bởi các em bị xâm hại sẽ khó có điều kiện sức khỏe và học tập tốt để sau này tham gia lực lượng lao động của đất nước [125].

Ngoài ra, XHTD không chỉ gây tổn hại cho bản thân trẻ mà còn để lại hậu quả nặng nề cho gia đình và người thân trẻ khi phải đối mặt với sự đàm tiếu, bình phẩm, xét nét từ phía cộng đồng, thậm chí bị coi thường, xa lánh. Nhiều gia đình nạn nhân để bảo vệ con em mình sau khi tai họa xảy ra đã phải chuyển nơi làm việc, chuyển chỗ ở và sống trong tình cảnh ức chế, căng thẳng.

1.2.2. Phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

1.2.2.1. Khái niệm phòng chống

Theo Từ điển Tiếng Việt “*phòng*” có nghĩa là: *Liệu để có biện pháp tránh, ngăn ngừa hoặc tạm thời đối phó với điều không hay có thể xảy ra.*

“*Phòng ngừa là gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về tự bảo vệ, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt*” (Luật Trẻ em 2016).

“*Chống*” trong “*phòng chống*” gần nghĩa với “*Chống đỡ*” - chống lại để cố gắng tự vệ hay “*chống cự*” - đánh trả lại để tự vệ.

Tóm lại, trên cơ sở phân tích và tổng hợp, luận án đi tới kết luận: *Phòng chống là quá trình lên kế hoạch, dự tính trước biện pháp phòng tránh, ngăn ngừa những nguy cơ gây tổn hại về vật chất hay tinh thần, thân thể của con người và trong những trường hợp bị tổn thương về vật chất hay tinh thần, thân thể thì bản thân con người phải có khả năng chống lại hay ứng phó một cách tích cực nhằm làm hạn chế ít nhất những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra.*

Phòng chống bao gồm hai thành tố: (1) Phòng ngừa những nguy cơ xấu xảy ra và (2) Ứng phó tích cực trước các hành vi gây tổn hại.

Phòng chống thể hiện năng lực của cá nhân khi ý thức được tầm quan trọng của phòng ngừa những nguy cơ xấu xảy ra với bản thân, thái độ bình tĩnh, tự giác, sẵn sàng và cuối cùng thể hiện ở các hành động, hành vi ứng phó với những nguy hiểm.

1.2.2.2. Khái niệm phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

Từ những phân tích và lập luận về khái niệm phòng chống và phòng chống XHTD trẻ em, luận án đi tới cách hiểu khái quát như sau:

Phòng chống XHTD cho HSTH là quá trình nhà giáo dục lên kế hoạch, dự tính trước biện pháp phòng tránh, ngăn ngừa những hành vi có chủ đích nhằm lôi kéo, dụ dỗ HSTH vào các hoạt động thỏa mãn nhu cầu tình dục mà các em chưa có hiểu biết đầy đủ, chưa có khả năng hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với những hành vi này đồng thời trang bị những kiến thức, KN cần thiết để giúp HSTH ứng phó một cách tích cực trước XHTD qua đó các em tránh được những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra và bảo vệ an toàn cho bản thân.

Theo khái niệm này, luận án xác định có hai cấp độ phòng chống XHTD:

Cấp độ 1: Phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ có thể xảy ra XHTD. Ở cấp độ này, cần làm tốt các bước: (1) Phòng ngừa, ngăn chặn XHTD cho tất cả HS ở mọi lứa tuổi; (2) Phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn XHTD xâm nhập vào học đường; (3) Phòng ngừa, ngăn chặn có lựa chọn hướng vào một số nhóm HS nhất định, những HS này thuộc nhóm có nguy cơ cao có khả năng bị XHTD (hoàn cảnh gia đình đặc biệt, cha mẹ li hôn, gia đình có người bệnh hoạn về tình dục...) từ đó nhằm bảo vệ các em tránh được những rủi ro, thách thức trước nguy cơ XHTD; xây dựng một xã hội tiên bộ, công bằng, văn minh với phương châm phòng ngừa là chính nhằm giảm thiểu tối đa những tệ nạn xã hội.

Cấp độ 2: Ứng phó linh hoạt và tích cực với XHTD và không để gây hậu quả, thiệt hại hoặc lây lan cho người khác. Muốn thực hiện được cấp độ này thì cần thực hiện trên cơ sở nhận diện được XHTD ngay từ khi có những biểu hiện ban đầu bằng cách: Trang bị kiến thức cơ bản về cơ thể, về XHTD và phòng chống XHTD để trước mọi tình huống nguy hiểm các em đều có kiến thức và KN để vượt qua.

1.2.3. Đặc điểm tâm lý xã hội và khả năng phòng chống xâm hại tình dục ở học sinh tiểu học

1.2.3.1. Đặc điểm tâm lý xã hội ở học sinh tiểu học

“HSTH thường là những trẻ em có tuổi từ 6 - 11 tuổi. Đây là lứa tuổi lần đầu tiên đến trường TH - trở thành HS và thực hiện bước chuyển đổi hoạt động chủ đạo từ vui chơi sang học tập” [50; tr.27].

Sự phát triển thể chất của HSTH nhìn chung phát triển tương đối ổn định; khả năng ức chế của hệ thần kinh còn yếu cho nên thường dễ bị kích động [38; tr.81]. Hệ tuần hoàn nhìn chung chưa hoàn chỉnh; ... cho nên HS thường chóng mệt và dễ xúc động [50; tr.30]; khó kìm hãm xúc cảm của mình; tình cảm của các em mỏng manh, chưa bền vững, chưa sâu sắc [50; tr.208]. Bởi vậy, muốn GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS cần phải đi từ những hình ảnh trực quan, sinh động; cần khéo léo tế nhị và cần đưa các em vào những hoạt động cụ thể (học tập, lao động, vui chơi, thể dục thể thao, văn nghệ...) [38; tr.102 - 103].

Giao tiếp của HSTH nhìn chung còn đơn giản, mang đậm cảm xúc; phạm vi và nội dung giao tiếp của các em còn hạn hẹp. Các em thường giao tiếp với bạn bè, thầy cô và với người thân trong gia đình. Vào cuối TH, đối tượng giao tiếp của các em phong phú hơn nhiều. Các em bắt đầu học giải quyết các tình huống phức tạp trong mối quan hệ với mọi người xung quanh [50].

Những hiểu biết về mặt cơ thể, tâm lý và xã hội ở HSTH sẽ là cơ sở lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, con đường GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đạt hiệu quả cao.

1.2.3.2. Khả năng phòng chống xâm hại tình dục ở học sinh tiểu học

Nhìn chung, hiểu biết và kỹ năng về phòng chống XHTD ở HSTH đã có ít nhiều song còn chưa đầy đủ và tản mạn.

** Về nhận thức phòng chống XHTD:* Hiểu biết về giới của HSTH đã rõ ràng và ổn định, các em đã phân biệt được sự khác nhau giữa cơ thể nam và cơ thể nữ; đã có khả năng nhận dạng giới của bản thân một cách chắc chắn. Đặc biệt từ 10 - 12 tuổi, các em có khả năng đặt mình vào “*vị trí người khác*” và biết được mình hay những người xung quanh sẽ phản ứng thế nào trong một số tình huống nhất định. Với vốn kiến thức, kinh nghiệm đã có, HSTH có khả năng nhận ra mối nguy hiểm tiềm ẩn với người lạ, và thông thường sẽ tránh xa những đối tượng này. Tuy nhiên, HSTH chưa có hiểu biết để phát hiện mối nguy hiểm, không an toàn trong mối quan hệ với những

thân quen, đặc biệt là người thân trong gia đình. Đối với các em, người trong gia đình và ngôi nhà của mình là nơi an toàn nhất.

**Về thái độ phòng chống XHTD:* HSTH chưa có khả năng kiềm chế hành vi của mình trước sự hấp dẫn của thế giới xung quanh mặc dù đôi khi các em hiểu được nguy hiểm có thể đến với bản thân. Ví dụ như: Người thân quen cho em mượn điện thoại để chơi điện tử với điều kiện người đó ôm hôn em một lúc... Thông thường trong trường hợp đó là các em sẽ đồng ý.

** Về kĩ năng phòng chống XHTD ở HSTH:* Nhìn chung kĩ năng thực hành, vận dụng khi giải quyết tình huống của các em chưa tốt, các em đã biết hành động khi có những nguy cơ xấu tấn công song hành động này lại đậm màu sắc cảm tính. Bên cạnh đó, có em lại tỏ ra lúng túng, vụng về trước những tình huống nguy hiểm.

Từ những lập luận trên cho thấy, những kĩ năng mà HSTH cần có để bảo vệ bản thân một cách an toàn trước tình huống XHTD: Kĩ năng phòng ngừa XHTD; kĩ năng nhận diện nguy cơ bị XHTD; kĩ năng kiểm soát cảm xúc trước XHTD; kĩ năng ứng phó trước XHTD.

1.3. Một số vấn đề lý luận về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

1.3.1. Tiếp cận kĩ năng sống

1.3.1.1. Khái niệm kĩ năng

Nói về KN có nhiều quan điểm khác nhau, qua tổng kết nghiên cứu, Luận án khái quát thành các hướng sau đây:

Nghiên cứu KN theo hướng xem xét nghiêng về mặt kĩ thuật của thao tác, hành động hay hoạt động. Đại diện là các tác giả: A.G.Kovaliov, Ph.N.Gonobolin, V.A.Krutreski, V.X.Cudin, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Văn Lũy... cho rằng: Muốn thực hiện được hành động, cá nhân phải có tri thức về hành động tức là đã có KN hành động.

Nghiên cứu KN theo hướng xem xét về mặt năng lực của con người. Đại diện là các tác giả: N.D.Levitov, V.V.Bogoxloxi, K.K.Platonov, Nguyễn Quang Uẩn...

Nghiên cứu KN theo hướng hành vi ứng xử của con người xem xét yếu tố thái độ, động cơ cá nhân trong thực hiện hành động. Đại diện cho hướng nghiên cứu này là: S.A.Morales và W.Sheafor, J.N.Richard [Dẫn theo 40]...

Tác giả Nguyễn Đức Hưởng đưa ra 4 chỉ báo đánh giá mức độ thuần thực, thành thạo của kỹ năng như sau: (1) Mức độ hiểu biết về hành động và các thao tác cấu thành

hành động; (2) Tốc độ thực hiện hành động, thực hiện các thao tác cấu thành hành động; (3) Tính nhịp nhàng trong phối hợp các thao tác hành động; (4) Hiệu quả của hành động.

Tổng hợp từ các quan điểm trên, luận án đưa ra cách hiểu chung nhất: *Kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn để thực hiện có kết quả một hành động nào đó.*

Kĩ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lí khác của cá nhân (chủ thể có KN đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định.

1.3.1.2. Khái niệm kĩ năng sống

Ở một số quốc gia, KNS được hướng vào GD vệ sinh, dinh dưỡng và phòng bệnh. Giáo dục KNS được hiểu là GD hành vi cách ứng xử, GD an toàn giao thông, bảo vệ môi trường hay GD lòng yêu hòa bình. KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội bởi KNS là sự thể hiện của năng lực cá nhân đồng thời, trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những KNS thích hợp.

KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày (Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc, viết tắt là UNESCO).

Tổ chức Y tế Thế giới (viết tắt là WHO) coi *KNS là những kĩ năng mang tính tâm lí xã hội và kĩ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày.*

Quan điểm về KNS của UNESCO có nội hàm rộng hơn quan điểm của WHO bởi khái niệm KNS đưa ra không chỉ bao gồm những KN cơ bản mà còn bao gồm những KN phức tạp hơn như KN mang tính tâm lý xã hội, KN giao tiếp [11]...

Một số tác giả như Mary E.Cronin, James R.Patton và Susan J.Wood... cho rằng: *KNS thuộc về phạm trù năng lực (hiểu KN theo nghĩa rộng) chứ không thuộc phạm trù kĩ thuật của hành động, hành vi (hiểu theo nghĩa hẹp).* KNS thuộc về phạm trù năng lực có nghĩa là là khả năng áp dụng những hiểu biết để giải quyết có hiệu quả có vấn đề cả trong những tình huống mới. Bên cạnh đó, KNS còn được hiểu là khả năng của

con người qua cách ứng xử, tương tác với người khác hoặc trong những tình huống khác nhau [Dẫn theo 10]...

Từ những phân tích trên, luận án đưa ra cách hiểu sau: “*KNS là năng lực con người làm chủ bản thân, biết giao tiếp, ứng xử có văn hóa với mọi người xung quanh và giải quyết có hiệu quả các tình huống gặp phải trong cuộc sống*”.

1.3.1.3. Khái niệm tiếp cận kỹ năng sống

Tiếp cận được hiểu theo một trong 3 ý nghĩa như sau: (1) Một cách hoặc cách thức để xử lý vấn đề; (2) Một đề xuất, đề nghị ban đầu; (3) Hành động đến gần. Trong luận án này, tiếp cận được dùng theo ý nghĩa là cách thức GD phòng chống XHTD cho HSTH và “*Tiếp cận KNS đề cập đến quá trình tương tác giữa dạy và học tập trung vào kiến thức, thái độ và KN cần đạt được để có những hành vi giúp con người có trách nhiệm cao đối với cuộc sống riêng bằng cách lựa chọn cuộc sống lành mạnh, kiên định từ chối sự ép buộc tiêu cực và hạn chế tối đa những hành vi có hại*” [11; tr.66].

* Từ khái niệm trên, luận án rút ra những đặc trưng của tiếp cận KNS trong GD phòng chống XHTD cho HSTH:

+ Đặc trưng cơ bản và quan trọng nhất của tiếp cận KNS trong phòng chống XHTD là tập trung thay đổi hành vi HSTH theo hướng tích cực và hiệu quả nhất. Tiếp cận KNS cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (hiểu biết của HS về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) theo xu hướng tích cực và mang tính chất xây dựng [11; tr.239].

+ Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là sự kết hợp hài hòa, gắn kết của 3 thành tố: Kiến thức - Thái độ, tình cảm - Hành vi, kỹ năng.

+ Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS tập trung và thay đổi hành vi, không quá đề cao nhiệm vụ cung cấp đầy đủ, sâu sắc toàn bộ nội dung kiến thức mà chỉ cần giới thiệu những nội dung kiến thức quan trọng và cơ bản nhất có ảnh hưởng tới thái độ và thúc đẩy hành vi tích cực.

*Khi tổ chức quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS cần đảm bảo hài hòa của quá trình phát triển KN tâm lý xã hội (Học để biết, học để

chung sống với mọi người, học để tự khẳng định mình) với kỹ năng thực hành, kỹ năng tâm vận động (Học để làm) [11; tr.68-70]. Cụ thể:

Học để biết (KNS liên quan tới kiến thức): Biết được mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ để không bị XHTD; biết nhận diện vùng an toàn và không an toàn; biết nhận diện đối tượng XHTD và các thủ đoạn mà chúng hay sử dụng; biết nhận diện thời điểm, tình huống có nguy cơ XHTD; biết các biện pháp tự bảo vệ bản thân trước nguy cơ XHTD...

Học để làm (KN tâm vận động liên quan tới hành vi): Hỗ trợ và phối hợp với các lực lượng công an và lực lượng xã hội để phát hiện, ngăn chặn hành vi XHTD; tích cực tham gia vào các cuộc thi: *“Tuổi trẻ đoàn kết phòng chống XHTD”*, *“GDKN phòng chống XHTD”*, *“Tìm hiểu về luật phòng chống XHTD”*... tham gia tuyên truyền các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hậu quả của XHTD; ứng phó một cách tích cực với nguy cơ XHTD hoặc tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin cậy...

Học để chung sống (KNS liên quan tới thái độ): Ngăn chặn và không ủng hộ, người khác thực hiện hành vi XHTD; chia sẻ kinh nghiệm của bản thân trong phòng chống XHTD; học hỏi người khác kinh nghiệm ứng phó với các nguy cơ XHTD; giữ vững lập trường trước sự lôi kéo của người khác về hành vi XHTD; hỗ trợ, động viên bạn bè từ bỏ việc lạm dụng tình dục...

Học để tự khẳng định mình (KNS liên quan đến “giá trị”): Xác định được giá trị của bản thân và luôn tôn trọng, đề cao giá trị của mình; sáng suốt, tỉnh táo và cương quyết giúp cho mình tránh xa sự cám dỗ của các thủ đoạn XHTD; có ý chí, nghị lực để vượt qua mọi nỗi đau nếu đã từng bị XHTD; tôn trọng những quy định của Nhà nước và pháp luật về quyền được bảo vệ trẻ em để không bị XHTD...

* Phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS là quá trình tạo điều kiện cho HSTH được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá với nhiều hình thức đa dạng. Quá trình đó bao gồm 4 bước cơ bản:

+ *Bước 1. Khám phá:* Tìm hiểu những kiến thức, kinh nghiệm, năng lực, sở trường của HS có liên quan tới nội dung phòng chống XHTD.

+ *Bước 2. Kết nối:* Gắn kết kiến thức, kinh nghiệm, khả năng đã có của người học với những thông tin, yêu cầu, đòi hỏi mới liên quan tới phòng chống XHTD.

+ *Bước 3. Thực hành:* Tạo điều kiện, cơ hội, môi trường với các tình huống liên quan tới phòng chống XHTD cho HS luyện tập sử dụng kiến thức, KN mới.

+ *Bước 4. Vận dụng:* Tạo điều kiện, cơ hội, môi trường cho HS luyện tập sử dụng kiến thức, KN mới vào giải quyết thực tiễn cuộc sống [11; tr.138].

* Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS trên cơ sở phát triển các mô hình GD dựa vào sự trải nghiệm song đồng thời đảm bảo quy trình, cấu trúc cơ bản của quá trình giáo dục nhằm khai thác những kinh nghiệm của HS, giúp HS nắm được cách thức hình thành, thể hiện KN phòng chống XHTD; tạo tình huống và cơ hội để HS rèn luyện KN phòng chống XHTD (Vận dụng các KN phòng chống XHTD để xử lý các tình huống mới) [121; tr.138].

1.3.2. Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.1. Khái niệm giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là quá trình tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch của nhà GD lên HSTH thông qua việc vận dụng có hiệu quả các hình thức, phương pháp, con đường GD nhằm giúp HSTH có kiến thức, thái độ phù hợp, trên cơ sở đó thay đổi hành vi của mình theo hướng tích cực để phòng ngừa các nguy cơ và ứng phó chủ động với XHTD.

Phòng chống XHTD có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt thúc đẩy sự phát triển của xã hội và của một cá nhân.

Đối với sự phát triển kinh tế xã hội: GD phòng chống XHTD giúp ngăn ngừa các vấn đề xã hội và bảo vệ quyền con người đặc biệt là góp phần trực tiếp ngăn chặn nạn XHTD; giảm nguồn tài chính và chi phí xã hội cho việc phục hồi các tổn thương về mặt tâm lý cũng như thể chất cho nạn nhân bị xâm hại từ đó, xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, góp phần thực hiện an sinh xã hội.

Đối với sự phát triển cá nhân: Người có KN phòng chống XHTD sẽ luôn vững vàng trước những tình huống rủi ro, nguy cơ xâm hại xảy ra trong cuộc sống, biết ứng xử giải quyết vấn đề một cách tích cực và phù hợp, họ thường thành công hơn trong cuộc sống, luôn yêu đời và làm chủ cuộc sống của mình. Ngược lại, người thiếu KN phòng chống XHTD thường dễ vấp phải những rủi ro và phải đối mặt với những tình huống thiếu an toàn trong cuộc sống [11, tr.27].

Như vậy, GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là quá trình phát triển năng lực cá nhân và khả năng hành động phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó tích cực với XHTD ở học sinh, đảm bảo sự phát triển tốt về mặt thể chất, tâm lý và mặt xã hội qua đó góp phần bảo vệ bản thân một cách an toàn và lành mạnh.

1.3.3.2. Mục tiêu của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS có mục tiêu chung là phát triển năng lực tâm lý xã hội của HS, giúp các em có kiến thức, hiểu biết đúng đắn; thái độ, tình cảm phù hợp từ đó, hình thành KN phòng ngừa nguy cơ và ứng phó tích cực với XHTD. Qua đó, nâng cao chất lượng cuộc sống cá nhân và góp phần phát triển bền vững cho xã hội.

1.3.3.3. Nhiệm vụ của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

**** Giáo dục nhận thức về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH***

“Hầu hết những hành vi sai lệch, hành vi kém thích nghi là do những suy nghĩ không hợp lý, những niềm tin sai lệch hoặc những mong muốn thái quá không phù hợp gây ra” (Albert Elis) cho nên nhiệm vụ của nhà trường tiểu học là giúp học sinh có được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về phòng chống XHTD cho HSTH. Đây sẽ là cơ sở, kim chỉ nam cho sự hình thành và điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mỗi cá nhân trong phòng ngừa nguy cơ XHTD và ứng phó tích cực với hành vi XHTD ở HSTH.

**** Giáo dục niềm tin và tình cảm tích cực về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH***

Nhiệm vụ này giúp các em có niềm tin: Phòng ngừa nguy cơ XHTD càng tốt bao nhiêu thì các nguy cơ, rủi ro đến với bản thân các em càng ít bấy nhiêu và không ai bảo vệ an toàn cho bản thân các em tốt bằng chính các em tự bảo vệ mình cho nên, các em cần nỗ lực hơn nữa để học tập và trau dồi kĩ năng ứng phó tích cực trước hành vi XHTD.

****Giáo dục hành vi thói quen tích cực về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH***

Thay đổi thói quen tiêu cực của mỗi HSTH về phòng chống XHTD, hình thành nên hành vi tích cực phù hợp với chuẩn mực trong nhận thức của các em. Quá trình giáo dục này cần được hình thành trong hoạt động và được rèn luyện trong các tình huống cụ thể, đa dạng của cuộc sống về phòng chống XHTD trên cơ sở của nhận thức đúng đắn.

Giữa ba nhiệm vụ trên có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau: Nhận thức là cơ sở, là điều kiện cần thiết cho sự hình thành tình cảm, hành vi tương ứng ở HSTH; niềm tin, tình cảm là động lực thúc đẩy cá nhân hoạt động; thay đổi thói quen tiêu cực và rèn luyện hành vi tích cực là yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển năng lực phòng chống XHTD ở HSTH theo tiếp cận KNS.

1.3.3.4. Nguyên tắc của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

****Nguyên tắc dựa vào trải nghiệm***

Phòng chống XHTD ở HSTH không thể có được thông qua đọc sách mà phải qua quá trình các em được trải nghiệm, được tương tác giữa những hiểu biết mới, KN mới và những kiến thức, KN đã có. Đây là hình thức học tập gắn liền với các hoạt động trải nghiệm có sự chuẩn bị ban đầu và có phản hồi, trong đó đề cao tính tích cực, chủ động của HS dưới sự hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo của nhà GD.

GD phòng chống XHTD ở HSTH dựa vào trải nghiệm bao gồm việc thực hiện 4 giai đoạn cơ bản: (1) Giai đoạn trải nghiệm; (2) Giai đoạn phản hồi kinh nghiệm; (3) Giai đoạn học kiến thức và kinh nghiệm mới; (4) Giai đoạn thực nghiệm. Các tình huống trải nghiệm thực tế liên quan tới xâm hại sẽ hình thành những KN phòng chống XHTD cho HSTH [121].

****Nguyên tắc tương tác***

Nguyên tắc này sẽ tạo cơ hội quan trọng để GD phòng chống XHTD cho HSTH đạt hiệu quả bởi khi có sự tương tác, HS sẽ có dịp được thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét các ý tưởng của người khác, được đánh giá và xem xét lại những kinh nghiệm sống theo các cách nhìn nhận khác nhau.

**** Nguyên tắc thay đổi hành vi theo hướng tích cực***

Nhiệm vụ khó khăn nhất của GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS là thay đổi hành vi, thói quen tiêu cực của HS sang chiều hướng tích cực trên cơ sở thực hiện 7 bước cơ bản: (1) Cung cấp thông tin; (2) Tập trung vào những thông điệp tích cực; (3) GD theo quy mô nhỏ và cần độ lâu về thời gian; (4) Khuyến khích tư duy phê phán trong những tình huống lựa chọn; (5) Tạo ra môi trường khuyến khích sự thay đổi hành vi; (6) Tăng cường GD đồng đẳng; (7) Ngăn chặn sự lặp lại những hành vi, thói quen xấu [11; tr.61 -65].

1.3.3.5. Nội dung của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

a. Giáo dục kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục

Theo từ điển tiếng Việt, “*nguy cơ*” là cái có thể phát sinh tai họa, điều không tốt lành, tai họa bất ngờ xảy đến trong thời gian gần nhất. Theo từ điển Oxford, “*nguy cơ*” là khả năng của một tình huống hoặc một điều gì đó, có thể trở thành nguy hiểm hay có hậu quả tồi tệ ở một lúc nào đó trong tương lai. Dựa trên cách hiểu đó, GD phòng ngừa nguy cơ XHTD là quá trình vận dụng linh hoạt vốn tri thức, năng lực bản thân trên cơ sở nhận diện những địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD; các đối tượng trong mối quan hệ tương tác với trẻ để phòng tránh tất cả những gì có thể xảy ra XHTD. Từ đó, giúp HS tránh được tổn thương về mặt cơ thể, tâm lý và xã hội, đảm bảo cho HSTH được an toàn.

*** Phòng ngừa thủ phạm và thủ đoạn xâm hại tình dục**

Thủ phạm XHTD có thể là bất cứ ai thậm trí có thể là người thân yêu của mình và các thủ đoạn mà chúng thường hay sử dụng đó là: Dụ dỗ, dọa nạt, đe dọa, cưỡng bức... song thủ đoạn phổ biến là dành nhiều thời gian hòng tạo dựng mối quan hệ thân thiết với trẻ (đôi khi cả với những người thân của trẻ). Quá trình này được gọi là “*quá trình dụ dỗ*”, bao gồm các bước sau [83]:

Bước 1. Xác định đối tượng sẽ xâm hại: Thủ phạm thường nhắm đến những trẻ dễ bị tổn thương.

Bước 2. Tạo dựng niềm tin ở đối tượng sẽ xâm hại: Thủ phạm tạo niềm tin ở trẻ như cho tiền, cho quà, cho đi nhờ xe... thường xuyên gần gũi, giúp đỡ, hứa giúp các em hoặc gia đình việc này việc khác.

Bước 3. Thiết lập bí mật với đối tượng sẽ xâm hại: Thủ phạm thường rủ các em đi chơi riêng đến chỗ vắng hoặc vào phòng kín; xây dựng bí mật riêng với trẻ và sử dụng mưu mẹo để thuyết phục trẻ giữ lời hứa hoặc đe dọa, ép buộc để trẻ không tiết lộ hoặc nói với ai.

Bước 4. Hành động leo thang thủ phạm tiến tới giới tính hóa quan hệ với trẻ. Thủ phạm thường nói chuyện hướng đến các vấn đề quan hệ tình dục nam nữ và chia sẻ với trẻ những tài liệu đồi trụy khiến trẻ trở nên “*mất cảnh giác*”...

Bước 5. Thực hiện hành vi xâm hại: Đây là giai đoạn cuối cùng thủ phạm tiến hành XHTD trẻ.

*** Phòng ngừa thời gian; không gian; địa điểm có thể bị xâm hại tình dục**

XHTD có thể xảy ra bất cứ thời gian, không gian nào và một số địa điểm có nguy cơ cao như đường phố (Đặc biệt là đoạn đường vắng, thiếu đèn đường...), công viên, bến xe, trường học (Nhà vệ sinh, khu vực vắng người tại trường học...), trong thang máy, nhà vệ sinh công cộng thậm chí có thể là trong chính ngôi nhà của trẻ... đặc biệt trong bối cảnh trẻ chỉ có một mình không có ai bên cạnh thì nguy hiểm, rủi ro càng dễ xảy ra do đó, bản thân HSTH luôn nâng cao tinh thần cảnh giác và khả năng tự vệ, tránh tất cả những nguy cơ không an toàn có thể xảy ra với mình đồng thời cần có những phương án chuẩn bị và đề phòng khi cần thiết [86].

*** Phòng ngừa những đụng chạm không an toàn**

Đây là những đụng chạm vượt ra ngoài giới hạn cho phép của mối quan hệ giữa HSTH với mọi người xung quanh. Những đụng chạm không an toàn này sẽ làm cho các em có thể gặp rủi ro và nguy hiểm. Ví dụ: Với những người thân ruột thịt trong gia đình, HS có thể ôm hôn; với bạn bè, thầy cô, họ hàng, HS có thể nắm tay; với người quen có thể bắt tay; với người lạ có thể vẫy tay thậm trí là xua tay không tiếp xúc nếu người lạ đó cho cảm giác không an toàn. Vượt ra ngoài những giới hạn, quy tắc trên thì gọi là những đụng chạm không an toàn [83].

Trên cơ sở phân tích đánh giá những nguy cơ xâm hại, GD cho HSTH những hành vi tích cực để phòng ngừa những rủi ro có thể bị XHTD một cách hiệu quả nhất. Cụ thể:

- + Không tắm, thay quần áo trước mặt người khác và cũng không để người khác nhìn thấy bộ phận sinh dục của mình;
- + Không sợ hãi, giữ bí mật trước những hành động dụ dỗ, dọa nạt, đe dọa, cưỡng bức... từ phía người khác;
- + Tránh xa những đối tượng nguy hiểm (người lạ hay bất kể người nào khiến trẻ cảm thấy không thoải mái và an toàn) và khi bản thân gặp vấn đề vướng mắc, phải nói với người thân.
- + Khi ở nhà một mình, tuyệt đối không để người lạ vào nhà vì bất cứ lí do nào?
- + Hạn chế tối đa tình huống một mình đi tới những nơi vắng vẻ, tối tăm như đường phố (đặc biệt là những đoạn thiếu đèn đường...), công viên, bến xe, trường học (nhà vệ sinh, khu vực vắng người tại trường học...), nhà vệ sinh công cộng,
- + Không đi nhờ xe của người khác khi chưa có sự đồng ý của cha mẹ...

- + Chia sẻ những bất an với người mà trẻ tin tưởng
- + Bên cạnh đó, để bảo vệ an toàn cho trẻ, cần rèn luyện những kỹ năng phòng tránh XHTD cho trẻ thông qua xử lý các tình huống giả định một cách thành thạo...

b. Giáo dục kỹ năng nhận diện xâm hại tình dục

GD nhận diện XHTD là quá trình vận dụng linh hoạt vốn tri thức, kinh nghiệm để nhận diện những biểu hiện của nguy cơ XHTD qua những cảnh báo nói, cảnh báo nhìn, cảnh báo chạm, cảnh báo ôm nhằm giúp cho HS tránh được những tổn thương về mặt thể chất, tâm lý và mặt xã hội. Từ đó đảm bảo cho các em được an toàn, khỏe mạnh và phát triển đầy đủ. Những biểu hiện của KN nhận diện XHTD:

Cảnh báo chạm: Hôn hít, sờ mó vào ngực hay bộ phận sinh dục của trẻ; bắt trẻ sờ mó vào bộ phận sinh dục của mình;...

Cảnh báo nhìn: Nhìn trộm khi trẻ không mặc quần áo (Khi HS tắm, thay quần áo); cho trẻ xem tranh ảnh, sách báo, băng hình, phim khiêu dâm; phô bày bộ phận sinh dục của mình để trẻ nhìn thấy...

Cảnh báo nói: Trò chuyện với trẻ mang tính khiêu dâm kích thích tình dục (bao gồm cả trò chuyện trực tiếp và qua các phương tiện như điện thoại, vi tính...

Cảnh báo ôm: Ôm bé trẻ một cách không đúng đắn hoặc quan hệ tình dục với trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau như hiếp dâm; cưỡng dâm; giao cấu; dâm ô trẻ em... [86].

c. Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc trước xâm hại tình dục

Có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về kiểm soát cảm xúc theo các cách tiếp cận khác nhau: *Nghiên cứu mối liên hệ giữa kiểm soát cảm xúc với rối loạn hành vi* (Urie Bronfenbrenner, T.Achenbach, Catherine Howell, Judy Garber...); *Nghiên cứu kiểm soát cảm xúc dưới góc độ chế ngự cảm xúc* (Walter Mischel; John D.Mayer; Lewkowicz, Patrick A. Mc Guire); *Nghiên cứu kiểm soát cảm xúc dưới góc độ là thành tố của cảm xúc* (Nguyễn Công Khanh, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Huy Tú, Đào Thị Oanh; Phan Thị Mai Hương...); *Nghiên cứu kiểm soát cảm xúc dưới góc độ yếu tố, giải pháp tác động cảm xúc* (Trần Thị Tú Anh (2010), Dương Thị Hoàng Yên (2010), Đinh Thị Hồng Vân (2014)... Kế thừa những nghiên cứu trong nước và ngoài nước, luận án đưa ra cách hiểu khái quát:

Kiểm soát cảm xúc là khả năng làm chủ được cảm xúc của chính mình trước tác động bằng cách thể hiện cảm xúc một cách phù hợp và GDKN kiểm soát cảm xúc

trước hành vi XHTD là quá trình vận dụng linh hoạt tri thức, kinh nghiệm đã có để nhận diện cảm xúc của bản thân trước rủi ro và nguy cơ xấu từ đó điều khiển và thể hiện cảm xúc của bản thân sao cho phù hợp với từng hoàn cảnh, tình huống.

Kiểm soát cảm xúc là một trong những KN quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách, giúp tạo ra mối quan hệ giữa con người với con người tích cực hơn, giúp con người có thể cân bằng về mặt tâm lí. Để an toàn và sống hạnh phúc, tránh được rủi ro trước nguy cơ XHTD, mỗi HS cần khắc phục được các cảm xúc tiêu cực và phát triển các cảm xúc tích cực, cần có sự linh hoạt trong điều khiển cảm xúc sao cho phù hợp với bất kỳ tình huống nào.

Những xúc cảm tiêu cực chi phối sẽ làm cho cá nhân trở nên yếu đuối, lo âu, tự ti, bi quan, mặc cảm, sợ hãi, hoảng hốt, ghê rợn, thờ ơ, lạnh nhạt, thô bạo... Từ đó dễ dẫn tới hành động mất kiểm soát bản thân mặt khác, làm rối loạn phát triển tâm lí của con người và gây hậu quả nặng nề tới sức làm việc cũng như khả năng linh hoạt, chính xác của hoạt động: [100]... Biểu hiện cụ thể của xúc cảm tiêu cực: Tim đập nhanh, thở dồn dập; rối loạn bài tiết; giọng nói lắp bắp, ngập ngừng; mặt nóng bừng, hoặc tái xanh; đôi mắt trợn to hoặc chớp liên hồi; mặt nhăn nhó hoặc cúi gập...

Ngược lại, những xúc cảm tích cực mang đến cho con người sự lạc quan, tin tưởng, nghị lực, ý chí, làm tăng sức sáng tạo, sức bền, sức khỏe và khả năng thành công đưa con người đến bến bờ hạnh phúc. Thang đo AEQ của Pekrun xác định 4 loại cảm xúc khác nhau từ hai chiều: Kích hoạt - tích cực (thích thú, hy vọng, tự hào); triệt tiêu - tích cực (nhẹ nhõm); kích hoạt tiêu cực (giận dữ, lo lắng, xấu hổ), triệt tiêu tiêu cực (tuyệt vọng, chán nản) [126].

Nhận diện cảm xúc của bản thân được biểu hiện: Kết nối cảm xúc của bản thân với một tình huống tương ứng với các hoạt động trải nghiệm; trải nghiệm và nhận diện các trạng thái cảm xúc khác nhau cả tích cực và tiêu cực; làm chủ biểu hiện về mặt cơ thể, làm chủ cảm xúc của mình thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (khuôn mặt, tư thế, cử chỉ, điệu bộ...) [126].

Làm chủ cảm xúc của bản thân được biểu hiện: Thay đổi cảm xúc của bản thân thông qua điều chỉnh suy nghĩ, nhận thức; thay đổi cảm xúc của bản thân thông qua điều chỉnh ngôn ngữ; thay đổi cảm xúc của bản thân thông qua điều chỉnh hành vi phi ngôn ngữ (Khuôn mặt, tư thế, cử chỉ, điệu bộ...); biết thể hiện và giải tỏa cảm xúc kịp

thời, phù hợp với tình huống hoàn cảnh... Trên cơ sở đó để biết cách kiểm soát cảm xúc của mình.

d. Giáo dục kỹ năng ứng phó với xâm hại tình dục

GDKN ứng phó với XHTD là quá trình vận dụng linh hoạt vốn tri thức, kinh nghiệm trên cơ sở nhận diện thủ phạm, thủ đoạn của kẻ xâm hại, nhận diện tình huống, hoàn cảnh cụ thể có nguy cơ XHTD với khả năng ứng phó có hạn của cá nhân để từ đó lựa chọn cách ứng phó tích cực với hành vi XHTD.

hoặc tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng hoặc là kết hợp cả hai nhằm giúp bản thân sống an toàn, khỏe mạnh, tránh được những tổn thương về mặt cơ thể, tâm lý và mặt xã hội.

*** Tự ứng phó với hành vi XHTD:**

(1) Phớt lờ: Coi như không chưa hề có chuyện gì xảy ra.

(2) Chối bỏ: Tự nhủ với bản thân rằng mình đang nhạy cảm quá. Đó chỉ là một trò đùa hoặc là sự vô tình chứ không hề cố ý, nguy hiểm hơn có nhiều trẻ nghĩ rằng đó hành động yêu thương nên mới làm vậy...

(3) Né tránh không dám tố cáo kẻ có hành vi XHTD.

(4) Tham gia: Thành kẻ hưởng ứng và cũng đi xâm hại người khác. Nhiều em đã sử dụng cách này để làm cho mình cảm thấy an toàn hơn nhưng trên thực tế hành vi của các em là sai lầm.

(5) Đương đầu (Kiên quyết không làm theo mong muốn của thủ phạm xâm hại): Cơ thể các em là của riêng các em và nếu có bất kì ai chạm vào nó đặc biệt là những vùng nhạy cảm thì em cần dừng cảm đương đầu và kiên quyết nói “không”. Ví dụ như: Kiên quyết không quan hệ tình dục bằng bất cứ hình thức nào qua đường miệng hay hậu môn; kiên quyết không để ai sờ mó vào bộ phận nhạy cảm trên cơ thể; kiên quyết từ chối không xem tranh ảnh, sách báo, băng hình, phim khiêu dâm; kiên quyết không nhận tiền, quà, sự giúp đỡ của người khác mà không có lí do...

(6) Chia sẻ cảm xúc của mình với những người mà em tin cậy để tìm kiếm sự trợ giúp từ họ nhằm giúp bản thân thoát khỏi nguy hiểm...

Trong 6 cách ứng phó, có cách ứng phó 1; 2; 3 cho thấy: Nạn nhân bị xâm hại xử lý thụ động và đây không phải là cách ứng phó hay mà người làm GD muốn hướng tới cho HS của mình vì phớt lờ, chối bỏ hay né tránh đôi khi lại dễ đẩy bản thân vào nguy cơ xâm hại lần tiếp theo bởi điều này đồng nghĩa là các em chấp nhận và làm theo

mong muốn của thủ phạm xâm hại; cách ứng phó số 4 lại càng nguy hiểm hơn biến nạn nhân thành kẻ đi xâm hại và làm tổn thương người khác; cách ứng phó 5 và 6 là cách ứng phó tích cực giúp HS bảo vệ bản thân một cách an toàn song riêng cách thứ 5 đòi hỏi các em trên cơ sở phân tích những rủi ro, hậu quả xấu, tự cân nhắc và quyết định lựa chọn cách giải quyết nào để bản thân được an toàn. Muốn làm được điều đó, các em cần có luyện tập để có kỹ năng ứng biến linh hoạt...

*** Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng:**

Sức trẻ thì có hạn, mà thủ đoạn của kẻ xâm hại lại xảo quyệt, cho nên GD tìm kiếm sự trợ giúp trước khi bị XHTD có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đây là chìa khóa vàng đảm bảo an toàn cho trẻ đồng thời là cầu nối nhanh nhất giúp trẻ phục hồi tổn thương về mặt thể chất, tâm lý và xã hội do bị xâm hại tạo nên.

Biểu hiện của KN tìm kiếm sự trợ giúp trước XHTD:

+ Tìm kiếm sự can thiệp, trợ giúp từ những người mình tin tưởng để giúp bản thân thoát khỏi tình huống nguy hiểm khi có nguy cơ hoặc bị XHTD trên cơ sở biết các thông tin cá nhân: Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại....

+ Tìm kiếm sự can thiệp, trợ giúp từ những người lạ cho cảm giác an toàn để giúp bản thân thoát khỏi tình huống nguy hiểm khi có nguy cơ hoặc bị XHTD;

+ Tìm kiếm sự can thiệp, trợ giúp từ những đơn vị tổ chức bảo vệ trẻ em: Đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em miễn phí (hoạt động 24/24); hội bảo vệ quyền trẻ em; tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 để được tư vấn và hỗ trợ (miễn phí hoạt động 24/24)...

Hình thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng: Có thể sử dụng điện thoại để liên lạc với người thân khi cần thiết hoặc trao đổi trực tiếp để tìm kiếm sự trợ giúp.

*** Kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng trước hành vi XHTD:** Kiên quyết không đồng tình với hành vi XHTD, hét to, bỏ chạy và kể lại cho người tin tưởng để tìm cách giải quyết phù hợp và bảo vệ trẻ một cách an toàn.

1.3.3.6. Phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

“Người GV bình thường là người mang chân lý tới cho HS. Người GV giỏi là người GV giúp HS tự đi tìm chân lý” điều đó cho thấy việc lựa chọn và sử dụng phương pháp GD phù hợp là một trong những yếu tố quyết định để nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong phòng chống XHTD. Khi thiết kế và tổ chức chủ

đề GD phòng chống XHTD, có thể sử dụng kết hợp linh hoạt một trong những phương pháp dưới đây:

**** Đóng vai (Sân khấu hóa)***

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử trong những tình huống giả định có nguy cơ bị XHTD. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

**** Phương pháp làm mẫu hành vi***

Quy trình hình thành hành vi tích cực bắt đầu từ việc làm mẫu hành vi - yêu cầu tập luyện đóng vai - đưa ra phản hồi điều chỉnh - tiếp tục thực hành đóng vai - mở rộng các tình huống khái quát hóa hình thành hành vi phòng chống XHTD cho HSTH.

**** Phương pháp sử dụng phim, video clip, bài hát***

Lựa chọn những bộ phim hoạt hình, video clip phù hợp liên quan nội dung phòng chống XHTD như: Phim ***Pajo Says Take Care of Yourself***, bài hát ***“Stay Safe”***... để giáo dục HSTH nhằm tăng hứng thú, tính hấp dẫn và thu hút sự tập trung chú ý của các em.

**** Phương pháp ôn luyện theo tình huống thực tế***

Đây là phương pháp giáo dục giúp học sinh mở rộng, đào sâu, khái quát hoá, hệ thống hoá tri thức đã học, nắm vững những kỹ năng, kỹ xảo về phòng chống XHTD. Đồng thời qua đó có thể điều chỉnh, sửa chữa những sai lầm trong hệ thống tri thức của họ.

**** Phương pháp tổ chức trò chơi***

Tổ chức nhiều trò chơi cho HS: Trò chơi phân vai, đồ vui, trò chơi vận động, trò chơi phát triển tư duy, trò chơi dân gian, trò chơi đóng kịch... trong các thời điểm khác nhau. Khi tổ chức cho HS chơi có thể theo nhiều hình thức: Cặp đôi, theo nhóm hoặc theo lớp, tùy theo nội dung hoạt động và điều kiện thời gian hoặc có thể tổ chức cho HS chơi tại lớp học, sân trường, phòng đa năng... tùy theo yêu cầu không gian hẹp hay rộng của từng trò chơi cụ thể.

**** Phương pháp hợp tác theo nhóm***

Đây là PP mà GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để đưa ra suy nghĩ, quan điểm và giải quyết một vấn đề có liên quan tới nội dung GD phòng chống XHTD trên cơ sở có sự tương tác trực diện giữa HS với nhau, phát huy tinh thần trách nhiệm của

mỗi cá nhân.

*** Phương pháp bài tập tình huống**

Đây là PP tổ chức cho HS thực hành và đặt vị trí vào các nhân vật trong tình huống có nguy cơ XHTD để khai thác kinh nghiệm đã có, phân tích và xử lý tình huống sát với thực tiễn. Ví dụ minh họa: *Khi có người quen thân, sờ vào bộ phận nhạy cảm của em và yêu cầu em giữ bí mật. Trong tình huống này, em sẽ làm như thế nào?...*

*** Phương pháp nghiên cứu trường hợp**

Đây là phương pháp đưa những trường hợp 1 cá nhân cụ thể trước nguy cơ XHTD trong những tình huống và địa điểm khác nhau và yêu cầu HS nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân.

*** Phương pháp kể chuyện**

GV là người dẫn chuyện và giới thiệu trước những nhân vật sẽ xuất hiện trong câu chuyện để HS có thể hình dung được cốt truyện. Mặt khác, GV có thể gợi ý để HS thể hiện bằng động tác cơ thể, bằng ngôn ngữ các nhân vật đó.

Có nhiều hình thức kể chuyện khác nhau: Kể chuyện với kết cục mở; tiểu phẩm tương tác; đọc thơ tương tác; kể chuyện tương tác... Các bài thơ, đoạn thơ theo chủ đề cũng là ngữ liệu quan trọng có thể sử dụng trong GD phòng chống XHTD, mang nhiều thông điệp tạo động lực hành động cho HS hoặc là các chỉ dẫn hướng dẫn HS hành động. Ví dụ: Bài thơ: *“Bạn ơi cần nhớ kỹ; chỗ bạn mặc đồ lót; không cho ai chạm vào; dù ai nói thế nào; chỉ khi có ba mẹ; mới cho chạm, bạn nghe!”* [83; tr.5] - mang thông điệp những bộ phận nhạy cảm trên cơ thể cần tuyệt đối không cho người khác tùy tiện chạm vào, trừ khi bố mẹ vệ sinh trong lúc ốm đau và bác sĩ chạm vào khi khám bệnh đồng thời được sự đồng ý của bố mẹ.

*** Một số phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục khác**

Ngoài ra, để kích thích hứng thú của HS trong quá trình GD phòng chống XHTD có PP giảng giải, PP đóng vai, PP khen thưởng; PP trách phạt; PP đàm thoại... đồng thời kết hợp linh hoạt các kỹ thuật dạy học: Sơ đồ tư duy, bể cá; động não; kỹ thuật tia chớp; khăn trải bàn... (Phụ lục 10).

1.3.3.7. Hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

Thông qua các hoạt động trải nghiệm để HSTH có cơ hội được học tập và phát triển kỹ năng ứng phó tích cực của bản thân với những nguy cơ mất an toàn.

Lồng ghép, tích hợp GD phòng chống XHTD cho HSTH thông qua hoạt động giảng dạy các môn học hoặc thông qua hoạt động giáo dục. Bởi nội dung các môn học và các hoạt động đều chứa đựng tiềm năng GD phòng chống XHTD.

Thông qua các chủ đề giáo dục chuyên biệt về GD phòng chống XHTD cho HSTH: GD kĩ năng nhận diện XHTD, GD kĩ năng phòng ngừa XHTD, GD kĩ năng kiểm soát cảm xúc trước XHTD, GD kĩ năng ứng phó với XHTD...

Thông qua các hoạt động giáo dục về phòng chống XHTD cho HSTH như: Hoạt động NGLL; hoạt động ngoại khóa,... để HS có cơ hội thể hiện tính tích cực, chủ động của mình trong việc rèn luyện các KN ứng phó trước nguy cơ xâm hại...

Thông qua các tình huống GD và tình huống thực tiễn trong cuộc sống về phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS... để HS có cơ hội được trải nghiệm KN nhận diện các nguy cơ, kiểm soát cảm xúc của mình và thể hiện ứng phó trước XHTD...

Thông qua hình thức tham vấn, tư vấn trực tiếp hoặc gián tiếp đối với cá nhân hoặc nhóm về nội dung phòng chống XHTD nhằm giúp các em có thêm những kinh nghiệm, KN ứng phó với những nguy cơ xâm hại.

Tự GD, tự rèn luyện KN phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS - Đây được coi là chìa khóa vàng giúp các em bảo vệ bản thân một cách an toàn và lành mạnh trước mọi nguy cơ xâm hại.

Thành lập các câu lạc bộ: là nơi tập hợp những HS có cùng sở thích, cùng nhu cầu, tạo điều kiện cho các thành viên giao tiếp, ứng xử, vui chơi giải trí lành mạnh, bày tỏ quan điểm, tâm tư nguyện vọng, đồng thời hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong học tập và trong cuộc sống đồng thời đây cũng là môi trường tiên tiến để mỗi thành viên tự điều chỉnh nhận thức, hành vi, rèn luyện, phấn đấu trưởng thành.

Tổ chức các hội thi (Thi vẽ tranh, kể chuyện, thi đọc thơ; thi sáng tác thơ, sáng tác truyện...) về phòng chống XHTD. Đây là dịp để mỗi HS hoặc tập thể lớp thể hiện khả năng của mình, khẳng định những thành tích, kết quả của quá trình tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trong học tập và trong các hoạt động tập thể.

Hội diễn văn nghệ về phòng chống XHTD là hình thức giúp HS có những trải nghiệm về phòng chống XHTD dưới dạng nghệ thuật và sáng tạo.

Tổ chức các buổi sinh hoạt về phòng chống XHTD như: Sinh hoạt lớp; sinh hoạt chào cờ; sinh hoạt theo chủ đề... để thu hút sự tham gia tích cực của HS.

* Một số con đường GD phòng chống XHTD khác cho HSTH: Tổ chức truyền truyền; thông qua hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng; thông qua phối hợp giáo dục giữa các lực lượng Gia đình - Nhà trường - Xã hội... nhằm lôi cuốn được sự tham gia của HSTH trong quá trình GD phòng chống XHTD.

1.3.3.8. Đánh giá kết quả giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

Căn cứ vào nội dung của thông tư 30/2014/TT-BGDĐT quy định đánh giá HSTH do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành ngày 28 tháng 08 năm 2014; thông tư 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung thông tư 30/2014/TT-BGDĐT Quy định mới đánh giá HSTH có hiệu lực vào ngày 06/11/2016; thông tư số 27/2020/TTBGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực từ ngày 20/10/2020; luận án xác định:

Quá trình đánh giá GD phòng chống XHTD trong nhà trường TH cần được tiến hành từ nhiều góc độ: Tự đánh giá của HS, đánh giá giữa HS với nhau; đánh giá của PHHS trong đó đánh giá của GV theo hoạt động chung, dự án chung của tổ, lớp về mức độ và thái độ tham gia của HS... có vị trí quan trọng nhất. Mặt khác, luận án cũng xác định có hai cách tiếp cận để xem xét đánh giá GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS:

Dựa vào nhiệm vụ của GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS thì có thể đánh giá theo 2 tiêu chí: *Tiêu chí 1*: Ý thức phòng chống XHTD (bao gồm nhận thức và thái độ, tình cảm với GD phòng chống XHTD); *Tiêu chí 2*: Hành động phòng chống XHTD.

Dựa vào nội dung cốt lõi của GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm: Nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc bản thân; phòng ngừa nguy cơ XHTD; ứng phó với hành vi XHTD cho HSTH.

Kết hợp hai cách tiếp cận trên, luận án xây dựng được các tiêu chí đánh giá GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS trên tinh thần đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong GD phòng chống XHTD cho HSTH; giúp HS phát huy nhiều nhất các năng lực, hành động trở thành lối sống, thói quen tích cực tự bảo vệ mình trước nguy cơ xâm hại.

Bảng 1.1. Tiêu chí đánh giá giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Tiêu chí / chỉ báo		Mức độ đánh giá	
		Ý thức	Hành động
Phòng ngừa nguy cơ XHTD	Phòng ngừa thủ phạm XHTD và những thủ đoạn của chúng	Ý thức được tầm quan trọng của phòng ngừa thủ phạm XHTD và những thủ đoạn của chúng.	Cảnh giác với tất cả những ai có khả năng là thủ phạm XHTD và đề phòng những thủ đoạn mà chúng thường sử dụng.
	Phòng ngừa địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD.	Ý thức được tầm quan trọng của phòng ngừa địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD.	Tránh xa những địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD.
	Phòng ngừa đụng chạm không an toàn.	Ý thức được những đụng chạm không an toàn.	Kiên quyết nói “Không” với những đụng chạm không an toàn.
Nhận diện XHTD	Cảnh báo chạm	Ý thức được những biểu hiện của cảnh báo chạm.	Nhận ra được những biểu hiện XHTD thông qua những cảnh báo chạm.
	Cảnh báo nhìn	Ý thức được những biểu hiện của cảnh báo nhìn.	Nhận ra được những biểu hiện XHTD thông qua những cảnh báo nhìn.
	Cảnh báo nói	Ý thức được những biểu hiện của cảnh báo nói.	Nhận ra được những biểu hiện XHTD thông qua những cảnh báo nói.
	Cảnh báo ôm	Ý thức được những biểu hiện của cảnh báo ôm.	Nhận ra được những biểu hiện XHTD thông qua những cảnh báo ôm.

Kiểm soát cảm xúc trước XHTD	Hiểu cảm xúc của bản thân trước XHTD	Ý thức được cảm xúc của bản thân trước hành vi XHTD.	Không lo sợ, không hoảng hốt, bình tĩnh trước hành vi XHTD.
	Làm chủ cảm xúc của mình trước hành vi XHTD	Ý thức được tầm quan trọng của việc làm chủ cảm xúc của mình trước hành vi XHTD.	Kiểm soát và làm chủ được cảm xúc của mình trước hành vi XHTD.
Ứng phó với XHTD	Tự ứng phó với XHTD	Ý thức được các cách tự ứng phó với hành vi XHTD.	Tự ứng phó được với hành vi XHTD.
	Tìm kiếm sự trợ giúp trước hành vi XHTD	Ý thức được vai trò của sự tìm kiếm trợ giúp từ những người tin tưởng trước hành vi XHTD.	Tìm kiếm được sự trợ giúp từ những người tin tưởng.
	Tự ứng phó kết hợp với tìm kiếm sự trợ giúp trước XHTD	Ý thức được tầm quan trọng của sự kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng.	Kiên quyết nói không với hành vi XHTD, hét to, bỏ chạy và kể lại cho người tin tưởng.

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

1.4.1. Ảnh hưởng từ gia đình

Kiến thức và tầm hiểu biết sâu rộng của cha mẹ: Ảnh hưởng của cách ứng xử của cha mẹ đến với con cái. *“Nhờ có tình yêu thương của cha mẹ mà trẻ mới phát triển tốt cả về sức khỏe và tâm hồn”* từ đó, giúp trẻ có được KNS tốt nói chung, KN ứng phó với nguy cơ XHTD nói riêng.

Bầu không khí gia đình: Trẻ thiếu tình yêu thương, chăm sóc của cha mẹ dễ có tâm lí lệch lạc, tự do ngang bướng, thậm chí bất cần ... Bản thân cha mẹ thiếu gương mẫu, vi phạm pháp luật, thả mặc GD trẻ hoặc đối xử quá hà khắc, con cái sẽ dễ dẫn tới khủng hoảng tâm lí, tự ti, khó hòa nhập... do đó, trẻ dễ bị những kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng, không chế thực hiện những hành vi XHTD [133].

Trẻ sống trong hoàn cảnh thiếu thốn tình cảm như bố mẹ mâu thuẫn, ly dị, ly thân hoặc bị chết hoặc cha mẹ mãi mê kiếm tiền... dẫn đến trẻ cảm thấy bị bỏ rơi, cô đơn... trẻ sẽ tìm đến những mối quan hệ khác để bù đắp.

Bố mẹ không kiểm soát con cái khi con trẻ tiếp xúc với sách báo, băng hình bạo lực, đồi trụy, truy cập Internet... là nguyên nhân dẫn đến trẻ dễ bị kích thích, tò mò về giới tính và dễ bị thủ phạm lợi dụng để XHTD.

Trẻ sống trong những gia đình có cha hoặc mẹ từng có vấn đề về tình dục hoặc mắc các bệnh về tâm thần hoặc rối loạn cảm xúc hoặc sống cùng cha dượng, mẹ dượng... thường có nhiều khả năng bị chính người thân trong gia đình XHTD. *“Trong môi trường gia đình, trẻ gái bị XHTD nhiều hơn hoặc có nguy cơ XHTD cao hơn các trẻ nam”* [110]. *“Loại lạm dụng tình dục nguy hiểm nhất là sự loạn luân giữa cha mẹ và con cái. Lạm dụng tình dục giữa cha mẹ và con gái của vợ chiếm tỷ lệ cao khiến những đứa trẻ này thường lớn lên với tâm lý tự ti và mặc cảm tụt lùi”* [119].

1.4.2. Ảnh hưởng từ phía nhà trường

Nhìn chung môi trường học đường vẫn là một trong những môi trường an toàn nhất với HSTH. Để đảm bảo chất lượng GD phòng chống XHTD, nhà trường TH cần xem xét tới các yếu tố:

Tương tác giữa người dạy và người học: Trên cơ sở vận dụng linh hoạt những phương pháp dạy học tích cực, người dạy cần thiết kế các hoạt động phù hợp sao cho phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học trong việc hình thành các KN nhận diện, ứng phó với các nguy cơ XHTD.

Chương trình và tài liệu học tập về phòng chống XHTD cần cập nhật và sát thực để giúp HS phát triển các KN phù hợp trước các nguy cơ xâm hại.

Môi trường và các điều kiện phục vụ cho quá trình học tập: Môi trường học đường cần được xây dựng một cách lành mạnh, an toàn và luôn tạo điều kiện khuyến khích HS tích cực tham gia rèn luyện KN dựa trên cơ sở trải nghiệm. Những HS ở môi trường tích cực, luôn có sự tôn trọng, công bằng và có kỷ luật có xu hướng ít bị XHTD hơn những HS ở môi trường tiêu cực.

1.4.3. Ảnh hưởng từ phía xã hội

Yếu tố về kinh tế: Sự phân hóa giàu nghèo cũng là yếu tố xô đẩy trẻ em vào những hoàn cảnh bị bóc lột, bị lạm dụng tình dục. Tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp

nhất là khu vực nông thôn, dẫn đến hiện tượng người dư thừa thời gian, tụ tập uống rượu... Đây cũng là một trong các nguyên nhân dẫn tới hành vi hiếp dâm trẻ em [79].

Yếu tố về văn hóa, thói quen: Người Việt thường có sở thích “*sờ chim*” các bé trai và coi đây là hành vi thể hiện yêu thương trong khi không hề chú ý tới sự khó chịu của các bé. Điều này, tạo nên cho các bé trai cảm giác nhần nhịn, cam chịu và đôi khi trong trường hợp bị XHTD song các em cũng không nói ra mà âm thầm chịu đựng nỗi đau một mình [79]. Mặt khác, do tâm lí lo sợ, hoảng loạn, xấu hổ nên rất nhiều trường hợp trẻ em bị XHTD muốn giữ im lặng, không muốn đưa ra xét xử công khai những kẻ gây ra tội lỗi [92].

Trẻ em đường phố là đối tượng dễ bị XHTD bởi đôi khi sự thờ ơ của cộng đồng đã vô tình tiếp tay cho những kẻ xấu [110].

Những tồn tại trong khung pháp lí bảo vệ trẻ em: Quy trình trợ giúp, giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại đôi khi còn chưa kịp thời, rõ ràng. Ranh giới xử lí các tội phạm XHTD trẻ em như hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu... đôi khi còn chung chung.

1.4.4. Bản thân học sinh tiểu học

Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HSTH; hứng thú của các em với những kiến thức về giới tính, đặc điểm tính cách; sức tập trung chú ý... có ảnh hưởng nhiều tới hoạt động rèn KN phòng chống XHTD. Ở mỗi HSTH có năng lực khác nhau do đó quá trình tiếp thu kiến thức, KN phòng chống XHTD của các em là khác nhau:

Những HS có trí thông minh về giao tiếp thường có khả năng nhận diện cảm xúc của bản thân, có khả năng hợp tác tốt với mọi người... Đây sẽ là thế mạnh để học tập và rèn luyện KN kiểm soát cảm xúc của bản thân trước hành vi XHTD cho phù hợp với từng mối quan hệ; linh hoạt và mềm dẻo trong tương tác với người khác và dễ dàng tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác trước nguy cơ xâm hại.

Những HS có trí thông minh về vận động thường có thể mạnh cơ bắp, tốc độ, sự linh hoạt... Đây sẽ là thế mạnh để trong quá trình trẻ học các thể võ tự bảo vệ...

Những HS có năng khiếu nổi trội về không gian thường có thể mạnh khả năng quan sát, định hướng, phối hợp tay và mắt tốt... Đây sẽ là thế mạnh để các em nhận diện ra các nguy cơ XHTD và phòng tránh.

Năng lực của mỗi cá nhân được hình thành và phát triển dựa trên cơ sở tư chất song chủ yếu là do ảnh hưởng của tính tích cực hoạt động của cá nhân dưới tác động của rèn luyện, dạy học và GD.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS được hiểu là quá trình tổ chức một cách mục đích, có kế hoạch trên cơ sở vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc, hình thức, phương pháp GD nhằm giúp HS có tri thức, kinh nghiệm, KN để phòng ngừa các nguy cơ xâm hại và ứng phó tích cực với hành vi XHTD.

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội. Quá trình GD đó bao gồm các thành tố: (1) Mục tiêu giáo dục: Phát triển năng lực tâm lý xã hội của HS, chuyển dịch kiến thức (hiểu biết đúng đắn của HS về phòng chống XHTD) đến thái độ, giá trị thành định hướng hành động tích cực. (2) Nhiệm vụ giáo dục: GD nhận thức; GD niềm tin, tình cảm tích cực; GD hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD cho HSTH. (3) Nguyên tắc giáo dục: Dựa vào trải nghiệm; nguyên tắc tương tác; nguyên tắc thay đổi hành vi theo hướng tích cực. (4) Nội dung giáo dục: GD kỹ năng phòng ngừa nguy cơ XHTD; GD kỹ năng nhận diện hành vi XHTD; giáo dục KN kiểm soát cảm xúc; GD kỹ năng ứng phó với hành vi XHTD; GD tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác. (5) Phương pháp giáo dục: PP đóng vai; PP trò chơi; PP hợp tác theo nhóm; PP làm mẫu theo hành vi; PP ôn luyện theo tình huống thực tế; PP nghiên cứu trường hợp, PP bài tập tình huống... (6) Hình thức GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đa dạng và phong phú bao gồm: Giáo dục tích hợp; tư vấn tâm lý; tổ chức hoạt động giáo dục tập thể; hội thi...

Luận án xây dựng được hai tiêu chí: (1) Ý thức (bao gồm nhận thức và thái độ, tình cảm); (2) Hành động, hành vi để đánh giá 5 nội dung của GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Kết quả đánh giá sẽ tạo động lực cho HSTH; khuyến khích các KN, hành động trở thành lối sống, thói quen của các em đồng thời quá trình đánh giá phải được tiến hành từ nhiều góc độ: Tự đánh giá của HS; đánh giá của GV; đánh giá của phụ huynh và người thân.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

2.1. Khái quát về nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá đúng thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS và đánh giá những ảnh hưởng của nó đến kết quả GD trong nhà trường TH hiện nay, trên địa bàn khảo sát.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Luận án tập trung khảo sát vào một số nội dung cơ bản sau:

- + Thực trạng phòng chống XHTD ở HSTH (Trong đó có so sánh kết quả theo giới tính, theo khu vực, theo khối lớp 4 và lớp 5 theo các trường nghiên cứu)
- + Thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS
- + Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH trên địa bàn khảo sát.

2.1.3. Địa bàn khảo sát

Luận án khảo sát 30 trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ song đi sâu vào tìm hiểu GD phòng chống XHTD tại 6 trường:

Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị gồm: Trường TH Phong Châu thị xã Phú Thọ đạt chuẩn MĐ2; trường TH Tiên Cát thành phố Việt Trì đạt chuẩn MĐ1. Đây là những trường có cơ sở vật chất tốt, trình độ GV đạt trên chuẩn và đa số gia đình HS có mức sống ổn định, thu nhập khá, đặc biệt là HS trường TH Tiên Cát, hầu hết cha mẹ rất quan tâm, chăm sóc việc học tập và sinh hoạt của con cái, thu nhập gia đình nhiều em thuộc diện giàu có.

Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực nông thôn gồm: Trường TH Tuy Lộc huyện Cẩm Khê đạt chuẩn MĐ1; trường TH Xuân Huy huyện Lâm Thao đạt chuẩn MĐ2. Đây là những trường đại diện cho mẫu đại trà, cơ sở vật chất ở mức khá, đội ngũ GV có trình độ đạt chuẩn, gia đình HS phần lớn là thuần nông với mức thu nhập trung bình, trong đó vẫn có một số ít gia đình thuộc diện khó khăn.

Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực miền núi gồm: Trường TH Sơn Tình, huyện Cẩm Khê đạt chuẩn MĐ1; trường TH Tân Phú, huyện Tân Sơn đạt chuẩn MĐ2. Đây là những trường TH đại diện vùng khó khăn, được trang bị cơ sở vật chất ở mức

tối thiểu, GV có trình độ đạt chuẩn, phần lớn gia đình HS thuộc diện khó khăn, một số HS là con em dân tộc.

2.1.4. Khách thể khảo sát

Tổng số khách thể khảo sát của luận án là 1008 khách thể, trong đó có: 423 HSTH; 423 PHHS; 115 GVTH; và 47 chuyên gia, phân bố cụ thể như sau:

- **Đối với HSTH**

Luận án khảo sát ý kiến của 423 HSTH, trong đó về giới tính (204 HS nam, 219 HS nữ); về khối lớp (HS lớp 4: 212 em, HS lớp 5: 211 em); theo khu vực (HS thành thị: 138 em; HS nông thôn: 138 em; HS miền núi 147). HS được lựa chọn nghiên cứu có sự phát triển bình thường về thể chất, tâm lý, xã hội đồng thời chúng tôi lựa chọn khảo sát một cách ngẫu nhiên do đó, kết quả thu được là đảm bảo độ tin cậy, tính khả thi, tính thực tiễn cao.

- **Đối với giáo viên tiểu học**

Luận án khảo sát ý kiến của 115 GVTH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong đó có: 57 GV giảng dạy ở lớp 4; 58 GV giảng dạy ở lớp 5. Hầu hết các GV đều trong độ tuổi từ 25 đến 46 tuổi, đạt trình độ từ cao đẳng trở lên, có thâm niên giảng dạy từ 2 đến 20 năm.

- **Phụ huynh học sinh**

Luận án khảo sát ý kiến của 423 PHHS lớp 4 và lớp 5. Các bậc phụ huynh phần lớn là bố (mẹ) của các em ngoài ra, có một số ít là ông (bà) của các cháu - Đây là những người thường xuyên sống cùng với các em trong một mái nhà; rất am hiểu tính cách, năng lực, sở thích của các em do đó, họ cũng sẽ có những đánh giá tương đối chính xác về các biểu hiện KN phòng chống XHTD của con cháu mình trong cuộc sống hàng ngày.

- **Chuyên gia giáo dục tiểu học**

Luận án khảo sát ý kiến của 47 chuyên gia thuộc các lĩnh vực tâm lý và giáo dục tiểu học, trong đó có 21 hiệu trưởng; 9 hiệu phó chuyên môn của 30 trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; 5 giảng viên thuộc Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và 5 giảng viên khoa Chính trị & Tâm lý giáo dục của trường Đại học Hùng Vương; 4 chuyên viên phòng tiểu học thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo; 5 cán bộ công an tỉnh Phú Thọ.

2.1.5. Thời gian khảo sát

Giai đoạn 1: Khảo sát thăm dò được thực hiện vào học kì 2 năm học 2018 - 2019 (Xem phụ lục 1). Giai đoạn 2: Khảo sát chính thức được thực hiện vào học kì 1 năm học 2019 - 2020 (Xem phụ lục 2).

2.1.6. Phương pháp và công cụ khảo sát

Để đánh giá khách quan thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH, chúng tôi sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu.

2.1.6.1. Phương pháp điều tra

Quy trình thực hiện PP điều tra bằng bảng hỏi được tiến hành như sau:

Bước thứ nhất: Thiết kế bảng hỏi

- Bảng hỏi thứ nhất dành cho HS lớp 4 và lớp 5 (Xem phụ lục 1B1) trong đó: Các câu 1, 10, 11, 14 được tính theo tần số và tỷ lệ % vì các câu hỏi này không có thang đo cho nên không tính hệ số tin cậy; câu số 15 là câu hỏi mở; các câu: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13 với tổng số 115 item, đều được tính hệ số tin cậy Cronbach's Alpha (α).

- Bảng hỏi thứ hai dành cho PHHS (Xem phụ lục 1B2) và bảng hỏi dành cho GV (Xem phụ lục 1B3), trong đó: Câu 1, 5 được tính theo tần số và tỷ lệ %; câu 2, 6, 10, 11 là câu hỏi mở; câu 3, 4, 7, 8, 9 với tổng số 90 item đều được tính hệ số tin cậy Cronbach's Alpha (α).

Chúng tôi thiết kế các câu hỏi mở trong các phiếu khảo sát nhằm thu thập ý kiến, suy nghĩ, đánh giá của HSTH, GVTH, PHHS về GD phòng chống XHTD cho HSTH và những ý kiến đó sẽ được bổ sung vào kết quả nghiên cứu của luận án.

Bước thứ hai: Khảo sát thăm dò

Tiến hành lựa chọn mẫu ngẫu nhiên và tiến hành khảo sát thăm dò 12 GV, 66 HS tại 3 trường khảo sát: Trường TH Phong Châu; trường TH Phú Hộ; trường TH Xuân Huy sau đó, chúng tôi điều chỉnh và hoàn thiện nội dung bảng hỏi sao cho phù hợp với đối tượng HS lớp 4 và lớp 5.

Xác định độ tin cậy của bảng hỏi

Để xác định độ tin cậy và đánh giá độ hiệu lực về nội dung của từng thang đo, chúng tôi xử lí và kiểm định với các kỹ thuật thống kê trên cơ sở phân tích độ tin cậy của hệ số Cronbach's Alpha (α) theo điều kiện $0.6 < \alpha < 1$ và hệ số tương quan giữa từng item và toàn bộ thang đo. Kết quả điều tra khảo sát cho thấy: Thang đo lường đạt

ở MĐ Tốt, giao động từ 0.737 đến 0.945, các item của phép đo có tính đồng nhất và hoàn toàn đủ độ tin cậy để phục vụ cho quá trình khảo sát luận án.

Bước 3. Điều tra chính thức

Chúng tôi tiến hành gửi phiếu hỏi tới GV, PHHS và các em HS lớp 4, lớp 5 ở các trường tiểu học khảo sát. GV, PHHS và các em HS sẽ trả lời câu hỏi trong phiếu sau đó, chúng tôi thu kết quả về, chọn lọc những phiếu đạt yêu cầu; nhập số liệu và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS để tìm hiểu thông số: hệ số tương quan Spearman; giá trị trung bình, độ lệch chuẩn.

2.1.6.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Qua phỏng vấn 06 cán bộ quản lý; 18 GVTH; 18 phụ huynh và 18 HSTH nhằm tìm hiểu những vấn đề liên quan: Tâm tư, tình cảm, quan điểm, hoàn cảnh, điều kiện kinh tế gia đình HS từ đó, chính xác hóa những nhân tố ảnh hưởng tới quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH.

Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị chu đáo. Tùy thuộc vào từng nhóm đối tượng mà chúng tôi phỏng vấn đến những khía cạnh khác nhau (*Xem phụ lục 1D*).

Đối với HSTH: Phỏng vấn chủ yếu liên quan đến đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng phòng chống XHTD hiện có ở các em (*Xem phụ lục 1D1*).

Đối với các chuyên gia: Phỏng vấn nhằm trao đổi và lắng nghe ý kiến của những người am hiểu, có chuyên môn và có kinh nghiệm về nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS (*Xem phụ lục 1D2*).

Đối với CBQL và GV trong nhà trường TH: Phỏng vấn nhằm trao đổi về các thông tin liên quan đến chương trình GD; các hình thức GD trải nghiệm, các biện pháp GD bảo vệ an toàn cho HSTH trước các vấn nạn của xã hội (*Xem phụ lục 1D3*).

Đối với phụ huynh và cán bộ cộng đồng: Phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu về phía gia đình và cộng đồng đã áp dụng những biện pháp nào để hỗ trợ HSTH phòng chống XHTD trong bối cảnh xã hội hiện nay? Từ đó làm nổi bật lên ảnh hưởng của gia đình và cộng đồng trong việc bảo vệ an toàn cho con em mình trước các vấn nạn của xã hội (*Xem phụ lục 1D4*).

Các cuộc phỏng vấn đều được diễn ra một cách tự nhiên và thoải mái; toàn bộ nội dung phỏng vấn đều được ghi âm; kết quả phỏng vấn đã giúp chúng tôi có thêm những thông tin chính xác và chi tiết mà các phương pháp khác không thể có được, kết quả này góp phần làm rõ hơn kết quả nghiên cứu của luận án.

2.1.6.3. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

Gặp gỡ trực tiếp một số cán bộ công an trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, các cán bộ quản lý GD, đội ngũ GV, những chuyên gia có kinh nghiệm trong GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS nhằm thu thập, trao đổi, xin ý kiến về những vấn đề có liên quan tới luận án.

2.1.6.4. Phương pháp quan sát

Phương pháp này bao gồm quan sát có chủ định và quan sát không chủ định. Nguyên tắc của quan sát: Hoạt động diễn ra một cách tự nhiên, không có tác động của nhà nghiên cứu, tạo cảm giác thân thiện, cởi mở để HS tự bộc lộ KN. Thời gian tiến hành quan sát diễn ra ở học kì 1 năm học 2019 - 2020. Nội dung quan sát gồm:

1. Quan sát hoạt động của giáo viên trong quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH của người GV.

2. Quan sát biểu hiện các MĐ của HSTH trong quá trình GD phòng chống XHTD (*Xem phụ lục 1E*). Cụ thể: Quan sát KN nhận diện XHTD ở HSTH; quan sát KN phòng ngừa XHTD ở HSTH; quan sát KN kiểm soát cảm xúc ở HSTH; quan sát KN ứng phó với XHTD ở HSTH.

Khi tiến hành nghiên cứu, chúng tôi có mời đội ngũ CBQL, GV có kinh nghiệm, các chuyên gia trong lĩnh vực GD tiểu học cùng quan sát hoạt động giáo dục của GV và các biểu hiện hành vi của HS để từ đó có những đánh giá khái quát vấn đề nghiên cứu.

2.1.7. Tiêu chí và thang đánh giá kết quả khảo sát

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung đánh giá HSTH theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT; thông tư 27/2020/TTBGDĐT để đảm bảo độ khách quan trong đánh giá KN phòng chống XHTD và phù hợp với đặc điểm nhận thức ở HSTH giúp các em dễ dàng phân biệt sự khác nhau giữa các MĐ, luận án xây dựng thang đánh giá theo 3 MĐ: Tốt; Đạt; Cần cố gắng tương ứng với thang điểm 3, điểm tối đa 3 điểm, điểm tối thiểu 1 điểm theo MĐ giảm dần và theo hai tiêu chí (Ý thức và hành động). Trong đó: Giá trị trung bình có ý nghĩa đối với thang đo khoảng; giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (3-1)/3 = 0.66$ do đó, có thang đo có kết quả như sau: MĐ Cần cố gắng từ 1.0 đến < 1.66 ; MĐ Đạt từ 1.66 đến < 2.33 ; MĐ Tốt từ 2.33 đến ≤ 3.0 . Trên cơ sở thang đo đánh giá chung, chúng tôi xây dựng thang đo cho 4 nội dung cụ thể: Nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc bản thân; phòng ngừa nguy cơ XHTD; ứng phó với

hành vi XHTD cho HSTH (Phụ lục 2).

Để đánh giá hoạt động GD phòng chống XHTD ở người GVTH, luận án xây dựng theo thang thứ bậc của Likert (Thang 5 MĐ: Rất tốt; Tốt; Khá; Trung bình, Yếu); tương ứng với thang điểm 5 (Điểm tối đa: 5 điểm; điểm tối thiểu: 1 điểm theo MĐ giảm dần). Trong đó: Giá trị khoảng cách = $(5-1)/5 = 0.8$ do đó, kết quả thang đo như sau: MĐ Yếu từ 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình từ 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá từ 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt từ 3.4 đến < 4.20; MĐ Rất tốt từ 4.20 đến ≤ 5.0 .

2.2. Phân tích kết quả nghiên cứu khảo sát

2.2.1. Thực trạng phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH

2.2.1.1. Thực trạng mức độ nhận thức phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH

Bảng 2.1: Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về mức độ nhận thức phòng chống XHTD ở HSTH

MĐ nhận thức	ĐG của GV		ĐG của PHHS		TĐG của HS	
	SL	%	SL	%	SL	%
Cần cố gắng	96	83.5	291	68.8	106	25.1
Đạt	17	14.8	124	29.3	160	37.8
Tốt	2	1.7	8	1.9	157	37.1
Tổng	115	100.0	423	100.0	423	100.0

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 2.1, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

Có sự khác nhau giữa đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về MĐ nhận thức phòng chống XHTD ở HSTH. HS thường có xu hướng đánh giá mình cao hơn rất nhiều so với GV và PHHS đánh giá về các em; các em thường đánh giá mình ở MĐ Đạt và tốt chiếm 74.9% trong khi GV và PHHS đánh giá các em chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Cụ thể: Ở MĐ Tốt, HS tự đánh giá mình chiếm 37.1% trong khi PHHS đánh giá các em là 1.9%, GV đánh giá 1,7 %. Ở MĐ Đạt, HS tự đánh giá chiếm 37.8% trong khi PHHS đánh giá các em là 29.3%, GV đánh giá 14.8 %. Ở MĐ Cần cố gắng, HS tự đánh giá mình chiếm 25.1 % trong khi PHHS đánh giá các em là 68.8%, GV đánh giá 83.5%.

Sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu với HS, chúng tôi thu được kết quả: Đa số HSTH đánh giá nhận thức về tầm quan trọng của phòng chống XHTD ở MĐ bình thường chiếm 50.64%, MĐ ít quan trọng chiếm 43.35%; MĐ không quan trọng chiếm 3.75% tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn một số ít HSTH đánh giá phòng chống XHTD ở

MĐ quan trọng chiếm 2,26%. Những số liệu này một lần nữa khẳng định: Nhận thức của các em HS còn hạn chế, các em chưa ý thức được tầm quan trọng của GD phòng chống XHTD.

Mặt khác, trên cơ sở đặt ra câu hỏi “*Nêu hậu quả của XHTD đối với HSTH*” chúng tôi rút ra nhận xét: Đa số HS không nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của XHTD đối với sự phát triển thể chất, tâm lí và xã hội đối với bản thân. Một số HSTH biết được XHTD để lại tổn thương lớn cho nạn nhân nhưng khi được hỏi: *Hãy nêu cụ thể những tổn thương đó là gì* thì các em lúng túng, không biết trả lời thế nào? Sự thiếu hụt trong nhận thức của các em bao gồm sự thiếu hiểu biết về quyền trẻ em, về giới tính, nhận biết, cách ứng phó với hành vi XHTD... “*Các em còn không biết mình có những quyền gì và càng không biết làm thế nào để bảo vệ quyền của mình...*” (RaFH 2007).

Đáng buồn là một số bộ phận nhỏ PHHS cho rằng: Lứa tuổi HSTH còn nhỏ, trường hợp bị XHTD là hiếm cho nên phòng chống XHTD cho lứa tuổi này là không cần thiết... Điều này xuất phát từ nhận thức sai lầm: XHTD chỉ có thể diễn ra theo cách quan hệ tình dục của người trưởng thành. Đồng quan điểm với kết quả này, nghiên cứu của Viện tâm lý, Trung tâm nghiên cứu gia đình, sức khỏe và cộng đồng khẳng định: Chỉ có 53.4% cha mẹ được hỏi là biết các hành vi XHTD bao gồm dụ dỗ trẻ xem tranh, ảnh, phim khiêu dâm, sờ, nắn, chạm vào các bộ phận kín trên cơ thể... Điều này cũng dễ dàng giải thích bởi PHHS xuất thân từ rất nhiều ngành nghề khác nhau và hiểu biết của học về kiến thức XHTD cũng là khác nhau [99].

2.2.1.2. Thực trạng mức độ biểu hiện thái độ phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH

Bảng 2.2: Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về mức độ biểu hiện thái độ phòng chống XHTD ở HSTH

Biểu hiện thái độ		ĐG của GV		ĐG của PHHS		TĐG của HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Thái độ tích cực	Nhiệt tình, tích cực tham gia	1.16	0.41	1.26	0.48	2.77	0.41
	Có tham gia	1.14	0.40	1.61	0.49	2.75	0.45
	Hưởng ứng	1.15	0.43	1.24	0.47	2.79	0.42
	ĐTB chung	1.15	0.35	1.47	0.31	2.77	0.43

Thái độ tiêu cực	Né tránh	2.04	0.82	2.29	0.55	2.78	0.43
	Không tự nguyện tham gia	2.01	0.81	2.83	0.37	2.77	0.42
	Thờ ơ, bàng quan	1.99	0.87	2.32	0.51	2.77	0.40
	ĐTB chung	2.01	0.73	2.48	0.36	2.77	0.40

Ghi chú: MĐ CCG từ 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 2.2, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây: HSTH thường có xu hướng đánh giá thái độ của bản thân cao hơn nhiều so với đánh giá của GV và PHHS với tổng ĐTB ở mức tốt là 2.77. Đánh giá của GV và PHHS về biểu hiện thái độ phòng chống XHTD ở HSTH nhìn chung là tương đương nhau.

Về thái độ tiêu cực: HSTH đánh giá bản thân ở MĐ Tốt (ĐTB=2.77) với những biểu hiện: Né tránh; không tự nguyện tham gia; thờ ơ, bàng quan quá trình GD phòng chống XHTD và đánh giá này có sự tương đồng trong đánh giá của PHHS (MĐ Tốt: ĐTB=2.48) và GV (MĐ Đạt: ĐTB=2.01) về các em.

Về thái độ tích cực: HSTH cũng tự đánh giá bản thân ở MĐ Tốt (ĐTB=2.77) với những biểu hiện: Nhiệt tình và tích cực tham gia; có tham gia, hưởng ứng quá trình GD phòng chống XHTD trong khi GV và PHHS đánh giá các em ở MĐ Cần cố gắng.

Từ phân tích trên cho thấy: Có mâu thuẫn trong tự đánh giá của HSTH. Các em đánh giá cao bản thân ở biểu hiện thái độ tích cực đồng thời đánh giá cao bản thân ở các biểu hiện thái độ tiêu cực, trong khi đánh giá của GV và PHHS có sự thống nhất. Điều này cho thấy khả năng tự đánh giá bản thân ở HSTH còn hạn chế, các em không nhận thức được tầm quan trọng của phòng chống XHTD...

2.2.1.3. Thực trạng kỹ năng phòng chống XHTD ở HSTH

Qua bảng số liệu 2.3, chúng tôi rút ra một số các kết luận sau đây: HSTH thường có xu hướng đánh giá KN của bản thân cao hơn nhiều so với GV và PHHS đánh giá về các em với tổng ĐTB ở mức Đạt: 2.17; đánh giá của GV và PHHS về KN phòng chống XHTD ở HSTH là giống nhau, đều ở MĐ Cần cố gắng trong đó điểm trung bình PHHS đánh giá thấp hơn so với GV đánh giá KN phòng chống XHTD ở HSTH là 0.21.

Qua quan sát trực tiếp các KN phòng chống XHTD ở HSTH, chúng tôi cũng hoàn toàn nhất trí với đánh giá của GV và PHHS. Mặt khác, khi phỏng vấn, trò chuyện trực tiếp với 1 số PHHS và GV về những việc làm cụ thể và thiết thực của họ trong phòng chống XHTD cho HSTH, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Để phòng chống XHTD cho HSTH, đội ngũ GVTH đã tham gia tích cực hoạt động tuyên truyền về phòng chống XHTD; xây dựng môi trường GD lành mạnh; chia sẻ những câu chuyện thực tế để trẻ luôn ý thức bảo vệ bản thân mình; trò chuyện, gần gũi với trẻ về giới tính và các vấn đề tình dục phù hợp với lứa tuổi của trẻ; khuyến khích trẻ tham gia vào câu lạc bộ hoặc các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao KN phòng chống XHTD; luôn là tấm gương cho trẻ về các hành động tôn trọng thể chất và tinh thần của người khác... Những việc làm thiết thực này đã có sức lan tỏa góp phần làm hạn chế vấn nạn XHTD diễn ra trong học đường song để ngăn chặn hành vi XHTD, những việc làm như vậy vẫn còn chưa đủ mà bản thân HSTH còn cần hơn nữa sự tận tâm, nhiệt huyết của người GV trong việc trang bị kiến thức, KN ứng phó tích cực với hành vi XHTD để các em có thể tự tin vượt qua tình huống nguy hiểm trong cuộc sống.

Phía PHHS do nhận thức khác nhau cho nên những đóng góp từ phía họ tới phòng chống XHTD cho HSTH cũng khác nhau. Có nhiều PHHS nhận thức tầm quan trọng của phòng chống XHTD đối với sự phát triển của con em mình cho nên họ tích cực, nhiệt tình làm mọi biện pháp để giúp con được an toàn. Qua trao đổi trò chuyện: Các chuyên gia cũng khẳng định điều này hoàn toàn phù hợp bởi nó xuất phát từ việc lo lắng, sợ con em mình gặp nguy hiểm và bị XHTD bất cứ khi nào cho nên PHHS luôn tích cực, chủ động làm bất cứ việc gì để bảo vệ an toàn cho con em mình. Thực tế, nhiều PHHS tham gia tích cực hoạt động tuyên truyền về phòng chống XHTD; là thành viên của mạng lưới bảo vệ trẻ em tại trường học, địa phương; tham gia xây dựng các chính sách hỗ trợ cho hoạt động của các lực lượng cộng đồng trong phòng chống XHTD; đăng ký cho con em mình tham gia vào câu lạc bộ hoặc các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao KN phòng chống XHTD. Khi trao đổi trò chuyện và phỏng vấn với một số PHHS về những việc làm của họ trong việc phòng chống XHTD cho con em mình, chúng tôi thu được kết quả như sau: Một bộ phận không nhỏ PHHS do lo lắng thái quá cho con mình đến mức cấm đoán con không giao tiếp với người khác; bắt con nhất nhất luôn ngoan ngoãn làm theo ý cha mẹ; hạn chế tới mức tối đa trẻ ra khỏi nhà và nếu bước ra khỏi nhà là luôn luôn theo sát trẻ, không cho trẻ ở một mình thậm chí nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng hay với cha mẹ, ông bà, họ hàng khi dạy trẻ phòng tránh XHTD.

Bên cạnh đó, có một bộ phận không nhỏ PHHS tỏ ra thờ ơ, né tránh, xuất phát từ nhận thức không đúng khi cho rằng: *“HSTH còn quá nhỏ nên khả năng bị XHTD là*

hiếm và việc phòng chống XHTD cho các em là việc làm có cũng được mà không có cũng chẳng sao” chính vì vậy mà hành động của họ đối với phòng chống XHTD cho HSTH là không đáng kể và thường có tư tưởng “Trăm sự nhờ các thầy cô giáo ở trường”. Điều này cũng rất nguy hiểm bởi “phòng bệnh hơn chữa bệnh”...

Khi trao đổi phỏng vấn với PHHS thì chúng tôi hiểu rằng: Đa số họ thừa nhận, chưa bao giờ trò chuyện và hướng dẫn con về những tình huống phòng chống XHTD để giúp các con hiểu rằng: Dù người khác dụ dỗ, cho quà, đồ ăn, thức uống mà mình yêu thích... khi chưa được sự cho phép của cha mẹ thì cũng không được nhận.

Mặt khác, ngay kể cả GVTH, khi chúng tôi trò chuyện nhằm tìm hiểu thực tế giảng dạy KN phòng chống XHTD cho HSTH thì nhiều GV còn thấy e ngại, không biết dùng từ ngữ thích hợp để giải thích cho HS. Họ cho rằng, đây là những vấn đề nhạy cảm rất khó dạy cho HS.

Bảng 2.3. Đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về kĩ năng phòng chống XHTD ở HSTH

Kĩ năng	ĐG của GV		ĐG của PHHS		TĐG của Học sinh	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	MĐ	ĐTB	MĐ
<i>1. Kĩ năng phòng ngừa các nguy cơ xâm hại tình dục</i>						
Phòng ngừa thủ phạm xâm hại tình dục và những thủ đoạn của chúng	1.54	0.56	1.22	0.46	2.44	0.49
Phòng ngừa địa điểm, tình huống có nguy cơ xâm hại tình dục	1.56	0.56	1.23	0.47	2.06	0.46
Phòng ngừa đụng chạm không an toàn	1.53	0.53	1.23	0.48	2.17	0.56
ĐTB chung	1.54	0.44	1.23	0.42	2.22	0.38
<i>2. Kĩ năng nhận diện hành vi xâm hại tình dục</i>						
Nhận diện cảnh báo chạm	1.38	0.51	1.24	0.47	2.19	0.54
Nhận diện cảnh báo nhìn	1.41	0.56	1.25	0.47	2.20	0.52
Nhận diện cảnh báo nghe	1.46	0.57	1.26	0.48	2.04	0.37
Nhận diện cảnh báo ôm	1.47	0.54	1.25	0.48	2.18	0.55
ĐTB chung	1.43	0.44	1.25	0.43	2.15	0.41
<i>3. Kĩ năng kiểm soát cảm xúc bản thân trước xâm hại tình dục</i>						

Hiểu rõ cảm xúc của bản thân	1.53	0.57	1.27	0.49	2.06	0.52
Làm chủ cảm xúc của mình trước xâm hại tình dục	1.49	0.52	1.19	0.44	2.10	0.47
ĐTB chung	1.51	0.46	1.23	0.44	2.08	0.43
<i>4. Kỹ năng ứng phó với xâm hại tình dục</i>						
Tự ứng phó với hành vi xâm hại tình dục	1.43	0.53	1.24	0.49	2.05	0.35
Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	1.42	0.56	1.23	0.47	2.16	0.56
Kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng.	1.50	0.56	1.26	0.52	2.14	0.52
ĐTB chung	1.45	0.46	1.24	0.45	2.17	0.39

Ghi chú: MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua xử lý số liệu, kết hợp với quá trình tiếp xúc và trò chuyện với HSTH, chúng tôi rút ra nhận xét sau: Nhận thức và KN phòng chống XHTD ở HSTH chỉ đạt mức độ Cần cố gắng. KN nhận diện hành vi XHTD là một trong bốn nội dung của phòng chống XHTD mà GV đánh giá HSTH kém nhất với ĐTB thấp nhất 1.43 trong khi PHHS đánh giá KN kiểm soát cảm xúc bản thân trước XHTD; KN phòng ngừa các nguy cơ XHTD là hai KN kém nhất ở HSTH với ĐTB thấp như nhau 1.23. KN phòng ngừa các nguy cơ XHTD là một trong bốn nội dung của phòng chống XHTD mà GV đánh giá HSTH cao nhất với ĐTB 1.54 và tự bản thân HS cũng đánh giá KN này ở bản thân là tốt nhất với ĐTB 2.22.

a. Kỹ năng phòng ngừa các nguy cơ xâm hại tình dục

HS tự đánh giá kỹ năng phòng ngừa XHTD ở MĐ Đạt trở lên trong khi GV và PHHS đánh giá các em ở MĐ Cần cố gắng. Tuy nhiên đây là KN có ĐTB giáo viên đánh giá cao nhất 1.54 trong khi ĐTB mà PHHS đánh giá là 1.23. Cụ thể:

Phòng ngừa thủ phạm và thủ đoạn xâm hại tình dục: ĐTB mà PHHS đánh giá là thấp nhất 1.24 trong khi GV đánh giá các em là 1.38, HS tự đánh giá là 1.88...

Bảng 2.4: Tự đánh giá về kỹ năng phòng ngừa thủ phạm xâm hại tình dục ở HSTH

Nội dung	TĐG của học sinh		
	ĐTB	ĐLC	MĐ
Những người lạ	2.50	0.50	Tốt
Những người quen biết	1.58	0.51	CCG

Người thân trong gia đình	1.00	0.60	CCG
Người mắc chứng ấu dâm	2.68	0.46	Tốt
Tất cả những người có điều kiện tiếp xúc với em đều có nguy cơ xâm hại tình dục.	1.64	0.50	CCG
Tổng trung bình	1.88	0.22	Đạt

Ghi chú: MD CCG 1.0 đến < 1.66; MD Đạt 1.66 đến < 2.33; MD Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua bảng 2.4 cho thấy: Việc xác định thủ phạm XHTD của các em còn hạn chế, các em cho rằng thủ phạm XHTD chủ yếu là người mắc chứng ấu dâm (với ĐTB 2.68); tiếp đến là người lạ (với ĐTB 2.50). Sai lầm trong nhận thức của HSTH cho rằng: Người thân trong gia đình không thể trở thành thủ phạm XHTD con cháu với ĐTB 1.0. Đây cũng là nguyên nhân khi các em bị chính người thân của mình XHTD thì những tổn thương tâm lý và trong tâm hồn của các em trở nên vô cùng sâu sắc. Đau lòng nhất khi những người thân yêu nhất lại là người mang lại tai họa cho các em: Bó hiếp dâm con gái ruột mù lòa đến mang thai đang khiến dư luận cả nước bức xúc phẫn nộ trong thời gian gần đây. Câu chuyện khó tin nhưng có thật này xảy ra đầu năm 2019, tại tỉnh Phú Thọ và hiện Công an tỉnh Phú Thọ đã bắt tạm giam Nguyễn Văn Hải (SN 1981, trú tại xã Dị Nậu, huyện Tam Nông) (7/2019) để điều tra về hành vi hiếp dâm người dưới 16 tuổi và nạn nhân trong vụ việc chính là một bé gái mù lòa - con ruột của Hải.

Khi trao đổi trò chuyện, phỏng vấn trực tiếp, một số GV và PHHS đánh giá kỹ năng phòng ngừa các nguy cơ xâm hại tình dục các em vẫn còn chưa tốt: Các em vẫn còn hiện tượng nhận quà, bánh và những đồ vật mình yêu thích... từ bất kỳ ai mà không có lý do; chưa giữ khoảng cách an toàn với mọi người; một số ít HS nam vẫn vô tư cởi quần áo trước mặt mọi người... đặc biệt là việc trang bị KN tự vệ và KN ứng phó với XHTD ở các em chưa tốt... Đa số HS không nhận diện được đối tượng xâm hại đặc biệt là các thủ đoạn của chúng vì thế các em dễ gần gũi với thủ phạm xâm hại và dễ dàng bị dụ dỗ bởi các thủ đoạn của chúng và tuyệt đối giữ bí mật với mọi người ngay kể cả với người mà em tin cậy nhất.

Phòng ngừa địa điểm xảy ra xâm hại tình dục: Điểm trung bình PHHS đánh giá là thấp nhất 1.26 trong khi GV đánh giá các em là 1.46, HSTH tự đánh giá bản thân là 2.04... Qua bảng 2 phụ lục 11 cho thấy: Đa số HS đều cho rằng chỉ những đoạn đường vắng vẻ và thiếu đèn đường là có nguy cơ XHTD cao nhất với ĐTB là 2,38 còn những

địa điểm: Trên các phương tiện công cộng như xe buýt, xe khách... hay không gian công cộng như: Công viên, bến xe; khu vực nhà vệ sinh ở trường học, nhà vệ sinh công cộng mà đặc biệt là trong chính ngôi nhà của trẻ (với ĐTB 1.0) và trong lớp học (với ĐTB 1.57) là những địa điểm đảm bảo sự an toàn rất lớn cho các em. Chính vì nhận thức sai lầm như vậy cho nên nhiều trường hợp trong chính ngôi nhà và trong lớp học của mình, các em phải đối mặt với hành vi XHTD mà không có sự đề phòng, cảnh giác... Tuy nhiên, vẫn còn một số rất ít HS đã có nhận thức đúng đắn và khẳng định: Tất cả mọi địa điểm đều có nguy cơ XHTD cho nên lúc nào cũng trong tình huống sẵn sàng ứng phó với nguy hiểm.

Phòng ngừa những đụng chạm không an toàn: ĐTB mà PHHS đánh giá là thấp nhất 1.25 trong khi GV đánh giá các em là 1.48, HS tự đánh giá bản thân là 2.18... Qua bảng 4 phụ lục 11 cho thấy: Việc phòng ngừa những đụng chạm không an toàn của HSTH còn hạn chế. Ví dụ: *Cậu của Tuấn đôi khi tụt quần hoặc sờ vào trong quần em mỗi khi đùa giỡn với em hoặc ôm chầm lấy em khi chỉ có hai anh em ở nhà; chú hàng xóm tặng chiếc váy đẹp và bảo con cởi đồ mặc thử váy xem có vừa không? Bạn của bố mẹ cố tình sờ vào người Lan mỗi khi gặp em; nhóm bạn thân rủ em xem phim đồi trụy...* Trong những tình huống như trên, nhìn chung HSTH chưa xác định được, đây là những đụng chạm không an toàn, có nguy cơ XHTD.

Nhìn chung, KN phòng tránh XHTD ở HSTH mới ở MĐ Cần cố gắng song thực tế số trường hợp trẻ bị XHTD trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc lứa tuổi TH được các cơ quan phát hiện thì chưa nhiều, điều này cũng có thể giải thích bởi sự quản lý chặt chẽ của PHHS và ở nhà trường tuy nhiên bố mẹ, thầy cô cũng không thể bảo vệ 24/24 giờ cho con em của mình cho nên cách tốt nhất để đảm bảo an toàn cho trẻ là nhà trường và PHHS cần có sự phối hợp với nhau để giúp trẻ thực sự có KN phòng ngừa XHTD nhằm tự bảo vệ an toàn cho bản thân trước mọi tình huống xấu có thể xảy ra.

b. Kỹ năng nhận diện xâm hại tình dục ở HSTH

ĐTB mà PHHS đánh giá là thấp nhất 1.25 trong khi GV đánh giá các em là 1.46, HS tự đánh giá bản thân là 2.20... Qua bảng 3 phụ lục 11 cho thấy: Kỹ năng nhận diện XHTD thông qua các cảnh báo nhìn, nghe, nói, chạm, ôm của các em còn hạn chế. Các em chưa xác định được XHTH qua các tình huống cụ thể: *Ai đó cố ý để em nhìn thấy bộ phận nhạy cảm, bộ phận sinh dục của họ; cố tình chạm vào bộ phận nhạy cảm của em như môi, ngực, cơ quan sinh dục; rủ em đi chơi cùng họ dù chưa có sự đồng ý của bố mẹ;*

có tình sờ, chạm, tiếp xúc thân thể họ vào vùng nhạy cảm trên cơ thể em; chụp ảnh em khi em đang thay quần áo hoặc không mặc quần áo...

Để rút ra được kết luận chính xác và cho độ tin cậy hơn, chúng tôi đã tiến hành quan sát HSTH xử lý các tình huống giả định kết hợp với phỏng vấn một số GV và PHHS về các biểu hiện này ở HS. Kết quả quan sát và phỏng vấn khá tương đồng với kết quả thống kê và nhận định của người nghiên cứu. Cụ thể:

HSTH thường xuyên bị nhầm lẫn, đặc biệt các em không nhận diện được hoặc nhầm lẫn các biểu hiện của hành vi XHTD với các hành vi yêu thương do đó HS còn lúng túng, vụng về không biết lựa chọn cách ứng phó nào với XHTD thậm chí các em chấp nhận chịu đựng và làm theo yêu cầu của kẻ xâm hại. Phỏng vấn em N.A.T lớp 4 Trường TH Xuân Huy, em lúng túng trả lời: *“Cũng là ôm và va chạm vào cơ thể nhưng khi là được phép khi lại không được phép, khi là hành vi XHTD khi lại là hành vi yêu thương, sao em thấy khó hiểu và phức tạp lắm”*. Đây là băn khoăn không chỉ của em N.A.T mà còn của nhiều em HSTH. Trách nhiệm của gia đình và nhà trường là giải thích cho các em hiểu: Cũng là hành động ôm nhưng ở các tình huống khác nhau thì ý nghĩa khác nhau. Nếu là hành động yêu thương khi mang lại cho các em cảm giác được an toàn, được hạnh phúc, được vui vẻ... hay nói khái quát mang lại cảm xúc tích cực là động lực để các em hoàn thành tốt trong cuộc sống: Ngọt ngào như vòng tay âu yếm của mẹ cha... Song đó sẽ là hành vi XHTD nếu nó mang lại cảm giác đau khổ, bất an không chỉ về mặt cơ thể mà còn trong tâm hồn... Nói chung là những xúc cảm tiêu cực khiến em cảm thấy bị tổn thương.

Khi phỏng vấn HSTH, chúng tôi đặt câu hỏi: *Câu 1: Người đã làm công tác GD, công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em hoặc cán bộ của các cơ sở chăm sóc trẻ em thì sẽ không xâm hại trẻ em? Câu 2: Phụ nữ không bao giờ XHTD? Câu 3: Kẻ xâm hại trẻ em là những “người đàn ông bản thủ” hay “người đàn ông xấu xí”?... song đa số HSTH đều có câu trả lời chưa đầy đủ hoặc hoàn toàn không đúng điều đó cho thấy nhận diện thủ phạm có thể XHTD của các em là chưa tốt.*

Khi chúng tôi đặt tình huống giả định: *“Vào giờ tan trường, trong khi chờ bố mẹ tới đón, bác bảo vệ đột nhiên tới gần em, cho em bím bím, kẹo, sữa và rú em vào phòng bảo vệ của mình. Bác ấy thân mật, vỗ về và âu yếm em... Em sẽ làm gì trong tình huống này?”* và mời HS nhập vai và xử lý. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy: Đa số HS chọn phương án sai: *“đồng ý nhận quà và đi theo bác bảo vệ”*. Các em giải

thích với suy nghĩ rất ngây thơ: “*Bác bảo vệ cũng là người quen, gần gũi với các em trong trường học mà công việc của Bác là làm bảo vệ tức là đảm bảo an toàn cho trường và trong đó có cả em nên em tin tưởng Bác là người tốt.*” Lời giải thích trên cho thấy: HSTH còn non nớt, ngây thơ, luôn tin tưởng vào mọi người xung quanh nên các em không hề mấy may suy nghĩ về những trường hợp có thể xảy ra. Trong thực tế, có rất nhiều trường hợp bác bảo vệ lợi dụng sự quen biết để tiếp cận, sau đó thực hiện hành vi xấu của mình.

Xử lý tình huống “*Em đang được dạo chơi trong công viên, em bị thu hút bởi cảnh vật và nhiều con thú rất đáng yêu mà lần đầu con được nhìn thấy. Bỗng có người lạ ăn mặc rất lịch sự, ân cần lại gần hỏi chuyện và 1 lát sau cho kẹo bánh, đồ chơi ngồi sát cạnh em, vuốt tóc, bẹo má em và nhìn ngắm em hồi lâu rồi nói: “Em rất đáng yêu và rủ em đi chơi quanh công viên”.* Trong tình huống đó, em sẽ làm gì?” đa số HS đều trả lời: Nếu đó là bánh kẹo và đồ chơi mà con thích thì con sẽ nhận còn nếu đó là những bánh kẹo và đồ chơi mà con không thích thì con sẽ không nhận. Một số em thì sẽ đồng ý đi chơi với người lạ còn một số khác thì không; khi chúng tôi hỏi: “*Lí do tại sao con không đi chơi với người lạ*” thì nhiều bạn trả lời: vì con không thích và các em cũng chưa nêu được nguyên nhân chính là do con làm vậy để bảo vệ bản thân khỏi những nguy cơ xấu có thể xảy ra.

c. *Kỹ năng kiểm soát cảm xúc trước xâm hại tình dục*

Đây cũng là một trong những kỹ năng không được đánh giá cao ở HSTH với ĐTB tương đối thấp trong đó ĐTB mà GV đánh giá là 1.51; PHHS đánh giá là 1.23.

Qua quá trình quan sát HSTH xử lý các tình huống, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với đánh giá này của GV và PHHS bởi: Trước tình huống XHTD mang tính giả định nhưng đa số HS bộc lộ cảm xúc tiêu cực của mình rõ nét và đa dạng: Có em run sợ và khóc lóc, có em mặt đỏ bừng bừng hoặc hoảng hốt tái xanh, có em nhẫn nhịn chịu đựng, có em cảm thấy đau khổ và bị tổn thương, có em chấp nhận rủi ro và những điều không mong muốn... rất hiếm em có sự bình tĩnh suy nghĩ và lựa chọn cách ứng phó tích cực; đáng buồn hơn nữa là vẫn còn một số rất ít HS lại tồn tại xúc cảm vui vẻ, hạnh phúc vì nghĩ rằng đó hành động yêu thương.

Nhận thức sai lầm này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự an toàn của chính các em đồng thời khả năng kiềm chế xúc cảm, tình cảm của HS không tốt thì làm sao các em có đủ sáng suốt để điều khiển cảm xúc của mình cho phù hợp với từng tình

huống... Điều này cho thấy: Khả năng tự kiểm chế của HSTH còn yếu, giàu cảm xúc và sống bằng cảm xúc; rất dễ xúc động trước các thay đổi của cuộc sống và nhìn chung, HSTH thường có xu hướng thể hiện cường độ cảm xúc mạnh mẽ, khóc cười hồn nhiên, đặc biệt là rất dễ tổn thương.

d. Kỹ năng ứng phó với xâm hại tình dục của HSTH

Nhìn chung kỹ năng KN ứng phó với XHTD của HSTH còn chưa tốt, lúng túng và không linh hoạt, điều này thể hiện trong cách đánh giá của GV và PHHS ở MĐ Cần cố gắng. Mặc dù, bản thân HSTH tự đánh giá KN ứng phó của bản thân tốt song lại mâu thuẫn với thực tiễn cách các em thể hiện KN.

Bảng 2.5. Tự đánh giá của HSTH về kỹ năng ứng phó với XHTD

KN ứng phó tích cực	MĐ		
	ĐTB	ĐLC	MĐ
Hét lên thật to và yêu cầu kẻ xâm hại dừng ngay hành động	1.63	0.62	CCG
Bỏ chạy thật nhanh	1.65	0.55	CCG
Bình tĩnh, lựa chọn cách ứng phó	1.66	0.64	CCG
Chia sẻ cảm xúc với những người em tin cậy	1.66	0.63	CCG
Hét to, bỏ chạy và kể lại cho người tin tưởng	1.66	0.56	CCG
ĐTB chung	1.65	0.44	CCG

Ghi chú: MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua bảng số liệu 2.5, chúng tôi rút ra một số nhận xét: HSTH chưa có KN ứng phó tích cực với XHTD, điều này được thể hiện ở ĐTB chung là 1.65 ở MĐ Cần cố gắng. Trong đó, cách ứng phó *Hét lên thật to và yêu cầu kẻ xâm hại dừng ngay hành động* có ĐTB thấp nhất 1.63, tiếp nữa là cách ứng phó “*bỏ chạy thật nhanh*” có ĐTB 1.65 và cuối cùng các cách ứng phó *Bình tĩnh, lựa chọn cách ứng phó phù hợp để thoát thân; chia sẻ cảm xúc của mình với những người mà em tin cậy để giải tỏa những căng thẳng của bản thân; hét to, bỏ chạy và kể lại cho người tin tưởng* có ĐTB giống nhau 1.66.

Khi trao đổi với cô giáo N.T.N - Hiệu trưởng trường TH Tuy Lộc cho biết: Một số HS thậm chí còn gần gũi với thủ phạm xâm hại và dễ dàng bị dụ dỗ bởi các thủ đoạn của chúng và tuyệt đối giữa bí mật với mọi người.

Trước tình huống có nguy cơ XHTD, đa số HS lựa chọn cách ứng phó: Van xin kẻ XHTD tha cho (xếp thứ nhất); cố gắng chịu đựng (xếp thứ hai); né tránh hành vi XHTD (xếp thứ ba); đổ lỗi cho bản thân (xếp thứ tư); cô lập bản thân (xếp thứ năm).

Ở một tình huống giả định khác: *“Khi em bị người khác (có thể là người quen, người thân trong gia đình hoặc có thể là người lạ) thực hiện một trong các hành động sau: Cho xem tranh, ảnh, phim có nội dung khiêu dâm; trò chuyện mang tính khiêu dâm; thể hiện quan tâm quá mức đến trẻ (hôn hít, ôm ấp...); đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm (ngực, sinh dục...), bắt em đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm của người đó... Em sẽ có những suy nghĩ và hành động như thế nào?”*

Đa số chúng tôi nhận được câu trả lời từ các em là cách ứng phó: Né tránh, phớt lờ, chối bỏ... tâm sự của em N.M.A trường TH Tuy Lộc là một ví dụ: *“Sau khi em bị người khác (có thể là người quen, người thân trong gia đình) thực hiện một trong các hành động như trên, em sẽ tự nhủ với bản thân rằng mình đang nhạy cảm quá. Đó chỉ là một trò đùa hoặc là sự vô tình chứ không hề cố ý, còn nếu là người lạ thực hiện một trong các hành động với em thì em sẽ né tránh để không bao giờ gặp lại kẻ đó một lần nào nữa...)* cũng rất may là gần như không có HSTH nào khi chúng tôi trò chuyện lựa chọn phương án: *“Để làm cho mình cảm thấy an toàn thì em sẽ thành kẻ tham gia hưởng ứng và cũng đi xâm hại người khác”* tuy nhiên gần như rất hiếm em sẽ lựa chọn một trong cách tích cực: Hét lên thật to và yêu cầu kẻ xâm hại dừng ngay hành động; bình tĩnh hoặc lựa chọn cách ứng phó phù hợp để thoát thân...

Mặt khác theo đánh giá của GV, trước tình huống XHTD đa số các em tìm kiếm sự trợ giúp, một số ít các em tự ứng phó và rất hiếm HS kết hợp được vừa tự ứng phó vừa tìm kiếm sự trợ giúp. Thực chất trong quá trình chúng tôi quan sát thực tế thì nhận thấy rằng: Tìm kiếm sự trợ giúp trước hành vi XHTD ở HSTH gắn liền với bản năng của các em nhiều hơn, trước nguy hiểm các em cứ la lớn và kêu gọi sự giúp đỡ bằng khoa chứ không hề có sự bình tĩnh, chủ động và tính toán trong việc tìm kiếm sự trợ giúp một cách có hiệu quả. Điều này được thể hiện rất rõ trong quá trình phỏng vấn trực tiếp một số HSTH về câu hỏi: *Em có biết rõ họ tên, địa chỉ cơ quan và số điện thoại của bố (mẹ); của ông (bà) ngoại hoặc ông (bà) nội; của một trong các cô, dì, chú, bác... trong gia đình em thì đa số các em trả lời rất lúng túng, có em biết được một số thông tin nhưng không đầy đủ hoặc đưa ra câu hỏi: Khi em gặp tình huống*

nguy hiểm, người mà em tìm kiếm sự trợ giúp là ai? Đa số HS trả lời: Em sẽ la lớn để ai nghe thấy lời em cầu cứu thì người đó sẽ tới giúp em...

Để đánh giá KN phòng chống XHTD cho HSTH, chúng tôi xây dựng 10 tình huống giả định với 4 phương án (PA) để HS lựa chọn: PA1: Chấp nhận và làm theo yêu cầu; PA2: Kiên quyết không làm theo yêu cầu; PA3: Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng; PA4: Kiên quyết không làm theo yêu cầu đồng thời tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng. Các tình huống, chúng tôi xây dựng xoay quanh các khía cạnh XHTD cho HSTH và qua xử lý số liệu thu được từ bảng 6 phụ lục 11, chúng tôi rút ra một số nhận xét:

Đa số HSTH chọn PA1: Chấp nhận và làm theo yêu cầu với ĐTB giao động từ 70.2 đến 81.1; PA3: Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng có ĐTB xếp thứ 2 giao động từ 16.2 đến 22.7; PA2: Kiên quyết không làm theo yêu cầu có ĐTB xếp thứ 3 giao động từ 5.2 đến 12.5; PA4: Kiên quyết không làm theo yêu cầu đồng thời tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng xếp thứ 4, rất ít em lựa chọn có ĐTB có giao động từ 0 -0.7. Điều này cho thấy: KN ứng phó với XHTD của HSTH tại các trường TH thuộc địa bàn thị xã Phú Thọ - tỉnh Phú Thọ còn chưa tốt.

Qua quá trình điều tra kết hợp với quan sát thực tế HS xử lý tình huống giả định, và phương pháp phỏng vấn trực tiếp, chúng tôi thu được một số kết quả sau:

Em N.M.Q lớp 4B trường TH Tuy Lộc đã tâm sự: *“Chúng em hiếm khi được tiếp xúc và sân khấu hóa với các tình huống như thế này, bình thường cô giáo đưa ra tình huống và chúng em đưa ra cách giải quyết cho nên khi cô yêu cầu nhập vai, chúng em cảm thấy rất khó khăn, lúng túng bởi thực tế chúng em chưa gặp tình huống như thế”*.

Tóm lại, PHHS vẫn đánh giá thấp hơn so với GV đánh giá về KN phòng chống XHTD ở HSTH, lý giải điều này theo chúng tôi, phụ huynh hay lo lắng thái quá cho con cái, chỉ sợ con gặp nguy hiểm cho nên thường có xu hướng bảo vệ con, không để con tự lập, rèn luyện khả năng tự vệ của chính mình đồng thời, phụ huynh chỉ quan sát một HS là con của mình nên khắt khe hơn trong đánh giá các biểu hiện cụ thể của các em trong công tác phòng chống XHTD hàng ngày. Trong khi đó, đánh giá của GV sẽ có cái nhìn khách quan hơn trong đánh giá tổng thể giữa các HS trong một lớp, trong cùng một lứa tuổi. tuy nhiên, sự chênh lệch giữa kết quả đánh giá của GV và phụ huynh cũng không đáng kể...

2.2.1.4. Đánh giá mức độ phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH theo giới tính, khu vực, khối lớp và theo các trường trên địa bàn khảo sát

Chúng tôi sử dụng kiểm định ANOVA và kết quả $p < 0.05$ cho thấy có sự khác biệt về mức độ phòng chống XHTD giữa HS nam và HS nữ; giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các khối lớp 4 và lớp 5. Cụ thể:

Bảng 2.6. Sự khác biệt trong đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HSTH về nội dung GD phòng chống XHTD theo giới tính, khu vực và khối lớp

Đối tượng		Giới tính		Khối lớp		Khu vực		
		Nam (n=204)	Nữ (n=219)	Lớp 4 (n=210)	Lớp 5 (n=211)	T. thị (n=138)	N. thôn (n=138)	M. núi (n=147)
HSTH	ĐTB	2.04	2.37	2.26	2.34	2.52	2.16	1.97
	p	0.000		0.000		0.000		
GVTH	ĐTB	1.51	1.86	1.87	1.95	2.00	1.57	1.48
	p	0.000		0.000		0.000		
PHHS	ĐTB	1.46	1.81	1.85	1.93	1.84	1.52	1.43
	p	0.000		0.000		0.000		

Ghi chú: MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua bảng số liệu trên cho thấy: Có sự tương đồng trong đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về GD phòng chống XHTD theo giới tính, khu vực và khối lớp.

Về giới tính: HS nữ có KN phòng chống XHTD tốt hơn HS nam: Tự HSTH đánh giá, nữ HS đạt ở MĐ Tốt (với ĐTB = 2.37) cao hơn nam HS (với ĐTB = 2.04), ở MĐ Đạt trong khi GVTH và PHHS đánh giá nữ HS ở MĐ Đạt còn nam HS ở MĐ Cần cố gắng.

Phỏng vấn các chuyên gia trong lĩnh vực này thì chúng tôi hiểu: Hầu hết mọi người đều cho rằng nạn nhân bị XHTD là nữ cho nên các lực lượng GD nói chung và bản thân các em nữ bao giờ cũng cảnh giác và chủ động hơn trong việc phòng chống XHTD so với các em nam. Và kết quả này là phù hợp với nghiên cứu của Child Helpline: “Trong 59 trẻ em bị XHTD được giúp đỡ qua đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em thì có tới 56 trẻ là nữ và 3 trường hợp là trẻ nam” [53].

Mặt khác, xuất phát từ quan điểm cho rằng các em bé gái thường yếu đuối không mạnh mẽ bằng các em nam cho nên phong tục văn hóa và luật lệ xã hội ở 1 số quốc gia

thường bảo vệ và giám sát chặt đối với các bé gái và chỉ tập trung GD phòng chống XHTD cho HS nữ. Chính vì điều này, đôi khi các bé trai thường là nhóm dễ tổn thương và là nhóm có nguy cơ XHTD bởi các em nam thường được coi là phái mạnh, có khả năng tự bảo vệ mình cho nên xã hội có xu hướng ít nhìn nhận hiện tượng XHTD đối với các em nam và mối quan hệ tình dục giữa nam giới và nam giới.

Đánh giá theo khối lớp: HS lớp 5 thì có KN phòng chống XHTD tốt hơn lớp 4 tuy nhiên mức độ chênh lệch của khối lớp 4 và lớp 5 là không đáng kể. Điều này cũng dễ hiểu bởi HS càng lớp lớn thì trình độ hiểu biết, MĐ rèn luyện KN và sự tích lũy kinh nghiệm của các em tốt hơn.

Đánh giá theo khu vực: HS ở khu vực thành thị có KN phòng chống XHTD tốt hơn so với HS khu vực nông thôn và HS khu vực nông thôn có KN phòng chống XHTD tốt hơn so với HS khu vực miền núi tuy nhiên MĐ chênh lệch của HS khu vực miền núi và nông thôn thì không nhiều bởi theo nghiên cứu của Lê Ngọc Hùng lý giải *“Nghèo đói, thiếu thốn về kinh tế là một trong những yếu tố dẫn đến XHTD”* [39]. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến nhiều em phải lang thang đường phố, phải sống và làm việc trong môi trường không an toàn, không lành mạnh và có nguy cơ XHTD (RaFH, 2006 - 2007).

Chúng tôi sử dụng kiểm định ANOVA để tìm sự khác biệt về MĐ KN phòng chống XHTD tại các trường TH, kết quả cho thấy $p < 0.05$ chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, cụ thể như sau:

Qua kết quả bảng số liệu 2.7 và qua hệ thống câu hỏi tình huống, kết hợp với quan sát, phỏng vấn trực tiếp, chúng tôi nhận thấy: Đa số HSTH có KN phòng chống XHTD ở mức trung bình. Trong đó, trường TH Tiên Cát là trường có HS đạt KN phòng chống XHTD tốt nhất với ĐTB ở MĐ Khá, thể hiện trên trên tất cả các kỹ năng: Nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc trước XHTD; ứng phó với XHTD; tìm kiếm sự trợ giúp trước XHTD. Điều này cũng dễ hiểu vì trường thuộc địa bàn thành phố Việt Trì - Trung tâm văn hóa, chính trị của cả tỉnh, đa số các em HS có điều kiện kinh tế tốt, luôn được gia đình và nhà trường thường xuyên quan tâm giáo dục đặc biệt là mảng rèn luyện KNS. Trường TH Tân Phú là trường có HS đạt điểm trung bình KN phòng chống XHTD ở mức thấp nhất (ĐTB= 1.55) - Đây là trường đại diện cho khu vực miền núi cho nên điều kiện sống còn hạn chế, chủ yếu các em tập trung vào các kiến thức văn hóa, KNS nhiều khi chưa được quan tâm đúng mức.

Bảng 2.7. Đánh giá sự khác biệt về mức độ kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục tại các trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

<i>Trường TH</i>		Phong Châu (n=69)	Tiên Cát (n=69)	Tuy Lộc (n=69)	Xuân Huy (n=69)	Tân Phú (n=74)	Sơn Tinh (n=73)
<i>Kỹ năng</i>							
Nhận diện XHTD	ĐTB	1.95	1.79	1.73	1.55	1.40	1.51
	p	0.000					
Kiểm soát cảm xúc trước XHTD	ĐTB	1.86	2.14	1.62	1.60	1.46	1.53
	p	0.000					
Phòng ngừa XHTD	ĐTB	2.52	2.52	2.18	2.14	1.95	2.04
	p	0.000					
Ứng phó với XHTD	ĐTB	1.79	1.95	1.73	1.55	1.40	1.51
	p	0.000					

Ghi chú: MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Cùng thuộc mẫu trường đại diện cho vùng thành thị nhưng KN phòng chống XHTD của HS trường Tiểu học Phong Châu có ĐTB thấp hơn trường Tiểu học Tiên Cát nhưng sự chênh lệch này không nhiều, điều này cũng là tất yếu bởi một trường ở thị xã thì cơ sở vật chất và điều kiện kinh tế không thể tốt bằng một trường ở thành phố.

Kỹ năng phòng chống XHTD của HS trường Tiểu học Tuy Lộc; trường Tiểu học Xuân Huy đa số ở MĐ Đạt, trong đó kỹ năng phòng chống XHTD của HS trường Tiểu học Tuy Lộc cao hơn kỹ năng phòng chống XHTD của HS trường Tiểu học Xuân Huy song MĐ chênh lệch không đáng kể.

2.2.2. Thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống trên địa bàn khảo sát

2.2.2.1. Thực trạng xác định tầm quan trọng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Qua phỏng vấn và điều tra thực trạng, chúng tôi nhận thấy: 100% GVTH đều ý thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của GD phòng chống XHTD cho HSTH. Chi G.M.Y - cán bộ GV trường TH Tiên Cát tâm sự với chúng tôi: “*Xuất phát từ thực trạng xã hội hiện nay, số trẻ trong độ tuổi HSTH bị XHTD ngày một gia tăng hơn nữa hậu quả của việc bị XHTD tạo nên những tổn thương sâu sắc cả về thể chất và tâm hồn. Chính vì*

vậy, GD phòng chống XHTD cho HSTH là rất cần thiết”. Đồng tình với quan điểm này, đa số GV và cán bộ trong trường đều cho rằng: “Nhà trường cần là môi trường GD tiên phong, tích cực trong phong trào nói không với XHTD trong học đường”.

2.2.2.2. Thực trạng xác định mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.8. Mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH

STT	Mục tiêu giáo dục	ĐTB	ĐLC	MĐ
1	Phòng ngừa XHTD cho HSTH	2.75	0.40	Khá
2	Ứng phó tích cực với XHTD cho HSTH	1.82	0.44	Trung bình
ĐTB chung		2.23	0.32	Trung bình

Ghi chú: MD Yếu 1.0 đến < 1.8; MD Trung bình 1.8 đến < 2.6; MD Khá 2.6 đến < 3.4; MD Tốt 3.1 đến < 4.2; MD Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua xử lý số liệu trên, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Nhà trường tiểu học nói chung và đội ngũ GVTH nói riêng đã nhận thức được mục tiêu quan trọng của GD phòng chống XHTD là phòng ngừa XHTD cho HSTH với ĐTB= 2.75 (MĐ Khá) song mục tiêu trang bị KN ứng phó tích cực với XHTD cho HSTH chưa thực sự được coi trọng với ĐTB= 1.82 (MĐ Trung bình).

Phòng vấn sâu các cán bộ quản lý tại các trường TH, chúng tôi có dịp được lắng nghe những chia sẻ của các thầy cô hiệu trưởng:

“Phòng chống XHTD cho HSTH trước hết cần hướng tới mục tiêu trọng tâm là phòng ngừa các nguy cơ XHTD; “Học để biết” cũng chính là quá trình giúp HSTH nhận diện các nguy cơ XHTD mà trong đó, theo đánh giá của GV, quan trọng hơn cả là HSTH cần nhận diện được đối tượng XHTD và các thủ đoạn của chúng sau đó cần hình thành ở các em những việc làm cụ thể để phòng chống XHTD được tốt nhất. Theo đánh giá của GV, cần thiết vừa thực hiện biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa vừa thực hiện các biện pháp xử lý tình huống một cách khéo léo và phù hợp khi có nguy cơ XHTD” Cô giáo N.T.K.L - Hiệu trưởng trường TH thị trấn Cẩm Khê.

“Phòng chống XHTD cho HSTH hướng tới mục tiêu “Học để làm và học để chung sống”, đó là quá trình hình thành ở các em KN tìm kiếm sự trợ giúp và điều tiết được cảm xúc của mình cho phù hợp hoàn cảnh trên cơ sở các em nắm rõ được các thông tin của những cá nhân hay tổ chức xã hội mà các em tin tưởng. Bên cạnh đó, phòng chống XHTD cho HSTH cần hướng tới mục tiêu “Học để tự khẳng định mình”

tức là hình thành KN ứng phó với hành vi XHTD và biết vượt qua nỗi đau khi bị XHTD. Đây là KN quan trọng nhất tuy nhiên do thời gian học tập của các em còn hạn chế nên ảnh hưởng tới việc hình thành KN của các em” - cô giáo L.A.N trường TH Sơn Tinh.

Khi trao đổi trò chuyện với một số CBQL và GV tại các trường TH thì họ cũng nhấn mạnh:

“Để có KN ứng phó tích cực với hành vi XHTD ở HSTH thì phải dựa trên nền tảng nhận thức, khả năng kiểm soát tốt cảm xúc tiêu cực trước các nguy cơ XHTD...”. Cô giáo N.T.H.Q trường TH Tuy Lộc.

“Kết quả GD phòng chống XHTD cho HSTH chỉ đạt được hiệu quả trên cơ sở thực hiện đồng bộ các mục tiêu “Học để biết; học để làm; học để chung sống; học để tự khẳng định mình” Cô giáo H.A.H trường TH Phong Châu.

2.2.2.3. Đánh giá thực trạng xác định nhiệm vụ giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.9: Đánh giá việc xác định thực hiện nhiệm vụ giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS

STT	Nhiệm vụ giáo dục	ĐTB	ĐLC	MĐ
1	GD nhận thức về phòng chống XHTD cho HSTH	2.62	0.41	Khá
2	GDTH thái độ và tình cảm tích cực về phòng chống XHTD cho HSTH	2.26	0.44	TB
3	GD hành vi phòng chống XHTD cho HSTH	1.93	0.28	TB
ĐTB chung		2.27	0.26	TB

Ghi chú: MD Yếu 1.0 đến < 1.8; MD Trung bình 1.8 đến < 2.6; MD Khá 2.6 đến < 3.4; MD Tốt 3.1 đến < 4.2; MD Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 2.9, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Quá trình thực hiện nhiệm vụ GD phòng chống XHTD cho HS tại đa số các trường TH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ mới chỉ chú trọng tới GD nhận thức với ĐTB=2.62 (MĐ Khá) trong khi GD thái độ và tình cảm tích cực có ĐTB=2.26 (MĐ Trung bình); GD hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD mới là yếu tố then chốt quyết định giúp HSTH bảo vệ bản thân an toàn thì lại chưa thực sự được chú trọng với ĐTB thấp nhất 1.93 (MĐ Trung bình). Chính vì vậy, khi đứng trước nguy cơ XHTD, học sinh thường không có KN ứng phó tích cực để bảo vệ an toàn bản thân.

Những vụ việc đau lòng trên địa bàn tỉnh như một hồi chuông cảnh báo: Bằng thủ đoạn cho cháu Q. mượn điện thoại để chơi, trong thời gian từ tháng 6/2019 cho đến 8/2019, bé gái 7 tuổi (SN 2012, trú tại khu 4, xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba, Phú Thọ) nhiều lần bị đối tượng Nguyễn Thiện (SN 1985, trú cùng xóm) XHTD. Trong đó gây chấn động dư luận, vụ xâm hại điển hình nhất là Hiệu trưởng Đinh Bằng My (SN 1961) lạm dụng tình dục hàng chục HS nam từ 12-16 tuổi Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Thanh Sơn (Phú Thọ) và phần lớn nạn nhân là người dân tộc xa nhà, tỉ lệ người dân tộc hơn 90%, hoàn cảnh rất khó khăn. Ông Đặng Hoa Nam, Cục trưởng Cục Trẻ em (Bộ LĐ-TB&XH) cho rằng: *“Sự việc xảy ra “không thể chấp nhận được, gây bức xúc cho xã hội và cần xử lý nghiêm”. Hành vi xâm phạm HS không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm nghiêm trọng đạo đức của nhà giáo. Khi vụ án được xét xử nên coi đây là hành vi tăng nặng. Bởi nhà trường có trách nhiệm chăm sóc các em, đáng ra hiệu trưởng là người nêu gương sáng nhưng lại lợi dụng để XHTD”*. Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Phùng Xuân Nhạ nhấn mạnh: *“Cần phải lên án và có thái độ rõ ràng, pháp luật xử lý nghiêm, nhưng quan trọng hơn là phải đi từ gốc, chứ xử lý chỉ là phần ngọn”*.

Phòng vấn cán bộ GV trong trường, chúng tôi được lắng nghe những chia sẻ từ họ: *“Lượng kiến thức các em cần lĩnh hội về các môn khoa học chiếm chủ yếu, thời gian còn lại quá ít ỏi, khó có thể thay đổi những hành vi tiêu cực để GD hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD cho HSTH...”* Thầy giáo M. Q.K Trường TH Hùng Vương.

“Phần lớn GV thực hiện nhiệm vụ GD phòng chống XHTD cho HSTH thông qua tích hợp giảng dạy các môn học cho nên khó khăn trong việc GD hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD cho các em. Mặt khác, nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Cơ sở vật chất, thời gian, sĩ số của HS trong lớp học...” Thầy giáo N.V.K Trường TH Tân Dân.

2.2.2.4. Thực trạng nội dung giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.10: Đánh giá nội dung giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH

Nội dung	ĐTB	ĐLC	MĐ
Giáo dục KN nhận diện hành vi XHTD	2.10	0.44	Trung bình
Giáo dục KN kiểm soát cảm xúc	2.47	0.32	Trung bình

Giáo dục KN phòng ngừa XHTD	2.76	0.33	Khá
Giáo dục KN ứng phó với XHTD	1.83	0.42	Trung bình
ĐTB chung	2.29	0.25	Trung bình

Ghi chú: MĐ Yếu 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt 3.1 đến < 4.2; MĐ Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua kết quả ở bảng số liệu 2.10, chúng tôi rút ra nhận xét: Những nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH còn hạn chế và mang tính hình thức với ĐTB=2.29 (MĐ Trung bình), chủ yếu tập trung vào nội dung phòng ngừa XHTD với ĐTB=2.76 (MĐ Khá); những nội dung GD khác nhìn chung còn mờ nhạt. Trong đó: Nội dung kiểm soát cảm xúc với ĐTB=2.47; nhận diện XHTD với ĐTB=2.10; ứng phó với XHTD có ĐTB thấp nhất 1.83.

Trao đổi trực tiếp cũng như qua dự một số giờ dạy của GVTH, chúng tôi có chung nhận xét: Các thầy cô mới chỉ chú trọng và lồng ghép trong giảng dạy và các hoạt động một số nội dung: Kiến thức về cơ thể, giới tính và sức khỏe sinh sản, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, KN ứng phó với tình huống, quy tắc an toàn, không an toàn. Qua phỏng vấn, chúng tôi được biết, đây là những nội dung GVTH đã được tập huấn còn những nội dung khác, hiếm khi GV hướng dẫn cho HS. Kết quả này là đồng thuận với kết quả phỏng vấn trực tiếp HSTH và đa số các em đều khẳng định: “Một số nội dung như KN nhận diện, ứng phó và tìm kiếm sự giúp đỡ trước nguy cơ XHTD là các em chưa được biết tới”. Một số em HS trả lời: “Mẹ em có thỉnh thoảng dạy em quy tắc năm ngón tay hoặc một số em biết được là do các em xem hoạt hình và có nhắc tới một số nội dung đó”.

2.2.2.5. Thực trạng phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.11. Đánh giá phương pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH

Phương pháp GD phòng chống XHTD	ĐTB	ĐLC	MĐ
PP làm mẫu hành vi	1.85	0.49	Trung bình
PP tổ chức trò chơi	1.83	0.49	Trung bình
PP Đóng vai (Sân khấu hóa)	2.08	0.49	Trung bình
PP Bài tập tình huống	1.83	0.50	Trung bình
PP Hợp tác theo nhóm	1.82	0.49	Trung bình

PP Kể chuyện	2.70	0.40	Khá
PP sử dụng phim, video clip, bài hát	2.27	0.46	Trung bình
PP Nghiên cứu trường hợp	1.94	0.41	Trung bình
PP Ôn luyện theo tình huống thực tế	1.87	0.48	Trung bình
PP Diễn giảng	2.73	0.53	Khá
ĐTB chung	2.06	0.29	Trung bình

Ghi chú: MĐ Yếu 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt 3.1 đến < 4.2; MĐ Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua kết quả ở bảng số liệu 2.11, chúng tôi rút ra nhận xét: Nhìn chung, đại đa số GV sử dụng chưa linh hoạt và đa dạng các phương pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH. Điều này, được thể hiện ở kết quả ĐTB chung là 2.05 (MĐ Trung bình). Trong đó, GV sử dụng nhiều nhất là PP diễn giảng với ĐTB = 2.73 (MĐ Khá) bởi PP giáo dục này sẽ giúp GV truyền đạt nội dung kiến thức cơ bản về GD phòng chống XHTD cho HSTH mà không quá tốn kém về mặt thời gian.

PP kể chuyện được GV sử dụng nhiều thứ 2 với ĐTB = 2.70 (MĐ Khá); các PP giáo dục khác hầu như GV hiếm khi sử dụng: PP bài tập tình huống; PP tiểu phẩm tương tác; PP nêu gương; PP đóng vai; PP trò chơi; PP hợp tác theo nhóm; PP nghiên cứu trường hợp...

Trao đổi trò chuyện với một số GV, chúng tôi được lắng nghe những chia sẻ: *“Vẫn biết một số PP giáo dục như: PP trò chơi; PP hợp tác theo nhóm; PP nghiên cứu trường hợp, PP bài tập tình huống, HS sẽ hứng thú, tích cực tham gia nhưng đây là những PP đòi hỏi người giáo viên mất nhiều thời gian để tổ chức hoạt động và GV cũng phải công phu và đầu tư nghiên cứu giáo án. Quan trọng nhất là thời gian chủ yếu của HS là học văn hóa, thời gian tổ chức các hoạt động kỹ năng sống cho HSTH không nhiều cho nên GV nhìn chung là ngại đầu tư...”* Chúng tôi hiểu rằng tâm sự trên của thầy giáo N. Q.A Trường TH Sơn Tinh cũng là suy nghĩ của đa số GVTH khác...

2.2.5.6. Thực trạng hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.12: Đánh giá hình thức giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH

Hình thức giáo dục phòng chống XHTD	ĐTB	ĐLC	MĐ
Lồng ghép, tích hợp với hoạt động dạy học	2.51	0.49	Trung bình

Lồng ghép, tích hợp với hoạt động giáo dục tập thể	2.45	0.48	Trung bình
Tổ chức hoạt động giáo dục	2.50	0.39	Trung bình
Tổ chức tư vấn, tham vấn học đường	1.82	0.05	Trung bình
Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng	2.49	0.27	Trung bình
Mở khóa tập huấn giáo dục phòng chống XHTD	1.82	0.36	Trung bình
Tổ chức chủ đề giáo dục chuyên biệt	1.84	0.29	Trung bình
Tổ chức các buổi sinh hoạt	2.04	0.28	Trung bình
Thành lập câu lạc bộ	1.98	0.44	Trung bình
Phối hợp GD giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội	1.81	0.35	Trung bình
ĐTB chung	2.14	0.15	Trung bình

Ghi chú: MĐ Yếu 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt 3.1 đến < 4.2; MĐ Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua bảng số liệu 2.12, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Hình thức GD phòng chống XHTD cho HSTH được sử dụng một cách đa dạng song ở MĐ hiếm khi với ĐTB=2.14. Trong đó hình thức GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH thông qua hoạt động dạy học có điểm cao nhất với ĐTB= 2.51; tiếp theo hình thức lồng ghép, tích hợp với tổ chức hoạt động giáo dục tập thể (Hoạt động trải nghiệm, hoạt động NGLL...) có điểm cao thứ hai với ĐTB= 2.50; hình thức sử dụng phương tiện thông tin đại chúng có điểm cao thứ ba với ĐTB= 2.49. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Phó Đức Hòa, Trương Thị Hằng và Nguyễn Ngọc Linh tại trường Tiểu học Phạm Tu, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trong đó, nhóm tác giả đã nhấn mạnh: “Việc giáo dục học sinh thông qua việc giảng dạy và các hoạt động ngoài giờ, giáo viên đã có đề cập đến vấn đề này song còn đơn giản, chưa sâu, chưa thực sự thường xuyên. Nguyên nhân một phần là do vẫn còn có chút e ngại và lượng thời gian trên lớp còn hạn chế, chưa có các hoạt động riêng, các chuyên đề cụ thể cho vấn đề này và cũng chưa có một tài liệu chuẩn, thống nhất để hướng dẫn học sinh” [124].

Ngoài ra, các hình thức GD khác: Mở câu lạc bộ, các khóa tập huấn, buổi thảo luận cho các em tham gia... tổ chức một cách lỏng lẻo, thiếu sự chuyên nghiệp. Con đường phối hợp GD giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong phòng chống XHTD cho HSTH có điểm thấp nhất với ĐTB= 1.81. Hình thức tổ chức hoạt động tư vấn cho HS về GD phòng chống XHTD hầu như chỉ mới dừng ở MĐ tự chia sẻ, đưa ra lời

khuyến cho các em HS dựa trên kinh nghiệm sống và hiểu biết của các thầy cô chứ trên thực tế nhà trường chưa thành lập tổ tư vấn/phòng tham vấn tâm lí học đường và cũng không hề có cán bộ là chuyên viên tư vấn hay chuyên viên tham vấn. Qua phỏng vấn, chúng tôi thấy rằng: Ngay kể cả việc tổ chức hoạt động NGLL về chủ đề GD phòng chống XHTD cũng không được tổ chức một cách thường xuyên thậm chí là hiếm khi... Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho việc rèn luyện kĩ năng GD phòng chống XHTD ở HSTH đạt kết quả chưa cao bởi các em không có môi trường để trải nghiệm và rèn luyện KNS của chính mình.

Qua trao đổi trực tiếp với đội ngũ GV trường TH, đa số ý kiến cho rằng: *“Bản thân họ hiếm khi được tập huấn về phòng chống XHTD. Mặt khác, chương trình GDTH trong nhà trường hiện nay vẫn nặng về vấn đề “dạy chữ”; GD giới tính đã được đưa vào trong nhà trường song chỉ mới dừng lại ở mức “giới thiệu”, tích hợp lồng ghép ở một số ít môn học cho nên mới chỉ tác động vào mặt nhận thức của HS. Các em không thực sự được trải nghiệm, không được khám phá chính bản thân mình và cũng không được hình thành những KNS nói chung và KN phòng chống XHTD nói riêng.”*

Khi chúng tôi đặt câu hỏi về việc nhà trường có tổ chức tuyên truyền về phòng chống XHTD cho HSTH thường xuyên không, cả 6 GV được hỏi đều có chung câu trả lời: *Nhà trường có tổ chức tuyên truyền nhưng cũng không thường xuyên, chủ yếu là chỉ tổ chức vào một dịp lễ nào đó có lồng ghép nội dung này.* Còn một số trường TH thuộc khu vực miền núi và nông thôn thì khẳng định: *“Từ ngày tôi về trường là 10 năm chưa bao giờ tổ chức 1 buổi tuyên truyền về phòng chống XHTD, chỉ 1 vài lần tổ chức lồng ghép vào các hoạt động NGLL.”*

Từ những lập luận và phân tích trên cho thấy: Mặc dù nhà trường nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của GD phòng chống XHTD cho HSTH song thực tế nội dung, phương pháp, con đường GD phòng chống XHTD chưa được phong phú và chưa được sử dụng thường xuyên.

2.2.2.7. Thực trạng đánh giá giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kĩ năng sống

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu CBQL, GV về quá trình đánh giá KN phòng chống XHTD cho HSTH. Thầy N.T.T Trường TH Tân Phú khẳng định: *“Chưa có quy định đánh giá KN phòng chống XHTD độc lập ở HSTH, chỉ có đánh giá năng lực hoạt*

động giáo dục ở các em. Phòng chống XHTD là một trong những tiêu chí để đánh giá trường học an toàn...”

Cô giáo H.T.L trường TH Phong Châu cho rằng: *“Để đánh giá mức độ KN phòng chống XHTD ở HSTH, chúng tôi thường căn cứ vào MĐ hoàn thành hay không hoàn thành của các em trong nội dung giảng dạy các môn học tích hợp và đây cũng là một trong những tiêu chí để đánh giá kỹ năng sống của HSTH...”*

Phòng chống XHTD cho HSTH chỉ là một nội dung tích hợp trong các môn học Khoa học tự nhiên & xã hội; môn Kỹ năng sống, môn Đạo đức... và hoạt động NGLL, hoạt động trải nghiệm. Đây là cơ sở để đánh giá mức độ “Trường học An toàn - Thân thiện - Bình đẳng” Cô giáo N.M.C trường TH Sơn Tinh nhấn mạnh.

Tóm lại, trong thực tế chưa có chỉ báo, tiêu chí cụ thể để đánh giá KN phòng chống XHTD cho HSTH. Hiện tại, phòng chống XHTD là một trong những tiêu chí để đánh giá quá trình xây dựng trường học an toàn trong môi trường học đường.

2.2.3. Đánh giá khó khăn và những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống trên địa bàn khảo sát

2.2.3.1 Đánh giá khó khăn của giáo viên trong quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 7 phụ lục 11 kết hợp với quá trình tìm hiểu về những vấn đề khó khăn trong GD phòng chống XHTD cho HSTH, chúng tôi thu thập được một số thông tin sau đây: Về phía CBQL, GV 100% đều khẳng định gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian GD phòng chống XHTD. Trao đổi trò chuyện với GV, chúng tôi hiểu rằng thời gian học các môn văn hóa của các em là chủ yếu, thời gian hoạt động giáo dục có hạn trong khi nội dung giáo dục đa dạng và phòng chống XHTD cho HSTH cũng chỉ có thể là một nội dung nhỏ...

Khó khăn thứ 2: Sự hạn chế về nguồn tài liệu hướng dẫn cho giáo viên, cho PPHS, cho các cán bộ cộng đồng về phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 75.3%; MĐ rất khó khăn là 13.4%.

Khó khăn thứ 3: Việc thiếu cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện tổ chức giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 69.6%; MĐ rất khó khăn là 1.73%.

Khó khăn thứ 4: Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 65.1%; MĐ rất khó khăn là 13.6%.

Bên cạnh đó, theo GV đánh giá quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH còn có một số khó khăn: Tính tích cực, năng lực của HSTH còn hạn chế; chỉ đạo và hỗ trợ của lãnh đạo trường; tâm lý e ngại của cha mẹ, GV về GD giới tính và GD phòng chống XHTD trẻ em...

2.2.3.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.13: Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới quá trình giáo dục XHTD cho HSTH

Yếu tố ảnh hưởng		Điểm trung bình		
		GV	PHHS	HSTH
Ảnh hưởng từ bản thân	Tính tích cực của HSTH	2.94	2.97	1.89
	Năng lực nhận thức	2.91	2.95	1.80
	Đặc điểm tính cách	2.93	2.94	2.09
	Kiến thức và trình độ hiểu biết	2.95	2.96	1.96
	Phương pháp tự giáo dục	2.92	2.96	2.01
	ĐTB chung	2.93	2.95	1.95
Ảnh hưởng từ gia đình	Kiến thức và tầm hiểu biết sâu rộng của cha mẹ	2.91	2.97	2.32
	Bầu không khí tâm lý và môi trường gia đình	2.93	2.95	2.24
	Kinh tế gia đình	2.92	2.61	2.26
	Phương pháp giáo dục của cha mẹ	2.99	2.96	2.30
	Cha mẹ phó mặc giáo dục cho nhà trường	2.99	2.95	2.27
	ĐTB chung	2.93	2.95	1.95
Ảnh hưởng từ nhà trường	Tương tác giữa người dạy và người học	2.97	2.96	2.21
	Thời gian học	2.94	2.94	2.00
	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	2.95	2.94	2.04
	Chuyên môn của đội ngũ giáo viên về lĩnh vực giáo dục phòng chống xâm hại tình dục	2.94	2.95	2.08
	Nội dung chương trình và tài liệu phòng chống xâm hại tình dục	2.97	2.99	2.05
	ĐTB chung	2.96	2.96	2.08
Ảnh	Phong tục tập quán, văn hóa, tâm lý xã hội tại	2.91	2.92	2.00

hưởng từ xã hội	địa phương			
	Chính sách và các dịch vụ can thiệp, bảo vệ, chăm sóc trẻ	2.96	2.91	1.61
	Sự phát triển của internet và các kênh thông tin	2.60	2.90	1.71
	Môi trường sống xung quanh trẻ	2.95	2.91	1.76
	Hoạt động truyền thông	2.95	2.95	1.71
	ĐTB chung	2.88	2.92	1.76

Ghi chú: *MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0*

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 2.13, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Đánh giá của GVTH, PHHS và tự đánh giá HSTH đều cho thấy ảnh hưởng của nhà trường tới GD phòng chống XHTD cho HSTH là lớn nhất với điểm trung bình chung của GV, PHHS đánh giá là 2.96 (MĐ Tốt), HS tự đánh giá là 2.08 (MĐ Đạt); xếp vị trí thứ hai là ảnh hưởng của gia đình và ảnh hưởng từ bản thân HSTH với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.93 (MĐ Tốt), PHHS đánh giá là 2.95 (MĐ Tốt), HSTH đánh giá là 1.95 (MĐ Đạt); xếp vị trí thứ ba là ảnh hưởng của xã hội với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.88 (MĐ Tốt), PHHS đánh giá là 2.92 (MĐ Tốt), HSTH đánh giá là 1.76 (MĐ Đạt).

Mặt khác, sự chênh lệch ĐTB chung giữa các yếu tố là không nhiều điều đó cho thấy: Quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH chịu sự tác động của cả các yếu tố bản thân HSTH; GD gia đình, GD nhà trường, GD xã hội và giữa các yếu tố này có mối tương quan thuận. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng GD cần có sự tác động đồng bộ của tất cả các yếu tố, có sự phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trên cơ sở năng lực, hứng thú của HS.

Ảnh hưởng từ nhà trường

Kết quả cho thấy ảnh hưởng của nội dung chương trình và tài liệu phòng chống XHTD chiếm vị trí lớn nhất với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.97, PHHS đánh giá là 2.99; HSTH đánh giá là 2.05; xếp vị trí thứ hai là tương tác giữa người dạy và người học với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.97, PHHS đánh giá là 2.96; HSTH đánh giá là 2.21; vị trí thứ 3 là chuyên môn của đội ngũ GV về lĩnh vực GD phòng chống XHTD với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.94, PHHS đánh giá là 1.95; HSTH đánh giá là 2.08; xếp vị trí cuối cùng là thời gian học với điểm trung bình GV, PHHS đánh giá là 2.94; HSTH đánh giá là 2.00.

Điều này cũng đã được khẳng định rất rõ ràng trong công trình nghiên cứu của John Frederick, 2010: *“GV thường không được trang bị các KN hoặc không được tập huấn về phòng chống XHTD, quyền trẻ em và các vấn đề về tình dục khác cho nên đôi khi chính họ cũng không đủ KN để trợ giúp các em HS bị XHTD hoặc hướng dẫn các em tìm kiếm sự giúp đỡ. Một số trường học cũng đã cung cấp cho HS, địa chỉ của các dịch vụ hỗ trợ ngoài nhà trường để các em có thể đến tìm sự giúp đỡ khi bị XHTD”* [139].

Ảnh hưởng từ gia đình

Trong các yếu tố ảnh hưởng từ gia đình: Kiến thức và tầm hiểu biết sâu rộng của cha mẹ; bầu không khí tâm lí, môi trường sống của gia đình có tác động lớn tới quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH, sau đó là phong cách GD bằng tình yêu thương và sự động viên, khích lệ. Kết quả này là phù hợp với nghiên cứu của Alexander và Kempe (1984); Kelvin Lalor và Rosaleen Meletvaney, 2010 [119]; Hoàng Bá Thịnh 1998; Đặng Nam 2007. *“Cha mẹ thiếu hụt kiến thức về thể chất, tâm lí ở từng độ tuổi, không biết cách hướng dẫn trẻ về cơ thể, và rèn KN tự vệ là nguyên nhân quan trọng nhất từ phía gia đình ảnh hưởng tới thực trạng trẻ bị XHTD”* [53] và *“XHTD trong gia đình hầu như không xảy ra ở những gia đình có văn hóa và nề nếp gia phong”* [75].

Nhận diện kẻ XHTD, qua 59 trường hợp tư vấn tại tổng đài Child Helpine cũng cho kết quả: Những kẻ XHTD trẻ em đều là người quen (chiếm 45.8%), họ hàng (16.9%), thầy giáo (5.1%), bố đẻ, cha dượng (13.6%) [53]. Nghiên cứu của Viện sức khỏe sinh sản và gia đình cũng khẳng định: Người quen (chiếm 54.8%), bạn bè cùng trang lứa (12.9%), người trong nhà (9.7%)...[98].

Riêng trẻ em đường phố thì đối tượng XHTD rất đa dạng: Các em có thể bị lạm dụng bởi người lạ khi đi kiếm sống trên đường phố, bao gồm cả khách nước ngoài, những thanh niên lớn tuổi hơn, chủ các cửa hàng internet... Đối với những trẻ gái làm thuê giúp việc trong các gia đình thì các em có thể bị lạm dụng tình dục bởi những thành viên trong gia đình chủ [98].

Trong nghiên cứu về lạm dụng trẻ em của UNICEF năm 2003: 88.2% các vụ hiếp dâm, cưỡng bức tình dục không xác định được thủ phạm, chỉ có 9.2% xác định được thủ phạm là người họ hàng, 1.3% vụ xác định thủ phạm là cha, cha dượng hoặc bạn trai của mẹ. Tương tự, 87% vụ XHTD bằng hành vi sờ mó, đụng chạm vào các bộ phận kín của trẻ; 3.1% vụ xác định là người họ hàng [92].

Ảnh hưởng từ xã hội: Kết quả cho thấy chính sách và các dịch vụ can thiệp, bảo vệ, chăm sóc trẻ chiếm vị trí ảnh hưởng lớn nhất với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.96 (MĐ Tốt), PHHS đánh giá là 2.91(MĐ Tốt); HSTH đánh giá là 1.61; xếp vị trí thứ hai là hoạt động truyền thông và môi trường sống xung quanh trẻ với điểm trung bình GVTH, PHHS đánh giá là 2.95 (MĐ Tốt), HSTH đánh giá là 1.71; vị trí thứ 3 là phong tục tập quán, văn hóa, tâm lý xã hội tại địa phương với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.91 (MĐ Tốt), PHHS đánh giá là 1.92; HSTH đánh giá là 2.00; xếp vị trí cuối cùng là ảnh hưởng của sự phát triển của internet và các kênh thông tin với điểm trung bình GVTH đánh giá là 2.60, PHHS đánh giá là 2.90 (MĐ Tốt); HSTH đánh giá là 1.71.

Ảnh hưởng từ bản thân HSTH

Tính tích cực của của HSTH trong quá trình rèn luyện KN phòng chống XHTD được thể hiện thông qua nhu cầu của trẻ với sự nhiệt tình, hứng thú, chủ động và sáng tạo khi tham gia các hoạt động rèn luyện KN giao tiếp, KN ứng phó với tình huống nguy hiểm, KN kiên định... cũng như các hoạt động trải nghiệm khám phá bản thân, khám phá mối quan hệ của mình với mọi người xung quanh. Đây là yếu tố mà cả GV và PHHS đều đánh giá là yếu tố có ảnh hưởng nhất xuất phát từ bản thân HSTH. Điều này, thể hiện được ở tổng điểm ĐTB của GV là 2.95 (MĐ Tốt), ở PHHS là 2.97 (MĐ Tốt).

Năng lực nhận thức, kiến thức và trình độ hiểu biết của HSTH về phòng chống XHTD là yếu tố mà GV đánh giá xếp thứ 2 về ảnh hưởng đến GD phòng chống XHTD cho HSTH với ĐTB= 2.94 (MĐ Tốt). Năng lực nhận thức của HS có ảnh hưởng trực tiếp đến MĐ nhận diện nguy cơ XHTD; MĐ kiểm soát cảm xúc của bản thân trong mối quan hệ với mọi người xung quanh; MĐ ứng phó linh hoạt hay chậm chạp với hành vi XHTD và MĐ tìm kiếm sự trợ giúp trước nguy cơ XHTD.

Ngoài ra, theo đánh giá của GV, PHHS còn có những yếu tố ảnh hưởng khác đến GD phòng chống XHTD cho HSTH: Đặc điểm tính cách; phương pháp tự GD; năng lực nhận thức...

Nhìn chung: Nhà trường giữ vị trí ảnh hưởng lớn nhất tới quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH. Tuy nhiên, nhận thức không đầy đủ từ phía PHHS, HS chính là nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả GD phòng chống XHTD. Từ cách nhìn nhận này có thể thấy, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các em còn nhiều bất cập, sự phối hợp giáo dục Gia đình - Nhà trường - Xã hội còn lỏng lẻo, mang tính hình thức; tiếp đến là do yếu tố chủ quan từ chính lứa tuổi TH với đặc điểm nổi bật sống bằng cảm

xúc và dễ tin người. Đây cũng chính là khoảng trống để đối tượng xấu lợi dụng thực hiện XHTD đối với trẻ, do đó:

Gia đình - Nhà trường - Xã hội cần có sự phối hợp thống nhất tạo môi trường GD lành mạnh cho trẻ hoạt động tích cực, coi môi trường vừa là điều kiện, vừa là phương tiện, vừa là yếu tố trung gian để tổ chức cho trẻ tham gia hoạt động rèn KN ứng phó với nguy hiểm từ đó giúp cho các em đảm bảo an toàn cuộc sống của mình.

Cần cung cấp cho các em những kiến thức cơ bản về XHTD và phòng chống XHTD; kiến thức về cơ thể, giới tính, sức khỏe sinh sản đồng thời tạo điều kiện cho HS tham gia hoạt động rèn kỹ năng từ chối, kỹ năng xử lý tình huống, KN tự vệ trước nguy cơ XHTD.

Tổ chức các HĐ đa dạng với chủ đề phòng chống XHTD để HS có cơ hội được trải nghiệm và trưởng thành thông qua các tình huống thực tế. Trong đó coi mỗi HSTH là một chủ thể nhận thức độc lập, tôn trọng trẻ, đánh giá đúng sự phát triển của các em để giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời, tạo cơ hội cho các em khám phá ra điểm mạnh và điểm yếu của mình nhằm giúp các em nâng cao năng lực tự bảo vệ của bản thân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận án tiến hành nghiên cứu quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS với 1008 khách thể (423 HSTH; 423 PHHS; 115 GVTH; và 47 chuyên gia) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và rút ra một số nhận xét sau:

Có sự khác nhau giữa đánh giá của GV, PHHS và tự đánh giá của HS về MĐ nhận thức, thái độ, KN phòng chống XHTD: HSTH thường có xu hướng đánh giá bản thân cao hơn rất nhiều (Chủ yếu ở MĐ Đạt và Tốt) so với GV và PHHS đánh giá về các em (Chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng). Trong đó, GV đánh giá KN nhận diện XHTD ở HSTH là kém nhất, xếp thứ 2 là KN ứng phó với XHTD, xếp thứ 3 là KN kiểm soát cảm xúc bản thân và cuối cùng là KN phòng ngừa các nguy cơ XHTD. Mặt khác, HS nữ có KN phòng chống XHTD tốt hơn HS nam; HS ở khu vực thành thị có KN phòng chống XHTD cao hơn so với HS khu vực nông thôn, miền núi; HS lớp 5 thì có KN phòng chống XHTD tốt hơn lớp 4 song mức độ chênh lệch này không đáng kể.

Quá trình khảo sát GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận kĩ năng sống đã khẳng định: 100% GV đều nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của GD phòng chống XHTD trong nhà trường tiểu học song thực tế giảng dạy, GV mới chỉ chú trọng tới nhiệm vụ GD nhận thức và tập trung vào nội dung phòng ngừa XHTD, những nội dung GD khác nhìn chung còn mờ nhạt như: Nội dung kiểm soát cảm xúc; nhận diện XHTD đặc biệt là nội dung ứng phó với XHTD... trong khi GD hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD mới là yếu tố then chốt giúp HSTH bảo vệ bản thân an toàn thì chưa thực sự được chú trọng. Chính vì vậy, khi đứng trước nguy cơ XHTD, HSTH thường không có KN ứng phó để giải thoát cho bản thân.

Mặt khác, đa số GV sử dụng chưa linh hoạt và chưa đa dạng các phương pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH. Trong đó, phương pháp được GV sử dụng nhiều nhất là PP diễn giảng; PP kể chuyện; các PP giáo dục khác hầu như GV hiếm khi sử dụng: PP bài tập tình huống; PP tiểu phẩm tương tác; PP nêu gương; PP đóng vai; PP trò chơi; PP hợp tác theo nhóm; PP nghiên cứu trường hợp... GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH thông qua hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục tập thể và sử dụng phương tiện thông tin đại chúng là những con đường GD chủ yếu được sử dụng trong nhà trường tiểu học song cũng chỉ dừng ở MĐ chưa thường xuyên.

Đánh giá giáo dục: Trong thực tế chưa có chỉ báo, tiêu chí cụ thể để đánh giá KN phòng chống XHTD cho HSTH. Hiện tại, phòng chống XHTD là một trong những tiêu chí để đánh giá quá trình xây dựng trường học an toàn trong môi trường học đường.

Về khó khăn: 100% CBQL, GV đều khẳng định rất khó khăn trong việc bố trí thời gian GD phòng chống XHTD, tiếp theo là họ gặp khó khăn trong việc hạn chế nguồn tài liệu hướng dẫn phòng chống XHTD cho HSTH; khó khăn từ việc thiếu thôn cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện tổ chức giáo dục...

Yếu tố ảnh hưởng: Ảnh hưởng từ nhà trường tới GD phòng chống XHTD cho HSTH là lớn nhất; xếp vị trí thứ hai là ảnh hưởng của gia đình và ảnh hưởng từ bản thân HSTH và xếp vị trí cuối cùng là ảnh hưởng của xã hội. Tuy nhiên để GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đạt hiệu quả cao thì cần có sự chung sức đồng lòng và phối hợp chặt chẽ của tất cả các lực lượng GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội.

Như vậy, kết quả khảo sát đã cho thấy: Cần phải thay đổi cách GD phòng chống XHTD cho HSTH theo hướng tiếp cận KNS để không chỉ GD kiến thức, thái độ mà quan trọng hơn là GD hành vi, thói quen tích cực. Đây là cơ sở để đề xuất các biện pháp GD hiệu quả, thiết thực và khả thi nhằm khắc phục những khó khăn và những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KĨ NĂNG SỐNG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu giáo dục

Nguyên tắc này đòi hỏi nhà trường, trên cơ sở phân tích những yêu cầu nội dung GD phổ thông mới, tổ chức đa dạng phong phú các hoạt động GD cho HSTH; kết hợp tổ chức hoạt động ngoại khóa với hoạt động dạy học các môn học... nhằm trang bị những KN cần thiết giúp các em tự tin ứng phó trước XHTD từ đó, hình thành cơ sở ban đầu của nhân cách toàn diện.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thiết thực

Các biện pháp GD được đề xuất phải góp phần ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ HSTH bị XHTD đồng thời trang bị KNS cho HSTH bảo vệ bản thân một cách an toàn và lành mạnh. Để những biện pháp đó đảm bảo được tính khả thi, hiệu quả và thiết thực cao, cần:

+ Các BP được đề xuất phải phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ của trường TH, thẩm quyền của nhà GD trong thực hiện nhiệm vụ dạy học và GD.

+ Khi đề xuất xây dựng các biện pháp cần chú ý đến các điều kiện để thực hiện biện pháp. Trong đó, cần xác định rõ yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi đối với các biện pháp như thế nào? Cụ thể phải xác định được: Nhân lực để thực hiện biện pháp; thời gian và không gian thực hiện biện pháp; các hoạt động cơ bản phải triển khai; các nguồn lực vật chất, tài chính cần khai thác, huy động để thực hiện các hoạt động; các rào cản của phong tục tập quán...

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi

GD phòng chống XHTD cho HSTH là quá trình gồm 3 khâu thống nhất biện chứng với nhau: GD ý thức, GD thái độ, GD hành vi thói quen. GD phòng chống XHTD chỉ đạt được hiệu quả khi HS vừa có nhận thức đúng, vừa có thái độ đúng, lại vừa có hành vi chuẩn mực trong cuộc sống hàng ngày.

Nhận thức chính là quá trình chiếm lĩnh tri thức, hệ thống các chuẩn mực xã hội. Thái độ là biểu hiện cụ thể của các mối quan hệ xã hội. Hành vi là cách ứng xử, lối sống được biểu hiện trong cuộc sống hàng ngày. Do đó “*sự thống nhất giữa GD ý thức - thái độ - hành vi vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động GD*” [61].

Muốn thực hiện tốt nguyên tắc này thì cần gắn liền quá trình học lí thuyết gắn với dạy thực hành, *“Học để biết, học để làm”* hay *“học đi đôi với hành”* đó chính là bản chất của nguyên tắc này.

3.1.4. Nguyên tắc phát huy ý thức tự giáo dục của học sinh

GD phòng chống XHTD là quá trình thống nhất giữa vai trò chủ đạo, hướng dẫn, tổ chức, điều khiển của nhà GD với vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của HS song để ngăn chặn, giảm thiểu tối đa nguy cơ HSTH bị XHTD đồng thời góp phần bảo vệ bản thân một cách an toàn thì cũng cần nhấn mạnh: *“Không ai bảo vệ trẻ tốt bằng chính bản thân trẻ”*. Do đó, khi thực hiện nguyên tắc này, các nhà GD cần lưu ý:

- Giúp đỡ HS tự xây dựng kế hoạch học tập và tu dưỡng bản thân, xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp GD phòng chống XHTD phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.
- Thu hút sự tham gia tích cực của HS vào các hoạt động chung, thường xuyên theo dõi, động viên, uốn nắn những sai lệch một cách kịp thời.
- Phát huy vai trò tự quản của tập thể HS, biến những yêu cầu GD thành yêu cầu tự GD của tập thể và của từng cá nhân.

3.2. Đề xuất một số biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kĩ năng sống

3.2.1. Tổ chức truyền thông về phòng chống xâm hại tình dục

Truyền thông có ý nghĩa rất quan trọng trong GD phòng chống XHTD cho HSTH: *“Truyền thông là tất cả các tin tức, dữ liệu cần thiết phải có để truyền đạt cho người nhận. Đó là quá trình thông tin hai chiều diễn ra liên tục nhằm chia sẻ kiến thức, thái độ, tình cảm và kỹ năng, tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau giữa bên truyền và bên nhận tin để dẫn tới những thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành động”*.

3.2.1.1. Mục đích của biện pháp

Công tác truyền thông là một công cụ hữu hiệu, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và cập nhật một cách có hệ thống kiến thức về phòng ngừa, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tệ nạn XHTD qua đó nâng cao nhận thức về GD phòng chống XHTD để mỗi thành viên trong nhà trường có thể góp sức bảo vệ an toàn cho HS.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Để đạt hiệu quả cao trong truyền thông GD phòng chống XHTD cho HSTH, cần đảm bảo xây dựng được mô hình truyền thông và dựa vào mô hình đó để thực hiện cũng như kiểm tra và đánh giá kết quả của quá trình truyền thông.

Nguồn truyền thông: Phải xác định được đối tượng truyền thông là HSTH và các lực lượng GD liên quan tới nhà trường TH.

Thông điệp: Xác định được nội dung của vấn đề truyền thông để gửi thông điệp đến cho người nhận nhằm mục đích thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi, KN phòng chống XHTD. Ví dụ như các thông điệp: “XHTD là một tội ác”; “Chung tay bảo vệ trẻ em”; “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”; “Không ai bảo vệ các em tốt bằng chính các em tự bảo vệ mình”,...

Đưa thông điệp đến cho người nhận (Các lực lượng trong phạm vi nhà trường) bằng con đường truyền thông trực tiếp hoặc truyền thông gián tiếp hoặc phối hợp cả hai phương pháp là cách làm tốt nhất và có hiệu quả nhất. Để đạt được những mục tiêu khác nhau có nhiều cách tiếp cận để truyền thông, nói chung có 4 cách: Chuyển tải thông tin; hướng dẫn thực hiện; thuyết phục; đối thoại.

Truyền thông đạt được hiệu quả đối với những thông điệp mà họ nhận được;

Người truyền thông sẽ nhận được sự phản hồi của người nhận;

Hình thức truyền thông đa dạng:

(1). Truyền thông đại chúng (*Báo nói*: Đài phát thanh, truyền thanh; *Báo viết*: Báo hàng ngày, tạp chí, thông tin, báo tường; *Báo hình*: Vô tuyến truyền hình, băng video; các hình thức văn hóa nghệ thuật, phim ảnh, văn nghệ, triển lãm, sách vở tay, tài liệu...).

(2). Truyền thông trực tiếp: Tổ chức các buổi mít tinh, họp lớp, lớp học; thảo luận nhóm nhỏ; tư vấn cá nhân; thăm tại nhà.

(3). Truyền thông dân gian: Kịch, tiểu phẩm, trò chơi, lễ hội, các cuộc thi...

(4). Quảng cáo: Tranh cổ động, áp phích, quảng cáo trên bao bì, các sản phẩm tiêu dùng thông dụng...

(5). Truyền thông không chính quy: Cuộc trao đổi, nói chuyện...

Ngoài ra, phát sóng các chương trình truyền hình cũng như các bài báo nhằm GDKN phòng chống XHTD cũng như tuyên truyền phòng chống XHTD bằng các poster, hình ảnh có nội dung phòng chống XHTD cho HSTH.

3.2.1.3. Cách tiến hành biện pháp

- Chọn chủ đề thích hợp; có tính thời sự với HSTH, với các lực lượng GD nhà trường. Người nghe có thể là: Toàn bộ HS và cán bộ trong toàn trường có thể là một nhóm HS ở khối lớp cụ thể hoặc 1 nhóm HS bất kỳ hoặc 1 cá nhân HS. Cuộc nói chuyện giống như buổi tư vấn về nội dung GD phòng chống XHTD. Chọn chủ đề mà HS đó quan tâm, có thể là vấn đề riêng tư như tình trạng sức khỏe cá nhân, các băn khoăn thắc mắc về vấn đề XHTD... Người nói chuyện cần biết về trình độ học vấn, tôn giáo, nhu cầu của người nghe.

- Chuẩn bị cho buổi truyền thông về phòng chống XHTD:

+ Mục tiêu của buổi truyền thông: Người nói chuyện cần tìm hiểu về chủ đề định nói: Tại sao cần phải GD phòng chống XHTD cho HSTH? GD phòng chống XHTD cho HSTH bao gồm những nội dung cơ bản nào? Làm thế nào để GD phòng chống XHTD cho HSTH?...

+ Nội dung của buổi truyền thông liên quan tới quá trình nhận diện XHTD, phòng ngừa ngăn chặn XHTD, GDKN ứng phó hoặc tìm kiếm sự trợ giúp trước hành vi XHTD...

+ Chuẩn bị phương pháp và phương tiện truyền thông

+ Chuẩn bị tổ chức, địa điểm, thời gian phù hợp và thông báo trước cho người nghe.

- Cách tiến hành:

(1). Chào hỏi và tự giới thiệu thân thiện, tạo bầu không khí cởi mở;

(2). Giới thiệu chủ đề, nhấn mạnh tầm quan trọng và sự cần thiết của chủ đề phòng chống XHTD;

(3). Tìm hiểu xem mọi người đã biết và làm gì về vấn đề phòng chống XHTD? Khen ngợi và động viên những điều tốt và những điều đã làm được.

(4). Nêu những điều chưa làm được và tác hại;

(5). Tìm hiểu lí do làm chưa tốt;

(6). Mô tả những điều nên làm, sử dụng tranh ảnh, vật mẫu để minh họa nếu cần.

(7). Thảo luận về những khó khăn khi thực hiện hành vi mới có lợi cho sức khỏe và tìm ra các giải pháp.

(8). Đưa ra các ví dụ cụ thể gắn gũi với cộng đồng;

(9). Sử dụng từ ngữ và câu nói đơn giản dễ hiểu;

(10). Nói rõ ràng, đủ to, dễ nghe;

(11). Nêu các biện pháp hỗ trợ thực hiện và nhấn mạnh những điểm quan trọng cần thực hiện trong GD phòng chống XHTD.

(12). Kiểm tra xem mọi người có hiểu đúng những điều bạn nói không và giải đáp thắc mắc nếu có?

Sử dụng tranh ảnh vật mẫu trong tuyên truyền phòng chống XHTD:

Áp phích thường được treo ở những nơi có nhiều người qua lại và lưu ý nên treo áp phích ngang tầm mắt người đọc, tránh nơi bị mưa hắt và gió thổi bay, nên định kì thay áp phích để thu hút sự chú ý của mọi người.

Tranh gáp, tờ rơi: Thường phát cho nhiều người tại các buổi mít tinh, hội họp để họ xem thêm.

Treo poster có nội dung phòng chống XHTD nhằm nâng cao ý thức và đề cao cảnh giác của mỗi người để bảo vệ trẻ em, giúp trẻ có thể phát triển một cách toàn diện về thể chất cũng như tinh thần.

Tổ chức các chương trình trải nghiệm, cũng như tương tác trong các tình huống giả định để dần hình thành các kỹ năng ứng phó và kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ XHTD cho HSTH một cách thành thực, linh hoạt.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Mỗi thông điệp được đưa ra từ các chương trình truyền thông phải cụ thể, thiết thực, chính xác, chủ đề phải thống nhất cũng như có nội dung GD phù hợp và linh hoạt.

- Người làm công tác truyền thông cần có hiểu biết, kinh nghiệm, KN và có sự thống nhất giữa nói và làm, không nên đưa ra quá nhiều thông tin cùng 1 lúc, cần giảng giải, truyền thông tin đặc biệt là lắng nghe các thông tin phản hồi, hỏi và tham khảo ý kiến của đối tượng để điều chỉnh nội dung, phương pháp, phương tiện.

- Phải có sự chuẩn bị chu đáo trước khi tiến hành các hoạt động tuyên truyền.

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp truyền thông khác nhau.

- Nội dung truyền thông phù hợp với đối tượng được hướng đến, đảm bảo tính thống nhất và hợp lí, khéo léo, tế nhị đối với tâm tư tình cảm của đối tượng.

- Tổ chức hoạt động tuyên truyền phải có cơ sở, mang tính định hướng GD.

- Nhận biết giới hạn về mặt chuyên môn của cá nhân để tìm cách bổ sung.

- Phải xác định rõ đối tượng sẽ nắm được những gì sau chiến dịch truyền thông đó.

- Cần có sự đầu tư kinh phí để làm công tác truyền thông.

- Cần chú ý các yếu tố tiêu cực: Yếu tố ngoại cảnh (Nhiều tiếng ồn, nóng nực, thời gian dài...); yếu tố tâm lý của người nghe (đang căng thẳng, đang buồn...).

3.2.2. Tích hợp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Tích hợp là một xu hướng dạy học tất yếu và phù hợp với định hướng đổi mới căn bản và toàn diện của giáo dục. Xu hướng này xuất phát từ nhận thức: Mỗi con người đều được hình thành và phát triển thông qua hoạt động mà hoạt động nào cũng liên quan đến nhiều lĩnh vực kiến thức, kỹ năng cho nên cần cung cấp kiến thức, kinh nghiệm sống một cách tổng thể.

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo hướng tích hợp... là quan điểm hiện đại, không những phù hợp với tâm lý của HS mà còn phù hợp với xu hướng giáo dục của thế giới hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục.

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS giúp nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp hoặc quá tải đồng thời nâng cao nhận thức, hiểu biết cơ bản về nguy cơ xâm hại; phòng tránh XHTD, hiểu biết về cách kiểm soát cảm xúc và cách ứng phó với XHTD... đồng thời vẫn đảm bảo nội dung học tập, tạo môi trường cho HS rèn luyện, vận dụng những hiểu biết vào giải quyết tình huống mới qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mình.

3.2.2.2. Nội dung của biện pháp

a, Tích hợp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống thông qua hoạt động dạy học

GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH có thể được thực hiện thông qua các môn học: Khoa học, Đạo đức, Nghệ thuật/ Âm nhạc/Mĩ Thuật... Đây là quan điểm hiện đại, không những phù hợp với tâm lý của HS mà còn phù hợp với xu hướng dạy học của thế giới hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác dạy học.

* Chương trình môn Khoa học ở lớp 5: GD phòng chống XHTD có thể tích hợp ở nội dung của các bài: Bài 1. *Sự sinh sản* (Trang 4 SGK); Bài 2, 3. *Nam hay nữ* (Trang 6 SGK); Bài 4. *Cơ thể chúng ta được hình thành như thế nào?* (Trang 10 SGK); Bài 7. *Từ lúc mới sinh đến tuổi dậy thì* (Trang 16 SGK); Bài 8. *Vệ sinh ở tuổi dậy thì* (Trang 18 SGK); Bài 18. *Phòng tránh bị xâm hại* (Trang 38 SGK)...

Đối với Bài 2, 3. *Nam hay nữ* (Trang 6 SGK) sau khi giúp học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa cơ quan sinh dục của nam và nữ, GVTH có thể tích hợp nội dung GD phòng chống XHTD giúp các em hiểu: Cơ thể của em là của chính em và các em cần có trách nhiệm bảo vệ nó đặc biệt là các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể: (với các bé gái là vùng môi, ngực, hông, vùng kín (âm đạo); các bé trai là vùng môi, hông và vùng kín (dương vật) và chỉ có bản thân em mới có quyền đụng chạm vào vùng kín trên cơ thể mình. Cha mẹ chỉ có thể đụng chạm vào vùng kín trong một số trường hợp đặc biệt như khi em ốm, tắm cho em... Ngoài ra, bác sĩ, y tá có thể đụng vào cơ thể em để kiểm tra sức khỏe khi em đi khám bệnh. Phần kết bài, GV có thể mở rộng kiến thức và giáo dục các em một số cách để phòng tránh trước nguy cơ xâm hại tình dục.

Bài 7. *Từ lúc mới sinh đến tuổi dậy thì* (Trang 16 SGK) sau khi GV phân tích nội dung chính của bài: Các giai đoạn phát triển của con người từ lúc mới sinh đến tuổi dậy thì; một số thay đổi về sinh học và mối quan hệ xã hội ở tuổi dậy thì... GVTH có thể tích hợp nội dung GD phòng chống XHTD giúp các em hiểu các nguy cơ tiềm ẩn và hiện hữu về XHTD từ đó giáo dục các em cách ứng phó tích cực để bảo vệ bản thân an toàn.

Bài 18. *Phòng tránh bị xâm hại* (Trang 38 SGK) sau khi GV phân tích: Hình thức xâm hại: Bắt cóc, bạo lực, xâm hại tình dục, tự xâm hại... Cách nhận diện thủ phạm xâm hại và các thủ đoạn của chúng, địa điểm có nguy cơ mất an toàn; cách ứng phó với xâm hại... GV có thể tích hợp và lấy ví dụ, tình huống về XHTD giúp các em phân biệt được hành vi yêu thương và hành vi XHTD từ những người thân... Đặc biệt, giúp các em rèn kỹ năng ứng phó tích cực với những tình huống XHTD dễ xảy ra trong tình hình thực tế của địa phương. HS ở miền núi đa phần sẽ không có kiểu nhà khép kín hoặc chung cư như ở thành phố. Kiểu nhà ở miền núi là kiểu nhà riêng biệt không gian rộng, vắng vẻ... Vậy gặp những tình huống bị xâm hại thì các em sẽ phải làm gì ? GV có thể hướng dẫn các cách phòng và tránh như thế nào?...

* Chương trình các môn học ở lớp 4: GV có thể tích hợp, lồng ghép phòng chống XHTD trong bài *Biết bày tỏ ý kiến* ở môn Đạo đức giúp các em biết bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến bản thân, kiên quyết nói “Không” với biểu hiện hành vi xâm hại với phương châm: “*Hét to - Bỏ chạy - Kể lại với những người tin tưởng*”, GV có thể tích hợp GD kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp khi có nguy cơ xâm hại từ mọi người xung quanh... Hay ở môn Kỹ năng sống, GV có thể tích hợp giáo dục phòng chống XHTD ở

nhiều chủ đề như: *Chủ đề 2. Kỹ năng giao tiếp với bạn bè và mọi người; Chủ đề 3. Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề; Chủ đề 4. Kỹ năng tự bảo vệ mình; Chủ đề 5. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi khó khăn; Chủ đề 6: Kỹ năng kiểm soát cảm xúc...*

* Ngoài ra, chương trình môn Âm nhạc: GV có thể tích hợp, lồng ghép tuyên truyền về phòng chống XHTD khi dạy cho các em hát và múa theo bài hát: “*Năm ngón tay xinh*”; bài hát “*Tự bảo vệ mình*”... Chương trình môn Mĩ Thuật, GV có thể tích hợp phòng chống XHTD vào hoạt động vẽ tranh vận động mọi người sống lành mạnh... Chương trình môn Thể chất, GV có thể tích hợp phòng chống XHTD bằng cách dạy các em các thế võ tự vệ trong những tình huống bị xâm hại ở những vị trí khác nhau: Đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải....

b, Tích hợp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống thông qua hoạt động giáo dục tập thể/ hoạt động NGLL

Hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển nhân cách của HSTH. Các mối quan hệ rộng mở được hình thành thông qua hoạt động và giao tiếp như hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, trò chơi... góp phần thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của HS, giúp các em giảm tải áp lực, căng thẳng, cảm giác nặng nề trong quá trình học tập từ đó, tạo cơ hội để các em tiếp cận, gia nhập đời sống xã hội một cách tích cực, chủ động [54; tr.7-12].

Tích hợp hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS có thể được tổ chức theo quy mô trường, quy mô khối lớp, quy mô lớp học, nhóm lớp. Các dạng hoạt động này có thể tổ chức thành một dạng hoạt động lớn như hội diễn văn nghệ (đóng kịch, xử lý tình huống...), câu lạc bộ hay sân chơi trí tuệ... song cũng có thể lồng ghép trong một dạng hoạt động chủ đạo.

Hình thức tổ chức tích hợp hoạt động giáo dục tập thể/ hoạt động NGLL phòng chống XHTD cho HSTH phong phú: Văn nghệ, hát, đọc thơ, kể chuyện, múa, diễn kịch; thi vẽ tranh, sáng tác thơ, chuyện, bài hát; làm báo tường với chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH...

3.2.2.3. Cách tiến hành biện pháp

Bước 1. Phân tích chương trình giáo dục ở tiểu học (Bao gồm chương trình các môn học và chương trình hoạt động giáo dục tập thể/ hoạt động NGLL)

GV cần nghiên cứu kỹ mục tiêu, nội dung chương trình các môn học cụ thể trong trường TH: Khoa học, Đạo đức, Mĩ Thuật... và chương trình hoạt động giáo dục tập

thể/ hoạt động NGLL để từ đó xây dựng mục tiêu, nội dung bài học tích hợp phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS sao cho phù hợp và đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

Bước 2. Lựa chọn chủ đề tích hợp GD phòng chống XHTD cho HSTH

Các chủ đề tích hợp GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS cần phù hợp với đặc điểm tâm lí, đặc điểm nhận thức của HSTH. Để xác định được chủ đề tích hợp phù hợp cần đảm bảo các bước sau:

(1). Rà soát nội dung GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS và nội dung chương trình các môn học cụ thể và chương trình các hoạt động giáo dục trong trường TH; xem xét các chuẩn để tìm nội dung dạy học gần nhau gắn với thực tiễn, với trình độ nhận thức của HSTH.

(2). Khi lựa chọn chủ đề GD phòng chống XHTD để tích hợp, GV cần trả lời một số câu hỏi sau đây: *Tại sao phải tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH? Tích hợp những nội dung nào của phòng chống XHTD cho HSTH? Thời lượng cho bài tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH dự kiến nào bao nhiêu?...* Từ đó, xác định và đặt tên cho chủ đề GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS.

(3). Tên chủ đề đảm bảo phản ánh được nội dung môn học của hoạt động giáo dục trên cơ sở có sự hấp dẫn với HSTH.

Bước 3. Xác định mục tiêu giáo dục tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH: Đây là bước GV dự đoán được kết quả ban đầu cần đạt được về các mặt: Kiến thức, thái độ và KN từ đó người GV xác định nội dung, hoạt động học tập của các chủ đề tích hợp.

Bước 4. Dự kiến các công việc chuẩn bị và lên kế hoạch cho hoạt động theo các chủ đề giáo dục tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH

Các công việc cần GV và HS chuẩn bị: Đồ dùng dạy học, phương tiện, học liệu dạy học... Lên kế hoạch dự kiến tổ chức hoạt động theo các chủ đề về phòng chống XHTD trong đó cần thể hiện rõ mục tiêu về kiến thức, KN, thái độ, nội dung cơ bản hoạt động phòng chống XHTD, phương pháp thực hiện, các điều kiện tiến hành hoạt động là gì?

Bước 5. Thiết kế các hoạt động giáo dục tích hợp phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học.

Có thể phân chia hoạt động theo cấu trúc nội dung của chủ đề hoặc theo từng vấn đề cần giải quyết. Với mỗi tình huống, vấn đề hay nội dung cần giải

quyết, xây dựng thành một hoặc nhiều hoạt động khác nhau, và tương ứng với mỗi một hoạt động GV cần: (1). Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể giáo dục tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH; (2). Xây dựng nội dung học tập dưới dạng học liệu như phiếu học tập; các nhiệm vụ học tập; (3). Thiết kế phương pháp, phương tiện, thiết bị và điều kiện dạy học cho hoạt động GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH; (4). Dự kiến các nguồn lực, vật lực cho hoạt động học tập; (5). Xây dựng tiêu chí đánh giá, hướng dẫn người học tự đánh giá mục tiêu hoạt động GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH; (6). Dự kiến thời lượng cho mỗi hoạt động và đặt kế hoạch cho hoạt động học theo chủ đề.

Bước 6. Tổng kết đánh giá

Việc đánh giá tổng thể GD tích hợp phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS giúp GV điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp hơn. GV cũng cần đánh giá các mặt như: Tính phù hợp thực tế dạy học với thời lượng dự kiến; MĐ Đạt được mục tiêu học tập qua đánh giá các hoạt động học tập; sự hứng thú của HS với chủ đề thông qua quan sát và qua phỏng vấn; MĐ khả thi với điều kiện cơ sở vật chất.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

* Với học sinh tiểu học: Thực hiện bài kiểm tra tích hợp về các mặt kiến thức, KN, thái độ và năng lực theo mục tiêu bài học đề ra.

* Với giáo viên: Dựa vào kết quả kiểm tra của HSTH, GV sẽ điều chỉnh nội dung, thay đổi PP dạy học để chất lượng GD tích hợp phòng chống XHTD ngày một tốt hơn.

Thiết kế GD tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa GV và sự tương tác tích cực của HS từ khâu lập kế hoạch bài học, tiến hành bài học đến khâu thảo luận, điều chỉnh kế hoạch và dạy chủ đề. Nếu thiếu sự hợp tác này thì dạy học tích hợp sẽ không đạt hiệu quả.

3.2.3. Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

Theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo mỗi nhà trường Tiểu học sẽ thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường do đó luận án đề xuất biện pháp *Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS* là cần thiết và phù hợp với thực tế giáo dục hiện nay.

“Công tác tư vấn học đường được hiểu theo nghĩa rộng là tập hợp các hoạt động tâm lí học đường được thực hiện theo hướng tiếp cận hệ thống (bao gồm sự phối hợp giáo dục Gia đình - Nhà trường - Xã hội) nhằm thực hiện sàng lọc, đánh giá, dự báo và nhận diện sớm các vấn đề tư vấn học đường cho HS, thực hiện tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm cho HS; thực hiện tư vấn tâm lí học đường cho PHHS và nhà trường, tham gia xây dựng, nghiên cứu, giám sát và lượng giá các hoạt động thực hành tâm lí học đường, các chương trình phòng ngừa và can thiệp tâm lí học đường trong nhà trường phổ thông” [65; tr.10].

Tư vấn tâm lí học đường có tầm quan trọng đặc biệt đối với bản thân HS, gia đình, nhà trường và xã hội.

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Sàng lọc, đánh giá, dự báo và nhận diện sớm các nguy cơ XHTD cho HSTH trong bối cảnh nền kinh tế, văn hóa, xã hội và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi.

Xây dựng chương trình phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ XHTD cho toàn bộ HSTH trong nhà trường (Chương trình khám phá, học tập và trải nghiệm...)

Đánh giá, nhận diện, phát hiện sớm những trường hợp có nguy cơ hoặc đã bị XHTD và bước đầu có những khó khăn, khủng hoảng/ rối nhiễu tâm lí trong nhận thức, hành vi, cảm xúc... do hậu quả bị XHTD gây nên để từ đó lên kế hoạch phòng ngừa và can thiệp kịp thời.

Đánh giá và thực hiện tham vấn, tư vấn GD giới tính, sức khỏe sinh sản và phòng chống XHTD cho HS toàn trường, PHHS, cán bộ công nhân viên trong toàn trường.

3.2.3.2. Nội dung biện pháp

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS thông qua tổ chức tư vấn học đường trong nhà trường thường tập trung vào ba vấn đề: Phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp.

Cấp độ 1: Phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn XHTD. Cấp độ này tác động tới toàn bộ HS giúp giảm thiểu những vấn đề khó khăn tâm lí mà HS có thể gặp phải. Đây là cấp độ có tầm quan trọng đặc biệt bởi làm tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn XHTD bao nhiêu thì càng giúp giảm bớt thách thức, khó khăn và tiết kiệm chi phí khi phải thực hiện những hoạt động hỗ trợ ở các cấp độ cao hơn.

Cấp độ 2: Nhận diện và phát hiện sớm các HS có nguy cơ hoặc đã bị XHTD: Những HS này có thể đang có những khó khăn hoặc rối nhiễu trong tâm lí như thiếu

động cơ học tập hoặc có những vấn đề liên quan đến thái độ cư xử, hành vi không phù hợp. Các chuyên viên tâm lý trong nhà trường có thể dựa vào dấu hiệu bên ngoài, biểu hiện về thể chất, tinh thần, hành vi của trẻ để có thể nhận biết mức độ trẻ bị XHTD.

Cấp độ 3: Can thiệp, hoạt động tư vấn chuyên sâu dành cho nhóm HS đã bị XHTD và đang gánh chịu những tổn thương nặng nề về các mặt thể chất, tâm lý, hành vi và xã hội thậm chí có những em bị rối loạn tâm thần. Qua phụ lục 12 cho thấy “Những HS rơi vào cấp độ này phần lớn đều được chuyên viên tâm lý, GV hoặc phụ huynh chuyển ra trị liệu ở các cơ sở lâm sàng ngoài trường” [65; tr.16].

Nội dung và nhu cầu tư vấn cho HSTH

Căn cứ vào những khó khăn tâm lý mà HSTH thường gặp phải, có thể xác định một số nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS thông qua tư vấn trong trường TH như sau:

- Đối với HS, tư vấn học đường tập trung vào các chương trình nâng cao năng lực xã hội cho HS: Kỹ năng nhận diện nguy cơ XHTD (Nhận diện vùng an toàn và không an toàn; nhận diện đối tượng XHTD; nhận diện thời điểm, tình huống có nguy cơ XHTD; nhận diện các thủ đoạn mà kẻ XHTD hay sử dụng, nhận diện những lí do trẻ thường giấu kín chuyện mình bị XHTD, nhận diện các nguyên nhân dẫn tới trẻ thường bị XHTD...); kỹ năng kiểm soát cảm xúc; kỹ năng ứng phó và KN tìm kiếm sự trợ giúp trước nguy cơ XHTD... Đối với nhóm HS nằm trong nhóm can thiệp 2 và can thiệp 3 (15 - 20%) thì tùy theo vấn đề của HS mà GV có những kế hoạch và chương trình phù hợp với từng em nhằm tác động đến cả ba lĩnh vực nhận thức, thái độ và hành vi của các em.

- Đối với phụ huynh, tư vấn học đường tập trung vào các chương trình nâng cao năng lực của các bậc cha mẹ: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tuyên truyền và hỗ trợ phòng ngừa XHTD; kỹ năng tư vấn cho HS bị XHTD... Đối với nhóm phụ huynh có con nằm trong nhóm can thiệp 2 và nhóm can thiệp 3 (15 - 20%) thì tùy theo vấn đề của HS mà GV có những kế hoạch và chương trình phù hợp với phụ huynh nhằm phối hợp hiệu quả trong hỗ trợ tâm lý cho các em...

- Đối với GV: Tư vấn học đường tập trung vào các chương trình nâng cao năng lực cho đội ngũ GV: GD kỹ năng nhận diện, kiểm soát cảm xúc; ứng phó, tuyên truyền và hỗ trợ phòng ngừa XHTD; GD kỹ năng tư vấn cho HS bị XHTD; KN thiết lập mối quan hệ với gia đình và các tổ chức xã hội, đoàn thể... Đây là những

nội dung cần thiết nhằm giúp GV có những phương pháp làm việc phù hợp với HS, phụ huynh đặc biệt là sự kết nối giữa các lực lượng GD trong việc xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và bình đẳng cho HS...

Có nhiều hình thức tham vấn: Tham vấn cá nhân; tham vấn nhóm; tham vấn gia đình, tham vấn nhà trường. *“Trong môi trường học đường, tham vấn cá nhân và tham vấn nhóm là hai hình thức tham vấn được sử dụng nhiều hơn cả. Người làm công tác tham vấn có thể là nhà tâm lý trường học hoặc GV. Họ trợ giúp HS giải quyết tốt vấn đề nảy sinh trong đời sống tinh thần, tình cảm. Nhà tâm lý trường học, nhà tham vấn học đường cũng có thể tham vấn cho GV khi các thầy cô có những khó khăn tâm lý”* [66; tr.19].

Một số thông điệp cơ bản có thể sử dụng trong tư vấn học đường cho HSTH:
Thầy (cô) tin em/ tin những điều em đã chia sẻ; thầy (cô) cảm động vì em đã phần nào tin tưởng và chia sẻ câu chuyện; thầy (cô) rất tiếc vì những điều đã xảy ra với em; đó không phải là lỗi của em; anh ta hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật của mình; thầy (cô) cần trao đổi với một người lớn nào đó để có thể giúp em thêm và đảm bảo là việc này không tiếp tục xảy ra với chính em, việc em đến tham vấn có thể xuất phát từ sự tác động của thành viên trong gia đình, tuy nhiên thầy (cô) tin là chỉ có em mới có quyền quyết định có nói ra và có tìm sự hỗ trợ không? Nói ra câu chuyện này thật không dễ, em đã thật can đảm khi nói ra câu chuyện của mình; đó (XHTD) không phải là lỗi của em; em có quyền được làm chủ cơ thể mình, có quyền được đối xử tôn trọng; việc chúng ta tin vào những hiểu lầm và định kiến vốn có từ trước đến nay về XHTD có thể tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực lên cách chúng ta nhìn nhận về bản thân mình. Thầy (cô) tin tưởng rằng với sự can đảm, mọi người đều có thể vượt qua được những ảnh hưởng của việc xâm hại và bước tiếp trong cuộc sống. Thầy (cô) cũng tin rằng việc trải qua XHTD không phải là thứ để xác định tính cách, giá trị con người em, không quyết định cuộc đời và tương lai bạn; quan tâm chăm sóc và yêu thương chính bản thân mình là cách mà nhiều người đã làm để vượt qua những ảnh hưởng của XHTD. Cách quan tâm chăm sóc bản thân của mỗi người có thể rất khác nhau nhưng có một số hoạt động chung hữu ích với nhiều người. Em thử nghĩ xem có cái nào phù hợp với em (Liệt kê: Tập thể dục, đi bộ, chơi thể thao, yoga, nghe nhạc, làm vườn, vẽ hay tô màu, làm thơ, chia sẻ với những người tin cậy và lắng nghe em...)

3.2.3.3. Cách tiến hành biện pháp

Tư vấn cá nhân là hình thức mà nhà tư vấn hỗ trợ, giúp đỡ, tư vấn cho một cá nhân về những nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH. Quá trình tư vấn cá nhân có thể thông qua đàm thoại, tương tác với thân chủ hỗ trợ thân chủ giải quyết vấn đề của riêng thân chủ, không thể áp dụng cho tất cả mọi người. Quy trình tư vấn cá nhân bao gồm các bước sau:

Bước 1. Thiết lập quan hệ giữa nhà tư vấn với thân chủ (Thân chủ có thể là GVTH, PHHS, HSTH, cán bộ cộng đồng...)

Giai đoạn này có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là lần gặp gỡ đầu tiên, tạo những ấn tượng với thân chủ và sẽ có tính quyết định xem có tiếp tục buổi tư vấn nữa hay không? Do đó, để tạo những ấn tượng ban đầu tốt đẹp, nhà tư vấn cần tạo bầu không khí tin tưởng, thoải mái cho thân chủ, giúp thân chủ giải quyết nỗi băn khoăn lớn và chia sẻ vấn đề thầm kín của mình.

Nhà tư vấn cần giới thiệu ngắn gọn về bản thân và nguyên tắc tư vấn trong đó, cần nhấn mạnh về nguyên tắc bảo mật thông tin. Ví dụ như: *Chào em, mời em ngồi (chỉ chỗ ngồi, mời nước). Cảm ơn em đã đến với văn phòng tư vấn học đường của trường. Thầy (cô) xin tự giới thiệu, tên là..., tốt nghiệp (học) về... Một trong những nguyên tắc làm việc của văn phòng tư vấn học đường là bảo mật thông tin. Vấn đề mà em trao đổi trong buổi hôm nay sẽ được bảo mật. Thông tin chỉ tiết lộ trong trường hợp đặc biệt khi nó liên quan tới tòa án, pháp luật và tính mạng của con người, em có đồng ý làm việc với nguyên tắc đó? Thành công của buổi tư vấn, phụ thuộc rất nhiều vào sự cố gắng nỗ lực của em. Thầy (cô) đã sẵn sàng lắng nghe em chia sẻ...*

Theo đánh giá của giáo sư Tomas Shaffer - chuyên gia tham vấn người Mỹ, thời gian tư vấn chỉ mang tính tương đối bởi tùy thuộc vào vấn đề của thân chủ. Trong đó, *“Tham vấn về vấn đề XHTD trong khoảng từ 6 tháng đến khoảng một năm, trung bình 2,3 lần/tuần. Nếu một đứa trẻ bị lạm dụng tình dục từ chính trong gia đình thì khó sống ổn định trong gia đình và cuộc sống gia đình thường bị đảo lộn. Việc tham vấn cho trẻ là khó khăn và thường không hiệu quả”* [66; tr.306].

Bước 2. Thu thập thông tin, xác định vấn đề: Nhà tư vấn cần tìm hiểu hoàn cảnh của HS, gồm môi trường xã hội, GD gia đình, tình cảm, thể chất, tâm lí của bản thân học sinh. Sau khi tập hợp các thông tin này, nhà tư vấn và HS cùng đánh giá hoàn cảnh hiện tại và hợp tác làm việc để xác định phạm vi vấn đề cụ thể cần giải quyết.

Bước 3. Nhà tư vấn cùng thân chủ đánh giá vấn đề

Bước 4. Giúp thân chủ xác định mục đích, mục tiêu, định hướng sống thiết thực.

Mục tiêu của giai đoạn 3 là giúp HS xác định một định hướng thiết thực cho cuộc sống của các em. Trong giai đoạn này, nhà tư vấn hỏi HS: "*Em muốn điều gì xảy ra?*" hoặc "*Nếu mọi chuyện xảy ra như em muốn thì sẽ thế nào?*".

Khi tiến hành tư vấn cho HSTH, hãy để các em khám phá thế giới ý tưởng của mình và bày tỏ những mơ mộng và ước muốn của các em mà không uốn nắn các em hoặc nói rằng trẻ làm như thế là "sai".

Bước 5. Tìm kiếm các biện pháp thay thế

Khi vấn đề và mục tiêu đã được làm sáng tỏ, nhà tham vấn và HS bắt đầu nghĩ nhanh các giải pháp. Nhà tham vấn có thể đặt câu hỏi: "*Theo em có bao nhiêu cách khác nhau để giải quyết vấn đề này?*".

Bước 6. Lập kế hoạch thực hiện

Bước 7. Hoàn thiện hồ sơ tư vấn.

Tư vấn nhóm

Tư vấn nhóm là hình thức mà nhà tư vấn hỗ trợ, dẫn dắt, tổ chức, điều khiển thảo luận, giúp đỡ cho một nhóm người, giải quyết những vấn đề liên quan tới nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH. Quy trình tiến hành tư vấn nhóm bao gồm các bước sau đây:

Bước 1. Thành lập nhóm tư vấn;

Bước 2. Thiết lập một số công cụ làm việc với nhóm tư vấn;

Bước 3. Thiết lập mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm;

Bước 4. Thu thập thông tin; đánh giá vấn đề;

Bước 5. Xác định mục tiêu, mong muốn của nhóm;

Bước 6. Tổ chức hoạt động chia sẻ, tranh luận; kiểm soát, quản lý các mối quan hệ;

Bước 7. Tìm tòi những biện pháp mới, những cách thức mới;

Bước 8. Tổng kết nhóm và lập kế hoạch thực hiện;

Bước 9. Hoàn thiện hồ sơ tư vấn nhóm.

Một số lưu ý cần tránh trong tư vấn học đường về chủ đề xâm hại tình dục cho HSTH:

Không nói những câu mang tính đổ lỗi, dò xét, phán xét hành vi của HS. Ví dụ: Vì sao em bị xâm hại? Sao anh ta xâm hại được em? Sao em không chống trả? Em đã làm

gì để nó gây ra được việc này? Sao câu chuyện này khó tin thế!... Không đưa câu hỏi hay bình luận mang tính buộc tội: Hãy kể thêm về hành vi của kẻ tồi tệ đó! Kẻ bệnh hoạn đó đã làm gì với em? Không đưa bình luận mang tính gây ảnh hưởng: Bố mẹ em nghĩ là thế nào?.../ Mọi người tin là việc đó diễn ra thế này... Thầy (cô) nghĩ là điều đó cũng có lí. Không đề nghị mô tả quá chi tiết sự việc diễn ra, đặc biệt là khi HS không thực sự sẵn sàng. Không nói những câu làm HS cảm thấy xấu hổ về sự việc: Đòi người, có cái quan trọng nhất mà nó làm thế!... Không nói theo cách để HS cảm thấy tương lai sẽ tồi tệ hoặc mọi người sẽ nhìn nhận em theo hướng tồi tệ. Cần ý thức về biểu hiện phi ngôn từ như cau mặt, trợn mắt, híc mũi, chu môi, hay đáng ngồi... ngay cả khi HS có thái độ không hợp tác, chưa sẵn sàng nói hay nói những điều có vẻ đáng nghi ngờ. Nhạy cảm (và hạn chế) với những hành vi đụng chạm, tiếp xúc cơ thể như cầm tay, vuốt tay, vỗ vai thân chủ, vì ranh giới cá nhân đã bị xâm phạm nghiêm trọng khiến các em dễ phản ứng với hành vi gần gũi của người lạ. Không thể hiện phản ứng thái quá như tức giận với kẻ xâm hại, hay quá bất ngờ/ sốc về những tình tiết diễn ra. Không đặt câu hỏi chất vấn về việc vì sao quá lâu mà giờ mới nói ra câu chuyện? ...

Nếu làm việc với bố mẹ/ người thân của HS bị xâm hại, tránh hỏi theo cách khiến họ cảm thấy tồi tệ vì đã để con họ rơi vào hoàn cảnh đó.

Một số điều nên làm trong tư vấn học đường về chủ đề xâm hại tình dục cho HSTH: Thể hiện sự tin tưởng vào những điều HS nói; thể hiện sự lắng nghe một cách chú tâm và bày tỏ sự quan tâm một cách trọn vẹn với HS; bày tỏ thấu hiểu/ thấu cảm, phản ánh cảm xúc với những biểu hiện "mang tính cảm xúc" của HS; bộc lộ sự bình tĩnh và không phán xét; cho HS biết các em không phải là người chịu trách nhiệm về hành vi xâm hại cho dù tình huống đó như thế nào? Thảo luận với HS, còn ai khác mà họ muốn chia sẻ câu chuyện này. Tư vấn tâm lý nói chung và tư vấn về vấn đề xâm hại tình dục nói riêng nên thảo luận trong một môi trường kín đáo, an toàn với HS, nên để HS "làm chủ" cuộc trò chuyện. Người bị XHTD thường có cảm giác mạnh mẽ về việc mất kiểm soát, mất an toàn, mất niềm tin, vì vậy cảm giác không bị ép buộc trong cuộc trao đổi có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập mối quan hệ cũng như hàn gắn cho HS. Khi trao đổi về tình dục, chính cán bộ hỗ trợ cần tỏ ra nó là một việc có thể nói, trao đổi mà không e dè, ngại ngùng. Từ ngữ sử dụng trong trò chuyện nên mang tính trung tính và hạn chế dùng từ tiếng lóng.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Thân chủ đặc biệt đối tượng là HSTH thường có tâm lý e ngại trước người lạ cho nên lần đầu các em gặp tư vấn viên thì cần tạo điều kiện để em cảm thấy thoải mái, tạo cảm giác an toàn, kiên trì chờ đợi cho đến khi HS có thể bắt đầu câu chuyện. Mặt khác, tư vấn viên tránh phòng vẫn có ghi chép trước mặt các em. Chuyên viên nên bắt đầu câu chuyện, khi tìm được những điều HS đang quan tâm rồi từ đó mới động viên em nói về chủ đề mình cần khai thác.

Khi tiến hành tư vấn học đường về phòng chống XHTD cho HSTH cần đảm bảo các nguyên tắc: (1). *Tôn trọng học sinh*, luôn đặt mình ở vị thế bình đẳng với HS, tiếp cận HS trong vị trí của một nhân cách độc lập, không phụ thuộc và luôn thể hiện sự tin tưởng vào khả năng thay đổi của HS; (2). *Chấp nhận, không phán xét học sinh* giúp HS cảm thấy an toàn, không cần giả dối với bản thân và người khác, từ đó dám bộc lộ những tâm sự thầm kín và đương đầu với nó; (3). *Dành quyền tự quyết cho học sinh* trên cơ sở có sự định hướng đúng đắn của nhà tư vấn; (4). *Bảo mật các thông tin cho học sinh* và chỉ tiết lộ thông tin khi có sự đồng ý của HS hoặc trong trường hợp đặc biệt, có thể gây hại cho người khác hoặc theo yêu cầu của tòa án...

3.2.4. Tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo các chủ đề chuyên biệt

Theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, ở cấp tiểu học, từ lớp 1 đến lớp 5 mỗi lớp sẽ có 70 tiết hoạt động giáo dục tập thể và 35 tiết hoạt động NGLL nhưng chương trình giáo dục phổ thông mới [13], hoạt động giáo dục tập thể/ hoạt động NGLL được thay thế bằng hoạt động trải nghiệm 105 tiết. Hiện nay, hoạt động trải nghiệm chỉ mới được áp dụng ở chương trình lớp 1 năm học 2020-2021. Theo lộ trình chương trình hoạt động trải nghiệm ở lớp 4 sẽ được áp dụng bắt đầu từ năm học 2024-2025 và ở lớp 5 sẽ được áp dụng bắt đầu từ năm học 2025-2026. Do đó, để phù hợp với thời điểm hiện tại, luận án nghiên cứu các hoạt động giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH chính là các hoạt động GD tập thể/ Hoạt động NGLL theo các chủ đề chuyên biệt.

Mặt khác, Hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL ở các trường TH, tương đối độc lập với nội dung của các môn học trong chương trình, bao gồm những hoạt động phù hợp với mục đích GD được nhà trường tổ chức cho HS vào thời gian NGLL nhằm tạo điều kiện cho các em tiếp xúc với thực tiễn cuộc sống xã hội phong phú, đa dạng.

Tổ chức hoạt động giáo dục tập thể/ hoạt động NGLL đa dạng và phong phú sẽ khắc phục những hạn chế, tồn tại của con đường dạy học: Dù dạy học là con đường cơ bản và quan trọng nhất trong giáo dục HSTH song lại thường “*đóng khung*” trong “*bốn bức tường lớp học*” khiến cho các em khi hòa nhập vào cuộc sống còn chưa tự tin trong các mối quan hệ xã hội, chương trình các môn học mang tính bắt buộc song thường chậm thay đổi so với phát triển xã hội.

3.2.4.1. Mục đích của biện pháp

HS nhận diện được các nguy cơ khi bị XHTD: Nhận diện vùng an toàn và không an toàn; nhận diện đối tượng XHTD, nhận diện thời điểm, tình huống có nguy cơ XHTD; nhận diện các thủ đoạn mà kẻ XHTD hay sử dụng...

HS kiểm soát được cảm xúc của bản thân đặc biệt được rèn kỹ năng ứng phó với nguy cơ XHTD: Kỹ năng tự ứng phó một cách linh hoạt với nguy cơ XHTD; kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp trước nguy cơ XHTD: Xác định người tin cậy có thể giúp giải quyết được vấn đề; xác định địa chỉ, đường dây nóng trợ giúp trẻ em bị XHTD...

3.2.4.2. Nội dung biện pháp

Tùy vào quy mô tổ chức (Sinh hoạt dưới cờ; hoạt động giáo dục theo chủ đề; sinh hoạt lớp; câu lạc bộ) để lựa chọn nội dung chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH một cách phù hợp, có thể là chủ đề mang tính khái quát hoặc đi sâu vào nội dung cụ thể của phòng chống XHTD:

Giáo dục kỹ năng nhận diện nguy cơ XHTD (*Xem chi tiết phụ lục 6A*),

Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc trước XHTD (*Xem chi tiết phụ lục 6B*),

Giáo dục kỹ năng ứng phó với XHTD (*Xem chi tiết phụ lục 6C*),

Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ XHTD (*Xem chi tiết phụ lục 6D*)...

Xác định hình thức tổ chức cho phù hợp, có thể thi vẽ tranh, sáng tác thơ, truyện, bài hát, sân khấu hóa tình huống... về chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH.

Thời gian dự kiến thực hiện cần rõ ràng, khoa học nhưng đồng thời cũng mang tính mềm dẻo nhất định, trong đó cần dự kiến một cách chi tiết thời gian cho cả chủ điểm, thời gian cho từng công việc, thời gian các hoạt động GD...

3.2.4.3. Cách tiến hành biện pháp

Bước 1. Lựa chọn chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH

Bước 2. Xác định mục tiêu và nội dung của chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH: Xác định mục tiêu của chủ đề có nghĩa là GV phải xác định được khối lượng kiến thức, thái độ, kỹ năng về phòng chống XHTD cần hình thành và phát triển cho HSTH từ đó quyết định lựa chọn nội dung nào cho phù hợp.

Bước 3. Lựa chọn phương pháp giáo dục thích hợp, phù hợp với năng lực của giáo viên và phát huy được tính chủ động, sáng tạo của HSTH trong quá trình rèn luyện kỹ năng phòng chống XHTD một cách tích cực trên cơ sở hiểu biết đúng đắn về phòng chống XHTD.

Bước 4. Xác định các nguồn lực liên quan đến chủ đề GD phòng chống XHTD cho HSTH: Mỗi chủ đề chuyên biệt về phòng chống XHTD đều đòi hỏi người GV phải xác định được các nguồn lực liên quan đến chủ đề: (1) Xác định các vấn đề (câu hỏi) liên quan đến yêu cầu về nội dung / kỹ năng của chủ đề. Để giải quyết các vấn đề này, GV cần xây dựng được hệ thống câu hỏi đặt ra quá trình học tập chủ đề để HSTH trả lời. (2). Xác định các kiến thức, thái độ, kỹ năng cần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học và sự phong phú của chủ đề.

Bước 5. Xây dựng tiến trình thực hiện GD phòng chống XHTD cho HSTH: Phân chia hoạt động theo cấu trúc nội dung của chủ đề hoặc theo từng vấn đề cần giải quyết. Trong mỗi hoạt động đó, GV cần: Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể; xây dựng nội dung học tập dưới dạng học liệu: Phiếu học tập; các nhiệm vụ học tập; thiết kế phương pháp, phương tiện, thiết bị và điều kiện dạy học cho hoạt động; dự kiến các nguồn lực, vật lực cho hoạt động học tập; xây dựng tiêu chí đánh giá, hướng dẫn người học tự đánh giá mục tiêu hoạt động; dự kiến thời lượng cho mỗi hoạt động.

Bước 6. Kiểm tra đánh giá giúp GV điều chỉnh, bổ sung nội dung chủ đề phòng chống XHTD cho phù hợp hơn. Mặt khác, góp phần chứng tỏ hiệu quả về phòng chống XHTD. Quá trình kiểm tra đánh giá cần chú ý tới các mặt như: Tính phù hợp thực tế dạy học với thời lượng dự kiến; mức độ đạt được mục tiêu phòng chống XHTD qua đánh giá các hoạt động học tập; hứng thú của học sinh với chủ đề phòng chống XHTD thông qua quan sát và qua phỏng vấn; mức độ khả thi với điều kiện cơ sở vật chất...

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Nhà trường phổ biến kế hoạch tổ chức GD phòng chống XHTD về chủ đề chuyên biệt trước GV và HS trong toàn trường. Giao nhiệm vụ cụ thể tới từng lớp, nêu

rõ các hoạt động sẽ được tổ chức cùng với những yêu cầu về nội dung, hình thức, thời gian thực hiện...

- Yêu cầu GV chủ nhiệm lớp thường xuyên báo cáo về công tác chuẩn bị của lớp: Tình hình và MĐ thực hiện của lớp, những thuận lợi và khó khăn, ý kiến đề xuất... để từ đó nhà trường nắm được tiến độ chung và tình hình cụ thể của từng hoạt động, từng khối lớp và có những điều chỉnh sao cho phù hợp.

- Nhà trường cần có sự động viên, khuyến khích HS ở mỗi lớp thực hiện kế hoạch, tạo không khí thi đua sôi nổi khắp toàn trường... bằng cách treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền thu hút sự tham gia của HS toàn trường.

- Quá trình tổ chức các chủ đề chuyên biệt về GD phòng chống XHTD cho HSTH cần bảo đảm: Sự thống nhất giữa mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GD phòng chống XHTD cho HSTH; bảo đảm nội dung tổ chức phong phú, thiết thực, hấp dẫn, mang tính GD cao, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm cá nhân HS: Khả năng tự quản, vai trò, vị trí của cán bộ lớp, bảo đảm tính hệ thống, liên tục của các hoạt động giáo dục, tránh sự ngắt quãng hoặc quá dồn dập; bảo đảm trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phù hợp với tổ chức chủ đề chuyên biệt về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH đặc biệt phải có các phòng chức năng; bảo đảm sự thống nhất giữa kế hoạch hoạt động của lớp với kế hoạch hoạt động của trường, với kế hoạch của Đội, Sao Nhi đồng.

Để đạt được hiệu quả GD cao cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV chủ nhiệm lớp và GV các bộ môn trong nhà trường.

3.2.5. Xây dựng các tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm

Tình huống là “*hệ thống các sự kiện bên ngoài có quan hệ với chủ thể, có tác dụng thúc đẩy tính tích cực của người đó. Trong quan hệ không gian, tình huống xảy ra ngoài nhận thức của chủ thể. Trong quan hệ thời gian, tình huống xảy ra trước so với hành động của chủ thể. Trong quan hệ chức năng, tình huống là sự độc lập của các sự kiện đối với chủ thể ở thời điểm mà người đó thực hiện thành động*”

Xử lý các tình huống nảy sinh trong cuộc sống luôn được coi là nội dung quan trọng của nghệ thuật sống, thể hiện giá trị trí tuệ, nhân cách của một cá nhân. Tuy nhiên, năng lực xử lý tình huống nảy sinh trong cuộc sống không phải tự nhiên mà là kết quả của quá trình tu dưỡng, GD thường xuyên, liên tục và vận dụng những hiểu

biết đó vào thực tiễn cuộc sống. Không có phương pháp xử lý tình huống tốt trong phòng chống XHTD khi HS thiếu hiểu biết về đối tượng XHTD, về mục đích, nội dung hoàn cảnh và các thủ đoạn của kẻ xâm hại...

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

GD phòng chống XHTD cho HSTH thông qua tình huống nhằm tạo điều kiện để các em có cơ hội tương tác và trải nghiệm, rèn luyện trong thực tế bằng cách vận dụng những kiến thức, vốn kinh nghiệm sống của bản thân để nhận diện, ứng phó, kiểm soát cảm xúc khi đối mặt với hành vi XHTD qua đó nâng cao KN tự bảo vệ bản thân một cách an toàn và lành mạnh.

Mặt khác, việc lựa chọn và xây dựng những tình huống có vấn đề liên quan tới XHTD vừa gần gũi, thực tế, dễ hiểu vừa phù hợp với trình độ nhận thức của HSTH sẽ giúp các em tạo ra hứng thú, kích thích sự tò mò ham hiểu biết, tính chủ động, tích cực, sáng tạo và là cơ hội để các em trải nghiệm những kinh nghiệm của bản thân.

3.2.5.2. Nội dung biện pháp

- Khi xây dựng tình huống, GV không nên đưa ra cách giải quyết cụ thể mà tạo điều kiện để cho HS tự tìm cách xử lý theo khả năng của mình. Trong quá trình HS xử lý một tình huống nào đó, tùy từng nhóm HS mà có thể nâng cao yêu cầu với trẻ cho phù hợp hoặc GV gợi ý để khai thác kinh nghiệm sống của trẻ và khuyến khích trẻ tự chia sẻ, xây dựng những tình huống mà trẻ đã gặp phải hoặc quan sát thấy; tận dụng những tình huống mà HS gặp phải trong thực tế để xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp.

- Cung cấp kiến thức, làm giàu vốn kinh nghiệm của trẻ thông qua việc tạo điều kiện và cơ hội để trẻ có thể làm quen với môi trường xung quanh, trong đó có cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội thông qua việc quan sát tranh ảnh, đọc và kể chuyện...

- Việc tạo cơ hội cho HS trải nghiệm có thể được tiến hành thông qua việc xây dựng các tình huống và tổ chức các hoạt động phù hợp cũng có thể thực hiện bằng cách cho trẻ trực tiếp quan sát trong thực tế.

- Khi trẻ giải quyết các tình huống, GV cần theo dõi cách giải quyết của HS để kịp thời đưa ra những gợi ý cần thiết nhằm hướng dẫn HS.

- GV phải luôn quan sát và khích lệ cũng như tuyên dương những biểu hiện KN tốt mà HS thể hiện.

Ví dụ minh họa: Nhà Lan có cho chú Nam thuê trọ, ngày chủ nhật được nghỉ học nhưng bố mẹ Lan đi làm vắng để Lan ở nhà xem phim và chơi đồ chơi một mình. Bỗng chú Nam sang cho Lan kẹo và rủ Lan sang phòng chú chơi, sang đến phòng chú đóng cửa phòng, ôm Lan rồi sờ tay vào khắp người Lan. Lan méo máo cố hết sức lấy tay đẩy nhưng chú Nam vẫn ôm Lan. Nếu em là bạn Lan thì em sẽ xử lý như thế nào? Tại sao?

Trong tình huống này, GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận, lựa chọn cách xử lý bằng cách nhập vai sân khấu hóa tình huống. Sau đó, GV nhận xét và tổng kết gợi ý cách xử lý cho phù hợp.

Phân tích tình huống để cả lớp thấy những nguy hiểm mà em Lan đang phải đối mặt và khẳng định tất cả những hành vi của chú Nam là biểu hiện của XHTD.

Bình tĩnh, tự kiểm soát cảm xúc tiêu cực đối với em Lan lúc này là rất quan trọng. Suy nghĩ cách đánh lạc hướng chú Nam. Ví dụ như: Em hét lên và tỏ vẻ mừng rỡ “A ba mẹ đã về, ba mẹ đã về” và chắc chắn trong giây lát sau đó, sẽ làm chú Nam giật mình, nhân cơ hội ấy, em bỏ chạy thật nhanh và hét to tìm kiếm sự trợ giúp của mọi người xung quanh.

Sau đó, em Lan cần kể lại mọi chuyện cho ba mẹ và người em tin tưởng để mọi người có thể bảo vệ em đồng thời em cũng tự rút kinh nghiệm cho bản thân: Khi ở nhà một mình thì tuyệt đối không mở cửa cho bất kỳ ai kể cả người quen biết.

3.2.5.3. Cách tiến hành biện pháp

Bước 1. GV xây dựng các bài tập tình huống, các *Tình huống có vấn đề* liên quan tới XHTD mà có thể HS gặp: Tình huống lôi kéo, dụ dỗ, xúi giục trẻ em tham gia vào các hành vi tình dục; tình huống dựa trên sự ngây thơ, trong sáng của HS để lừa gạt HS tham gia vào các hành vi tình dục; tình huống dọa dẫm, cưỡng ép HS thực hiện hành vi tình dục; tình huống dụ dỗ HS thử cảm giác làm người lớn bằng cách quan hệ tình dục; tình huống kích động làm HS mất khả năng kiềm chế, ý thức và tự chủ như cho HS uống rượu, bia, các chất kích thích nhằm thực hiện hành vi tình dục...

Bước 2. GV xác định mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và các điều kiện để giải quyết bài tập trên cho HS.

Bước 3. Phân tích tình huống

Dưới sự hướng dẫn của GV, SV cần phân tích các dữ kiện tình huống trong bài tập, xác định xem bài tập đã đủ dữ liệu hay chưa, xác định dữ kiện nào là chính yếu, dữ kiện nào là thứ yếu, phân tích mối quan hệ của các dữ kiện đó.

Việc phân tích các tình huống sẽ giúp HS đánh giá các mặt tích cực và hạn chế của từng cách giải quyết trong từng trường hợp, hoàn cảnh cụ thể đồng thời việc phân tích tình huống sư phạm giúp cho HS ôn tập, củng cố, đào sâu kiến thức mang tính lí luận về phòng chống XHTD, vận dụng tri thức đã có để giải quyết các bài tập tình huống qua đó hình thành KN, phát triển tính chủ động, sáng tạo và tư duy, làm tăng tính khéo léo trong các mối quan hệ ứng xử và nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân.

Bước 4. Biểu đạt vấn đề cần giải quyết. HS xác định lại vấn đề cần giải quyết; xác định nhiệm vụ cơ bản của bài tập và mục tiêu cần hoàn thành khi giải quyết xong bài tập. Trên cơ sở đó, đề ra phương hướng giải quyết dựa trên những dữ kiện của bài tập và dựa vào vốn tri thức, kinh nghiệm vốn có của bản thân.

Bước 5. Giải quyết tình huống

Việc giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn GD là một vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi HS phải có hiểu biết sâu sắc về phòng chống XHTD. Đúng như X.Xtowruminlin đã nói: *“Kiến thức ghi nhớ một cách thụ động mà không vận dụng vào thực tiễn, hoàn toàn mới chỉ là một gánh nặng cho chúng ta trong cuộc đời lợi trên biển cả cuộc sống hàng ngày”*. Trong quá trình xử lí các tình huống sư phạm, người GV cần giúp HS khéo léo và có những ứng xử phù hợp với từng tình huống và các đối tượng khác nhau, giúp các em nhanh chóng xác định được vấn đề xảy ra và kịp thời áp dụng những biện pháp thích hợp, khéo léo giải quyết những vấn đề xảy ra bất ngờ, không nóng vội, không thô bạo, biết biến tình thế bị động thành tình thế chủ động, giải quyết một cách mau lẹ các vấn đề phức tạp đặt ra.

Trong thực tiễn cuộc sống đặc biệt với những tình huống có nguy cơ XHTD nếu HS không khéo léo ứng xử thường dẫn đến hậu quả nặng nề làm tổn thương nghiêm trọng cả về thể chất, tinh thần và xã hội của các em.

3.2.5.4. Điều kiện tiến hành biện pháp

- Về phía giáo viên tiểu học:
 - + Cần có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng vận dụng giải quyết các tình huống GD phòng chống XHTD.
 - + Khi đưa ra bài tập tình huống, GV cần nắm vững kiến thức cơ bản về nội dung bài tập thực hành đó, bảo đảm bài tập có đầy đủ các dữ kiện và giống như thực tế;

+ Các dữ kiện đưa ra của bài tập phải hợp lí, khoa học (không thừa, không thiếu), khi đưa ra bài tập thực hành cần dành cho HS thời gian suy nghĩ, nghiên cứu, cân nhắc để ra quyết định.

- GV cần quan sát và phát hiện kịp thời những tình huống có vấn đề mà trẻ đang gặp phải, nắm vững cách tổ chức và thực hiện biện pháp tạo tình huống có vấn đề.

- Các tình huống tạo ra phải phù hợp với vốn kinh nghiệm, sự hiểu biết và hứng thú của HS để các em tự mình hoặc dưới sự gợi ý của GV, học sinh có thể giải quyết được. Mặt khác, các tình huống đó phải đảm bảo không gò bó, áp đặt HS: Tình huống phải đảm bảo tính tự nhiên, gắn liền với cuộc sống thực hàng ngày của HS, phản ánh mối quan hệ đa dạng, phong phú trong xã hội. (*Tham khảo các tình huống ở phụ lục 5*)

- GV cần tạo mối quan hệ giao tiếp gần gũi, thân thiện, bình đẳng giữa GV và HS, giữa HS và HS.

- Về phía học sinh tiểu học: HS cần tích cực chủ động tham gia vào nhập vai xử lí các tình huống thực tiễn. HS cần nắm vững những kiến thức cơ bản về tự bảo vệ bản thân nói chung và KN phòng chống XHTD nói riêng và có khả năng tư duy sáng tạo. Bên cạnh đó, HS cần có sự chuẩn bị trước về kiến thức (đã được học hay tự học) về nội dung GD phòng chống XHTD.

3.2.6. Phối hợp Gia đình - Nhà trường - Xã hội nhằm xây dựng môi trường giáo dục tích cực trong phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “GD trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có GD ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc GD trong nhà trường được tốt hơn. GD trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu GD trong gia đình và GD ngoài xã hội thì kết quả cũng không tốt hoàn toàn”. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay: XHTD đã và đang trở thành vấn nạn của toàn cầu và có thể xảy ra với bất cứ trẻ nào, vào bất kì tình huống nào, tại bất cứ nơi đâu... Chính vì vậy, hơn bao giờ hết giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH.

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp nhằm tạo nên môi trường GD lành mạnh ở Gia đình - Nhà trường - Xã hội, vừa có tác dụng trực tiếp đến việc hình thành nhân cách thể hệ trẻ vừa tạo điều kiện vật chất, tinh thần thuận lợi cho quá trình giáo dục phòng

chống XHTD vừa tạo cơ hội và môi trường tích cực để HS nâng cao nhận thức, rèn luyện KN phòng chống XHTD thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi.

3.2.6.2. Nội dung biện pháp

GD phòng chống XHTD cho HSTH là một quá trình lâu dài, liên tục, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan đến các mối quan hệ phức tạp.

Trước tiên cần quan tâm xây dựng gia đình văn hóa mới. Đây là việc làm cần thiết bởi lẽ không khí gia đình êm ấm hòa thuận, người lớn mẫu mực trong cuộc sống, luôn quan tâm tới sự phát triển toàn diện của con em mình... Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hình thành kỹ năng sống của HS nói chung và KN phòng chống XHTD ở các em nói riêng.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh và nói không với xâm hại. Bản thân mỗi thầy cô giáo, mỗi cán bộ trong nhà trường là tấm gương mẫu mực cho các em HS noi theo trong công tác GD phòng chống XHTD trẻ em.

Nhà trường không chỉ chủ động kết hợp với PHHS mà còn kết nối với chính quyền địa phương, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, xóa bỏ và kiểm soát các tụ điểm vui chơi không lành mạnh ở khu vực xung quanh nhà trường và nơi các em sinh sống. Bên cạnh đó, tạo điều kiện tổ chức nhiều sân chơi phù hợp nhằm giúp các em HS rèn luyện các KNS, kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Có như vậy nhân cách các em mới phát triển toàn diện, đặc biệt đó chính là môi trường ngăn chặn XHTD thuận lợi nhất.

Trong cộng đồng xã hội: Thường xuyên phát sóng các chương trình truyền hình có nội dung phòng chống XHTD trẻ em là một trong những cách GD hữu hiệu. HSTH có thể tự học hỏi các kỹ năng qua chương trình truyền hình. Mặt khác, quá trình GD thông qua truyền hình cũng đồng thời tạo điều kiện cho các bậc phụ huynh tìm hiểu, cùng con tập luyện các kỹ năng cần thiết cũng như tránh được những tình huống có thể gây nguy cơ XHTD cho con em mình.

Gia đình - Nhà trường - Xã hội phối hợp tạo thành sức mạnh nhằm ngăn chặn XHTD một cách thống nhất và liên tục trong không gian và theo thời gian.

3.2.6.3. Cách tiến hành biện pháp

Bước 1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội nhằm GD phòng chống XHTD cho HSTH.

Nhận thức là khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công hay thất bại của một quá trình hoạt động. Do đó, việc nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm

cho cán bộ công nhân viên trong nhà trường, đặc biệt là từ phía người GVCN lớp và các bậc PHHS trong GD phòng chống XHTD cho HSTH là một yếu tố vô cùng quan trọng, góp phần hình thành KNS lành mạnh cho HS, giúp các em nắm bắt được những kiến thức, KN cơ bản trong việc ngăn chặn và phòng chống XHTD.

Bước 2. Thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp GD giữa nhà trường với gia đình trong GD phòng chống XHTD cho HSTH nhằm ngăn chặn, hạn chế những tác động tự phát, tiêu cực của cơ chế thị trường đang từng ngày ảnh hưởng tới HSTH từ đó, kích thích, thúc đẩy quá trình rèn luyện KN phòng chống XHTD ở các em.

Bước 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội nhằm GD phòng chống XHTD cho HSTH. Xây dựng kế hoạch chung thống nhất, cụ thể có tính khả thi cao về việc tổ chức phối hợp các lực lượng GD ở 3 môi trường GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và mục đích phấn đấu của đầu năm học, xây dựng kế hoạch tổng thể lâu dài nhằm định hướng cho cả giai đoạn. Kế hoạch càng cụ thể, càng chi tiết thì càng thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện. Kế hoạch cần có tính khả thi và tính hiệu quả. Kế hoạch phải có sự nhất trí cao của các bộ phận liên quan phối hợp thực hiện.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

* Nhà trường cần giữ vai trò nòng cốt trong GD phòng chống XHTD cho HSTH, chủ động phối hợp với các tổ chức, cá nhân triển khai buổi truyền thông với hình thức hấp dẫn như thi vẽ tranh, rung chuông vàng, các trò chơi vận động, xem phóng sự... để thu hút HS tham gia. Bên cạnh đó, nhà trường TH cần tăng cường các hoạt động GD giới tính thông qua sinh hoạt chi đoàn, hoạt động ngoại khóa tổ chức các hội thi... về phòng chống XHTD.

* Nhà trường TH cần thường xuyên đổi mới, nội dung, hình thức, biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH. Phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ trẻ em trong Luật trẻ em và các văn bản pháp luật có liên quan để Luật trẻ em và các quy định được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tăng cường GD kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, đặc biệt về KN ứng phó với hành vi XHTD cho cha, mẹ, các thành viên gia đình, GV, người chăm sóc trẻ, người trực tiếp làm việc với trẻ em giúp họ hiểu được hoạt động của đường dây nóng trợ giúp trẻ em bị xâm hại: Đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em miễn phí (hoạt động 24/24); trung tâm

công tác xã hội trẻ em TP HCM (1900545559); hội bảo vệ quyền trẻ em Tp. HCM (18009069); hội bảo vệ quyền trẻ em (0906386166); xây dựng chính sách hỗ trợ cho hoạt động phòng chống XHTD...

* Nhà trường chủ động tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng chống XHTD cho cá nhân, người dân và các tổ chức và bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, đội xung kích, tình nguyện trong các tổ chức đoàn, hội, đội.

- Nhà trường với tư cách là một tổ chức chuyên trách, GD thể hệ trẻ phát huy tinh thần trách nhiệm cao, tích cực, chủ động, sáng tạo trong hoạt động liên kết, xây dựng mối quan hệ gắn bó với gia đình và các đoàn thể địa phương.

- Phải thực hiện được phương thức xã hội hóa GD với sự đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân ở địa phương.

- Nhà trường cũng như mỗi GVCN lớp xây dựng một mạng lưới cộng tác viên rộng khắp. Mạng lưới cộng tác viên bao gồm các nhà hoạt động chính trị, xã hội, đoàn thể xã hội, cơ quan chức năng, tổ chức xã hội, hội PHHS.

* Xây dựng mạng lưới cộng tác viên sư phạm, nhà trường cần đi sâu phát hiện trong hội PHHS và các đoàn thể xã hội để tìm ra những người tích cực, uy tín về nhiều mặt, qua đó vận động và đề nghị họ cùng cộng tác giúp đỡ nhà trường trong GD phòng chống XHTD. Mạng lưới cộng tác viên mỗi lớp làm việc theo một kế hoạch thỏa thuận với GVCN lớp. Họ theo dõi và bàn bạc về phòng chống XHTD của mỗi gia đình trong cộng đồng. Họ có thể đến gia đình để tìm hiểu điều kiện sinh hoạt và GD các em, có thể giúp đỡ nhà trường xây dựng trường lớp, tổ chức công tác ngoại khóa cho HS hoặc đỡ đầu cho những em thiếu sự quản lý của cha mẹ. Dựa vào họ, GVCN lớp liên hệ với gia đình những HS cá biệt sẽ thuận lợi hơn, bởi họ có ảnh hưởng xã hội với những người cha, người mẹ trong các gia đình đó.

3.3. Mối quan hệ của các biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS trước hết là quá trình tác động vào mặt nhận thức, làm cho mỗi lực lượng giáo dục có ý thức về mục đích, ý nghĩa và giá trị cuộc sống, nhận diện được các nguy cơ HSTH có thể bị XHTD, tuyên truyền và hỗ trợ, nâng cao ý thức của mọi người về phòng ngừa XHTD “*Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai*”, HSTH là mầm xanh tương lai của đất nước. Nhận thức đúng về phòng chống XHTD luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của con người nhằm

bảo vệ HSTH được an toàn và lành mạnh. Chính vì vậy, giáo dục ý thức luôn là khâu quan trọng để phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi XHTD. Tuy nhiên, quá trình nhận thức về phòng chống XHTD còn phụ thuộc vào trình độ văn hóa, kinh nghiệm xã hội của mỗi người, là sản phẩm của quá trình học tập và tu dưỡng. Xác định được ý nghĩa của giáo dục ý thức phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS, luận án đã xây dựng 2 biện pháp (BP1: *Tổ chức truyền thông về phòng chống XHTD*; BP2: *Tích hợp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH*).

GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS không chỉ là giúp cho HSTH có nhận thức đúng mà hình thành cho các em thái độ và niềm tin vào những gì đã nhận thức. Ngược lại không có niềm tin thì con người sẽ sống vô cảm trước những hành vi xâm hại. Trong quá trình chuyển hóa từ nhận thức thành hành vi, thái độ và niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng được coi là chất men biến những điều nhận thức thành phẩm chất nhân cách - Đó chính là quá trình cá nhân tích cực hoạt động tu dưỡng bản thân và tự giáo dục. Ở các trường tiểu học, bồi dưỡng thái độ, niềm tin cho học sinh về phòng chống XHTD là một khâu trọng yếu, cần giáo dục thái độ đúng đắn, tích cực, chủ động tự giác của các em đối với việc học tập, đối với quan hệ trong gia đình, bạn bè... và đây được coi là phẩm chất quan trọng cần được gìn giữ và phát huy. Xác định được vị trí, chức năng của khâu giáo dục thái độ, tình cảm về phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS, luận án đã xây dựng BP3: *Tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống XHTD*. Thực chất, đây là biện pháp có vị trí quan trọng không chỉ có tác động về mặt tư tưởng, nhận thức mà thông qua tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm, tư vấn trực tiếp, tư vấn gián tiếp... cho nên có tác động rất mạnh mẽ về mặt tình cảm thái độ, thúc đẩy mỗi cá nhân tích cực chủ động trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi XHTD.

Mặt khác, tiếp cận KNS là nhấn mạnh GD hành vi thói quen tích cực trên cơ sở có nhận thức, hiểu biết đúng đắn và thái độ niềm tin chuẩn mực do đó, luận án đã xây dựng 2 biện pháp (BP4: *Tổ chức hoạt động giáo dục chuyên biệt*; BP5: *Xây dựng các tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm*). Đây là hai BP cốt lõi, thể hiện rõ nhất đặc trưng của GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bởi hành vi là biểu hiện bộ mặt tâm lí, đạo đức của con người, là kết quả của nhận thức, là biểu hiện của thái độ, niềm tin, là sản phẩm của quá trình học tập, tu dưỡng thể hiện trong cách ứng xử ở mọi tình huống của cuộc

sống hàng ngày. Đó chính là sự thể hiện của kỹ năng ứng phó và tìm kiếm sự trợ giúp của con người nói chung và HSTH nói riêng trước nguy cơ XHTD.

Từ những lập luận trên cho thấy: Giáo dục ý thức - thái độ, niềm tin - hành vi thói quen phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS có mối quan hệ biện chứng với nhau. Muốn giáo dục tốt ba khâu trên cần có sự phối hợp chặt chẽ của Gia đình - Nhà trường - Xã hội. Sáu BP luận án đề xuất, đều có vị trí, vai trò và chức năng nhất định góp phần tạo nên thành công của quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS song các BP đều có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau. BP1 và BP2 là cơ sở, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện BP3. BP3 là động lực thúc đẩy HSTH tham gia biện pháp 4 và 5. Năm BP trên chỉ phát huy hiệu quả giáo dục trên cơ sở thực hiện BP 6: Phối hợp giáo dục Gia đình - Nhà trường - Xã hội nhằm xây dựng môi trường tích cực trong phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua quá trình nghiên cứu và hoàn thành chương 3 của luận án, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Đề xuất xây dựng biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS cần đảm bảo các nguyên tắc sau: Đảm bảo tính mục đích; đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thiết thực; đảm bảo sự thống nhất giữa GD ý thức và hành vi; đảm bảo sự thống nhất giữa các lực lượng giáo dục; đảm bảo nguyên tắc thay đổi hành vi theo hướng tích cực; đảm bảo nguyên tắc phát huy ý thức tự giáo dục của HS.

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận; cơ sở thực tiễn và căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ GD, luận án đã đề xuất được 6 biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

Biện pháp 1: Tổ chức truyền thông về phòng chống XHTD;

Biện pháp 2: Giáo dục tích hợp phòng chống XHTD;

Biện pháp 3: Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ giáo dục tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH;

Biện pháp 4: Tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo các chủ đề chuyên biệt;

Biện pháp 5: Xây dựng tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm;

Biện pháp 6: Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong phòng chống XHTD cho HSTH.

Mỗi biện pháp đều có vị trí, vai trò và chức năng nhất định góp phần tạo nên thành công của quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH. Sáu biện pháp trên đều có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau trong đó biện pháp 4 và 5, luận án xác định là hai biện pháp cốt lõi và thể hiện rõ nhất đặc trưng của GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Mục đích thực nghiệm

Luận án tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đã đề xuất ở chương 3. Cụ thể: Các biện pháp đó có hiệu quả trong phòng chống XHTD cho HSTH? Khi áp dụng các biện pháp đó có nâng cao được chất lượng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS?

4.2. Thời gian, địa điểm và đối tượng thực nghiệm

Bảng 4.1. Thời gian, địa điểm và đối tượng tham gia thực nghiệm

Thời gian thực nghiệm	Địa điểm thực nghiệm	Đối tượng	Số số
Thực nghiệm đợt 1 HK 2 (2018 - 2019)	Trường TH Sơn Tinh (Đại diện thuộc khu vực miền núi)	TN lớp 4	53
		ĐC lớp 4	55
Thực nghiệm đợt 2 (Học kì 1 năm học 2019 - 2020)	Trường TH Phong Châu (Đại diện thuộc khu vực thành thị)	TN lớp 4	25
		ĐC lớp 4	27
		TN lớp 5	28
		ĐC lớp 5	29
	Trường TH Tuy Lộc (Đại diện thuộc khu vực nông thôn)	TN lớp 4	26
		ĐC lớp 4	25
		TN lớp 5	27
		ĐC lớp 5	26
	Trường TH Tân Phú (Đại diện thuộc khu vực miền núi)	TN lớp 4	24
		ĐC lớp 4	25
		TN lớp 5	25
		ĐC lớp 5	26

4.3. Nội dung và các bước tiến hành thực nghiệm

4.3.1. Nội dung thực nghiệm

* Thực nghiệm GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm 2 nội dung: Nhận diện XHTD và ứng phó với XHTD.

* Luận án tiến hành tổ chức thực nghiệm 3/6 biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Cụ thể: BP3. Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ GD phòng chống XHTD; BP4. Tổ chức hoạt động GD phòng chống XHTD cho HSTH

theo các chủ đề chuyên biệt; BP5. Xây dựng tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm.

Sau mỗi đợt TN, chúng tôi tập hợp toàn bộ các thông tin về kết quả trên hai phương diện định tính và định lượng đồng thời qua quan sát, phỏng vấn, trao đổi, chúng tôi thu thập thông tin để bổ sung thêm những căn cứ cho đánh giá TN.

4.3.2. Các bước tiến hành chọn lớp thực nghiệm

Dựa trên kết quả học tập và kết quả phòng chống XHTD của HS khối lớp 4 và lớp 5 từ đó, chúng tôi chọn ra nhóm lớp TN và lớp ĐC trên cơ sở có sự tương đương về điều kiện gia đình, môi trường sống, trình độ GV và cơ sở vật chất trường học. Việc lựa chọn được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1. Lựa chọn nhóm ĐC và nhóm TN. Trong đó: Nhóm ĐC học tập và các hoạt động khác vẫn được tiến hành bình thường theo chương trình và thời khóa biểu nhà trường quy định. Nhóm TN hoạt động học tập được tiến hành trên cơ sở áp dụng các BP3, BP4, BP5 do chương 3 đề xuất.

Bước 2. Kiểm tra đánh giá năng lực ban đầu của 2 nhóm lớp HS

Bước 3. Lập danh sách lớp thực nghiệm và đối chứng

Bước 4. Bồi dưỡng GV dạy thực nghiệm

Từ đó, chúng tôi tiến hành xác định và phân loại HS trong các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

4.4. Kế hoạch thực nghiệm các biện pháp giáo dục

4.4.1. Kế hoạch thực nghiệm biện pháp 3: Tổ chức tư vấn tâm lý hỗ trợ về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH

Đây không chỉ là biện pháp tác động vào nhận thức mà còn tác động mạnh mẽ vào thái độ tình cảm về phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Nội dung chính tiến hành trong thực nghiệm BP3:

- + Xây dựng mục tiêu của tổ chức tư vấn tâm lý hỗ trợ phòng chống XHTD,
- + Dự kiến được những tình huống, khó khăn cũng như thách thức có thể nảy sinh và các phương án giải quyết;
- + Dự kiến chuyên gia có kinh nghiệm hỗ trợ công tác tư vấn phòng chống XHTD cho HSTH;
- + Lựa chọn hình thức tổ chức tư vấn tâm lý phù hợp: Tư vấn trực tiếp, tư vấn gián tiếp, tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm... nhằm tác động vào mặt thái độ, tình cảm của các

đối tượng tư vấn qua đó kích thích tính tự giác, tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong quá trình rèn luyện KN phòng chống XHTD.

Thông qua các buổi tư vấn tâm lý, đánh giá được trình độ nhận thức, thái độ và KN hiện có HSTH từ đó bằng sự khéo léo của nhà tư vấn giúp cho các em thay đổi được nhận thức sai lệch và hình thành niềm tin vào tri thức chuẩn mực đúng đắn về phòng chống XHTD.

4.4.2. Kế hoạch thực nghiệm biện pháp 4: Tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo chủ đề chuyên biệt

Nội dung chính tiến hành trong thực nghiệm BP3:

- + Xây dựng mục tiêu của hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL
- + Dự kiến được những tình huống, khó khăn cũng như thách thức có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

- + Lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL phù hợp: Sinh hoạt lớp; sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ điểm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong quá trình rèn KN phòng chống XHTD.

- Đánh giá trình độ nhận thức, thái độ và KN hiện có HSTH trước khi tổ chức hoạt động NGLL liên quan tới nội dung phòng chống XHTD bằng cách phát phiếu điều tra, phỏng vấn trực tiếp HSTH, GV, cán bộ quản lý và PHHS.

- Thực hiện tiến trình hoạt động NGLL về phòng chống XHTD cho HSTH với nhiều hoạt động phong phú đa dạng: Đọc thơ, vẽ tranh, hát múa, võ thuật...

- Đánh giá nhận thức và KN phòng chống XHTD ở HSTH thông qua hình thức phát phiếu điều tra, hỏi vấn đáp một số HS, qua nghiên cứu sản phẩm tranh vẽ... so sánh đối chiếu với chuẩn ban đầu của chính HSTH.

4.4.3. Kế hoạch thực nghiệm biện pháp 5: Xây dựng tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm

Biện pháp 5 được tiến hành song song với biện pháp 3 và biện pháp 4 nhằm đánh giá KN phòng chống XHTD của HSTH thông qua xử lý bài tập tình huống trong thực tiễn và bao gồm các bước cụ thể sau:

- Xây dựng hệ thống bài tập tình huống đánh giá ý thức, hành động phòng chống XHTD của HSTH theo tiếp cận KNS (Xem phụ lục 5).

- Lựa chọn người đánh giá KN phòng chống XHTD ở HSTH phải là những cán bộ am hiểu và có trình độ chuyên môn về lĩnh vực phòng chống XHTD nói riêng và lĩnh vực

GDTH nói chung. Do đó, chúng tôi lựa chọn cán bộ đánh giá bao gồm: Đại diện lãnh đạo trường TH nơi tổ chức thực nghiệm, đại diện GV dạy giỏi trong trường và GV chủ nhiệm trực tiếp giảng dạy tại lớp.

4.5. Thang đo và tiêu chí đánh giá trong phần thực nghiệm

Bộ công cụ đánh giá KN phòng chống XHTD của HSTH theo tiếp cận KNS được chúng tôi xây dựng gồm có 10 câu hỏi (Phụ lục 5).

Thang đánh giá nhận diện XHTD ở HSTH với 4 chỉ báo và thang đánh giá KN ứng phó với hành vi XHTD ở HSTH với 3 chỉ báo được mô tả chi tiết trong phụ lục 13 với ba MĐ sau đây:

Bảng 4.2. Thang đánh giá nhận diện xâm hại tình dục ở HSTH

Nội dung	MĐ	ĐTB	Đánh giá	
			Ý thức	Hành động
Nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nhìn	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt các biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo nhìn.	Nhận ra nhanh và chính xác biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nhìn.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối các biểu hiện hành vi XHTD thông qua cảnh báo nhìn.	Nhận ra được tương đối các biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nhìn.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Ý thức chưa tốt về biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo nhìn.	Chưa nhận ra được biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nhìn.
Nhận diện XHTD thông qua cảnh báo chạm	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt các biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo chạm.	Nhận ra nhanh và chính xác biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo chạm.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối biểu hiện hành vi XHTD thông qua cảnh báo chạm.	Nhận ra được tương đối biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo chạm.

	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Ý thức chưa tốt về biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo chạm.	Chưa nhận ra được biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo chạm.
Nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nói	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt các biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo nói.	Nhận ra nhanh và chính xác biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nói.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối các biểu hiện hành vi XHTD thông qua cảnh báo nói.	Nhận ra được tương đối các biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nói.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Ý thức chưa tốt về biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo nói.	Chưa nhận ra được biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo nói.
Nhận diện XHTD thông qua cảnh báo ôm	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt các biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo ôm.	Nhận ra nhanh và chính xác biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo ôm.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối các biểu hiện hành vi XHTD thông qua cảnh báo ôm.	Nhận ra được tương đối các biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo ôm.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Ý thức chưa tốt về biểu hiện XHTD thông qua cảnh báo ôm.	Chưa nhận ra được biểu hiện của XHTD thông qua cảnh báo ôm.

Bảng 4.3. Thang đánh giá KN ứng phó với hành vi xâm hại tình dục ở HSTH

Nội dung	MB	ĐTB	Tiêu chí	
			Ý thức	Hành động
Tự ứng phó với hành vi XHTD	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt về các cách tự ứng phó với hành vi XHTD.	Linh hoạt và sáng tạo lựa chọn thực hiện cách tự ứng phó phù hợp với hành vi XHTD nhằm bảo vệ bản thân một cách an toàn.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối các cách tự ứng phó với hành vi XHTD.	Đã lựa chọn được cách tự ứng phó với hành vi XHTD song vẫn còn chậm chạp.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Chưa ý thức được các cách tự ứng phó với hành vi XHTD.	Chưa thực hiện được cách tự ứng phó với hành vi XHTD.
Tìm kiếm sự trợ giúp trước XHTD	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt về kiến thức tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng trước hành vi XHTD.	Tích cực và linh hoạt tìm kiếm được sự trợ giúp từ những người tin tưởng trong những tình huống XHTD khác nhau.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được tương đối kiến thức về tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng trước hành vi XHTD.	Tìm kiếm được sự trợ giúp từ những người tin tưởng trong những bối cảnh quen thuộc.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Chưa ý thức được kiến thức về tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng trước hành vi XHTD.	Lúng túng, vụng về chưa tìm kiếm được, sự trợ giúp từ những người mình tin tưởng trước hành vi XHTD.

Tự ứng phó kết hợp với tìm kiếm sự trợ giúp trước XHTD	Tốt	2.33 đến ≤ 3.0	Ý thức tốt sự kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm trợ giúp từ những người tin tưởng.	Tích cực và linh hoạt kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng trong những tình huống XHTD khác nhau.
	Đạt	1.66 đến < 2.33	Ý thức được sự kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng.	Tự ứng phó và tìm kiếm được sự trợ giúp từ những người tin tưởng trong những bối cảnh quen thuộc.
	Cần cố gắng	1.0 đến < 1.66	Ý thức chưa tốt tầm quan trọng của sự kết hợp tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng.	Lúng túng, vụng về chưa kết hợp được tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ những người mình tin tưởng

Công tác đánh giá: Để đảm bảo đánh giá khách quan, công bằng và có độ tin cậy, chúng tôi trao đổi với ban lãnh đạo nhà trường TH, mở lớp tập huấn GD phòng chống XHTD cho GVTH nhằm giúp họ hiểu được ý nghĩa của bộ công cụ và cũng lưu ý GV là tránh tự ý thay đổi nội dung câu hỏi và tình huống đánh giá bởi bộ công cụ đã được khảo sát dựa trên ý kiến chuyên gia và khảo sát độ tin cậy trong thực tiễn.

Cách thức đánh giá:

Đánh giá về ý thức phòng chống XHTD của HSTH theo hình thức vấn đáp và được bố trí trong phòng riêng nhằm tránh tình trạng HS bị ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài. Mỗi câu trả lời được xem là đạt nếu có ý tương đương gần với đáp án.

Đánh giá hành động phòng chống XHTD của HSTH qua xử lý tình huống qua đó GV đánh giá MĐ biểu hiện KN phòng chống XHTD ở HS theo các tiêu chí đánh giá; ghi phiếu cho từng HS và tổng hợp đánh giá kết quả biểu hiện của HS ở tất cả tình huống.

4.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm

4.6.1. Thực nghiệm sư phạm đợt 1

Về ý thức

Bảng 4.4. Kết quả khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường Tiểu học Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước TN đợt 1

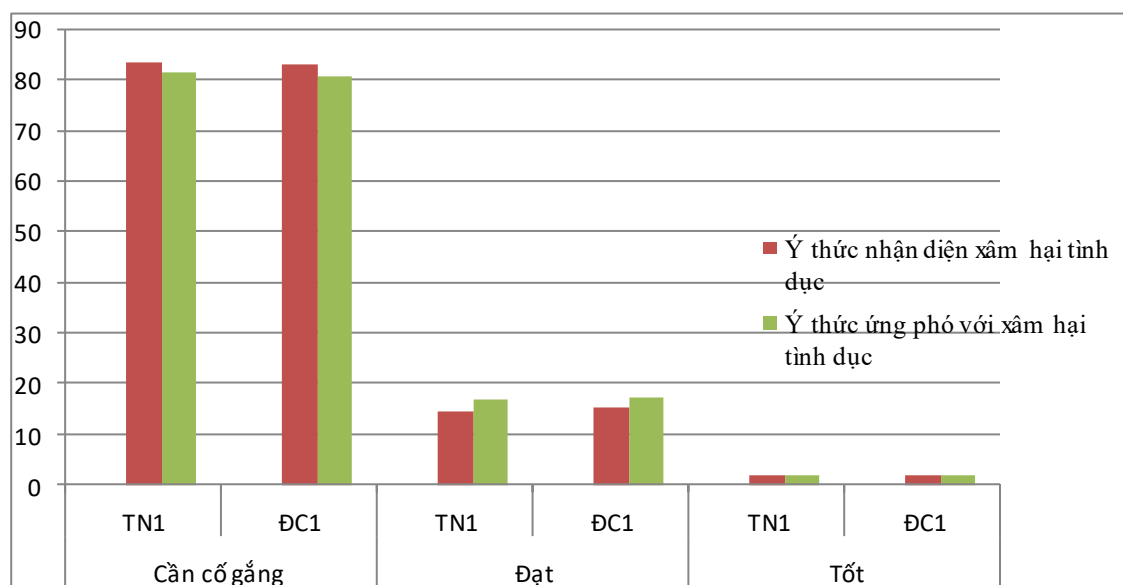
Tiêu chí	Mức độ (%)	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
		TN1	ĐC1	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1
Ý thức nhận diện XHTD		83.5	82.9	14.6	15.2	1.89	1.81
Ý thức ứng phó với XHTD		81.4	80.8	16.7	17.3	1.89	1.81

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.4, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Ý thức về nội dung phòng chống XHTD ở HS lớp 4 tại nhóm TN và ĐC tại Trường TH Sơn Tinh chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng, MĐ Tốt không nhiều. Cụ thể:

Về ý thức nhận diện XHTD: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (83.5%) cao hơn lớp ĐC (82.9%) là 0.6%; MĐ Đạt ở lớp TN (14.6%) thấp hơn lớp ĐC (15.2%) là 0.6%; MĐ Tốt ở lớp TN (1.89%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 0.08%.

Về ý thức ứng phó với XHTD: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (81.4%) cao hơn lớp ĐC (80.8%) là 0.6%; MĐ Đạt ở lớp TN (16.7%) thấp hơn lớp ĐC (17.3%) là 0.6%; MĐ Tốt ở lớp TN (1.89%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 0.08%.

Biểu đồ 4.1. Biểu đồ so sánh MĐ ý thức về phòng chống XHTD của HS lớp 4 ở nhóm ĐC và TN trước thực nghiệm đợt 1



Từ biểu đồ 4.1 cho thấy: Tỷ lệ % về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD ở lớp ĐC và lớp TN là tương đương nhau, MĐ chênh lệch không đáng kể.

So sánh về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và ý thức ứng phó với XHTD ở lớp TN và lớp ĐC cho thấy: Ở MĐ Tốt hai tiêu chí giống nhau; MĐ Đạt - Ý thức ứng phó với XHTD cao hơn tiêu chí ý thức nhận diện XHTD là 2.1; ở MĐ Cần cố gắng - Ý thức ứng phó với XHTD thấp hơn tiêu chí ý thức nhận diện XHTD là 2.1. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test:

Bảng 4.5. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC trước thực nghiệm đợt 1

Mức độ Tiêu chí/ chỉ báo		Nhóm	— X	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức nhận diện XHTD	Ý thức nhận diện thông qua cảnh báo chạm	TN1	1.26	0.48	-283	0.778
		ĐC1	1.29	0.49		
	Ý thức nhận diện thông qua cảnh báo nhìn	TN1	1.30	0.54	-243	0.809
		ĐC1	1.32	0.54		
	Ý thức nhận diện thông qua cảnh báo nói	TN1	1.49	0.57	-168	0.867
		ĐC1	1.50	0.57	-167	
	Ý thức nhận diện thông qua cảnh báo ôm	TN1	1.26	0.48	-841	0.402
		ĐC1	1.34	0.51	-842	
Ý thức ứng phó với XHTD	Ý thức tự ứng phó với hành vi XHTD	TN1	1.30	0.54	-754	0.453
		ĐC1	1.38	0.56	-755	0.452
	Ý thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	1.28	0.49	-794	0.429
		ĐC1	1.36	0.55	-796	0.428
	Ý thức kết hợp tự ứng phó với XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp	TN1	1.49	0.54	-683	0.496

Qua xử lý số liệu thu được ở bảng 4.5, chúng tôi rút ra một số nhận xét:

Về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo ý thức nhận diện thông qua cảnh báo chạm với $T = -283$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.778 > 0,05$; chỉ báo ý thức nhận diện thông qua cảnh báo nhìn với $T = -243$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.809 > 0,05$; chỉ báo ý thức nhận diện thông qua cảnh báo nghe với $T = -167$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.867 > 0,05$; chỉ báo ý thức nhận diện thông qua cảnh báo ôm với $T = -841$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.402 > 0,05$.

Về tiêu chí ứng phó với XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo ý thức tự ứng phó với hành vi XHTD với $T = -754$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.453 > 0,05$; chỉ báo ý thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng với $T = -795$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.428 > 0,05$; chỉ báo ý thức kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng với $T = -683$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.496 > 0,05$.

Kết quả trên có nghĩa giải thuyết Ho được chấp nhận, sự khác nhau về điểm trung bình ý thức phòng chống XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là không có ý nghĩa từ đó, chúng tôi khẳng định: Tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là tương đương nhau.

Về hành động

Bảng 4.6. Kết quả khảo sát đo đầu vào về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường Tiểu học Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước TN đợt 1

Tiêu chí \ Mức độ (%)	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1
Hành động nhận diện XHTD	83.7	82.8	16.3	17.2	0	0
Hành động ứng phó với XHTD	81.4	80.7	18.6	19.3	0	0

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.6, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Biểu hiện hành động phòng chống XHTD ở HS lớp 4 tại nhóm TN và ĐC tại Trường TH Sơn Tinh chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng, MĐ Tốt không có. Cụ thể:

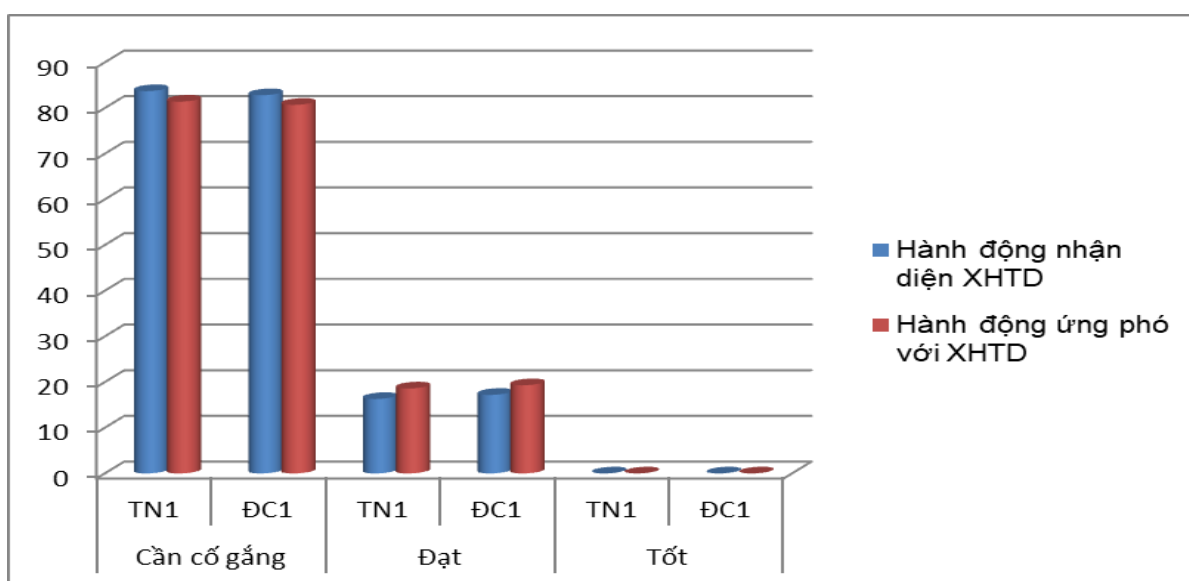
Về hành động nhận diện XHTD: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (83.7%) cao hơn lớp ĐC (81.4%) là 2.3%; MĐ Đạt ở lớp TN (16.3%) thấp hơn lớp ĐC (18.6%) là 2.3%; MĐ Tốt ở lớp TN và lớp ĐC đều là 0.0%.

Về hành động ứng phó với XHTD: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (81.4%) cao hơn lớp ĐC (80.7%) là 0.5%; MĐ Đạt

ở lớp TN (18.6%) thấp hơn lớp ĐC (19.3%) là 0.7%; MĐ Tốt ở lớp TN và lớp ĐC đều là 0.0%.

So sánh về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và hành động ứng phó với XHTD ở lớp TN và lớp ĐC cho thấy ở MĐ Tốt: Hai tiêu chí giống nhau; MĐ Đạt: Tiêu chí hành động ứng phó với XHTD cao hơn tiêu chí hành động nhận diện XHTD là 2.3; ở MĐ Cần cố gắng: Hành động ứng phó với XHTD thấp hơn tiêu chí hành động nhận diện XHTD là 2.3.

Biểu đồ 4.2. So sánh MĐ hành động về phòng chống XHTD ở lớp ĐC và lớp TN trước thực nghiệm đợt 1



Từ biểu đồ 4.2 cho thấy: Tỷ lệ % về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD ở lớp ĐC và lớp TN là tương đương nhau, MĐ chênh lệch không đáng kể. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test:

Bảng 4.7. Kết quả kiểm định t-test khảo sát đo đầu vào về hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1

Mức độ		Nhóm	ĐTB	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Tiêu chí/ chỉ báo						
Hành động nhận diện	Cảnh báo chạm	TN1	1.20	0.45	121	0.904
		ĐC1	1.21	0.46		
	Cảnh báo nhìn	TN1	1.22	0.46	297	0.767
		ĐC1	1.25	0.51		

XHTD	Cảnh báo nói	TN1	1.41	0.53	200	0.842
		ĐC1	1.43	0.57		
	Cảnh báo ôm	TN1	1.24	0.47	295	0.768
		ĐC1	1.27	0.48		
Hành động ứng phó với XHTD	Hành động tự ứng phó với XHTD	TN1	1.28	0.53	253	0.801
		ĐC1	1.30	0.54		
	Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	1.26	0.48	272	0.786
		ĐC1	1.29	0.53		
	Kết hợp tự ứng phó với XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp	TN1	1.47	0.54	010	0.992
		ĐC1	1.48	0.55		

Qua xử lý số liệu thu được ở bảng số liệu 4.7, chúng tôi rút ra một số nhận xét:

Về tiêu chí hành động nhận diện XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo cảnh báo chạm với $T = 121$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.904 > 0,05$; chỉ báo cảnh báo nhìn với $T = 297$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.767 > 0,05$; chỉ báo cảnh báo nói với $T = 200$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.842 > 0,05$; chỉ báo cảnh báo ôm $T = 295$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.768 > 0,05$.

Về tiêu chí ứng phó với XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo hành động tự ứng phó với hành vi XHTD với $T = 253$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.801 > 0,05$; chỉ báo hành động tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng với $T = 272$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.786 > 0,05$; chỉ báo hành động kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng với $T = 010$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.992 > 0,05$.

Kết quả trên có nghĩa giả thuyết H_0 được chấp nhận, sự khác nhau về điểm trung bình nhận thức và KN phòng chống XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là không có ý nghĩa. Từ đó, chúng tôi khẳng định: Tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là tương đương nhau.

****Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm đợt 1***

Sau TNSP đợt 1, chúng tôi tiến hành cho HS ở cả hai nhóm ĐC và TN làm bài test để xác định và phân loại HS theo 3 MĐ và hai tiêu chí ý thức và hành động phòng chống XHTD hiện có ở HS. Kết quả thu được như sau:

Về ý thức

Bảng 4.8. Kết quả khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 1

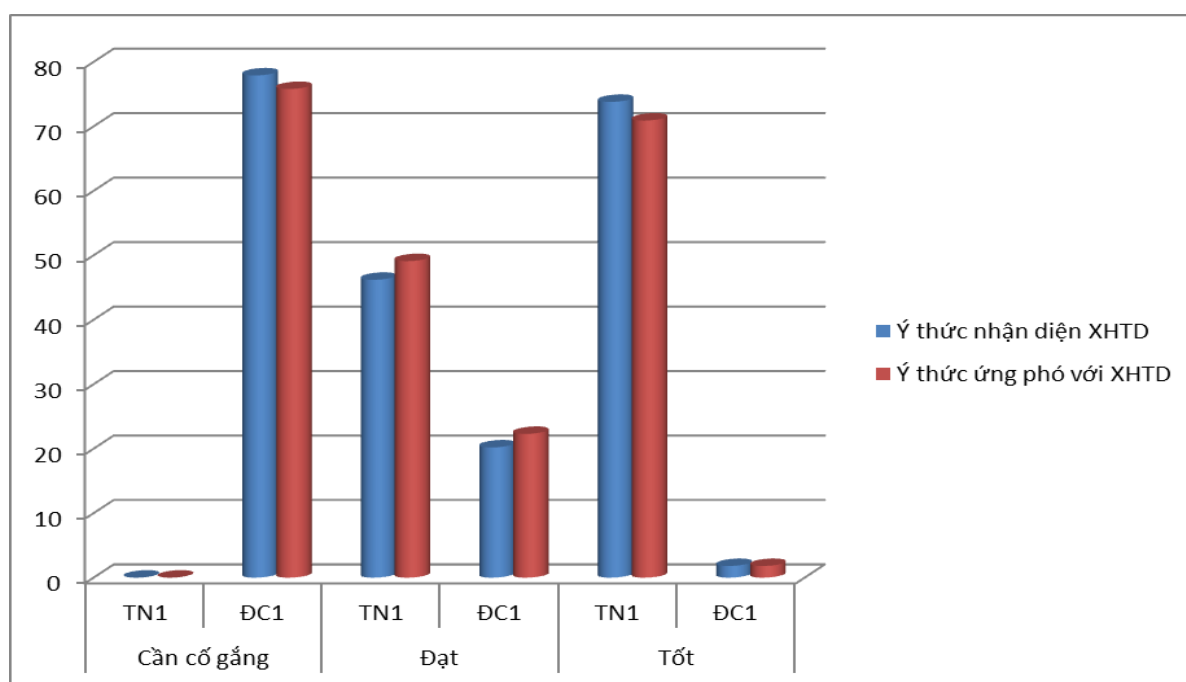
Tiêu chí	Mức độ (%)		Đạt		Tốt	
	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1
Ý thức nhận diện XHTD	0	77.9	46.2	20.2	73.8	1.81
Ý thức ứng phó với XHTD	0	75.8	49.1	22.3	70.9	1.81

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.8, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Tốt trong khi ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Cụ thể:

Về ý thức nhận diện XHTD: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (0%), lớp ĐC (77.9%) với độ chênh lệch là 77.9%; MĐ Đạt ở lớp TN (46.2%) cao hơn lớp ĐC (20.2%) là 26%; MĐ Tốt ở lớp TN (73.8%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 71.99%.

Về ý thức ứng phó với XHTD: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (0%); lớp ĐC (75.8%) với độ chênh lệch 75.8%; MĐ Đạt ở lớp TN (49.1%) cao hơn lớp ĐC (22.3%) là 26.8%; MĐ Tốt ở lớp TN (70.9%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 69.1%.

Biểu đồ 4.3. Biểu đồ so sánh MĐ ý thức về phòng chống XHTD của HS lớp 4 ở nhóm ĐC và TN sau thực nghiệm đợt 1



Từ biểu đồ 4.3 cho thấy: Có sự chênh lệch lớn về các MĐ ở tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD trong đó tỷ lệ % về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD ở lớp TN cao hơn nhiều so với lớp ĐC, ở lớp TN thì chủ yếu ở MĐ Tốt; lớp ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng.

So sánh về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và ý thức ứng phó với XHTD ở lớp TN cho thấy ở MĐ Tốt: Tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD cao hơn tiêu chí ý thức nhận diện XHTD là 2.9; MĐ Đạt: Ý thức ứng phó với XHTD thấp hơn tiêu chí ý thức nhận diện XHTD là 2.9. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 4.9. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở sau TN đợt 1

Mức độ Tiêu chí/ chỉ báo		Nhóm	$\bar{X}$	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức nhận diện XHTD	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo chạm	TN1	2.86	0.34	1834	0.00
		ĐC1	1.32	0.51	1847	0.00
	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nhìn	TN1	2.88	0.32	1735	0.00
		ĐC1	1.36	0.55	1751	0.00
	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nói	TN1	2.84	0.36	1410	0.00
		ĐC1	1.54	0.57	1422	0.00
Ý thức ứng phó với XHTD	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo ôm	TN1	2.86	0.34	1732	0.00
		ĐC1	1.38	0.52	1745	0.00
	Ý thức tự ứng phó với hành vi XHTD	TN1	2.89	0.32	1648	0.00
		ĐC1	1.41	0.56	1664	0.00
	Ý thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	2.84	0.36	1582	0.00
		ĐC1	1.40	0.56	1594	0.00
	Ý thức kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp	TN1	2.81	0.39	1287	0.00
		ĐC1	1.60	0.56	1296	0.00

Kết quả kiểm định T-test tại trường TH Sơn Tinh cho thấy:

Về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD: So sánh cặp ở các chỉ báo ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo chạm; cảnh báo nhìn; cảnh báo nói; cảnh báo ôm đều cho kết quả hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.000 < 0,05$.

Về tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD: So sánh cặp ở các chỉ báo ý thức tự ứng phó với XHTD; ý thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng; ý thức kết hợp tự ứng phó với XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng đều cho kết quả với hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.000 < 0,05$.

Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giả thuyết H_0 , chấp nhận giả thuyết H_1 , sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về ý thức nhận diện XHTD và ý thức ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

Về hành động

Bảng 4.10. Kết quả khảo sát đo đầu ra hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm đợt 1

Tiêu chí \ Mức độ (%)	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1	TN1	ĐC1
Hành động nhận diện XHTD	1.89	77.9	45.5	20.2	52.6	1.81
Hành động ứng phó với XHTD	1.89	75.8	46.4	22.3	51.7	1.81

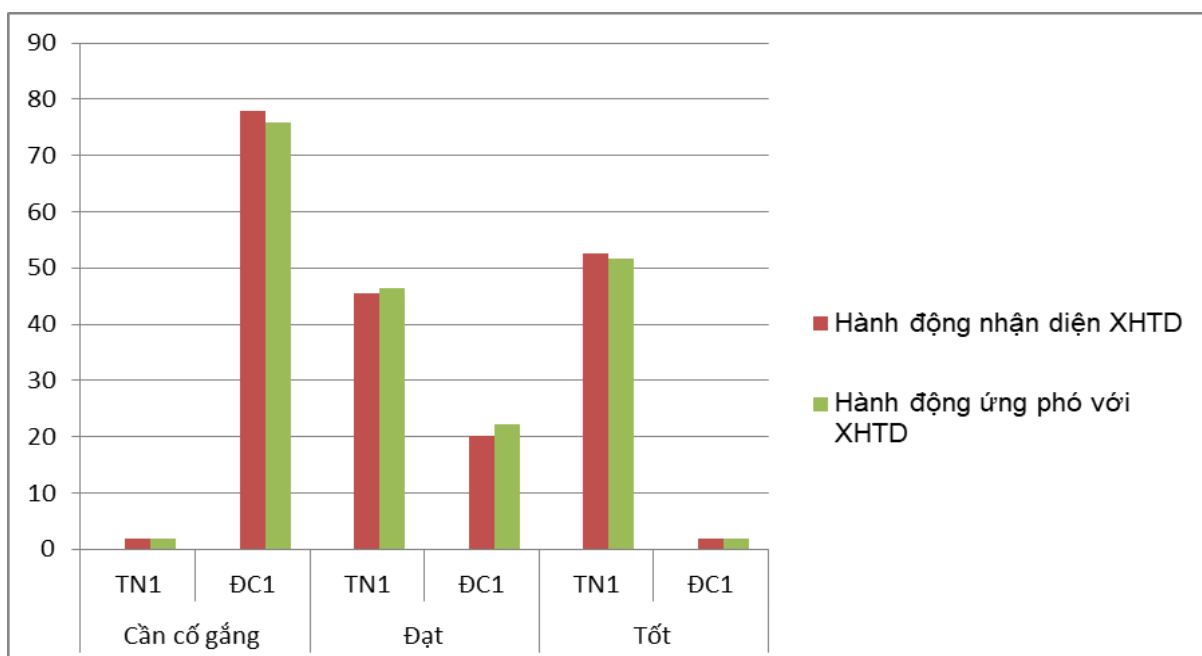
Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.10, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ hành động phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Đạt và Tốt trong khi ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Cụ thể: Về hành động nhận diện XHTD: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (1.81%), lớp ĐC (77.9%), độ chênh lệch là 76.09%; MĐ Đạt ở lớp TN (64.5%) cao hơn lớp ĐC (20.2%) là 44.3%; MĐ Tốt ở lớp TN (52.6%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 50.79%.

Về hành động ứng phó với XHTD: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (1.84%); lớp ĐC (75.8%) với độ chênh lệch là 73.99%; MĐ Đạt ở lớp TN (46.4%) cao hơn lớp ĐC (22.3%) là 24.1%; MĐ Tốt ở lớp TN (51.7%) cao hơn lớp ĐC (1.81%) là 49.89%.

So sánh về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và hành động ứng phó với XHTD ở lớp TN cho thấy ở MĐ Đạt: Tiêu chí hành động ứng phó với XHTD cao hơn

tiêu chí hành động nhận diện XHTD là 0.9; MĐ Tốt: Hành động ứng phó với XHTD thấp hơn tiêu chí hành động nhận diện XHTD là 0.9.

Biểu đồ 4.4. So sánh MĐ hành động về phòng chống XHTD của HS lớp 4 ở nhóm ĐC và TN sau thực nghiệm đợt 1



Từ biểu đồ 4.4 cho thấy: Có sự chênh lệch lớn về các MĐ ở tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD trong đó tỷ lệ % về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD ở lớp TN cao hơn nhiều so với lớp ĐC, ở lớp TN thì chủ yếu ở MĐ Tốt; lớp ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 4.11. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4 trường TH Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 1

Tiêu chí/ chỉ báo		MĐ				
		Nhóm	$\bar{X}$	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Hành vi nhận diện	Hành vi nhận diện XHTD thông qua cảnh báo chạm	TN1	2.84	0.36	1945	0.00
		ĐC1	1.25	0.48	1955	0.00
	Hành vi nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nhìn	TN1	2.83	0.37	1722	0.00
		ĐC1	1.29	0.53	1734	0.00

XHTD	Hành vi nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nói	TN1	2.84	0.36	1487	0.00
		ĐC1	1.47	0.57	1499	0.00
	Hành vi nhận diện XHTD thông qua cảnh báo ôm	TN1	2.83	0.37	1766	0.00
		ĐC1	1.30	0.50	1775	0.00
Hành vi ứng phó với XHTD	Hành vi tự ứng phó với hành vi XHTD	TN1	2.83	0.42	1560	0.00
		ĐC1	1.34	0.55	1567	0.00
	Hành vi tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	2.83	0.37	1655	0.00
		ĐC1	1.32	0.54	1666	0.00
	Hành vi kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	2.83	0.38	1407	0.00
		ĐC1	1.51	0.57	1417	0.00

Qua bảng số liệu cho thấy: Về tiêu chí hành vi nhận diện XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo nhận diện cảnh báo chạm; cảnh báo nhìn; cảnh báo nói; cảnh báo ôm đều cho kết quả với hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.000 < 0,05$.

Về tiêu chí hành vi ứng phó với XHTD so sánh cặp ở các chỉ báo hành vi tự ứng phó với XHTD; hành vi tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng; hành vi kết hợp tự ứng phó với XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng đều cho kết quả với hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.000 < 0,05$.

Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giải thuyết H_0 , chấp nhận giả thuyết H_1 , sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa. Từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về hành vi nhận diện XHTD và hành vi ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

b. Rút kinh nghiệm sau thực nghiệm sư phạm đợt 1

Sau một học kỳ tổ chức thực nghiệm đợt 1, kết quả thu được đã khẳng định các biện pháp đề xuất là khả quan và có độ tin cậy cao. Từ quá trình thực nghiệm sư phạm đợt 1, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất: Tổ chức khoa học kế hoạch GD phòng chống XHTD cho HSTH là việc làm đầu tiên quan trọng nhất, trong đó việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp của mỗi hoạt động cần phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của từng HS để làm sao phát huy được thế mạnh của đặc điểm tính cách của từng em trong việc hình thành KN phòng chống XHTD. Mặt khác, cần chú trọng khâu đánh giá kết quả GD phòng chống

XHTD dựa trên nhiều tiêu chí, nhiều kênh thông tin, thông qua quá trình quan sát hoạt động hàng ngày, qua sản phẩm của HS, qua đánh giá bài thi trắc nghiệm, bài vấn đáp và đặc biệt là hình thức cho các em nhập vai xử lý các tình huống có tính giả định.

Thứ hai: Quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS muốn đạt hiệu quả cần huy động sự chung tay đồng lòng không chỉ cán bộ quản lý, đội ngũ GV của nhà trường mà cần có sự hỗ trợ đắc lực của các lực lượng GD khác đặc biệt là sự hỗ trợ từ phía các bậc PHHS cho nên trước khi tổ chức thực nghiệm, ngoài việc trao đổi với Ban giám hiệu, GV trực tiếp tham gia hỗ trợ quá trình GD phòng chống XHTD ở các trường thực nghiệm còn cần sự ủng hộ của PHHS và cần tổ chức buổi gặp mặt với PHHS ở lớp thực nghiệm để giải thích cho các bậc PHHS hiểu và đồng thuận cho con em họ tham gia quá trình thực nghiệm đặc biệt là tham gia vào việc đóng vai xử lý những tình huống giả định có nguy cơ XHTD nhằm đánh giá được toàn diện KN hiện có của HS. Tuy chỉ là buổi gặp mặt trong thời gian nhất định nhưng sẽ tránh được trường hợp PHHS hiểu sai mục đích của quá trình thực nghiệm đồng thời cũng phối hợp với PHHS để họ có thể hỗ trợ quá trình kiểm tra trình độ nhận thức và KN về GD phòng chống XHTD của con em mình tại gia đình.

4.6.2. Thực nghiệm sư phạm đợt 2

Thực nghiệm sư phạm đợt 2 được tiến hành trong học kì I năm học 2019 - 2020, triển khai tại trường TH Tân Phú, TH Tuy Lộc, TH Phong Châu. Chúng tôi tiến hành xác định và phân loại HS trong các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, kết quả phân loại như sau:

Về ý thức

Bảng 4.12. Kết quả khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2

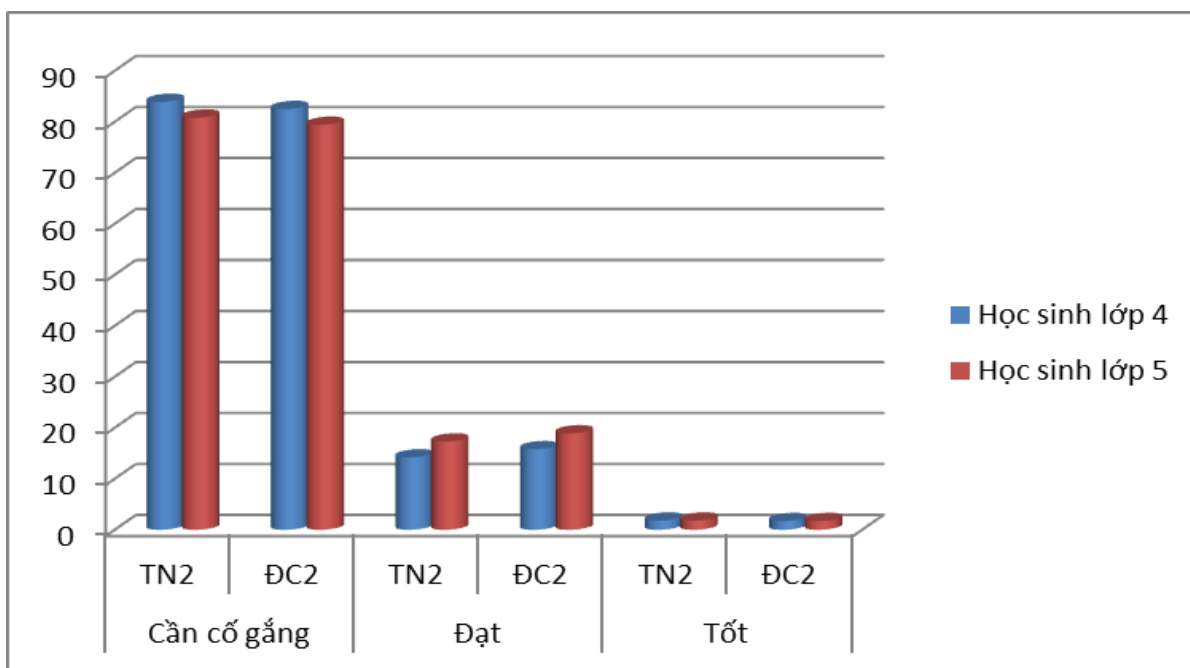
Mức độ (%) Học sinh lớp	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2
Học sinh lớp 4	83.9	82.5	14.2	15.8	1.81	1.71
Học sinh lớp 5	80.8	79.4	17.3	18.9	1.81	1.71

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.12, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Ý thức về phòng chống XHTD ở HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng, MĐ Tốt không nhiều. Cụ thể:

Ý thức về phòng chống XHTD ở HS lớp 4: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (83.9%) cao hơn lớp ĐC (82.5%) là 1.4%; MĐ Đạt ở lớp TN (14.2%) thấp hơn lớp ĐC (15.8%) là 1.6%; MĐ Tốt ở lớp TN (1.81%) cao hơn lớp ĐC (1.71%) là 0.1%.

Ý thức về phòng chống XHTD ở HS lớp 5: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (80.8%) cao hơn lớp ĐC (79.4%) là 1.4%; MĐ Đạt ở lớp TN (17.3%) thấp hơn lớp ĐC (18.9%) là 0.6%; MĐ Tốt ở lớp TN (1.81%) cao hơn lớp ĐC (1.71%) là 0.1%.

Biểu đồ 4.5. Biểu đồ so sánh MĐ ý thức về phòng chống XHTD của lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN trước thực nghiệm đợt 2



Từ biểu đồ 4.5 cho thấy: Tỷ lệ % về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN là tương đương nhau, MĐ chênh không đáng kể.

So sánh ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN cho thấy ở MĐ Tốt: Hai khối lớp giống nhau; MĐ Đạt: Khối lớp 5 cao hơn khối lớp 4 là 3.1; ở MĐ Cần cố gắng: Khối lớp 5 thấp hơn khối lớp 4 là 3.1. Từ đó, cho thấy: Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 tốt hơn HS lớp 4.

Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 4.13. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC trước TN đợt 2

Mức độ Tiêu chí/ Trường tiểu học		Nhóm	$\bar{X}$	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	1.21	0.45	457	0.64
		ĐC2	1.26	0.47	458	0.64
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.25	0.51	391	0.69
		ĐC2	1.29	0.53	391	0.69
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.43	0.57	272	0.78
		ĐC2	1.46	0.56	272	0.78
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	1.25	0.51	900	0.37
		ĐC2	1.34	0.54	901	0.36
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.23	0.46	953	0.34
		ĐC2	1.32	0.54	957	0.41
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.43	0.53	776	0.43
		ĐC2	1.51	0.56	778	0.43

Quan bảng số liệu trên, chúng tôi rút ra một số nhận xét:

Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4, kết quả so sánh cặp ở trường TH Phong Châu với T = 457, hệ số Sig.(p) = 0.64 > 0,05; chỉ báo trường TH Tuy Lộc với T = 391, hệ số Sig.(p) = 0.69 > 0,05; chỉ báo trường TH Tân Phú với T = 272, hệ số Sig.(p) = 0.78 > 0,05.

Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5, kết quả so sánh cặp ở các chỉ báo trường TH Phong Châu với T = 900, hệ số Sig.(p) = 0.37 > 0,05; chỉ báo trường TH Tuy Lộc với T = 957, hệ số Sig.(p) = 0.41 > 0,05; chỉ báo trường TH Tân Phú với T = 778, hệ số Sig.(p) = 0.43 > 0,05.

Kết quả trên có nghĩa giải thuyết Ho được chấp nhận, sự khác nhau về điểm trung bình nhận thức và KN phòng chống XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là không có ý nghĩa từ đó, chúng tôi khẳng định: Tiêu chí ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN là tương đương nhau.

Về hành động

Bảng 4.14. Kết quả khảo sát đo đầu vào về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4,5 tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2

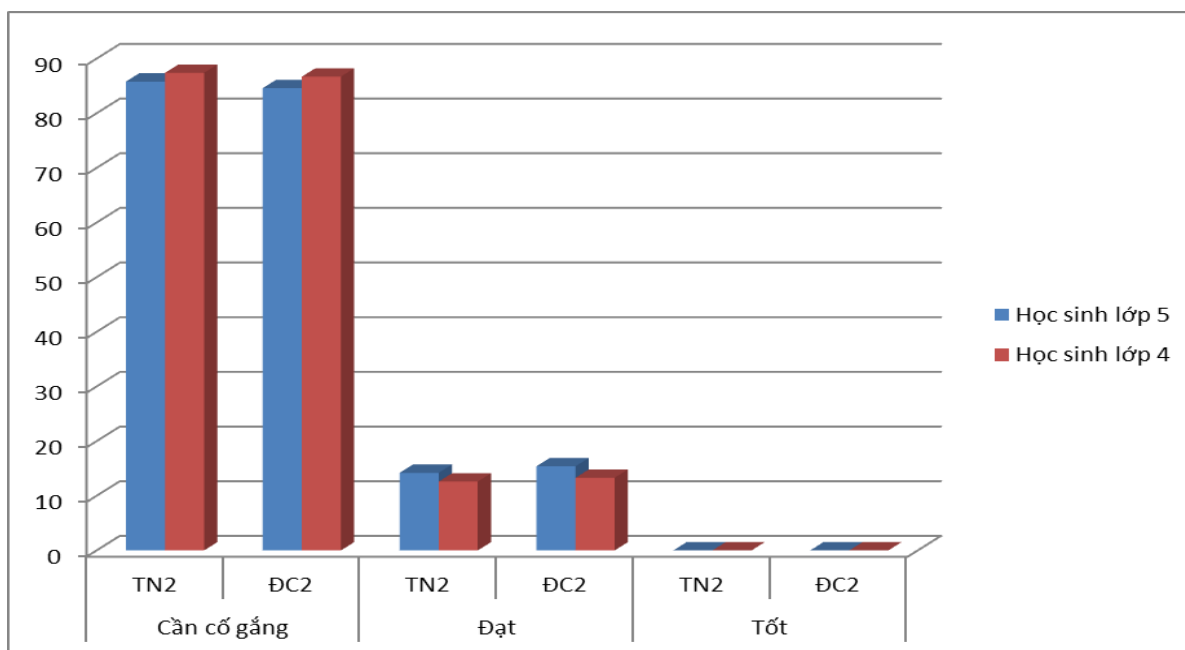
Học sinh lớp	Mức độ (%)		Đạt		Tốt	
	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2
Học sinh lớp 5	85.8	84.6	14.2	15.4	0	0
Học sinh lớp 4	87.4	86.7	12.6	13.3	0	0

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.14, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Biểu hiện hành động phòng chống XHTD ở HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng, MĐ Đạt chiếm không nhiều; MĐ Tốt không có. Cụ thể:

Về hành động phòng chống XHTD ở HS lớp 5: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (85.8%) hơn lớp ĐC (84.6%) là 1.2%; MĐ Đạt ở lớp TN (14.2%) thấp hơn lớp ĐC (15.4%) là 1.2%; MĐ Tốt ở lớp TN và lớp ĐC đều là 0.0%.

Về hành động phòng chống XHTD ở HS lớp 4: MĐ chênh lệch giữa lớp TN và ĐC là không nhiều; MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (87.4%) cao hơn lớp ĐC (86.7%) là 0.5%; MĐ Đạt ở lớp TN (14.2%) thấp hơn lớp ĐC (12.6%) là 1.6%; MĐ Tốt ở lớp TN và lớp ĐC đều là 0.0%.

Biểu đồ 4.6. Biểu đồ so sánh MĐ hành động phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN trước thực nghiệm đợt 2



Từ biểu đồ 4.6 cho thấy: Tỷ lệ % về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4, lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN là tương đương nhau, MĐ chênh lệch không đáng kể.

So sánh về tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 và HS lớp 4 ở nhóm TN và nhóm ĐC: ở MĐ Tốt, hai khối lớp giống nhau; MĐ Đạt: Ở lớp ĐC khối lớp 4 thấp hơn khối lớp 5 là 2.1 trong khi lớp TN thấp hơn 1.6; ở MĐ Cần cố gắng: Ở lớp ĐC khối lớp 4 cao hơn khối lớp 5 là 2.1 trong khi ở lớp TN cao hơn là 1.6. Từ đó, cho thấy: Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 tốt hơn HS lớp 4. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test:

Bảng 4.15. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC trước TN đợt 2

Mức độ		Nhóm	X ⁻	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Tiêu chí / Trường tiểu học						
Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	1.16	0.42	322	0.74
		ĐC2	1.19	0.43	322	0.74
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.18	0.43	481	0.63
		ĐC2	1.22	0.49	483	0.63
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.36	0.52	323	0.74
		ĐC2	1.39	0.56	323	0.74
Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	1.23	0.50	407	0.68
		ĐC2	1.27	0.52	407	0.68
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.21	0.45	440	0.66
		ĐC2	1.25	0.51	441	0.66
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.41	0.53	124	0.90
		ĐC2	1.43	0.56	124	0.90

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.15, chúng tôi rút ra một số nhận xét:

Về tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5, so sánh cặp ở trường TH Phong Châu với T = 322, hệ số Sig.(p) = 0.74 > 0,05; chỉ báo trường TH Tuy Lộc với T = 481, hệ số Sig.(p) = 0.63 > 0,05; chỉ báo trường TH Tân Phú với T = 323, hệ số Sig.(p) = 0.74 > 0,05.

Về tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4, so sánh cặp ở trường TH Phong Châu với $T = 407$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.68 > 0,05$; chỉ báo trường TH Tuy Lộc với $T = 440$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.66 > 0,05$; chỉ báo trường TH Tân Phú với $T = 124$, hệ số $\text{Sig.}(p) = 0.90 > 0,05$.

Kết quả trên có nghĩa giải thuyết Ho được chấp nhận, sự khác nhau về điểm trung bình nhận thức và KN phòng chống XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC là không có ý nghĩa. Từ kết quả đó, chúng tôi khẳng định: Tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4, lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN là tương đương nhau.

**Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm đợt 2*

Sau đợt TNSP đợt 2, chúng tôi tiến hành cho HS ở cả hai nhóm ĐC và TN làm bài test (Bài trắc nghiệm, kiểm tra vấn đáp) để xác định và phân loại HS theo 3 MĐ và hai tiêu chí ý thức và hành động phòng chống XHTD hiện có ở HS. Kết quả thu được như sau:

Về ý thức

Bảng 4.16. Kết quả khảo sát đo đầu ra về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC ở sau thực nghiệm đợt 2

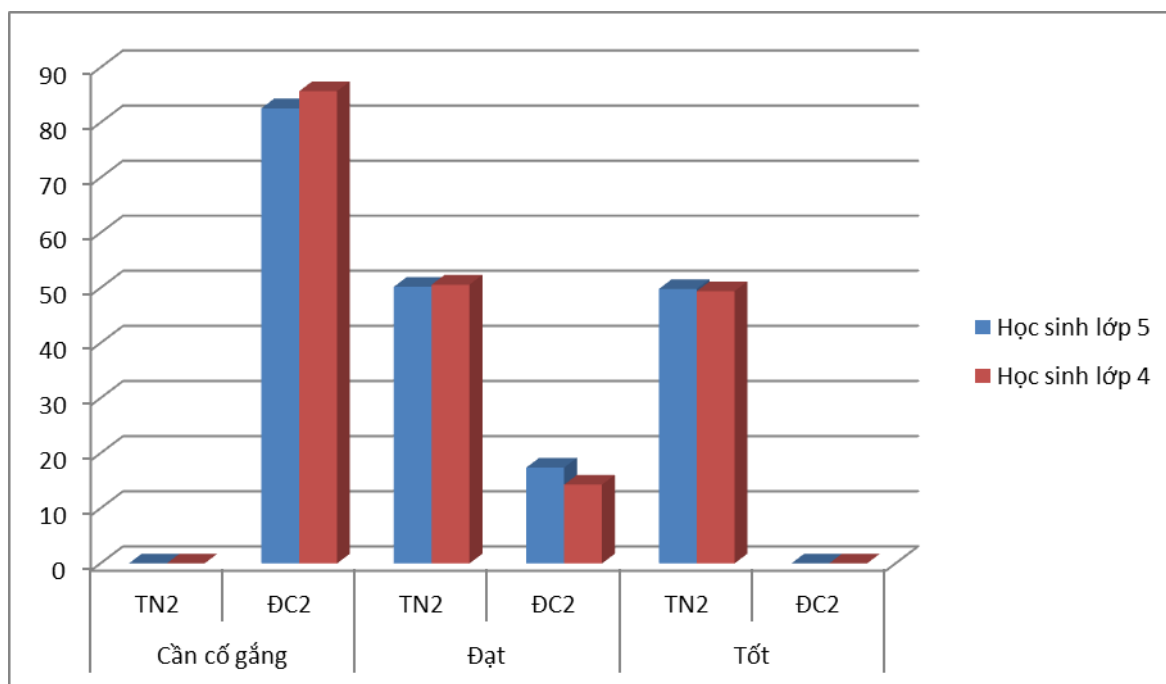
Mức độ (%) Học sinh lớp	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2
Học sinh lớp 5	0	82.6	50.2	17.4	49.8	0
Học sinh lớp 4	0	85.7	50.6	14.3	49.4	0

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.16, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC. Kết quả ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm TN chủ yếu ở MĐ Đạt và tốt trong khi kết quả ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Cụ thể:

Về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (0%), lớp ĐC (82.6%), độ chênh lệch là 82.6%; MĐ Đạt ở lớp TN (50.2%) cao hơn lớp ĐC (17.4%) là 32.8%; MĐ Tốt ở lớp TN (49.8%) cao hơn lớp ĐC (0%) là 49.8%.

Về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (0%); lớp ĐC (85.7%) là 85.7%; MĐ Đạt ở lớp TN (50.6%) cao hơn lớp ĐC (14.3%) là 36.3%; MĐ Tốt ở lớp TN (49.8%) cao hơn lớp ĐC (0%) là 49.8%.

Biểu đồ 4.7. Biểu đồ so sánh MĐ ý thức phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 tại nhóm ĐC và nhóm TN sau thực nghiệm đợt 2



Qua biểu đồ 4.7 cho thấy: Mức độ chênh lệch về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4, lớp 5 ở nhóm TN và nhóm ĐC.

So sánh về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5 ở nhóm TN và HS lớp 4 ở nhóm TN: Ở MĐ Đạt, HS lớp 4 cao hơn HS lớp 5 là 0.4; MĐ Tốt, HS lớp 4 thấp hơn HS lớp 5 là 0.4. Từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5 ở nhóm TN tốt hơn HS lớp 4 ở nhóm TN. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 4.17. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 2

Mức độ		Nhóm	$\bar{X}$	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Tiêu chí/ Trường tiểu học						
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	2.47	0.50	11.008	0.000
		ĐC2	1.40	0.52	11.039	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.45	0.50	10.094	0.000
		ĐC2	1.43	0.56	10.166	0.000
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.39	0.49	7.982	0.000

		ĐC2	1.60	0.55	8.044	0.000
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	2.54	0.50	10.843	0.000
		ĐC2	1.45	0.56	10.923	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.49	0.50	10.449	0.000
		ĐC2	1.43	0.56	10.521	0.000
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.37	0.48	7.822	0.000
		ĐC2	1.60	0.55	7.886	0.000

Kết quả kiểm định T-test cho thấy: Về tiêu chí ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 so sánh cặp ở các chỉ báo trường TH Phong Châu, trường TH Tuy Lộc, trường TH Tân Phú đều cho kết quả hệ số Sig.(p) = 0.000 < 0,05.

Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giải thuyết Ho, chấp nhận giả thuyết H1, sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm TN và nhóm ĐC. Điều này chứng tỏ chất lượng GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm TN là cao hơn so với nhóm ĐC.

Về hành động

Bảng 4.18. Kết quả khảo sát đo đầu ra hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm đợt 2

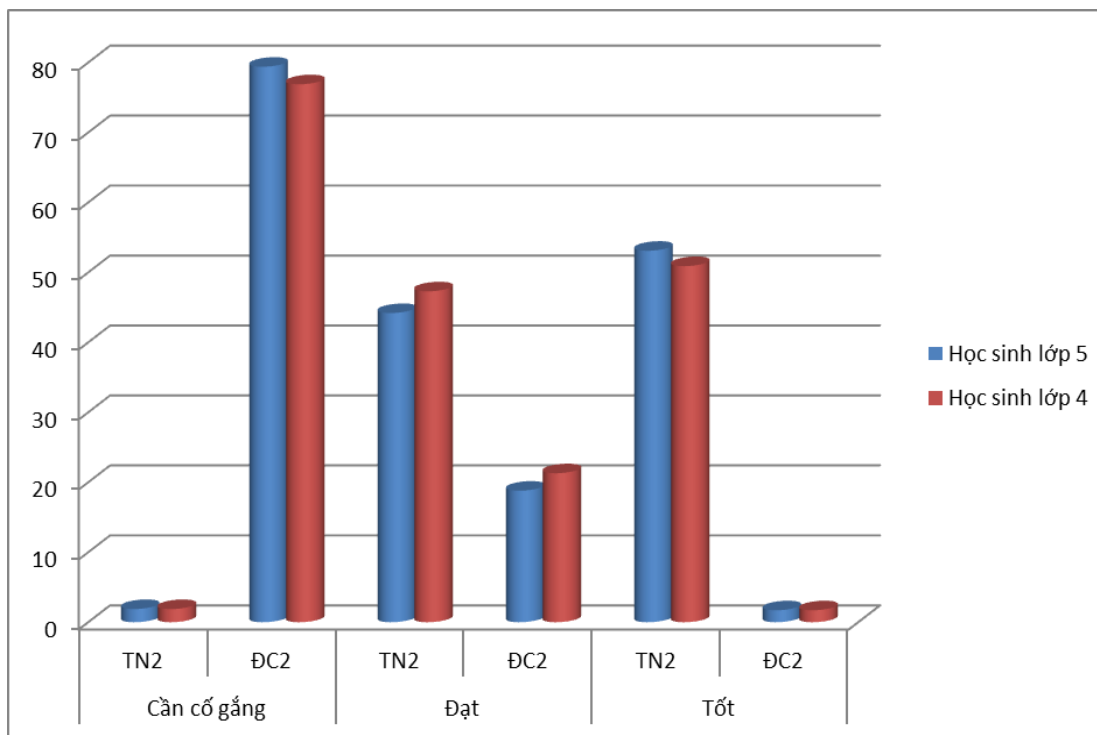
Mức độ (%) Học sinh lớp	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2
Học sinh lớp 5	1.89	79.4	44.2	18.8	53.1	1.71
Học sinh lớp 4	1.89	76.9	47.3	21.3	50.9	1.71

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.18, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ hành động phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, hành động phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Tốt trong khi hành động phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Cụ thể:

Về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (1.89%), lớp ĐC (79.4%), độ chênh lệch là 77.5%; MĐ Đạt ở lớp TN (44.2%) cao hơn lớp ĐC (18.8%) là 25.4%; MĐ Tốt ở lớp TN (53.1%) cao hơn lớp ĐC (1.71%) là 51,39%.

Về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4: MĐ Cần cố gắng ở lớp TN (1.89%); lớp ĐC (76.9%) là 75.0%; MĐ Đạt ở lớp TN (47.3%) cao hơn lớp ĐC (21.3%) là 26.0%; MĐ Tốt ở lớp TN (50.9%) cao hơn lớp ĐC (1.71%) là 49.2%.

Biểu đồ 4.8. Biểu đồ so sánh MĐ hành động về phòng chống XHTD ở lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN sau thực nghiệm đợt 2



Kết quả so sánh MĐ chênh lệch về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm lớp TN và nhóm ĐC được thể hiện rõ ở biểu đồ 4.8.

So sánh hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 và hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 ở nhóm TN. Cụ thể:

MĐ Tốt: Tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 thấp hơn hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 là 2.1;

MĐ Đạt: Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 cao hơn hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 là 2.1.

Từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5 ở nhóm TN tốt hơn HS lớp 4 ở nhóm TN.

Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 4.19. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra hành vi phòng chống XHTD của HS lớp 4,5 tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 2

Mức độ		Nhóm	$\bar{X}$	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Tiêu chí / Trường tiểu học						
Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	2.47	0.54	11.995	0.000
		ĐC2	1.30	0.49	11.932	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.96	0.42	2.955	0.004
		ĐC2	1.33	0.54	2.781	0.007
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.43	0.50	9.225	0.000
		ĐC2	1.55	0.56	9.297	0.000
Hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	2.45	0.50	11.336	0.000
		ĐC2	1.33	0.54	11.389	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.39	0.49	10.844	0.000
		ĐC2	1.33	0.54	10.907	0.000
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.33	0.55	7.945	0.000
		ĐC2	1.50	0.56	7.958	0.000

Qua bảng số liệu cho thấy: Về tiêu chí hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 so sánh cặp chỉ báo ở trường TH Phong Châu, trường TH Tuy Lộc, trường TH Tân Phú đều có kết quả với hệ số Sig.(p) < 0,05.

Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giải thuyết Ho, chấp nhận giả thuyết H1, sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 và lớp 5 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

• Về mặt định tính

Sau 3 tháng TN hỗ trợ GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 và lớp 5 tuy thời gian chưa nhiều song chúng tôi thu được một số kết quả về mặt định tính như sau:

Qua đánh giá kết quả HS tham gia xử lý các tình huống giả định:

+ Trước khi tiến hành thực nghiệm GD phòng chống XHTD cho HS 4 và 5 thì hầu như các em HS đặc biệt là HS lớp 4 chưa có ý thức đúng và chưa có hành động

phòng chống XHTD tốt: Các em chưa có KN nhận diện XHTD và KN ứng phó với XHTD. Hầu hết, trước tình huống XHTD, HS thường xuất hiện xúc cảm tiêu cực: Sợ hãi, hoảng hốt, đau buồn, tổn thương... Điều này cũng dễ dàng có thể giải thích: Việc nhận diện những nguy hiểm với bản thân đã khó việc ứng phó lại càng khó hơn. Quá trình này, đòi hỏi HS không chỉ có kiến thức ứng phó mà trẻ còn cần phải có những trải nghiệm trong cuộc sống thì KN mới thành thực và linh hoạt.

Sau thời gian tiến hành thực nghiệm: Để đánh giá chất lượng GD phòng chống XHTD của HS lớp 4 và 5 ở nhóm TN và ĐC có khác nhau hay không, chúng tôi xây dựng bộ tình huống giả định có tính thực tế cao. Các tình huống đó, xoay quanh các khía cạnh HS đối diện với nguy cơ XHTD. Ngoài ra, chúng tôi kết hợp với quan sát những biểu hiện của HS khi giải quyết tình huống theo tiêu chí: Cách xử lý nhanh hay chậm, chính xác hay không, thái độ của các em khi trả lời... Kết quả cho thấy: Đa số các em HS ở lớp ĐC có KN phòng chống XHTD ở mức trung bình, một số em lúng túng không biết xử lý như thế nào trong khi đa số các em HS lớp TN xử lý tình huống tự tin và đưa ra cách xử lý chính xác. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu bởi các em lớp TN đã có những kiến thức, KN nhất định về phòng chống XHTD và các em cũng đã được làm quen với rất nhiều những tình huống tương tự như vậy trong suốt quá trình thực nghiệm.

Sau đây, chúng tôi sẽ mô tả 2/8 tình huống giả định mà các em HS ở lớp TN và lớp ĐC đã xử lý để thấy được sự khác nhau của hai nhóm HS:

- ***Ở tình huống thứ nhất:*** *Tan học, khi em Minh đang chờ mẹ tới đón, có một người phụ nữ lạ đến gần mỉm cười, tự giới thiệu là bạn của mẹ em. Cô ấy đưa cho em gói bim bim và vuốt tóc, vuốt má em rồi ôm em vào lòng. Cô ấy bảo rằng, mẹ nhờ đến đón em về. Nếu là Minh, bạn sẽ làm gì trong tình huống này?*

Đa số HS ở lớp ĐC chọn phương án sai đó là "nghe lời và lên xe cùng người phụ nữ lạ mặt" hoặc một số HS chọn phương án "không nghe theo lời mời cùng người phụ nữ lạ mặt lên xe mà chủ động tự đi bộ về nhà"... Đây đều là cách giải quyết không đảm bảo an toàn cho HS mà tiềm tàng nhiều mối nguy hiểm khác có thể xảy ra với các em trong khi đó HS lớp TN xử lý tình huống một cách rất tự tin: Nhờ chính người phụ nữ lạ mặt đó hoặc có em chạy lại chú bảo vệ của trường, mượn điện thoại để nói chuyện với mẹ và xác nhận thông tin nếu thực sự là mẹ nhờ người đi đón thì em sẽ đồng ý đi cùng còn nếu không em kiên quyết không đi, có em lựa chọn cách kiên

quyết chờ bằng được bố mẹ đến đón và chạy lại gần phía bảo vệ của trường để tránh xa người lạ... Những cách xử lý này của các em đều được chúng tôi đánh giá là phù hợp với tình huống đưa ra.

- Ở tình huống thứ 2: Một hôm, em An được anh Phong rủ sang nhà chơi, nói cho em búp bê. Khi em An đang chơi búp bê thì anh Phong ôm chầm lấy em và hôn vào má và sờ khắp người em. Nếu là em An trong tình huống trên em sẽ phản ứng như thế nào?

Đa số HS ở lớp ĐC khi đóng vai xử lý tình huống đều tỏ ra hoảng sợ, có em mặt đỏ bừng, có em mặt tím tái không nói được câu nào và im lặng chấp nhận cho anh Phong làm gì thì làm, có em "*Khóc lóc và van xin*". Sau khi kết thúc phần xử lý, chúng tôi trò chuyện và hỏi em tại sao lại lựa chọn cách "*Khóc lóc và van xin*" thì em Nguyễn B. D trả lời: "*Bởi em nghĩ mình làm như vậy anh Phong sẽ thương tình mà tha cho em*" tuy nhiên, thực tế thì chúng ta thấy rằng: Kẻ xấu đã lên kế hoạch hại trẻ thì không có chuyện chúng động lòng. Do đó, cách xử lý này chắc chắn không phải là cách xử lý hay. Trong khi, đa số các em lớp TN lại có những cách xử lý tự tin và phù hợp: Có em lựa chọn cách "*Kêu la thật to, cố gắng vùng vẫy, đập thật mạnh, cắn vào những vùng nhạy cảm của đối phương như mắt, cổ, bộ phận kín để bỏ chạy và la hét, gọi người đến cứu*"; có một vài em lại rất bình tĩnh lựa chọn cách: Lúc đầu giả vờ như đồng tình với hành động xâm hại của anh Phong rồi bất ngờ reo lên bố hoặc mẹ anh Phong về rồi lợi dụng trong lúc anh Phong mất cảnh giác, em sẽ nhanh chóng tìm cách thoát thân ... Các cách xử lý này, chúng tôi đánh giá đều là hợp lý xong vẫn còn một số em lớp TN bỏ quên bước cuối cùng là khi gặp bố mẹ và người em tin tưởng, em sẽ kể lại toàn bộ sự việc trên để họ có cách bảo vệ em cho hợp lý....

Sau khi tiến hành thực nghiệm trong khoảng thời gian 3 tháng: Chất lượng GD phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm TN đã thực sự có sự tiến bộ đáng kể từ MD Trung bình đã đạt MD Khá. Kết quả này đã bước đầu khẳng định hiệu quả thiết thực và khả thi của các biện pháp mà luận án đã xây dựng và đây sẽ là cơ sở, hành trang quan trọng giúp các em tự bảo vệ mình trước những nguy cơ xâm hại.

4.7. Phân tích kết quả trên những nghiên cứu về trường hợp điển hình

4.7.1. Quan điểm lựa chọn mẫu

Việc lựa chọn nghiên cứu trường hợp HS điển hình để tiến hành phân tích kết quả dựa theo các tiêu chí sau: Có sự khác nhau về kết quả học tập nhưng lại cùng đạt

MB Trung bình trong đánh giá chất lượng GD phòng chống XHTD; có sự khác nhau về đặc điểm tâm lí và đặc điểm tính cách của HS ảnh hưởng tới quá trình GD phòng chống XHTD; có sự khác nhau về hoàn cảnh xuất thân gia đình.

4.7.2. Kết quả lựa chọn mẫu

Trên cơ sở thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của GV chủ nhiệm, GV bộ môn, PHHS kết hợp với kết quả quá trình tiến hành điều tra khảo sát, quá trình quan sát, trò chuyện trực tiếp với HS, chúng tôi đã lựa chọn 3 trường hợp nghiên cứu... nhằm thu thập thông tin từ đó, có cơ sở để đánh giá quá trình nâng cao chất lượng GD phòng chống XHTD.

Trường hợp 1: Nguyễn T. S

Đây là HS ngoan, hiền lành, sống tình cảm, cần cù, chăm chỉ, dễ bảo song lại nhút nhát, thiếu tự tin, khả năng kiểm soát cảm xúc bản thân hạn chế. Trong cuộc sống, em dễ chấp nhận làm theo yêu cầu của người khác mà đôi khi không chú ý nhiều tới cảm xúc của mình (*Miêu tả cụ thể ở phụ lục 10A*).

Đối với nội dung phòng chống XHTD: Em Nguyễn T. S thường xuyên nhận diện nhằm thủ phạm XHTD với các thủ đoạn dụ dỗ của chúng trong những tình huống không an toàn và nguy hiểm cho nên trong quá trình nhập vai giải quyết tình huống, dù nhận diện được một số biểu hiện cảm xúc của thủ phạm trước hành vi xâm hại song em lại tỏ ra lúng túng không biết nên thể hiện hành động như thế nào cho phù hợp và không biết cách làm chủ cảm xúc của mình trong tất cả các tình huống có nguy cơ XHTD do đó, dù bản thân không thích nhưng em vẫn thường chọn cách im lặng, chấp nhận làm theo yêu cầu của thủ phạm.

Trường hợp 2: Đỗ H. T

Đây là HS thông minh, nghịch ngợm, có chút liều lĩnh, thích khám phá những điều mới lạ, thường cố gắng chứng minh kiến thức và cái nhìn sâu sắc vượt trội của mình với mọi người, em đại diện cho HS khó chấp nhận làm theo yêu cầu của người khác và luôn tự tin vào cách tự ứng phó của mình để thoát khỏi nguy hiểm (*Miêu tả cụ thể ở phụ lục 10B*).

Đối với nội dung phòng chống XHTD: Em Đỗ H. T nhận diện được một số địa điểm có nguy cơ XHTD như những đoạn đường vắng vẻ, tối tăm song do tính cách thích khám phá, tò mò lại thêm chút liều lĩnh nên thỉnh thoảng em đi một mình tới các địa điểm đó bởi em tin vào khả năng ứng phó của bản thân. Quan sát biểu hiện của

em T trong những tình huống giả định, chúng tôi nhận thấy: em luôn hồn nhiên thể hiện đúng cảm xúc, hành động theo những điều mình muốn mà không nghĩ tới sự an toàn của bản thân trước thủ phạm có sức mạnh về thể chất và độ xảo quyết hơn em nhiều lần và cách xử lý của em nhìn chung là không hợp lí.

Trường hợp 3: Bùi M. H

Đây là HS hiếu động, dễ thu hút người khác bằng cách nói chuyện hài hước và thân thiện, có mối quan hệ giao tiếp rộng mở, được thầy cô và các bạn yêu quý. Trước tình huống nguy hiểm, em H có sự linh hoạt trong việc tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác để bản thân được an toàn (*Miêu tả cụ thể ở phụ lục 10C*).

Đối với nội dung phòng chống XHTD: Em Bùi M. H: Nhận diện được một số thủ đoạn của kẻ XHTD song đôi khi lại nhầm lẫn các biểu hiện của hành vi XHTD với các hành vi yêu thương do đó, khi vào tình huống giả định bị thủ phạm dọa nạt, đe dọa, cưỡng bức... em tỏ ra không hề sợ hãi mà luôn hét to tìm kiếm sự trợ giúp song khi vào các tình huống bị chính người thân của mình xâm hại thì em lại lúng túng, vụng về không biết lựa chọn cách ứng phó nào cho phù hợp.

4.7.3. Đánh giá kết quả dựa trên phân tích 3 trường hợp điển hình

Dựa trên những thông tin ban đầu của 3 trường hợp điển hình: Họ và tên, ngày sinh, tình trạng sức khỏe, đặc điểm hoàn cảnh gia đình, kết quả học tập, đặc điểm tính cách... kết hợp với quan sát trong các giờ học, hoạt động ngoại khóa, qua việc trò chuyện, trao đổi trực tiếp, tiến hành bài test qua bộ công cụ, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Bảng 4.20. Kết quả đánh giá về nội dung phòng chống XHTD của 3 trường hợp nghiên cứu điển hình

Thực nghiệm		Điểm trung bình		
		Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 3
Trước TN	Đánh giá kết quả ý thức và hành động nhận diện XHTD	1.42	1.50	1.3
	Đánh giá kết quả ý thức và hành động ứng phó với XHTD	1.42	1.51	1.38
	Đánh giá KN phòng chống XHTD	1.40	1.41	1.22

	qua cách xử lý tình huống			
Sau TN	Đánh giá kết quả ý thức và hành động nhận diện XHTD	2.42	2.40	2.42
	Đánh giá kết quả ý thức và hành động ứng phó với XHTD	2.40	2.5	2.39
	Đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống	2.40	2.30	2.43

Qua kết quả của bảng số liệu 4.20 cho thấy sự tiến bộ rõ rệt về mặt nhận thức và KN phòng chống XHTD ở 3 trường hợp nghiên cứu điển hình - Kết quả này khẳng định các biện pháp thực nghiệm là cần thiết và khả thi.

Nếu như trước TN, kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em Nguyễn T.S là 1.42 (MĐ Cần cố gắng); kết quả ứng phó với XHTD là 1.38 (MĐ Cần cố gắng); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 1.40 (MĐ Cần cố gắng) thì sau thời gian thực nghiệm, em Nguyễn T. S đã có sự tiến bộ; kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em S là 2.42 (MĐ Tốt); kết quả ứng phó với XHTD là 2.40 (MĐ Tốt); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 2.40 (MĐ Tốt).

Nếu như trước TN, kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em Nguyễn T. S là 1.30 (MĐ Cần cố gắng); kết quả ứng phó với XHTD là 1.51 (MĐ Cần cố gắng); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 1.41 (MĐ Cần cố gắng) thì sau thời gian thực nghiệm, em Nguyễn T. S đã có sự tiến bộ, đạt kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em là 2.40 (MĐ Tốt); kết quả ứng phó với XHTD là 2.50 (MĐ Tốt); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 2.30 (MĐ Tốt).

Nếu như trước TN, kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em Nguyễn T. S là 1.3 (MĐ Cần cố gắng); kết quả ứng phó với XHTD là 1.38 (MĐ Cần cố gắng); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 1.22 (MĐ Cần cố gắng) thì sau thời gian TN, em Nguyễn T. S đã có sự tiến bộ đạt kết quả kiểm tra ý thức và hành động nhận diện XHTD của em là 2.42 (MĐ Tốt); kết quả ứng phó với XHTD là 2.39 (MĐ Tốt); kết quả đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống là 2.43 (MĐ Tốt).

Mặt khác, quan sát 3 em trong các giờ hoạt động GD tập thể/ hoạt động NGLL

về phòng chống XHTD đặc biệt là thông qua xử lý tình huống, chúng tôi nhận thấy: Cả 3 HS đều đã thể hiện sự hứng thú, tích cực, chủ động và sáng tạo của mình trong việc sắm vai vào nhân vật và bước đầu các em đã biết cách xử lý tình huống theo yêu cầu của GV và đã từng bước khắc phục được những nhược điểm còn tồn tại trong tính cách của mình:

Với em Nguyễn T. S nhút nhát, thiếu tự tin, quan hệ bạn bè của em hạn chế cho nên GV luôn gần gũi, động viên, khích lệ và thường xuyên lắng nghe em trình bày những suy nghĩ cảm xúc của mình trước cả lớp. Mặt khác, ưu điểm của em là cần cù, chăm chỉ cho nên mỗi khi em có đáp án đúng thì GV luôn tuyên dương, khen thưởng để em thấy được sức mạnh nội tại của bản thân trong công tác phòng chống XHTD bảo vệ an toàn cho bản thân và dần dần, em đã rộng mở các quan hệ với bạn bè thầy cô hơn.

Với em Đỗ H. T - Một HS thông minh, có chút liều lĩnh tự cao, thích khám phá những điều mới lạ theo cách của riêng mình, thích những nơi nguy hiểm và trong quá trình gần gũi cũng như qua quan sát các biểu hiện của em, GV có những nhận xét ban đầu: Em T luôn thích làm theo ý mình đôi khi bỏ qua những lời khuyên của thầy cô giáo: Dù đã được nhắc nhiều lần trên lớp, đoạn đường vắng vẻ, tối tăm... là những đoạn đường có nguy cơ xâm hại cao nhưng em lại luôn chọn con đường vắng vẻ để đi từ trường về nhà thay vì chọn những con đường đông người qua lại... và khi chúng tôi hỏi thì em cười và nói rằng: *” Em nghĩ rằng chỉ có các bạn gái mới bị XHTD còn các bạn trai như em thì hiếm lắm hơn nữa em tự tin mình đủ bản lĩnh để ứng phó được các tình huống nguy hiểm”*. Chúng tôi hiểu rằng: Với những em HS tính cách như T, giải thích thì chưa đủ mà GV cần khuyến khích, động viên em tham gia giải quyết những tình huống để thể hiện bản lĩnh ứng phó của mình. Sau mỗi tình huống như vậy, GV lại có những trao đổi với em và nhóm thực nghiệm thông qua những ví dụ người thực việc thực như câu chuyện nhiều nam sinh ở Trường Dân tộc nội trú huyện Thanh Sơn bị xâm hại..., để em tự rút ra những bài học cho chính mình, để em thấy rằng: Có vô vàn những khó khăn, những tình huống bất ngờ có thể xảy ra và sức của một HSTH như em dù có tự tin thế nào cũng không thể giải quyết được mà thay vào đó là chúng ta cần bình tĩnh, suy nghĩ tìm kiếm sự trợ giúp từ phía những người xung quanh để thoát khỏi nguy hiểm và mặt khác là nên tránh tất cả những địa điểm, không gian có nguy cơ xảy ra xâm hại và đó mới là cách khôn ngoan nhất để giúp bản thân được an toàn.

Với em Bùi M. H có tính cách tương đối linh hoạt, khả năng thích ứng cao chỉ có

điều em còn hay dựa dẫm và ỷ lại vào người khác. Trong quá trình tiếp xúc và hoạt động với em, GV đã luôn động viên và giải thích để em hiểu bản chất nội dung phòng chống XHTD để em thấy rằng trong quá trình phòng chống XHTD sự giúp đỡ của các lực lượng GD khác là rất đáng trân trọng nhưng người bảo vệ tốt nhất vẫn là bản thân em cho nên em cần trang bị cho mình kiến thức, KN để trong mọi trường hợp không có mọi người bên cạnh, em vẫn có thể bảo vệ an toàn được cho mình...

Sau một thời gian thực nghiệm sư phạm, ý thức và hành động nhận diện, ứng phó với XHTD của 3 trường hợp nghiên cứu HS điển hình đã có chuyển biến rõ rệt:

Nếu như trước TNSP ý thức và hành động nhận diện, ứng phó với XHTD ở 3 HS, GV đều đánh giá ở MĐ Cần cố gắng thì sau TNSP đã có sự tiến bộ và được GV đánh giá chủ yếu ở MĐ Đạt và tốt. Cụ thể:

Trường hợp HS1: Ở nội dung nhận diện XHTD: ĐTB tăng từ 1.42 lên 2.42; nội dung ứng phó XHTD: ĐTB tăng từ 1.42 lên 2.40; đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống: ĐTB tăng từ 1.40 lên 2.40.

Trường hợp HS2: Ở nội dung nhận diện XHTD: ĐTB tăng từ 1.50 lên 2.40; nội dung ứng phó XHTD: ĐTB tăng từ 1.51 lên 2.5; đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống: ĐTB tăng từ 1.41 lên 2.3.

Trường hợp HS3: Ở nội dung nhận diện XHTD: ĐTB tăng từ 1.3 lên 2.42; nội dung ứng phó XHTD: ĐTB tăng từ 1.38 lên 2.39; đánh giá KN phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống: ĐTB tăng từ 1.22 lên 2.43.

KN phòng chống XHTD ở 3 trường hợp nghiên cứu điển hình đã có nhiều tiến bộ, thể hiện trong việc quan sát cách HS xử lý các tình huống sau đây:

Tình huống: *Giờ tan học, các bạn gần như về hết, chỉ còn mình con đang chờ bố mẹ tới đón ở cổng trường. Bỗng có cô gái ăn mặc lịch sự, ân cần lại gần hỏi chuyện và 1 lát sau cho kẹo bánh, đồ chơi. Cô ấy vuốt tóc, vuốt má và xoa đầu em rồi nói bố mẹ em nhờ cô ấy đến đón em về nhà. Trong tình huống đó, em sẽ làm gì?*

Cách xử lý tình huống của các em tương đối hợp lí: Em Nguyễn T. S đã có cách xử lí: *“Kiên quyết không nhận kẹo bánh, đồ chơi, không để cô đó vuốt tóc, vuốt má và không đồng ý để cô đó đưa em về nhà bởi em sợ người lạ có thể là người xấu, bỏ thuốc mê vào thức ăn, em ăn vào thì sẽ bị mê man bất tỉnh và bị kẻ xấu bắt đi...”*

Em Bùi M. H có cách xử lý khác: *“Em sẽ lịch sự và cương quyết từ chối kẹo, bánh, đồ chơi và nói cháu đã có nhiều bánh, kẹo... của cha mẹ mua cho... sau đó nhanh chóng chạy lại chỗ bác bảo vệ của trường và nhờ bác ấy gọi điện cho ba mẹ tới đón...”*.

Em Đỗ H. T có cách xử lý: *“Em sẽ tránh xa cô ấy ra hoặc sẽ lập tức gọi chú bảo vệ hay người lớn gần đó đến giúp...”*.

Dù câu trả lời của các bạn có khác nhau nhưng tất cả các bạn đều có chung phần cuối nội dung: *“Sau khi về nhà, em sẽ kể lại chuyện này cho cha mẹ nghe để cha mẹ đề phòng kẻ xấu”*.

Ở một tình huống khác, GV đặt các em vào tình huống bất ngờ bị người quen chạm vào bộ phận kín và yêu cầu được giữ bí mật... Câu trả lời chúng tôi nhận được là 3 em đã thể hiện sự cương quyết không đồng tình với hành động đó, hét to rằng: Không thích, bỏ chạy thật nhanh và kể lại với người thân về chuyện đã xảy ra.

Như vậy, qua quan sát và phỏng vấn trực tiếp 3 trường hợp nghiên cứu điển hình trong suốt quá trình thực nghiệm, chúng tôi rút ra được những nhận xét như sau: Các em HS đã có những tiến bộ rõ rệt trong quá trình rèn luyện KN nhận diện XHTD và KN ứng phó với XHTD. Các em đã có khả năng ứng phó linh hoạt để thoát hiểm trước các nguy cơ xâm hại: Hét to, cảnh cáo đối phương; tìm cách đánh lạc hướng đối phương; đứng ngay dậy hoặc bỏ đi chỗ khác, lùi ra xa để người đó không chạm vào mình hoặc nhìn thẳng vào mặt người đó, bỏ chạy thật nhanh đến chỗ đông người; có thái độ kiên quyết; kể với người lớn nghe mọi việc... hoặc đã có khả năng tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác trước các nguy cơ xâm hại: Tìm kiếm sự can thiệp, trợ giúp từ những người xung quanh để giúp bản thân thoát hiểm. Kết quả này khẳng định tính hiệu quả, thiết thực và khả thi của các BP thực nghiệm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Lựa chọn 2 nội dung: Nhận diện XHTD và ứng phó với XHTD trên cơ sở triển khai 3 biện pháp thực nghiệm: BP3 Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống XHTD; BP4: Tổ chức hoạt động GD phòng chống XHTD theo các chủ đề chuyên biệt; BP5: Xây dựng tình huống giáo dục phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm tại trường TH Sơn Tinh (TN đợt 1) và trường TH Phong Châu, trường TH Tuy Lộc, trường TH Tân Phú (TN đợt 2). Nhóm lớp TN và lớp ĐC tại hai trường TN có sự tương đương về điều kiện gia đình, môi trường sống, trình độ GV; cơ sở vật chất, kết quả học tập đồng thời qua kết quả nghiên cứu TN trên 3 trường hợp điển hình, luận án rút ra kết luận: Chất lượng KN phòng chống XHTD của HS ở nhóm TN đã thực sự có bước tiến bộ rõ rệt, biểu hiện cụ thể:

Phép kiểm định T-test đã cho thấy cả hai nhóm ĐC và TN đều có kết quả tương đương nhau về kết quả kiểm tra ý thức, hành động phòng chống XHTD ở HS trước khi TN nhưng sau 1 học kỳ tổ chức thực nghiệm, nhóm TN đã có những thay đổi tích cực cả về ý thức và hành vi thể hiện phòng chống XHTD, điều này được thể hiện thông qua ĐTB của nhóm lớp TN chủ yếu ở MĐ Tốt và đạt trong khi ĐTB của nhóm lớp ĐC lại chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng. Phép kiểm định T-test đã nói lên sự khác biệt giữa nhóm TN và nhóm ĐC sự khác biệt này không phải ngẫu nhiên mà có mà là do sự tác động sư phạm. Kết quả này khẳng định tính hiệu quả, thiết thực và khả thi của các biện pháp thực nghiệm.

Mặt khác, qua quá trình thực nghiệm trên 3 trường hợp nghiên cứu điển hình đã cho thấy: Cả 3 trường hợp nghiên cứu điển hình, đều có những tiến bộ rõ rệt trong quá trình rèn luyện ý thức và hành vi nhận diện XHTD và ứng phó với XHTD. Trước các tình huống có nguy cơ XHTD, các em đã thể hiện sự tự tin, linh hoạt của mình trong việc kết hợp cách tự ứng phó với tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng. Kết quả này một lần nữa củng cố và khẳng định các biện pháp thực nghiệm đều có tính hiệu quả và thiết thực cao.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1.1. Vấn đề XHTD nói chung và phòng chống XHTD nói riêng đã được các nhà khoa học nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau song chủ yếu tập trung vào triển khai theo các hướng: Chương trình phòng chống XHTD cụ thể dưới sự trợ giúp của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, thông qua các tác phẩm cụ thể, được tích hợp trong một số nghiên cứu khoa học về KNS của cho HSTH... Các công trình nghiên cứu một cách hệ thống, dựa trên cơ sở giáo dục học nhằm nâng cao chất lượng phòng chống XHTD cho HSTH theo đặc trưng vùng miền khu vực thành thị, nông thôn, miền núi gần như còn hiếm. Vì vậy, đây chính là hướng nghiên cứu của luận án nhằm góp phần không những bổ sung về mặt lí luận mà cả về mặt thực tiễn nhằm giải thích rõ hơn các vấn đề liên quan tới giáo dục XHTD theo tiếp cận KNS trong nhà trường (Tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, con đường, môi trường, kết quả giáo dục XHTD...).

1.2. GD phòng chống XHTD cho HSTH tiếp cận KNS chính là quá trình tiếp cận bốn trụ cột: *“Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”*. Trong đó *“Học để biết”* cũng chính là quá trình hướng tới việc hình thành mục tiêu nhận diện các nguy cơ bị XHTD cho HSTH; *“Học để làm”* cũng chính là quá trình cần hình thành ở các em những việc làm cụ thể để phòng chống XHTD được tốt nhất; *“Học để chung sống”* cũng chính là quá trình cần hình thành ở các em kĩ năng biết tìm kiếm sự trợ giúp và điều tiết được cảm xúc của mình cho phù hợp hoàn cảnh; *“Học để tự khẳng định mình”* cũng chính là quá trình cần hình thành kĩ năng ứng phó với XHTD và biết vượt qua nỗi đau khi bị XHTD cho HSTH.

Tiếp cận KNS trong giáo dục phòng chống XHTD nhấn mạnh quá trình tập trung thay đổi hành vi của HSTH theo hướng tích cực và hiệu quả nhất. Cách tiếp cận này *chuyển dịch kiến thức* (Hiểu biết của HS về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) theo xu hướng tích cực và mang tính chất xây dựng.

1.3. Nghiên cứu thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH tiếp cận KNS, luận án dựa trên cơ sở tìm hiểu về tình hình XHTD trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, thực trạng phòng chống XHTD cho HSTH; thực trạng GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS từ đó chúng tôi rút ra một số nhận xét: Mặc dù hầu hết cán bộ giáo viên nhà trường đều nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của công tác GD phòng chống XHTD cho HSTH song thực tế nội dung, hình thức hoạt động GD phòng chống XHTD chưa được phong phú, đa dạng. Đánh giá quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo giới tính, khu vực, khối lớp và theo các trường trên địa bàn khảo sát cho thấy: HS nữ có kỹ năng phòng chống XHTD tốt hơn HS nam; HS ở khu vực thành thị có KN phòng chống XHTD cao hơn so với HS khu vực nông thôn, HS ở khu vực nông thôn có KN phòng chống XHTD cao hơn so với HS khu vực miền núi; HS lớp 5 thì có KN phòng chống XHTD tốt hơn lớp 4.

1.4. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS, bao gồm: GD gia đình, GD nhà trường, GD xã hội và bản thân trẻ, trong đó, yếu tố nhà trường được đánh giá là yếu tố chủ đạo, chiếm vị trí đặc biệt quan trọng đảm bảo sự thành công của quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH.

1.5. Luận án đã đề xuất được 6 biện pháp GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS: BP 1: Tổ chức truyền thông; BP2: Giáo dục tích hợp phòng chống XHTD; BP 3: Tổ chức tư vấn học đường; BP 4: Tổ chức hoạt động giáo dục theo các chủ đề chuyên biệt; BP 5: Xây dựng tình huống GD phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm; BP 6: Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong phòng chống XHTD cho HSTH. Mỗi biện pháp đều có vị trí, vai trò và chức năng nhất định góp phần tạo nên thành công của quá trình giáo dục. Sáu biện pháp đều có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình GD.

Kết quả thực nghiệm sư phạm được tổ chức với 3/6 biện pháp giáo dục cùng kết quả nghiên cứu 3 trường hợp điển hình đã khẳng định tính hiệu quả, thiết thực và khả thi của các biện pháp đề xuất. Qua 2 lần tiến hành thực nghiệm đều cho kết quả thuận, bản thân HSTH đã có sự phát triển đầy đủ từ nhận thức, thái độ và hành vi trong quá trình giáo dục phòng chống XHTD.

Với kết quả nghiên cứu đạt được, luận án đã khẳng định được những đóng góp có giá trị về mặt lí luận và thực tiễn. Điều đó cho thấy: Mục đích nghiên cứu đã đạt kết quả tốt, nhiệm vụ nghiên cứu đã hoàn thành, giải thuyết khoa học đã được chứng minh. Bên cạnh đó, luận án cũng xác định nếu mở rộng tiến hành nghiên cứu trên phạm vi rộng hơn không chỉ trong môi trường học đường của các trường tiểu học đại diện cho khu vực thành thị, nông thôn, miền núi của tỉnh Phú Thọ mà trên phạm vi cả nước trong các môi trường giáo dục gia đình, nhà trường, đường phố, cộng đồng; không chỉ tập trung nghiên cứu quá trình GD phòng ngừa, ngăn chặn XHTD và ứng phó một cách tích cực trước nguy cơ bị XHTD cho HSTH mà tập trung nghiên cứu cả kĩ năng vượt qua nỗi đau khi bị XHTD của HSTH theo tiếp cận KNS thì những đóng góp về lý luận và thực tiễn của luận án còn cao hơn rất nhiều. Đây sẽ là hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ được tiếp tục triển khai nghiên cứu sau khi luận án đã được hoàn thiện.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với ngành giáo dục

Bộ giáo dục và Đào tạo nghiên cứu văn bản để hướng dẫn các trường tiểu học thực hiện tốt việc tổ chức triển khai phòng chống XHTD đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả.

Tăng cường công tác giám sát, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương áp dụng các hình thức bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động chuyên đề về phòng chống XHTD cho giáo viên tiểu học nhằm nâng cao khả năng sử dụng các hoạt động ngoài giờ lên lớp một cách hiệu quả, thiết thực và khả thi.

2.2. Đảng bộ và chính quyền địa phương

Đảng bộ và chính quyền địa phương: Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân giữ vai trò lãnh đạo và quản lí xã hội hóa giáo dục ở địa phương có tính chất quyết định trong xã hội hóa giáo dục ở cộng đồng. Đảng bộ và chính quyền địa phương chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, các tổ chức quần chúng, văn hoá, xã hội phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường nói chung và nhà trường tiểu học nói riêng tổ chức tốt các hoạt động phòng chống XHTD để đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh cho HSTH.

Lực lượng công an, tư pháp, tòa án phối hợp với nhà trường tiểu học hướng dẫn HSTH tìm hiểu về luật pháp, về quyền lợi của trẻ em, về nếp sống cộng đồng, sinh hoạt lành mạnh, đặc biệt là xây dựng những chế tài phù hợp với những tội phạm XHTD nhằm bảo vệ an toàn cho trẻ em yên tâm tới trường.

Các ngành thông tin - văn hóa, thể dục thể thao tham gia giáo dục thể chất, giáo dục văn hóa thẩm mỹ cho học sinh qua các hoạt động văn hóa, truyền thanh, triển lãm, tham quan, du lịch, vui chơi, giải trí, tập luyện và thi đấu thể dục thể thao... nhằm tuyên truyền phổ biến sâu rộng công tác phòng chống XHTD với phương châm “*Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai*”. “*Chung tay để bảo vệ an toàn trẻ em*”...

Ngành y tế chăm lo sức khỏe cho giáo viên, học sinh tại địa phương: theo dõi sức khỏe, theo dõi các chỉ số phát triển thể lực, khám sức khỏe định kì cho học sinh; phòng tránh và chữa các bệnh học đường; lập “*Nhà học đường*” trong nhà trường; truyền bá cho học sinh những tri thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình; giáo dục giới tính, vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ môi trường; chỉ đạo Hội chữ thập đỏ hỗ trợ nhà trường tiểu học về phòng chống các tệ nạn xã hội trong học sinh như uống rượu, hút thuốc... trong đó có phòng chống XHTD.

Các tổ chức quần chúng, văn hoá, xã hội như: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... phối hợp nhà trường tiểu học tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức phong phú đa dạng nhằm tuyên truyền phòng chống sâu rộng về phong trào chung tay bảo vệ trẻ em, phòng chống XHTD... huy động mọi người tham gia vào công tác xã hội hóa giáo dục, phổ biến cho cha mẹ học sinh phương pháp nuôi con khỏe, dạy con ngoan, nhằm đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa...

2.3. Đối với nhà trường tiểu học

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GVTH về GD phòng chống XHTD và coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường.

Chủ động phối hợp với các lực lượng GD khác: Lực lượng công an, tư pháp, tòa án; các ngành thông tin, văn hóa, thể dục thể thao; các tổ chức quần chúng, văn hoá, xã hội như: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... Đặc biệt là với PHHS để huy động sự ủng hộ về vật chất và tinh thần cho quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH nhằm đáp ứng mục tiêu GD toàn diện.

Tạo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, cung cấp tài liệu tham khảo cần thiết cho GVTH thực hiện có hiệu quả nội dung rèn luyện phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

Tổ chức xây dựng và thiết kế tiêu chí đảm bảo đánh giá KN phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS với các chỉ số cụ thể hơn phù hợp với đặc điểm của từng trường,

từng địa phương, giúp GV dễ dàng đánh giá một cách hiệu quả quá trình GD phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS.

2.4. Đối với giáo viên tiểu học

GV không ngừng có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp và hình thức GD nhằm thu hút HSTH tham gia tích cực vào các hoạt động phòng chống XHTD.

Chủ động trao đổi, tọa đàm với các đồng nghiệp, phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, với hội cha mẹ HS đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể/hoạt động NGLL về chủ đề phòng chống XHTD nhằm nâng cao về nhận thức, thái độ và KN phòng chống XHTD cho các lực lượng GD và tạo nên sân chơi bổ ích, sáng tạo giúp HSTH có cơ hội rèn luyện khả năng tự bảo vệ mình trước tình huống nguy hiểm và bất ngờ.

2.5. Đối với phụ huynh học sinh

PHHS cần chủ động, tích cực phối hợp và hỗ trợ nhà trường trong quá trình GD phòng chống XHTD cho HSTH đồng thời là lực lượng nòng cốt, huy động sức người sức của trong công tác bảo vệ an toàn cho HS.

Tích cực tham gia vào các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ phòng chống XHTD từ đó để có kiến thức, kỹ năng đúng đắn giáo dục con em mình.

Tạo điều kiện, cơ hội cho con em tham gia vào các câu lạc bộ, các hoạt động trải nghiệm để rèn luyện KNS nói chung và KN phòng chống XHTD nói riêng.

2.6. Đối với học sinh tiểu học

Phải có nhận thức đúng về vai trò quyết định của mình trong quá trình phòng chống XHTD cho chính bản thân và không ngừng nỗ lực trong học tập để chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện hành vi, thói quen phòng chống XHTD. Bên cạnh đó, HS cần tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết tình huống phòng chống XHTD.

Trên đây là một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI NỘI DUNG LUẬN ÁN

Công trình sản phẩm bài báo

1. Bùi Thị Loan (2018), “*Thực trạng của việc giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho HSTH theo hướng trải nghiệm*”, Tạp chí giáo dục và xã hội, ISSN 1859 - 3917.
2. Bùi Thị Loan (2018), “*Giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Khoa học công nghệ, trường Đại học Hùng Vương, MS: ISSN 1859-3968, số 4.
3. Bùi Thị Loan (2018), “*Thực trạng, giải pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 10/2018, MS: ISSN 2354 0753.
4. Bùi Thị Loan (2018), “*Vai trò của gia đình trong công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 10/2018, MS: ISSN 2354 0753.
5. Bùi Thị Loan (2018), “*Vận dụng sáng tạo tư tưởng GD của J.A. Cômênxki vào thực tế giáo dục phòng chống xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục, MS: ISSN 2354 0753.
6. Bùi Thị Loan (2018), “*Biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “*Vai trò của Tâm lý học đường trong việc đảm bảo sức khỏe tâm lý cho học sinh và gia đình*”.
7. Bùi Thị Loan, Đinh Thị Hường (2019), “*Thực trạng và biện pháp giáo dục tìm kiếm sự giúp đỡ cho học sinh lớp 4 khi có nguy cơ xâm hại tình dục*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 5/2019, MS: ISSN 2354 0753.
8. Bùi Thị Loan, Đinh Thị Hường (2019), “*Giáo dục tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí giáo dục và xã hội số đặc biệt, ISSN 1859 - 3917.
9. Bùi Thị Loan, Nguyễn Thị Khánh Linh (2020), “*Thực trạng giáo dục tự bảo vệ bản thân cho học sinh tiểu học trên địa bàn huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*”, Tạp chí giáo dục số 476, ISSN 2354 - 0753, tháng 4/2020.

Công trình sản phẩm nghiên cứu khoa học

1. Bùi Thị Loan (Chủ nhiệm đề tài) (2019), “*Giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Hùng Vương. Đây là công trình NCKH đã đạt **giải Nhì** và **Huy chương bạc** tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật do Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Phú Thọ tổ chức năm 2020.
2. Bùi Thị Loan (Chủ nhiệm đề tài) (2020), “*Xây dựng tài liệu cho học sinh tiểu học nhận diện nguy cơ xâm hại tình dục*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Hùng Vương.
3. Bùi Thị Loan (Chủ biên) (2020), “*Truyện tranh Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học*”, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN: 978-604-9939-32-7.
4. Bùi Thị Loan (Chủ nhiệm đề tài) (2021), *Xây dựng tài liệu hướng dẫn HSTH giáo dục kỹ năng tự bảo vệ thông qua hoạt động trải nghiệm*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Hùng Vương.

Công trình sản phẩm đào tạo

Hướng dẫn 2 nhóm sinh viên làm đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và 3 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp có liên quan tới lĩnh vực luận án nghiên cứu:

STT	Tên đề tài	Lớp	Chủ nhiệm đề tài	Ghi chú
1	GD tìm kiếm sự giúp đỡ cho HSTH khi có nguy cơ XHTD	K14 Đại học GDTH A	Đinh Thị Hường- Đinh Thị Anh Đào	NCKH 2019
2	Thiết kế một số chủ đề GDKN ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho HSTH	K14 Đại học GDTH B	Bùi Vũ Mỹ Linh	Khóa luận 2019
3	GD tích hợp tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ XHTD cho HS lớp 4 thông	K14 Đại học GDTH A	Đinh Thị Hường	Khóa luận 2020

	qua môn KNS.			
4	Phòng chống xâm hại cho HSTH thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.	K15 Đại học GDTH A	Đào Thị Khánh Linh - Đào Khánh Chi	NCKH 2020
5	GD kĩ năng bảo vệ bản thân cho HS lớp 4 thông qua hoạt động trải nghiệm.	K15 Đại học GDTH B	Trần Thị Thúy Nhiệm	Khóa luận 2020

Một số thành tích nổi bật trong quá trình hướng dẫn 2 nhóm sinh viên làm đề tài nghiên cứu khoa học:

1. Trong năm học 2018 - 2019, hướng dẫn nhóm nghiên cứu do em sinh viên Đinh Thị Hường lớp K14 Đại học GDTH A làm chủ nhiệm với đề tài: “*GD tìm kiếm sự giúp đỡ cho HSTH khi có nguy cơ bị XHTD*”, đã đạt được một số thành tích:

(1). **Giải Nhì cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka** lần thứ XXI tháng 11 năm 2019 do Thành đoàn TP Hồ Chí Minh phối hợp cùng với Đại học Quốc gia tổ chức đồng thời là 1 trong 5 đề tài có tính ứng dụng cao trên tổng số 850 đề tài tham dự, nhóm nghiên cứu của em Đinh Thị Hường đã được hỗ trợ 30 triệu đồng để tiếp tục triển khai dự án.

(2). **Giải Nhì cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc** tháng 12 năm 2019 do Bộ GD đào tạo phối hợp với Bộ khoa học và công nghệ, Trung ương Đoàn TNCS HCM, Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam tổ chức.

2. Trong năm học 2019 - 2020, hướng dẫn nhóm nghiên cứu do em sinh viên Đào Thị Khánh Linh lớp K15 Đại học GDTH A làm chủ nhiệm với đề tài: “*Phòng chống xâm hại cho HSTH thông qua hoạt động NGLL*”, đã đạt **Giải Nhất cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc** tháng 11 năm 2020 do Bộ Giáo dục & đào tạo phối hợp với Bộ khoa học và công nghệ, Trung ương Đoàn TNCS HCM, Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam tổ chức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Action Aid (2004), *Nghiên cứu về bạo hành đối với trẻ em gái trong môi trường học đường*, Viện gia đình và giới.
2. Austrian Aids & World Vision (2014a), *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em - hướng dẫn thảo luận với cha mẹ và chăm sóc trẻ*.
3. Austrian Aids & World Vision (2014b), *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em - tài liệu cho trẻ em*.
4. Hà Anh (2006), *Chế tài hình sự đối với tội xâm hại trẻ em và người chưa thành niên phạm tội*, Nhà xuất bản tư pháp.
5. Phương Anh (2008), *Ngăn chặn và giải quyết tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục*, H. Bộ văn hóa thể thao và du lịch.
6. Ban Khoa giáo Trung Ương, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, UNICEF, (1998), *Truyền thông, giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
7. Bạch Băng (2011), *Tuyển tập những câu chuyện vàng về khả năng tự bảo vệ mình*, NXB Kim Đồng.
8. Báo cáo kết quả giám sát “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em*” theo Nghị quyết số 81/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.
9. Nguyễn Thanh Bình (2004), *Tài liệu tập huấn cho Dự án Phòng tránh buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới*, Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh.
10. Nguyễn Thanh Bình (2004), *Một số chủ đề giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em nhằm thay đổi hành vi, cách ứng xử của trẻ em* (Hợp tác với PLAN Việt Nam).
11. Nguyễn Thanh Bình (2013), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*, NXB ĐHSB Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục - Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học, 2015), *Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường Tiểu học* NXB, Đại học Sư phạm, H.2015.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông* có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2019.
14. Bộ giáo dục đào tạo (2004), *Tài liệu giáo dục giới tính, phòng chống tệ nạn mại dâm cho học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp*, Hà Nội.
15. Bộ Lao động thương binh xã hội, Cục bảo vệ chăm sóc trẻ em, Trung tâm tư vấn và dịch vụ truyền thông (2009), báo cáo *Phân tích kết quả kết nối can thiệp các ca trẻ em bị xâm hại tình dục qua hoạt động của đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em*, Hà Nội.
16. Lê Lan Chi (2015), *Xử lý hình sự đối với các hành vi xâm hại tình dục và các vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam*, Hà Nội, Bộ tư pháp.
17. Chương trình thực nghiệm giáo dục sống khỏe mạnh và kỹ năng sống cho học sinh THCS (9/2003), *Chủ đề: Phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em*.
18. Cục phòng chống tệ nạn xã hội, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1998), *Pháp luật và phòng chống tệ nạn mại dâm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
19. Cục phòng chống tệ nạn xã hội, Bộ lao động & thương binh xã hội (1999), *Mại dâm - quan điểm và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
20. Cynthia L.Mather, Kristina E.Debye (2008), *Lạm dụng tình dục*, NXB Lao động Xã hội.
21. Lê Kim Dung (2003), *Chương trình thực nghiệm giáo dục sống khỏe mạnh và kỹ năng sống với sự hỗ trợ của UNICEF*, Báo cáo tại hội thảo “*Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống*” từ 23 - 25/20/2003, Hà Nội.
22. Lê Mỹ Dung (2013), *Nghiên cứu những biểu hiện cảm xúc tiêu cực trong hoạt động học tập của học sinh tiểu học*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
23. Trần Thị Minh Đức, (2016), *Giáo trình tham vấn tâm lý*, Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Đại hội đồng Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*.
25. Ngân Giang (dịch) (2005), *Cẩn thận với người lạ và cả với người quen*, NXB Kim Đồng.

26. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở Tiểu học* (2010); tài liệu dành cho giáo viên lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 NXB giáo dục Việt Nam.
27. Thái Hà (2009), *An toàn cho bé mọi lúc mọi nơi - Khi ở ngoài*, NXB Phụ nữ.
28. Thái Hà (2009), *Hoàn thiện kỹ năng sống cho trẻ - Hướng dẫn bé tự bảo vệ*, NXB Thời Đại.
29. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trịnh Thị Nguyệt (2018), *Kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục của học sinh tiểu học tại thành phố Đà Nẵng*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 6.
30. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp (1998), *Giáo dục học tiểu học 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Lan Hải (2017), *Cẩm nang Giáo dục giới tính phòng tránh trẻ bị xâm hại*, NXB Phụ Nữ.
32. Phó Đức Hòa, Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) (2019), *“Phát triển năng lực qua hoạt động trải nghiệm lớp 4”*, NXB Giáo Dục Việt Nam.
33. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1997), *Nạn lạm dụng tình dục trẻ em và hiếp dâm trẻ em*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Hà Nội.
34. Lê Thị Phương Hoa, Nguyễn Phương Anh, Đỗ Minh Ngọc (2018), *Kỹ năng ứng phó với nguy cơ bị lạm dụng tình dục của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 2, MS: ISSN 2354 0753.
35. Đặng Vũ Hoạt (Chủ biên), Nguyễn Dục Quang, Đỗ Trọng Văn (1994), *Hoạt động giáo dục NGLL ở trường Tiểu học*, NXB giáo dục.
36. Yoon Yeo Hong (2011), *45 cách dạy trẻ tự bảo vệ mình*, NXB thông tin và truyền thông.
37. Nguyễn Hữu Hợp (2015), *Tổ chức hoạt động giáo dục NGLL ở trường Tiểu học*, NXB ĐHSB Hà Nội.
38. Bùi Văn Huệ, (2015), *Giáo trình tâm lý học tiểu học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
39. Lê Ngọc Hùng (1998), *Lạm dụng trẻ em - Vấn đề xã hội trong quá trình phát triển*, Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 1.
40. Đặng Thành Hưng (2010), *Nhận diện và đánh giá kỹ năng*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 61 tháng 11, Hà Nội.
41. Hà Thị Lan Hương (2013), *Xu hướng tích hợp trong xây dựng chương trình các môn khoa học tự nhiên của các nước trên thế giới và khả năng áp dụng vào thực*

tiền giáo dục Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội, (Số 29) (90), tháng 8 năm 2013, tr.44 - 47.

42. Cù Thị Thúy Lan, Dương Minh Hào (2009), *Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh tránh xa những cám dỗ nguy hiểm*, NXB giáo dục Việt Nam.
43. Nguyễn Thị Lâm, Nguyễn Thị Trâm Anh (2018), *Giáo dục kỹ năng nhận diện nguy cơ xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 6) tr 556 - 564.
44. Lê Thị Lâm, Phạm Văn Tư (2018), *Trải nghiệm của học sinh, sinh viên về quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em tại nơi công cộng*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 6) tr 700- 710.
45. Mai Hiền Lê (2014), *Kỹ năng giữ an toàn thân thể của trẻ mẫu giáo 5 -6 tuổi*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
46. Phương Lê (2012), *Phòng ngừa xâm hại trẻ em trong du lịch*, H. Tổng cục Du lịch - Bộ văn hóa, Thể thao và du lịch.
47. Huyền Linh (2011), *Cẩm nang tự vệ an toàn (trong nhà)*, NXB thanh niên.
48. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thúy Hằng, *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, NXB ĐHQG Hà Nội.
49. Lê Thị Hoài Lan (2017), *Giáo dục tính trách nhiệm cho học sinh trung học phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống*, Luận án tiến sĩ, Đại học sư phạm Thái Nguyên.
50. Phan Thị Hạnh Mai (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, (2017), *Tâm lý học sinh tiểu học*, NXB ĐHSP.
51. Nguyễn Đức Mạnh (2006), *Giáo dục hay sự xâm hại*, H. NXB, Hà Nội.
52. Dương Tuyết Miên (1998), *Các tội phạm xâm phạm tình dục trong LHSVN*, Tạp chí luật học, (06).
53. Đặng Nam (2007), *Những vấn đề về xâm hại tình dục trẻ em qua đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em (Child helpline) 18001567*, in trong hội thảo Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em từ lý luận đến thực tiễn, Hà Nội: CEFACOM.
54. Lục Thị Nga (2009), *Tích hợp dạy kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua môn khoa học và hoạt động NGLL*, NXB Giáo Dục Việt Nam.
55. Phạm Văn Nhân (2001), *Rèn luyện kỹ năng sinh tồn nơi hoang dã (Kỹ năng mưu sinh thoát hiểm)*, NXB trẻ.

56. Trần Lê Thảo Nhi, Đào Trung Uyên (2017), *Những bảo bối của hiệp sĩ Tani - Trẻ em tự bảo vệ trẻ em*, NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
57. Trần Thị Cẩm Nhung (2012), *Một số cách tiếp cận nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ em qua các nghiên cứu nước ngoài*, nghiên cứu gia đình và giới số 6.
58. Đào Thị Oanh (2008), *Thực trạng biểu hiện cảm xúc và kỹ năng đương đầu với xúc cảm tiêu cực của thiếu niên hiện nay*, Đề tài NCKH Cấp Bộ.
59. Hoàng Anh Phước (2018), *Hỗ trợ tâm lý học đường trong phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 6, tr 766 - 774.
60. Mai Xuân Phương (2007) *Trẻ em bị xâm hại tình dục những điều cần biết*, H. Bộ văn hóa thể thao và Du lịch - tổng cục du lịch.
61. Quỹ dân số thế giới (2004), *Giáo dục giới tính, tình dục và sức khỏe sinh sản*.
62. Ron O Grady, dịch theo nguyên bản tiếng Anh *The Rape of the Innocent của ECPAT, bangkok, Thái Lan (1994), Lạm dụng tình dục trẻ em - Nỗi phần uất của cộng đồng*, NXB phụ nữ 1995.
63. Radda Bamen Save the Children Sweden (2000), *“Phương pháp phát hiện các trường hợp xâm hại trẻ em”*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. *Sổ tay hướng dẫn công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục dành cho cán bộ cấp xã, phường* (2003), NXB Lao động xã hội.
65. Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Trần Thị Lệ Thu, Trần Thị Mỹ Lương, Khúc Năng Toàn, Nguyễn Thị Nhân Ái, Hoàng Anh Phước, Trương Thị Hoa, Đào Minh Đức, Bùi Thị Thu Huyền, Đàm Thị Vân Anh (2019), *Tài liệu bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông*, NXB Giáo Dục VN.
66. Lê Sơn, Lê Hồng Minh, Nguyễn Trọng Thuyết, (2016), *Tư vấn học đường - những vấn đề căn bản, tập 2*, NXB Thanh niên.
67. Huỳnh Văn Sơn và cộng sự (2017), *Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường cho học sinh*, NXB ĐHSPTP. Hồ Chí Minh.
68. Sinart King & Lynne Benson (2006), *Tài liệu tập huấn an toàn cho trẻ*, Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh.
69. Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long & Room to Read (2017), *Tài liệu tập huấn phòng chống bạo hành và xâm hại trẻ em*.

70. Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (2014) *Hãy tôn trọng cơ thể tôi*, NXB Hà Nội.
71. Tài liệu của UNICEF, *Những giá trị sống: Một chương trình giáo dục (Những hoạt động giá trị của cho học sinh từ 8 - 14 tuổi)*
72. Tài liệu tham khảo phục vụ chiến dịch phòng chống xâm hại tình dục (1998), *Phương pháp phát hiện cách trường hợp ngược đãi trẻ em*, H. Chính trị quốc gia.
73. *Tăng cường giáo dục kỹ năng sống trong Hoạt động giáo dục NGLL ở trường THCS*, tài liệu dành cho giáo viên (2010), NXB Giáo Dục Việt Nam.
74. Tài liệu bồi dưỡng quản lý các đề án: Chương trình phòng ngừa và giải quyết trẻ em lang thang, *Trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm từ 2005 - 2010*.
75. Nguyễn Phương Thảo, Trần Quý Long, Trần Mai Hương (2008), *Báo cáo nghiên cứu đề tài cấp Viện: Tổng quan nghiên cứu về tình trạng xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam trong những năm gần đây*, Viện gia đình và giới, Hà Nội.
76. Trần Thị Minh Thi (2008), *Hành vi tình dục của người dân nông thôn, Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
77. Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh (SCUK), ECPAT, UNICEF (2006), *“Tổ chức an toàn với trẻ em - Cẩm nang tập huấn”*.
78. Lâm Trinh (2011), *Cẩm nang tự vệ cho con bạn*, NXBVH Thông tin.
79. Trung tâm thông tin tư liệu và nghiên cứu, Ủy ban bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam (2001), *Những yếu tố dẫn đến hành vi hiếp dâm trẻ em*, Hà Nội.
80. Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển (DRCC), UNICEF (2003), *Lạm dụng trẻ em ở Việt Nam*, Hà Nội.
81. Trung tâm Nghiên cứu sức khỏe gia đình và phát triển cộng đồng (CEFACOM), Hà Nội (2007), *Phòng chống XHTD trẻ em - Từ lý luận đến thực tiễn*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
82. Nguyễn Hiệp Thương, (2009), Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường *Xây dựng tài liệu cho phụ huynh và nhân viên xã hội hướng dẫn trẻ em phòng tránh xâm hại thể chất và tình dục*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
83. Phạm Thị Minh Thúy (2017), *Cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con*, NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
84. Quách Thu Trang (2009), *Nữ tính và sự thể hiện chủ thể trong đời sống tình dục của nữ trí thức trẻ Hà Nội*, NXB Thế giới, Hà Nội.

85. Vương Trang (2009), *Làm gì khi trẻ gặp trở ngại về tâm lý*, NXB Văn hóa thông tin.
86. Hoàng Anh Tú, Đậu Quyên (2017), *Ngày cùng con học hiểu về chống xâm hại*, NXB thế giới.
87. *Từ điển tiếng Việt* (2004), Nhà xuất bản ngôn ngữ học.
88. Ngô Thị Tuyên (2010), *Cẩm nang giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo Dục.
89. Lưu Thu Thủy (chủ biên) (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, NXB Giáo Dục.
90. Phạm Xuân Thông –Võ Văn Thắng (2011), *Nghiên cứu tình hình bị lạm dụng tình dục ở HS phổ thông tại thành phố Nha Trang*, Hội nghị khoa học Bệnh viện Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
91. UNICEF (2009), *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam - Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin.
92. UNICEF (2008), *Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam - sử dụng cách tiếp cận dựa vào quyền*.
93. Ủy ban dân số gia đình và trẻ em Ban quản lý dự án thực hiện quyết định 19(2006), tài liệu bồi dưỡng quản lý các đề án, “*Chương trình phòng ngừa và giải quyết trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm từ năm 2005 đến 2010*”.
94. Ủy ban DSGĐTE, UNICEF (2006), *Báo cáo rà soát đánh giá chính sách, pháp luật của Việt Nam về phòng chống lạm dụng, xâm hại trẻ em*.
95. Viện Khoa học Dân số, gia đình và trẻ em, Plan (2006), *Thực trạng và nhận thức về các hình thức xâm hại trẻ em ở các địa bàn dự án của Plan* (Hà Nội, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ và Quảng Bình).
96. Phạm Viết Vượng (2003), *Giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
97. Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Linh Trang (2018), *Thực trạng kỹ năng phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 6.
98. Viện sức khỏe sinh sản và gia đình (RaFH), NZAID Newzeland (2007), “*Thực trạng xâm hại tình dục trẻ em đường phố tại thành phố Huế và Hà Nội*”.

99. Viện tâm lý, Trung tâm nghiên cứu gia đình, sức khỏe và phát triển cộng đồng, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới, gia đình phụ nữ và vị thành niên (2007) *Giáo dục hay xâm phạm, Nghiên cứu về trừng phạt thân thể và tinh thần trẻ em tại Việt Nam*.
100. Dương Thị Hoàng Yến (2010), *Trí tuệ cảm xúc của giáo viên tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

101. Anthony Smith, et al (2011), *Sexual and Relationship Satisfaction among Heterosexual Men and Women: The Importances of Desired Frequency of Sex*, *Journal of Sex & Marital Therapy*, Volume 37, Issue 2: 104-115.
102. Bethany Butzer, Lorne Campbell (2008), “*Adult Attachment, Sexual Satisfaction and Relationship Satisfaction: A study of Married Couples*”, *Personal Relationships*, N^o15(1): 141-154.
103. Chien Liu (2000), “*A theory of Marital Sexual Life*”, *Journal of 64. Marriage and the Family*, Volume 62, Issue 2: 363-374.
104. Casper, R. (1999), *Charateristics of children who experience pos-itive or negative reactions to a sexual abuse prevention pro-gram*. *Journal of Child Sexual Abuse*, 7, 97-112. doi:10.1300/j070v07n04_07.
105. Chen, Y., Fortson, B. & Tseng, K. (2014), *Pilot evaluation of a sexual abuse prevention pro-gram for Taiwanese Children*, *Journal of Child Sexual Abuse*, 21, 621-645. doi: 10.1080/10538712.2014.726699.
106. Daigneault, I., He’bert, M., McDuff, P., & Frappier, J. (2012) *Eva-luation of a sexual abuse prevention wordshop in a multicultural, impoverished urban area*. *Journal of Child Sexual Abuse*, 21, 521-542. doi: 10.1080/10538712.2012.703291.
107. Davis, M.K., & Gidycz, C.A. (2000), *Child sexual abuse prevention pro-gram: A meta-analysis*. *Journal of Clinical Child Psy-chology*, 29, 257-265, doi:10.1207/S15374424jccp2902_11.
108. Dean M. Busby, Jason S. Carroll, and Brian J. Willoughby (2010), “*Compatibility or Restraint? The Effecs of Sexual Timing on Marriage Relationships*”, *Journal of Family Psychology*, Volume 24, Issue 6: 766-774.

109. David Finkelhor (2009), *The Prevention of Childhood Sexual Abuse*, *The Future of Children* 19: 169 - 194.
110. Danya Glaser và Stephen Frosh (1993), *Child sexual abuse*, 2nd edition, The Macmillan Press.
111. Elkmin L.K & El kmin (2003), *Fostering social - emotional learning in the classroom*, *Education*, 124, pp.63-75.
112. Vu Thanh Long, Nguyen Ngoc Huong, Khuat Thu Hong, Chengchi Shiu (2009), *Sexual Profile of Vietnamese men. A Preliminary investigation in Hanoi, Ha Tay, Can Tho and Ho chi minh City*, Women Publishing House, Hanoi.
113. Laura Murray và Gilbe Burnham (2009), “*Understanding of childhood sexual abuse in Africa*” Pp.1294 - 1296 in www.thelancel.com.
114. Michel Bozon (2001), “*Sexuality, Gender and the Couple: Asociohistorical Perspective*”, *Annual Review of Sex Research*, N^o12: 1-32.
115. MacIntyre, D., & Carr, A. (2000), *Evaluation of the effectiveness of the stay safe primary prevention programme for child sexual abuse*. *Child Abuse & Neglect*, 23, 1307-1325. Doi: 10.1016/S0145-2134(00)00092-7.
116. María Isabel Martínó Vilanueva (1999), “*The Social Contruction of Sexual Meanings: Personal Meanings, Perception of Sexual Experience and Female's Sexuality in Puerto Rico*”, UMI Company.
117. Mayer R.E. (1996), *Learner as information procensing*, *Educational Psychologist*, 3/1996, pp.151 -161.
118. Kristina Dzara (2009), *An exploration and comparison of indicator of marital sexuality as predictors of marital disruption (A dissertation submitted in Partial fulfillment of the Requyement for Doctor of Philosophy)*, Proquest LLC.
119. Kelvin Lalor và Rosaleen Meletvaney(2010), “*Child sexual abuse. Link to later seuxre explonation/ High - risk sexual behavior anh Prevention/ Treatment program*” *Tiauma Violence and Abuse* 11: 159 –177.
120. Karin Heissler (2001), *Background paper on good practices and Priorities to combat seual abuse and exploitation of children in Bangladesh*.
121. Kolb, D. (1984), *Experiential Learning: experience as the source of learning ang development*, Englewood CliffsN): Prentici Hall.

122. Hayward, K.S., & Pehrsson, D.E. (2000) *Interdisciplinary action supporting sexual assault prevention efforts in rural elementary schools*. Journal of Community Health Nursing, 17, 141-150. doi: 10.1207/S15327655JCHN1703_02.
123. He'bert, M., Lavoie, F., Piche', C., & Poitras, M. (2001), *Proximate effects of a child sexual abuse prevention pro-gram elementary school children*, Child Abuse & Neglect, 25, 505-522. doi: 10.1016/S0145-2134(01)00223-X
124. Pho Duc Hoa, Truong Thi Hang and Nguyen Ngoc Linh (2020), *Child sexual abuse education for primary students*, HNUE Journal of Sciences, ISSN 2354 - 1075, Volume 65, Issue 12,2020.
125. Paula Slager Jorne (1997), *Treating sexually abused children*, Child Abuse and Neglect, Vol 3, tr 285 - 290.
126. Pekrun, R, Goetz, Frenzel, A.C, Barchfeld, P, Perry, R.P (2010), *Measuring emotions in student learning and performance: The Achievement Emotions Questionnaire (AEQ)*, Contemporary Educational Psychology (36), pp.36-48, doi: 10.1016/j.cedpsych, 2010.10.002.
127. UNESCO (2003) *"Life skills the bridge to human capabilities"*, Education sector position paper, Draft 13/6/2003.
128. Susan Sprecher (2002), *"Sexual Satisfaction in Premarital Relationships: Associations with Satisfaction, Love, Commitment, and Stability"*, The Journal of Sex Research, Vol 39, Issue 3: 190-196.
129. Sandy K. Wurtele, Julie Sarno Owens, *"Teaching personal safety skills to young children"*, Colorado University in Colorado Springs, Colorado Springs, CO, USA.
130. Geunyoung Kim, Tedra Walden, Vicki Harris, Jan Karrass & Thomas Catron (2006), *Positive Emotion, Negative Emotion and Emotion Control in the Externalizing Problems of School - aged children*, Child Psychiatry Hum Dev, 37, pp.221-239.
131. Schank, Roge C (1995), *What we learn when we learn by doing*, (Technical Report No.60), Northwestern University, Institute for learning sciences.

132. T. Scott Yabiku, Constance T. Gagner (2009), "Sexual Frequency and the Stability of Marital and Cohabiting Unions", *Journal of Marriage and Family*, Volume 71, Issue 4: 783-1000.
133. Tony Ward và Richard J. Seigert, (2002), *Towrd a Comprehensive theory of child sexual abuse Atheory Knitlinh Perspective*, *Psychology, Crime anh Law*, Vol,8, Issue 4 .pp.319 - 351.
134. Vannan, P., & Watson, M.S. (2008), *Feel think do - A sexual abuse prevention programme for primary pupils*. *Education and Health* 26,43-44.
135. F. Gary Kelly (2011), *Sexuality Today*, 10ed, Meghan Sugarman, New York.
136. F. Scott Christopher, Susan Sprecher (2000), "Sexuality in Marriage, Dating and Other Relationships: A Decade Review", *Journal of Marriage and Family*, Vol 62, N°4: 999-1017.
137. Finkelhor (1994), *Current information on the scope and nature of chils sexual abuse*, *Future child* 4.
138. Francisco Pons (2010), *Emotional experiences at the elementary school: Theoretical and pragmatic issues*, in Francisco Pons, Marc de Rosnay& Pierre Andre Doudin (ed.), *Emotions in research and practice*, Aalborg Universitetsforlag, Chapter.
139. John Frederick (2010), *Sexuuil Abu.se and Fxploilation of Boys in South Asia. A Review of Research Findings, Legislation, Policy and Programme Responses in Innoceiti Working Papers: UNICEF Innoatui Research Centre*.
140. Weatherley, R., Hajar, A.B.S., Noralina, O., John, M., Preusser, N., & Yong, M., (2012), *Evaluation of a school-based sexual abuse prevention curriculum in Malaysia*. *Children and Youth Services Review*, 34, 119-125. Doi:10.1016/j.childyouth.2011.09.009.